



ĐẠI-ĐẠO TAM KỲ PHỔ-ĐỘ
Thất thập cửu niên
Tòa-Thánh Tây-Ninh

Tập-San

THẾ ĐẠO



- * Tam Lập-trong Đạo Cao-Đài
(HT Nguyễn Ngọc Dũ)
- * TuThân theo Đạo Cao-Đài (HT Lê Văn Thềm)
- * Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo)
(HT Nguyễn Văn Hồng).
- * Lễ Nghĩa Liêm Sĩ (BS Nguyễn Văn Thọ).

Tập mới

SỐ 22

06 -2004

TẬP SAN THẾ ĐẠO

I-TÔN CHỈ - MỤC ĐÍCH

Tập San Thế Đạo truyền bá Tôn Chỉ và Mục Đích của Đạo Cao Đài, phổ biến ánh sáng Chơn lý của Đạo đến mọi tầng lớp Nhơn sanh để mọi người hiểu biết thương yêu nhau, ngõ hầu tạo lập một đời sống thanh bình cho nhân loại trong *thời Chuyển thế*.

II- CHỦ TRƯỞNG

Tập San Thế Đạo là Cơ quan Ngôn luận của Tín đồ Cao Đài đi theo Tôn Chỉ và Đường lối của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Toà Thánh Tây Ninh.

Tập-San Thế Đạo xin đón nhận tất cả các bài viết và ý kiến đóng góp của quý Đồng đạo, quý Đạo tâm và quý thân hữu bên ngoài Đạo có cùng chung mối quan tâm phục vụ Dân tộc, nơn sanh và xã hội.

Bài vở trên *Tập San Thế Đạo* có mục đích xây dựng lợi ích chung cho Dân tộc, Đạo pháp và xã hội, không mang nội dung bài kích cá nhân hay tập thể. Mọi quan điểm dù có khác biệt nhau cũng được tôn trọng miễn không vi phạm đến Tôn chỉ và Đường lối của Đại Đạo và không đi ngược lại truyền thống cao đẹp của Dân tộc Việt Nam.

Tập San Thế Đạo là nơi trao đổi tin tức và kinh nghiệm hành đạo giữa các cơ sở Đạo Cao Đài khắp nơi trong nước và Hải ngoại, đồng thời cũng là dây liên lạc, trao đổi sự hiểu biết, hợp tác thân hữu với các Tôn giáo bạn, các đoàn thể cùng các tổ chức xã hội, các tổ chức nhân đạo có cùng mục đích chung là phục vụ nhân loại.

Tập San Thế Đạo có đầy đủ mọi thể loại bài viết nghiên cứu Đạo học, Triết học, Tâm lý học, Sử học, Văn hóa, Khoa học kỹ thuật, cùng thơ văn, truyện ngắn v.v., và các tin tức liên quan đến đời sống hằng ngày.

Tập-San Thế-Đạo

TẬP-SAN THẾ ĐẠO

Chủ trương: Ban Quản Nhiệm
Ban Thế-Đạo Hải Ngoại.

Chủ nhiệm: HT Nguyễn Ngọc Dũ
Phó Chủ Nhiệm; Cao Ninh.
Chủ bút: Quốc Đạt.

Phụ trách kỹ thuật: Nguyễn Ngọc Dao.
Phụ trách phát hành: Tố Nguyên.

Ban Biên Tập:

Nguyễn Văn Cầu, Mai Văn Tim, Nguyễn Đăng Khích, Lê Quang Liêm, Dương Văn Ngừa, Nguyễn Văn Qui, Nguyễn Ngọc Dũ.

Cộng tác thường xuyên:

Bác-Sĩ Nguyễn Văn Thọ, Lê Văn Thêm, Duy Văn, Trần Công Bé, Nguyễn Trung Đạo, Hoàng Hồ, Kim Minh, Lê Văn Năm, Tố Nguyên, Song Nguyên, Trần Văn Ô, Tam Thanh, Quang Thông, Thi Đàn Vườn Huệ Trắng.

Yểm trợ:

Bài vở gửi đăng và tài chánh yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại Tập-San Thế Đạo xin gửi về:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oakbridge Dr

San Jose, CA 95121-1716

Phone: 408-238-6547, 408-262-4209.

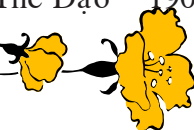
Fax# 408-238-6547

website: www.banthedao.org

MỤC LỤC



1-Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo) (HT Nguyễn Văn Hồng).....	3
2-Tam Lập trong Đạo Cao-Đài (HT Nguyễn Ngọc Dũ).....	22
3-Tu thân theo Đạo Cao-Đài (HT Lê Văn Thêm).....	50
4- Lễ Nghĩa Liêm Sĩ (BS Nguyễn Văn Thọ).....	63
5- Vườn Thơ (Thi Đoàn Vườn Huệ Trắng phụ trách).	88
6- Chữ Hòa của người tín đồ Cao-Đài (HT Nguyễn Hoàng Chung trích soạn)	93
7- Con đường cứu rỗi của Đạo Cao-Đài (HT Mai Văn Tim).....	98
8- Mục-đích- Ý nghĩa thành lập Thế-Hệ Kế Thừa Ban Thế Đạo Hải Ngoại - (Hiền Tài Dự Phong).....	113
9- Liên lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Tập-San Thế Đạo.....	118
10- Báo cáo thu từ ngày 03-02-2004 đến ngày 15-05-2004.....	120
11- Chúc mừng.....	123
12- Tóm lược tin tức đạo sự	126
13-Tóm lược Hội Tương Tế Cao-Đài	135
14-Cảm Tạ- Phân Ưu.....	137
15- Thông báo- Nhấn Tin.....	154
16-Truyện tình cảm xã-hội Tình Người của Minh Hoàng.....	155
17- Truyện tình cảm xã-hội Cô Gái Việt và người chiến binh Mỹ của Ngành Mai	170
18- Những nhà bảo trợ Tập San Thế Đạo	190



Lời Tòa Soạn: Tập San Thế Đạo có nhận được ý kiến của nhiều độc giả yêu cầu Tòa Soạn cho đăng tiểu sử của Tam Thánh : Thanh Sơn Đạo Sĩ (Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm), Tôn Trung Sơn (Tôn Văn hay là Tôn Dật Tiên) và Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo).
Do đó trong số này, chúng tôi xin đăng tiếp tiểu sử của Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo).
Tập San Thế Đạo rất mong được sự hưởng ứng của tất cả bạn đọc .

NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN (Victor Hugo)



NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

Nhân ngày vía của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, tại Đền Thánh, đêm 25-5-1949 (Kỷ Sửu), Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo về Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn như sau: “Đức Victor Hugo, tự xưng là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, là một Đấng Thiêng liêng tại Quảng Hàn Cung. Khi tái kiếp, Ngài sanh tại thành Besancon, Pháp quốc, nhằm ngày 26-2-1802. Ngài từ trần tại Paris ngày 22-5-1885, hưởng thọ được 83 tuổi. Từ buổi Đạo khai tại Tân quốc, thì Ngài giảng cơ với danh hiệu là Chưởng Đạo Nguyệt Tâm, Chưởng quyền Hội Thánh Ngoại giáo. Ngài là một nhà thi sĩ trứ danh của nước Pháp trong thế kỷ 19. Lúc còn thiếu thời, Ngài thường châu lưu ở nước Ý, ở nước Tây Ban Nha, kế trở về Paris. Khi lên 10 tuổi thì Ngài đã sẵn có tài thi văn, đến lúc trưởng thành thì những văn từ thi phú của Ngài làm đều là những tác phẩm lỗi lạc hoạt bát tình tứ cao thâm, nên trong trường đời, Ngài đã nổi danh là thi bá, đứng đầu trong các bậc kỳ nhân trong thời buổi ấy. Lần hồi tên tuổi của Ngài đã nêu danh nơi Hàn Lâm Viện và Ngài trở nên một đại công thần danh dự của Pháp triều buổi ấy. Đến sau cuộc cách mạng 1848 tại nước Pháp, Ngài đắc cử vào Hạ Nghị Viện lớn lao để bảo tồn nền chánh trị và luật pháp trong nước. Lúc Ngài lãnh trách nhiệm trọng yếu ấy, Ngài đã lăm phen trở tài hùng biện mà binh vực quyền lợi cho dân Pháp với những lẽ công chánh, nhất là sự tự do. Nước Pháp trong buổi ấy chưa yên, nên cách 3 năm sau, ngày 2-12-1851 lại có cuộc nội biến. Ngài phải buộc lòng từ giả Paris ra ngoại quốc, mãi đến năm 1870 ngày 4-9 Ngài mới trở lại trường chánh trị. Lúc đó Ngài đã 68 tuổi. Từ ấy đến sau, Ngài đem hết nhiệt tâm mà chuyên lo cần mẫn vì nước vì dân cho đến ngày qui vị. Trong kiếp sanh của Ngài rất vinh diệu cho nước Pháp. Ngoài những chuyện thi văn kiệt tác đối với quê hương dân tộc Pháp, Ngài còn để dấu trong trường chánh trị một danh thể bất hủ. Vì vậy mà khi Ngài qui vị, đám táng Ngài rất long trọng, quan cữu và linh vị đặt hưởng đặc ân của nước Pháp để vào Công Thần Miếu (Panthéon). Ấy vậy, thật là một vĩ nhân và một đại công thần nước Pháp đó vậy. Bản đạo cũng nên cho toàn đạo

hiểu rồi đừng lầm tưởng chúng ta ngày nay đương tôn sùng lễ bái kỹ niệm một vị vĩ nhân công thần của Pháp như trên đã nói, đó là tôn sùng người Pháp. Nghĩ vì Ngài cũng có công trình khai đạo từ sơ khai thọ mạng linh Đức Chí Tôn lãnh quyền Chưởng Đạo cầm đầu Hội Thánh Ngoại giáo, Ngài thường giảng cơ giáo hóa và phong Thánh cho chư Chức sắc Ngoại giáo, hướng chỉ chúng ta ngày nay cả thầy đều đặn hiểu biết tiền kiếp của Ngài trước kia, tái kiếp nước Pháp thì Ngài đã có một kiếp sanh tại nước Việt Nam là Đức Nguyễn Du, là một nhà thi sĩ, tác phẩm Truyện Kim Vân Kiều mà ngày nay cả thế giới đều nhận bản tác phẩm ấy là vô giá, nhứt là chúng ta, dân tộc Việt Nam, càng vinh hạnh hơn hết.”

Sau đây là Tiểu sử chi tiết của Văn hào VICTOR HUGO:

VICTOR HUGO (1802-1885) :

Victor Hugo sanh ngày 26-2-1802 tại Besancon nước Pháp. Khi mẹ cậu sanh ra, cậu rất bé nhỏ yếu ớt, đã tưởng khó nuôi, nhưng mẹ cậu cố gắng săn sóc và cứu được cậu.

Cha của Victor Hugo là Léopold Hugo, gốc ở Lorraine, làm chức Đại Tá trong quân đội dưới triều vua Napoléon.

Mẹ là Sophie Trébuchet, gốc ở Bretagne.

Victor Hugo có 2 người anh tên là: Abel Hugo và Eugène Hugo.

Ông Léopold và bà Sophie đều là người rất tốt, săn sóc các con chu đáo, nhưng tư tưởng và tánh tình lại đối nghịch nhau, ông thì có tư tưởng cộng hòa và tánh ham vui, còn bà thì bảo hoàng và nghiêm khắc.

Ông Léopold thường ở ngoài mặt trận, chỉ huy quân đội, hết đi từ Ý qua Y Pho Nho, dấn theo một cô tình nhân là Catherine Thomas.

Bà Sophie sống tại Paris với các con trong một ngôi nhà có vườn rộng, trồng nhiều hoa ở đường Feuillantines.

Một Linh Mục già đã hoàn tục tên là Larivière được giao phó cho việc dạy học vỡ lòng cậu Victor. Ông thấy cậu đã

tự học lấy và đã biết đọc rồi, nên liền dạy ngay cho cậu tiếng La-tinh và cậu Victor rất thích học cổ ngữ này.

Năm 1811, Léopold Hugo được thăng lên cấp tướng, phong làm Công Tước, cai trị 3 tỉnh ở Ý Pha Nho. Bà Sophie dắt con qua ở với chồng, cũng mong cùng chồng hưởng cảnh phú quý. Nhưng hai ông bà lại bất bình với nhau, bà trở về Paris với 2 con Eugène và Victor, để Abel ở lại với cha.

Trở về nhà ở Feillantines, Victor lại học với thầy cũ và đọc rất nhiều sách của: JJ. Rousseau, Diderot, Voltaire, ... rồi lại tự tập làm thơ. Chẳng cần biết vần, biết cước, cứ làm. Làm xong lại nhâm lên, nghe không êm tai thì sửa, dò dẫm như thế, cậu Victor đã tìm được những qui tắc của một loại thơ 12 cước (Alexandrin).

Năm 1814, cha của Victor trở về Pháp. Ông đưa các con vào trọ học ở một tư thực đường Saint Marguerite. Thế là chấm dứt thời kỳ vui vẻ của tuổi thơ.

Năm 1816, cậu theo học tại trường Trung học Louis Le Grand cùng với anh Eugène. Chương trình học rất nặng, học suốt từ sáng đến chiều, nhưng hễ rảnh lúc nào là Cậu Victor làm thơ lúc ấy.

Đến cuối năm 1817 (Victor 15 tuổi), cậu đã có được một tập thơ đầu tiên: Poésies diverses gồm mấy ngàn câu thơ. Cậu cũng viết được một vở hài kịch, một vở bi kịch năm hồi, một thiên anh hùng ca.

Hàn Lâm Viện Pháp mở một cuộc thi về thơ với đề tài: Cái vui của sự học trong mọi hoàn cảnh của đời người.

Cậu Victor liền làm xong một bài thơ gồm 334 câu và nhờ một thầy Giám thị trong trường nội trú dắt học sinh đi chơi về phía Hàn Lâm Viện, rồi trong lúc các bạn đang đứng ngắm lâu đài, thì cậu và thầy Giám thị chạy vào Viện Hàn Lâm nộp bản dự thi.

Tác phẩm dự thi của cậu Victor Hugo được xếp hạng thứ 9 và viên thư ký của Viện Hàn Lâm ghi rằng: Nên khuyến khích thi sĩ trẻ tuổi này nếu quả thực mới 15 tuổi.

Tập thơ không được giải thưởng, nhưng cậu Victor lại nổi danh. Các báo ở Paris đều viết bài khen cậu là thần đồng.

Các vị giáo sư dạy cậu cũng có biệt nhãn đối với cậu.

Ít lâu sau, cậu viết được một truyện trung bình đặt tên là Buozargal, nói về cuộc nổi loạn ở Saint Dominique. Kỹ thuật viết đã có đoạn già dặn, không kém những truyện hay nhất của Mérimée.

Cậu Victor Hugo đã sớm phát triển tài năng cả về 2 mặt: Thơ và Văn.

Tháng 2 năm 1818, hai ông bà Léopold và Sophie ly thân nhau. Abel đã đi làm có tiền, còn Eugène và Victor được cha trợ cấp đủ tiền để học môn luật. Họ chỉ ghi tên học chứ không đến lớp học mà về nhà ở với mẹ. Bà cho hai anh em được tự do vì tin rằng con mình không thể hư và chắc chắn sẽ nổi danh sau này.

Thi đàn Académie des Jeux floraux ở Toulouse tổ chức một cuộc thi về thơ với đầu đề là: Dựng lại tượng vua Henri IV.

Victor liền lao vào làm một bài để dự thi: Cậu dùng thể thơ 12 cước xen lẫn 8 cước, kỹ thuật đã cao, cân đối nhịp nhàng.

Bài được chấm giải nhất, thắng Lamartine, lúc đó hơn cậu 10 tuổi.

Victor gặp lại cô bạn gái thuở ấu thơ tên là Adèle Foucher, rất đẹp. Họ yêu nhau ngay. Nhưng mẹ của Victor không đồng ý cho Victor cưới Adèle nên 2 gia đình tuyệt giao với nhau. Victor lúc đó 17 tuổi, đã nếm mùi đau khổ của ái tình.

Để quên đau khổ, Victor vùi đầu vào nghiên cứu sách vở rồi viết lách.

Tháng 12 năm 1819, Victor cùng với 2 anh quyết định cho ra một tờ Tuần báo văn nghệ lấy tên là Conservateur littéraire.

Abel viết được ít bài, Eugène góp được vài bài thơ, còn bao nhiêu Victor lãnh hết. Cậu viết đủ thứ đề tài văn học như: Văn, Thơ, Kịch, truyện ngắn, phê bình, giới thiệu. Cậu làm việc rất thận trọng, tra cứu tài liệu kỹ lưỡng, suy nghĩ chính xác. Tờ báo đứng được 16 tháng. Victor viết được 112 bài báo, 22 bài thơ, ký bằng 10 bút hiệu khác nhau.

Hơn một năm gắng sức làm việc để xây dựng tờ báo, tuy không đem lại cho gia đình một nguồn lợi vật chất đáng kể nào,

nhưng lại đem đến cho Victor Hugo một cái lợi rất lớn về tinh thần. Victor có dịp suy nghĩ về mọi vấn đề: Văn nghệ, chính trị, tôn giáo và tình yêu. Victor luyện tập được cây bút của mình, tăng lòng tự tin, nhất là có dịp gắng sức tối đa để phát triển tài năng. Một cái lợi nữa là Victor có được một số bạn hữu văn nghệ sĩ đang nổi tiếng lúc bấy giờ.

Tháng 6 năm 1821, mẹ của Victor đau nặng qua đời. Ba anh em lo chôn cất mẹ trong nỗi nhớ thương, u sầu và chán nản.

Victor tìm đến nhà người yêu cũ là Adèle nói lại cuộc tình. Ba anh em bây giờ rất nghèo. Victor xin cha cho cưới Adèle. Ông không cản nhưng khuyên cậu hãy đợi đến lúc làm có nhiều tiền.

Năm 1822, Victor Hugo xuất bản tập thơ: ODES (đoản thi) được trả tác quyền là 750 quan. Kế đó, triều đình Pháp ân cấp cho Victor một khoản tiền là 1200 quan mỗi năm để khuyến khích tài năng.

Có được khá nhiều tiền, chàng Victor cử hành lễ cưới Adèle tại nhà thờ Saint Sulpice ngày 22-10-1822, lúc đó Victor Hugo 20 tuổi.

Sau đêm tân hôn vui vẻ thì sáng lại, anh của Victor Hugo là Eugène phát nổi điên, đập phá lung tung. Trong nhà ai cũng nghĩ rằng Eugène trước đây đã thầm yêu Adèle nên bây giờ thất vọng hóa điên. Victor phải đưa anh về ở chung với cha đang ở Blois, rồi sau đó đưa Eugène vô nhà thương điên và ở đó cho tới chết.

Năm 1823, Victor xuất bản tập truyện HAND'ISLANDE gồm 4 quyển, tả những cảnh rừng rợn, tàn ác, phi nhân, xen với một cuộc tình của một đôi nam nữ yêu nhau cuồng nhiệt. Trí tưởng tượng của Victor thật phong phú ghê gớm làm cho độc giả phải say mê và phát hoảng.

Victor Hugo lại được Bộ Trưởng Nội vụ Chánh phủ ân cấp cho 2000 quan mỗi năm, với ân cấp cũ của triều đình, tổng cộng 3200 quan mỗi năm. Tác quyền các tập thơ và truyện được 3000 quan.

Lúc đó, Victor Hugo đã khá phong lưu rồi.

Năm 1824, hai vợ chồng muốn một nhà riêng tại đường Vaugirard và vợ của Victor sinh một con gái, đặt tên là Léopoldine Hugo.

Năm 1825, Victor Hugo được ân tứ Bắc đẩu Bội Tinh cùng một lượt với Lamartine.

Dòng Bourbons đang làm vua nước Pháp, đối với Victor Hugo như vậy là ân hậu lắm, nhưng Victor lại ngưỡng mộ Bonaparte hơn.

Victor vẫn làm thơ theo còm-măng của triều đình: Bài ODE SUR LE SACRE DE CHARLE X, đã tả buổi lễ Gia miện của vua Charle X, lời thơ thật trang nghiêm và hoa mỹ, được vua rất thích, liền ân tứ cho tác giả 2000 quan và cho phép vào bộ kiến vua.

Nghệ thuật làm thơ của Victor cũng tăng tiến. Chàng sáng tác ra những thể điệu mới: 3 cước xen lẫn 5 cước hoặc 10 cước, dùng nhiều chữ thích hợp để tạo nhạc cho thơ.

Victor Hugo xuất bản tiếp tập thơ: ODES et BALLADES (Đoản ca và tục dao).

Lamartine thân mật góp ý: Đừng lập dị, cái đó là trò tiểu xảo không hợp với anh.

Saint Breuve, một nhà phê bình, viết trên tờ Globe một bài phân tích tỉ mỉ thơ Victor Hugo, khen là thơ hay, tác giả có tài nhưng lại khuyên là đừng nên thái quá.

Victor say mê sáng tác, ông dự định viết một kịch về Cromwell, ông tìm tài liệu trong cả 100 quyển sách rồi từ tháng 8 năm 1826, ông bắt đầu xây dựng kịch. Viết kịch Cromwell xong, ông đọc cho các bạn thân nghe theo tục lệ đương thời. Các bạn đều nhận xét: kịch vừa bi, vừa hài, kỹ thuật mới mẻ, ý tứ mạnh bạo. Do đó, kịch không được diễn.

Victor liền viết một bài tựa cho vở kịch để bênh vực ý kiến của mình là muốn mở ra một chân trời mới cho ngành kịch. Bài tựa này rất dài, đầy đủ ý nghĩa, được xem là một bản tuyên ngôn khai sinh một trường phái mới trong văn học Pháp: Đó là trường phái Lãng mạn mà Victor Hugo là lãnh tụ.

Trong bộ ba: Lamartine, Alfred de Vigny, Victor Hugo, thì Victor nhỏ tuổi nhất nhưng lại uy tín nhất.

Tiếp theo, Victor Hugo cho ra đời tập thơ LES ORIENTALES để tả cảnh những xứ phương đông của Âu Châu là Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ.

Tập thơ này ra đời rất hợp thời vì lúc đó Hy Lạp đang chiến đấu với Thổ để giành độc lập. Cả Âu châu đang hưởng về cuộc chiến đó. Tập thơ này rất linh động, phong phú về hình thức lẫn nội dung. Những đoạn tả cảnh thật đẹp và nên thơ, cảnh hoàng hôn, thiếu nữ mơ mộng nằm đưa võng bên hồ.

Victor chưa bao giờ đến những nước phương Đông ấy, toàn là chuyện tưởng tượng thôi, nhưng lại rất hấp dẫn. Sức tưởng tượng của Victor Hugo thật là kinh khủng.

Kịch bản CROMWELL không diễn được, Victor Hugo viết tiếp kịch MARION DE LORME, đề tài lấy trong lịch sử đời vua Louis XIII: Một kỹ nữ được cải hóa nhờ một tình yêu trong sạch và nghiêm trang của một thanh niên. Kịch này cũng bị kiểm duyệt, không diễn được.

Không nãn chí, Victor Hugo soạn tiếp một bi kịch lấy tên là HERNANI (1830) : một thiếu nữ đẹp là nàng Donasol có tới 3 người đàn ông theo đuổi, một ông lão, một ông vua và một thanh niên bị dày Hernani. Nàng chỉ yêu Hernani. Hai người sống hoàn toàn với thủy. Kịch này được phép diễn. Khán giả chia làm 2 phe: Ủng hộ và chống đối làm cho náo loạn cả lên.

Nhà xuất bản Mane xin trả ông 5000 quan để được in kịch. Thực may cho Victor Hugo, trong nhà chỉ còn 50 quan.

Báo chí lúc đó cũng phê bình sôi nổi, khen chê có đủ, chỉ lợi cho ông bầu rạp hát và tác giả mà thôi.

V. Hugo đã ký hợp đồng với nhà xuất bản Gosselin để giao tiểu thuyết NOTRE DAME DE PARIS (Nhà thờ Đức Bà Ba-Lê), Ông mới soạn xong tài liệu nhưng chưa viết vì bận viết kịch Hernani và tập luyện các vai trình diễn.

Chỉ còn 6 tháng nữa là tới kỳ hạn của hợp đồng, nếu để trễ thì bị phạt, Victor Hugo quyết tâm hoàn thành tác phẩm đúng hạn. Ông chuẩn bị đầy đủ giấy mực, rồi khóa kín cửa lại, nhất định không ra khỏi nhà. Truyện được viết theo chủ đề là: Con người đều có số mạng an bày. Số mạng bám chặt con người như con diều hâu quắp lấy con gà, hay con nhện ôm lấy con ruồi.

Truyện bắt đầu tả lại đời sống cơ cực của giới dân nghèo dưới triều vua Louis XI của nước Pháp. Trong đám người này, có Cô Esméralda, sống bằng nghề phù thủy, bói tướng số. Cô ta còn trẻ, rất đẹp, ngây thơ, trong sạch, được nhiều người yêu mến. Cô bị ông Phó Giám mục tên là Claude Frollo ở trong nhà thờ Đức Bà Ba lê yêu thầm nhớ trộm. Vị Phó Giám mục này lòng còn phàm tục nên cho người bắt cóc Cô Esméralda. Một người gù Lưng, vừa câm vừa điếc, tên là Quasimodo có phận sự kéo chuông nhà thờ, thấy vậy mới cứu thoát Cô và đem giấu kín trong giáo đường. Sau đó, Cô Esméralda cũng không thoát nạn, bị bắt và bị đem ra xét xử. Cô bị thương nặng, sắp chết, thì Quasimodo lại hiện ra cứu thoát cô lần thứ nhì và đem giấu vào một nơi thật kín. Một thời gian sau, người ta mới tìm được xác của Cô Esméralda nằm trong tay của xác Quasimodo chết khô bên cạnh.

Tiểu thuyết này không có tính cách bài xích giáo hội mà chỉ rõ rằng Nhơn hư chớ Đạo bất hư.

Toàn truyện gần như xảy ra trong bối cảnh Nhà thờ Đức Bà Ba lê, được mô tả rất tỉ mỉ, linh động và chính xác.

V. Hugo vẫn dùng kỹ thuật sở trường của mình là đưa ra những cái tương phản để đập vào óc độc giả: Tương phản giữa Thánh tâm và dục vọng cuồng loạn của một tu sĩ cấp cao như Claude Frollo, tương phản giữa hình dáng xấu xí và tâm hồn cao quý của Quasimodo, tương phản giữa tình tình ngây thơ trong trắng và số phận đen tối của Cô Esméralda.

Tác phẩm Notre Dame de Paris được giao cho nhà xuất bản đúng thời hạn và độc giả mọi giới đọc say mê và hoan nghinh nhiệt liệt.

Trong gia đình, V. Hugo rất đau buồn vì vợ là Adèle lại lén lút thư từ qua lại với Saint Breuve là bạn của Hugo, nhưng vì Victor Hugo là thủ lĩnh của trường phái Lãng mạn nên phải giữ thái độ kẻ cả. Và nỗi lòng đau khổ đó được trút vào các vần thơ tuyệt tác.

Do đó, năm 1931, tập thơ **FEUILLES D'AUTOMNE** ra đời. Răng hay thì thật là hay, nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào! Chính Saint Breuve cũng nhìn nhận rằng tập thơ này quá

hay. Nghệ thuật của V. Hugo đã nhờ sự đau khổ trui luyện thêm già dặn, hết bỗng bột cuồng nhiệt như lúc trẻ, mà lại đắm chiều sâu muộn của người già. Lúc đó, V. Hugo mới 33 tuổi.

V. Hugo trở lại viết kịch để mau có tiền nuôi gia đình đông con đã lớn rồi. Năm 1832, ông viết bi kịch lịch sử: LE ROI S'AMUSE (ông vua chơi bời), tả lại đời sống trụy lạc của vua Francois I. Kịch bản này không hay, bị cấm.

V. Hugo bèn viết kịch : **LUCRÈCE BORGIA (1933)**. Nội dung kịch nói lên tình mẫu tử của một bà quý tộc tên là Lucrece Borgia đối với đứa con riêng của Bà, mặc dầu đứa con riêng này là Đại úy Gennaro luôn luôn oán ghét và khinh bỉ bà.

Trong thời gian diễn kịch này, V. Hugo gặp một mối tình thứ hai: Đào hát Juliette Drouet. Tài năng của nàng không hay nhưng nhan sắc của nàng rất quyến rũ. Nàng là một kỹ nữ qua tay nhiều người đàn ông giàu có, nhưng nàng luôn luôn ao ước gặp một người thực sự yêu nàng để nàng có thể sống một đời còn lại được lương thiện để nuôi nấng và dạy dỗ đứa con gái yêu quý của nàng.

V. Hugo và Juliette gặp nhau thì yêu nhau ngay một cách tha thiết. Nàng quyết định hy sinh tất cả và chịu đựng tất cả để xây dựng cuộc đời với V. Hugo. Bây giờ thì V. Hugo cảm thấy rất sung sướng. Ông không còn yêu Ade'le tha thiết như thuở ban đầu. Adèle cứ sống cuộc đời của Adèle với các bạn tâm tình lần lượt là Saint Breuve và Théophile Gautier. Còn V. Hugo thì sống cuộc đời của Hugo cùng với người tình là Juliette. Những ghen ngào trong Feuilles de'Autome (Lá thu) đã dứt để bắt qua những tiếng hát hoàng hôn: **LES CHANTES du CRÉSPUSCULE (1835)**. Giọng thơ trong tác phẩm này rất cảm động, nhạc thì tuyệt.

Năm 1836, V. Hugo ứng cử vào Hàn Lâm Viện, nhưng thua phiếu một nhà soạn kịch tầm thường là Mercier Dupaty.

V. Hugo đợi kỳ bầu cử sau, lại rớt nữa.

Năm 1839, hai vị trong Viện Hàn Lâm đã qua đời, nên bầu 2 vị mới vào thay thế, V. Hugo lại bị rớt 2 lần nữa. Tất cả bị rớt 4 lần. Lần nào hai bậc thiên tài Chateaubriand và Lamartine đều ủng hộ và bỏ thăm cho V. Hugo nhưng vẫn bị rớt.

Mãi đến năm 1841, V. Hugo mới thắng cử được và vô Hàn L.V.

Năm 1843, ông viết kịch **LES BURGRAVES**. Kịch này viết rất hay, tả tâm trạng 2 anh em ruột cùng yêu một cô gái đẹp, rồi hai anh em lại sanh thù oán nhau. Kịch có nhiều đoạn rất hùng tráng, nhưng khi diễn, khán giả không hoan nghênh vì họ đã chán Hý khúc, họ muốn trở về với bi kịch cổ điển.

V. Hugo buồn rầu vì kịch thất bại, lại đau buồn hơn khi hay tin con gái lớn và chàng rể đi du lịch cùng bị chết đuối (1843).

Nỗi buồn này được ghi lại trong tập thơ bất hủ **LES CONTEMPLATIONS (Trầm tư)**.

Năm 1848, cách mạng bùng nổ lật đổ vua Louis Philippe và thành lập chế độ cộng hòa. V. Hugo ủng hộ rất hăng Chính phủ cộng hòa. Ông cùng với Lamartine và Louis Napoléon Bonaparte được bầu vào Quốc Hội Lập hiến để thành lập Hiến Pháp.

Gần tới ngày bầu cử Tổng Thống, Louis Napoléon Bonaparte được dân chúng ủng hộ nồng nhiệt và sau đó đã đắc cử Tổng Thống của Chính phủ Cộng hòa.

V. Hugo, trước đây đã ủng hộ Louis Napoléon Bonaparte, nhưng lần lần ông thấy Napoléon lo củng cố địa vị đặng làm vua chứ không mở rộng tự do dân chủ. V. Hugo đâm chán và trở lại chống Bonaparte một cách dữ dội.

Ngày 2-12-1851, lúc 8 giờ sáng, Victor Hugo đang làm việc thì có người tới báo tin có cuộc đảo chánh, Louis Napoléon giải tán Quốc hội và tự mình lên ngôi Hoàng Đế, lấy hiệu là Napoléon III.

Victor Hugo vội vàng thay quần áo, nói vắn tắt cho vợ hiểu tình hình chánh trị đang thay đổi nghiêm trọng. Ông đi tìm các bạn, tập hợp lại, hô hào tranh đấu, viết tuyên ngôn, tổ chức biểu tình lật đổ Napoléon III. Nhưng dân chúng Pháp đã chán nản cảnh hỗn độn đổ máu, nên phong trào xẹp dần. Các bạn lần lượt bị bắt. Còn V. Hugo, nhờ Juliette làm giấy tờ giả mạo, ông trốn qua Bruxelles nước Bỉ sống lưu vong, chỉ có Juliette đi theo ông và nàng sung sướng tưởng rằng sẽ được sống chung

với ông, nhưng V. Hugo gạt ngang bảo nàng phải mượn nhà ở riêng gần đó.

Ông vẫn viết và hô hào chống lại Louis Napoléon, đồng thời ông viết tập Histoire d'un crime (Lịch sử một tội ác) để kể tội Napoléon III, nhưng vì thiếu tài liệu chính xác cho nên ông đành bỏ dở, rồi viết một tập trào phúng tựa đề: NAPOLÉON, LE PETIT (Napoléon, thằng bé con) để mạ sát Napoléon III. V. Hugo ngại rằng khi tập sách này in ra thì vợ con ông tại Paris sẽ bị bắt giam và chánh phủ Bỉ có thể trục xuất ông ra khỏi Bruxelles. Do đó ông bảo vợ bán hết gia sản, chuyển qua ở Saint Hélier của đảo Jersey thuộc nước Anh gần bờ biển nước Pháp.

Tháng 8 năm 1852, cả nhà đều qua tới đảo Jersey. Ông và Juliette cùng qua đó. Juliette mượn một căn nhà gần biệt thự của ông để ở. Xong rồi, V. Hugo mới tung tập sách Napoléon Le petit về Pháp, họ lén truyền tay nhau đọc say mê. Người ta lại dịch ra tiếng Anh và tiếng Y Pha Nho, in cả triệu bản.

Tiếp theo, Victor Hugo viết một tập thơ nhan đề LES CHÂTIMENTIS (1853) cũng để mạ sát Napoléon.

Một việc lý thú xảy đến với Victor Hugo lúc ở đảo Jersey là Bà bạn Delphine de Girardin từ Pháp qua thăm, bày cho ông cầu cơ các chơn linh vô hình. Họ dùng một cái bàn quay và kiếm một con đồng. Cầu 5 đêm liên tiếp, cơ không lên. Đến khi Victor Hugo tò mò đến xem thì cơ lên liền. Bà Girardin hỏi : Ai đó? Cái bàn đáp: Léopoldine (tên đứa con gái lớn của V. Hugo bị chết đuối với chồng năm 1843 khi đi du lịch). Victor Hugo rất ngạc nhiên, hỏi Léopoldine đủ thứ chuyện. Con đồng trong buổi cầu cơ đó là Vacquerie, người thân tín của gia đình Hugo.

Đêm 11-9-1853, buổi xây bàn được tổ chức, có mặt ông bà Victor Hugo, Cậu Charles Hugo, Cậu Francois Hugo, Cô Madelène Hugo, Đại tá Le Flo, Bà Girardin, ông De Tréveneue, ông Auguste Vacquerie. Đêm ấy, vong linh Cô Léopoldine giáng bàn thăm hỏi cha mẹ và tiết lộ nhiều điều huyền bí nơi cõi vô hình.

Đêm 13-9-1853, tiếp tục xây bàn, có vong linh xưng là Bóng Hư Linh giáng bảo Victor Hugo hãy đặt trọn đức tin vào Thượng Đế.

Tiếp tục xây bàn, ông V. Hugo thông công được với các Đấng như : Socrate, Luther, Mahomet, Jésus, Moïse; thông công với các danh nhân như: Shakespeare, Molière, Racine, ... Có nhiều vong linh ẩn danh : Sứ giả Thượng Đế, Người trong cõi mộng, Bóng dưới mồ, Thần chết, ... cũng có giáng bàn.

Đêm 11-10-1853, nhận thấy những điều tiết lộ, những lời khuyên bảo, những giáo lý và triết lý nhận được từ cõi vô hình nhờ việc xây bàn rất ích lợi cho loài người, nên Victor Hugo hỏi vong linh đang giáng bàn:

- Những lời vàng ngọc mà chúng tôi hân hạnh đón nhận từ bấy lâu nay, thật đáng xem là một chơn truyền quý báu, chúng tôi có nên in thành sách để phổ biến cho mọi người cùng học chẳng?

Vong linh ấy đáp:

- Không, vì chưa đến ngày giờ.

- Đến bao giờ? Chúng tôi còn sống đến ngày đó không?

- Nếu không thấy nơi này thì sẽ được thấy ở nơi khác.

Chừng đến ngày giờ, sẽ có lệnh. Hiện tại, có thể phổ biến hạn chế cho những người có đức tin.

Kể từ đó, V. Hugo rất tin tưởng những vấn đề siêu hình, sự bất diệt của linh hồn, sự hiện hữu của Thần linh.

Về sau, những Thánh giáo trong các cuộc xây bàn nói trên được ông Gustave Simon in thành sách với tựa đề là: LES TABLES TOURNANTES de JERSEY chez VICTOR HUGO.

Sách này được tái bản mấy mươi lần, làm chấn động dư luận nơi nước Pháp và Thế Giới.

Năm 1855, Nữ Hoàng Anh Victoria và vua Pháp Napoléon III giao hảo với nhau, do đó chánh phủ Anh ra lệnh di chuyển bọn lưu vong Pháp qua đảo Guernesey ở gần đó. Hugo và gia đình cũng phải tuân lệnh đó. Đảo Guernesey nhỏ và hoang vu hơn đảo Jersey, nhưng V. Hugo lại thích hơn vì ông vốn thích cảnh biển. Ông để râu, để tóc, ăn mặc như dân chài, lân la trò chuyện với họ về đời sống của họ và về biển cả.

Lúc đó, tập thơ Les Contemplations của ông được phép xuất bản ở Pháp (1856), nhà xuất bản Hetzel gửi đến cho ông 20.000 quan tiền tác quyền. V. Hugo liền dùng tiền đó mua ngay

một biệt thự ở đảo Guernesey, và như vậy, theo luật nước Anh, ông khỏi bị trục xuất nữa.

Phòng làm việc của V. Hugo trên lầu, có ban công hướng về nhà của Juliette. Như lệ thường, nàng vẫn say mê chép bản thảo của ông. Ông viết tập thơ **LA LÉGENDE DES SIÈCLES** (Truyện hoang đường của các thế kỷ).

Năm 1860, Victor Hugo xem lại các tài liệu để viết tiểu thuyết **LES MISÉRABLES** (Những người khốn khổ). Nhà xuất bản Hetzel ngại không dám in. nhà xuất bản Albert Lacroix ở Bỉ nhận in ngay và mua tác quyền trong 12 năm là 300.000 quan. Lần đầu tiên V. Hugo có được số tiền lớn như vậy.

Năm 1862, tác phẩm in xong, phát hành, thành công rực rỡ. Lacroix lãi được 517.000 quan. Tác phẩm này như một tiếng pháo vang lên thúc đẩy từng lớp lao động nghèo đứng lên làm cách mạng. Tiếp theo sự thành công này, V. Hugo viết tiếp: **LES TRAVAILLEURS de LA MER** (Những người lao động của biển), xuất bản 1866.

Tác phẩm này ngắn hơn *Les Misérables*, nhưng lại thành công hơn vì V. Hugo không giảng triết lý nữa mà dùng trí tưởng tượng quá đỗi của ông để viết lời cuốn độc giả.

Lúc này, Victor Hugo đã giàu rồi, nhưng ông không cho vợ con phung phí mà dùng tiền này để giúp đỡ những người nghèo và những thân hữu kém may mắn.

Tháng 8 năm 1868, Bà Adèle vợ của V. Hugo, sau một cơn bạo bệnh thì chết. Ông cho đưa linh cữu của Bà về Pháp, dặn các con ghi lên mộ của Bà hàng chữ: **ADÈLE – VỢ của VICTOR HUGO.**

Năm 1869, chế độ Napoléon III bắt đầu sụp đổ.

Năm 1870, Pháp thua Đức luôn 3 trận. Victor Hugo cùng với Juliette xuống tàu đi Bruxelles và từ đó đi xe lửa về Paris. Một đám dân chúng rất đông ra tận ga đón rước ông.

Ông trở lại hoạt động chính trị rất hăng, và được bầu vào Quốc Hội làm thủ lĩnh của nhóm chủ trương Cộng hòa, nhưng phe quân chủ thắng thế hơn, thương thuyết với Đức xin đình chiến và Pháp chịu bồi thường chiến tranh.

Bao nhiêu chương trình dự định thực hiện của ông đều không thành tựu như: Bãi bỏ án tử hình, cải thiện tư pháp, thành lập của phụ nữ. Victor Hugo quá chán nản nên ông quyết định rút lui khỏi quốc hội. Ông trở về đời sống của người văn nghệ sĩ thuần túy, sáng tác 2 truyện:

- **L'ANNÉE TERRIBLE** (Năm khủng khiếp)
- **QUATRE VINGT TREIZE** (chín mươi ba)

Năm 1877, V. Hugo viết xong tập thơ : *L'ART D'ÊTRE GRANDPÈRE* (Nghệ thuật làm ông nội). Độc giả cũng rất hoan nghinh tập thơ này vì nó ghi lại những cảm xúc êm đềm, những tiếng riu rít của trẻ thơ, những nụ cười hồn nhiên, hai mái tóc một già bạc phơ một trẻ đen nhánh kề nhau. Lần đầu tiên trong thi ca, V. Hugo đã đưa vào những nét đẹp hồn nhiên của trẻ thơ.

Hoàng đế nước Brazil là Don Pedro qua thăm nước Pháp, rồi lấy tư cách là một độc giả, nhà vua đến thăm V. Hugo. Thật là một vinh dự cho Victor Hugo.

Năm 1882, Lễ bát tuần của Victor Hugo được tổ chức như Lễ Quốc Khánh. Thủ Tướng Jules Ferry, đại diện chánh phủ Pháp đến chúc thọ ông. Dân chúng và học sinh diễu hành qua trước nhà ông. Đại lộ trước nhà mang tên Hugo.

Victor Hugo đã đạt đến tuyệt đỉnh vinh quang của người cầm bút. Chưa có văn nghệ sĩ nào từ xưa tới giờ được như vậy.

Năm 1883, bà Juliette bị ung thư bao tử và tử trần, thọ 77 tuổi. Victor không chánh thức cưới bà, nhưng mọi người đều xem Juliette là vợ chánh thức của ông. Bà đã giúp ích ông rất nhiều trong công việc sáng tác.

Ông bắt đầu lẩn thẩn và viết di chúc: Tặng 40.000 quan cho người nghèo, liệt ông trong cổ quan tài của hạng người nghèo, bản thảo tặng cho thư viện Quốc gia Paris mà ông hy vọng sẽ thành thư viện của Liên Bang Âu Châu.

Những lúc tỉnh táo, ông vẫn làm thơ. Câu thơ cuối cùng, ông viết : *C'est ici le combat du jour et de la nuit.* (Đây là cuộc chiến đấu của ánh sáng và bóng tối).

Ngày 22-5-1885, ông bị sưng phổi rồi chết, thọ 83 tuổi.
Khi hay tin Victor Hugo chết, cả Thượng và Hạ Nghị Viện đều ngưng họp để tưởng niệm ông. Nước Pháp làm lễ Quốc táng cho ông. Quan tài được đặt tại Khải Hoàn Môn và được an táng trong đền Panthéon, nơi chôn những danh nhân có công lớn với dân tộc.

PHÂN KẾT :

Victor Hugo là một Văn Thi Sĩ thiên tài độc đáo nhất của thế kỷ 19. Ông luôn luôn chủ trương văn thi sĩ có sứ mệnh chỉ đường dẫn lối cho quần chúng, ông đã rất trung thành và xứng đáng với sứ mạng đó. Chủ trương này giống như ở phương Đông : Văn dĩ tải Đạo.

Người văn nhân thi sĩ học được kinh sách của Thánh Hiền đời trước thì phải biết dùng văn chương thi phú mà truyền bá đạo lý cho mọi người.

Victor Hugo đã giải quyết nhiều vấn đề bản khoăn thất mắc của thời đại ông:

- Vấn đề nghèo đói là nguyên nhân của tội lỗi; dốt nát là nguyên nhân của sai lầm.
- Vấn đề cái tốt cái xấu, cái phải cái quấy, cái thiện cái ác.
- Vấn đề Thượng đế và con người, Thượng đế và vũ trụ.

Khi Victor Hugo thoát xác trở về cõi Thiêng Liêng thì Ngài về Bạch Vân Động (Quảng Hàn Cung tức là Cung Trăng) vì Ngài là một vị Thánh ở đó, đạo hiệu là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.

Khi Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài năm 1926 thì qua năm 1927, Đức Phạm Hộ Pháp vâng lệnh Đức Chí Tôn lên Nam Vang mở Đạo và thành lập Hội Thánh Ngoại Giáo tại đó, trụ sở là Thánh Thất Kiêm Biên, và Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn lãnh linh Đức Chí Tôn làm Chưởng Đạo cầm quyền Hội Thánh Ngoại giáo.

“Bần đạo khi đắc lệnh làm Chưởng Đạo lập Hội Thánh giáo đạo

tha phương, thì từng lòng bác ái của Chí Tôn, mở rộng thế cho
nhơn sanh dưng công đổi vị. Bần đạo chẳng kể là Nguyên nhân,
Hóa nhân, hay là Quỷ nhân, ví biết lập công thì thành Đạo.”
(TNHT.II.tr 84)

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn thường giáng cơ điều hành
Hội Thánh Ngoại giáo và chuyện văn cùng Đức Phạm Hộ Pháp.
Những điều Đức Hộ Pháp thắc mắc thường đem ra hỏi Đức
Nguyệt Tâm, hai vị như là hai bạn thân thiết với nhau.

Chính Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn vâng lệnh Đức Chí
Tôn lập các phẩm Chức sắc HTĐ dưới Thập nhị Thời Quân. Xin
chép ra sau đây bài Thánh giáo quan trọng ấy, đăng trong Đạo
Sử II của Bà Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu, trang 319 chót:

Tòa Thánh, ngày 16 tháng 2 năm Ất Hợi (dl 20 Mars 1935)

CHƯƠNG ĐẠO NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN ou VICTOR HUGO

Cười ... Khi nầy có Thượng Phẩm và Quyền Giáo Tông
nơi đây, song hai vị mới hộ tiếng Nữ phái ... Cười ... quý hóa dữ
ha!

Thưa Hộ Pháp, Bần đạo để lời chia vui cùng Ngài, khi
hôm qua, nhờ có Thánh Chỉ Chí Tôn, nên mới đặt rộng đường
xuất Thánh. Bần đạo có để lời trân trọng cầu thưởng cho học tu
nên mới đặt cao phong phẩm giá.

Cười ... Phẩm trật rắc rối khó nói rõ, nhưng chia ba :

- Pháp, Đạo, Thế, thì theo sự hiểu biết của Bần đạo như vậy:
- Sĩ Tả là Secrétaire archiviste.
- Lên phẩm Truyền Trạng là Greffier.
- Rồi lên phẩm Thừa Sứ là: Commissaire de la justice.
- Phẩm Giám Đạo là Inspecteur.
- Lên phẩm Cai Trạng là Avocat.
- Lên phẩm Chương Ấn là Chancelier.
- Lên phẩm ấy rồi tùy phái lên Đại vị Hiệp Thiên Đài,
nhưng phải biết rằng : Chương Ấn phải lên Đại vị Tiếp Dẫn

Đạo Nhơn mà đặc phong phổ thông đặng một nước nào rồi mới vào Chánh vị.

Lợi và mấy vị kia là Sĩ Tải của HTĐ mà thôi.

Thăng

Ngài Victor Hugo và vợ là Bà Adèle Foucher có hai người con trai là: Charles Hugo và Francois Hugo. Kỳ này, hai người con trai ấy đều kiếp ở VN: Charles Hugo là ông Đặng Trung Chử, đạo hiệu Ngạn Sơn, đặc phong Giáo Sư CTĐ Thượng Chử Thanh (năm 1934); còn Francois Hugo là ông Trần quang Vinh, đạo hiệu Hiến Trung, đặc phong Giáo Sư CTĐ Thượng Vinh Thanh (năm 1934), sau đều được thăng Phối Sư.

Sau đây là bài giảng cơ của Bà Adèle Foucher nói chuyện với 2 con là Charles và Francois:

Nam Vang, đêm 16-2-1933 (11 giờ)

Phò loan : Hộ Pháp và Tiếp Đạo

Hầu đàn : GS Thượng Bấy Thanh (Tư gia của Cao Tiếp Đạo)
GS Thượng Chử Thanh, GS Thượng Vinh Thanh.

VICTOR HUGO

Xin chào chư Hiền Hữu và chư Hiền Muội.
Charles và Francois, Mẹ hai con đến.

BÀ VICTOR HUGO, nhủ danh ADÈLE FOUCHER.

Các con đứng dậy, khóc!

Suốt đời Mẹ không ngăn cản nổi ý chí của cha các con, đặc biệt trong những hành động nhân ái của người. Luôn luôn Người tranh đấu chống tàn sát.

Sau khi Người qua đời, Người không từ bỏ ý định.

Người gửi hai con tiếp tục sự nghiệp của Người, giữa những kẻ đã chối bỏ hai con. Bởi bội bạc, họ chồng chất những mưu mô xấu xa, những vu khống và bất công.

Cha hai con đã thu được kết quả gì?
Người có đủ tài năng thấu đáo trong cõi Vô vi.
Không, mặc dầu mẹ khóc lóc, Người nhất quyết đưa các
con vào thế giới khủng khiếp đó.

Vacquerie nó cũng tái kiếp, nó thường tự nhủ rằng địa
cầu quyên rũ nó. Nó sắp làm đại chánh khách, theo dấu Léopold
ở Hòa Lan.

Adèle không còn muốn đau khổ, nó từ chối đến thăm
hai con.

Cho rằng kỷ niệm làm đau đớn, nó không còn muốn nhìn
lại cảnh trần gian. **THĂNG.**

(Bài dịch ra Việt văn của ông Nguyễn Lộc Thọ)

Trong Đạo Cao Đài, hằng năm đến ngày 22 tháng 5 dương
lich, tại Tòa Thánh và các Thánh Thất địa phương đều cử hành
Lễ Cúng Tiểu đàn kỷ niệm Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, có
nhắc lại tiểu sử của Ngài và những lời giảng dạy của Ngài khi
Ngài đắc lệnh làm Chưởng Đạo Hội Thánh Ngoại giáo.

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn có giảng cơ ban cho Đạo
Cao Đài 6 Bài kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, kể ra:

1. Kinh Tắm Thánh.
2. Kinh Cầu Hồn khi hấp hối.
3. Kinh Khi đã chết rồi.
4. Kinh Tẩn liệm.
5. Kinh Đưa linh cữu.
6. Kinh Hôn phối.

Bài Thài hiến lễ Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn:

NGUYỆT rạng đông thiên đã sáng soi,
TÂM linh chiếu thấu bốn phương trời.
CHƠN truyền cứu thế xa tai ách,
NHƠN loại tuần hườn độ khắp nơi.

HẾT

TAM LẬP TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

HT Nguyễn Ngọc Dũ

PHẦN MỞ ĐẦU

Vào khoảng sau ngày Rằm tháng giêng năm Tân Mão (1951), Đức Hộ Pháp vào nhập tịnh ba tháng nơi Trí Huệ Cung không tiếp xúc với bên ngoài. Việc nhập tịnh của Ngài “về mặt Đạo giống như 40 ngày của Đức Chúa Jê-sus ra ngoài sa mạc cầu khẩn với Đức Chí Tôn ban bố hồng ân cho toàn nhơn loại ; giống như Đức Thích Ca vào vườn Bồ Đề ngồi thiền định đặng xin giải thoát cho Chúng sanh. . . .”¹

Trong thời gian Đức Ngài sửa soạn nhập tịnh nơi Trí Huệ Cung thì có một số vị làm đơn xin Đức Ngài được cùng nhập tịnh với ngụ ý nhờ Đức Ngài hướng dẫn về Bí Pháp tịnh luyện. Đức Ngài không biết dựa trên tiêu chuẩn nào để tuyển nên có câu hỏi cùng các Đấng Thiêng Liêng. Sau đó Đức Ngài kể lại sự việc này như sau:

“Ngày Bần-Đạo đến tại Trí Huệ Cung, có đặng nhiều bức thơ của mấy bạn chúng ta cầu xin nhập vào Trí Huệ Cung một lượt với Bần Đạo nhiều lắm.

Ngày giờ ấy chính mình Bần Đạo cũng chưa biết thế nào tuyển chọn những chơn linh đem vào cửa Thiêng Liêng ấy đặng. Đang lo không biết giải quyết thế nào về phương pháp nhập Trí Huệ Cung nên chưa quyết định như là về mặt tuyển chọn không biết trả lời làm sao. May duyên thay Đức Chí Tôn thấy không thể giải quyết đặng, mới cho hội diện cùng các Đấng cầm quyền Thiêng Liêng của Đạo. Khi đặng hiểu rõ rồi, Bần Đạo lấy làm hân hạnh thấy rằng: “*Cái nền Chơn Giáo của Đức Chí Tôn vẫn là đường đường ngay chánh, như định về Thể Pháp chơn truyền, không hề mê hoặc ai cả thấy*”

Bần Đạo cũng quả quyết rằng: “*Những phương pháp mê*

hoặc của thiên hạ về đạo lý sẽ bị chơn truyền của Đức Chí Tôn từ từ tiêu diệt hết”.

Muốn định Thiên vị của mình, quyền Thiêng Liêng đã buộc; buộc hẳn mà chớ, phải có **Tam Lập** của mình mới được, gọi là **Nhơn luân**. Điều ấy Bần Đạo có truyền cho Chức Sắc Hiệp Thiên Đài hay trước rồi và dường như Đức Trần Khai Pháp đã có thuyết minh điều ấy rồi. Bần Đạo không cần luận thêm nữa”.² (Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tại Đền Thánh ngày 19-4 Tân Mão 1951).

Như vậy, thuyết Tam Lập được đề cập đến và phổ truyền từ đây. Nhưng Tam Lập là gì? Tam Lập đối với tam giáo và Tam Lập đối với người tín-đồ như thế nào? Đây là hai vấn đề được *sơ giải* trong Bài Tham Luận này.

I-TAMLẬP LÀ GÌ?

Vấn đề Tam Lập được đề cập trong Giáo Lý Đạo Cao Đài gồm có ba phần: Lập Đức, Lập Công (*hay gọi là Tam Công*) và Lập Ngôn.

A- LẬP ĐỨC.

1- Định nghĩa chữ Đức:

Chữ Đức có rất nhiều nghĩa. Theo học giả Nguyễn Hiến Lê trong quyển Đạo Đức Kinh thì chữ Đức có nghĩa là **nguyên lý của mỗi vật**. Đức cũng có nghĩa là **tính năng động của Đạo hay tác dụng của Đạo hay năng lực ngấm ngấm**. Đức cũng còn có nghĩa là **“ái lực hay là bản năng sinh tồn của mỗi sinh vật. . .”**

Cách quảng diễn trên đây dù là tổng hợp định nghĩa của các học giả, các thiền gia hay đạo gia chớ không phải của riêng tác giả đã làm cho định nghĩa chữ Đức có phần khó hiểu vì quá rắc rối mù mờ, lý do là vì không được giải rõ. Nếu giải rõ để làm

sáng tỏ thì chữ Đức cũng không ra ngoài ba nghĩa chính yếu sau:

- Đức có nghĩa là “Được” và được ở đây là do quán tưởng huân tập, tu dưỡng bằng cách rèn tâm luyện tánh. Thí dụ như nói nhân đức hay đạo đức là do việc quán tưởng, huân tập hay tu tâm luyện tánh mà con người có được lòng nhân hay thấy được Đạo, quay về với Đạo, lo tu để có thể thành Đạo và gọi là “Được Đạo”.

Đây là cách định nghĩa rất dễ nhận thấy nhất trong giáo lý Đạo Khổng.

- Chữ Đức cũng có nghĩa là “Cái động” hay là “Cái dụng” của Đạo. Nói như thế này thật ra cũng có phần khó hiểu.

Để được sáng tỏ hơn, xin ghi lại đây lời dạy của Đức Lão Tử trong quyển Đạo-Đức Kinh: “Cố thất Đạo nhi hậu Đức”³ (Cố nghĩa là khi mất Đạo rồi người ta mới nói đến Đức). Mà nói đến Đức để làm gì? Đó là để tu tâm luyện tánh để trở về với Đạo. Như vậy, nhờ ở Đức, cái dụng của Đạo mà con người có thể từ đó trở về với Đạo, và “Được” ở đây là nhờ cái dụng của Đạo để trở về, để cận kề với Đạo.

Tóm lại, định nghĩa thứ hai có được là do từ quyển Đạo Đức Kinh. Như vậy có thể nói định nghĩa này chiếm ưu thế trong giáo lý Đạo Lão.

Chữ Đức có nghĩa là “Năng lực ngấm ngấm tiềm tàng trong mỗi một con người”. Đây là chữ Đức được các học giả ngoại quốc dịch sang tiếng Anh là “Power” mà trong nhà Phật nhất là trong phái “Thiền Tông” thường nhắc tới. Chữ Đức với nghĩa thứ ba này thuộc về nội tâm, nổi bật và vượt trội với các Thiền Sư và thường được xưng tụng với danh từ Công đức. Cũng cần nói rõ thêm là chữ Đức với nghĩa thứ ba này cũng đều có trong giáo lý Tam giáo cũng như trong giáo lý của Đạo Cao Đài.

2- Giáo lý Tam giáo về Lập Đức như thế nào? Có đối chọi nhau không?

Xin trước tiên được bàn đến Khổng Giáo, kế tiếp là Lão Giáo và sau cùng là Phật Giáo.

• Lập Đức theo Khổng Giáo:

Với Đạo Khổng chữ Đức hay Lập Đức được nói qua nhiều sách vở trong Tứ Thư Ngũ Kinh, nổi bật nhất là qua quyển Đại Học.

Trong sách Đại Học, Đạo Khổng dạy người đời về cách lập Đức như sau:

“Đại Học chi Đạo,
Tại Minh Minh Đức
Tại Tân Dân
Tại chí ư chí thiện.”

Có nghĩa là cái Đạo làm người với cái học to tát nhất, tiêu biểu nhất, quan trọng nhất là phải làm sao cho sáng cái “Đức sáng của mình”.

Đây là một trong những phần giáo lý cao siêu nhất của Đạo Khổng nhằm mục đích “*Phối Thiên*” qua nhiều đạo hạnh tu chứng mà trong đó quan trọng hơn hết là “Khử nhân dục, tôn thiên lý” nghĩa là phải sạch đi cái vọng phàm phu, để làm hiển lộ ra cái chơn của Hiền Thánh.

Mặc dù đây là tinh túy của giáo lý Đạo Khổng nhưng có một điều nó không được minh giải nên phải mập mờ, không sáng tỏ và khó hiểu, mà nhiều người cũng như nhiều Đạo gia khác đặt vấn đề. Có phải chăng đây là sự thật? Nếu không thì tại sao trên 2000 năm qua tinh túy giáo lý lập Đức của Khổng giáo đã bị lãng quên và người ta chỉ hiểu chữ Đức với nghĩa là “Được”, thí dụ như Nhân đức, nghĩa là nhờ tu dưỡng, huân tập mà có lòng Nhân, chớ ý nghĩa cao siêu của chữ Đức để lập Đức hầu Phối Thiên để “*Thiên Nhơn hiệp nhất*” làm cho người với Trời trở thành một, hầu như bị lãng quên. Phải đợi đến đầu thế kỷ 20, với sự xuất hiện của Đạo Cao Đài, Thánh tượng của Đức

Khổng Tử mới được đặt ngang hàng với Đức Phật và Đức Lão Tử và tinh túy giáo lý lập Đức của Đạo Khổng cũng được làm sáng tỏ ngang hàng trong Tam Giáo qua giáo lý của Đạo Cao Đài.

***Lập Đức theo Lão Giáo**

Nói về chữ Đức cũng như đạo hạnh lập Đức trong đạo Lão, có nhiều luận giải cho rằng quan điểm của Lão Tử chống đối Khổng Tử. Hơn thế nữa, so với Đạo Phật thì Lão Tử lại thiên về vô vi, siêu hình trong khi Phật Giáo thì nhân bản và khoa học.

Để tìm hiểu vấn-đề, xin trước tiên xem qua định nghĩa của chữ Đức và đạo hạnh Lập Đức của Đạo Lão như thế nào?

Về định nghĩa, qua quyển Đạo Đức Kinh, Đạo Lão cũng đã giảng dạy về chữ Đức và Lập Đức với 3 định nghĩa đã nêu. Đó là “Được”, “Cái dụng của Đạo” và “Năng lực ngấm ngấm”. Tuy nhiên cũng như nhiều luận giả đồng ý, đó là với đạo Lão thì khía cạnh vô vi siêu hình được chú ý nhiều hơn, do đó đạo Lão chú trọng đến hai định nghĩa: “Cái dụng của Đạo” và “Năng lực ngấm ngấm”.

Thật vậy, chữ Đức trong đạo Lão, qua Đạo Đức Kinh, được thấy rõ nét với hai nghĩa, đó là cái Đức của Đạo, tức cái năng lực ngấm ngấm và thứ hai là cái Đức liên quan đến nhân sinh gọi là “Nhân sự chi đức” tức cái Đức khi mất Đạo.

Về cái Đức khi đã mất Đạo tức “Nhân sự chi đức” thì tại Chương 38 Thiên Hạ, quyển Lão Tử Đạo Đức Kinh, Lão Tử đã nói như sau:

“ CỐ, thất Đạo nhi hậu Đức
Thất Đức nhi hậu Nhân
Thất Nhân nhi hậu Nghĩa
Thất Nghĩa nhi hậu Lễ”.

Nghĩa là khi Đạo không còn nữa, nói nôm na là khi con người đã mất Đạo rồi thì lúc đó người ta nói đến Đức, và khi con người không còn có Đức nữa thì lúc đó mới nói đến Nhân. Đến khi

lòng Nhân đã cạn thì mới kêu gọi đến Nghĩa. Cuối cùng lúc Nghĩa chẳng còn giữ được thì phải vớt vác gọi đến Lễ để nhờ Lễ phục hồi lại Nghĩa, từ Nghĩa phục hồi lại Nhân, từ Nhân phục hồi lại Đức và từ Đức quay về với Đạo.

Đây là chữ Đức khi mất Đạo hay “Nhân sự chi Đức” tức cái Đức mà nhân sinh có thể nương theo trình tự đó mà trở về với Đạo, để không còn mất Đạo nữa.

Trên đây là cách trình bày của Lão Tử chớ Lão Tử không cố xúy cách “lập Đức nhân sự” này, vì Lão Tử cho rằng Lễ chỉ là màu mè, những gì hào nháng bên ngoài để biểu trưng cho sự kính vì hay trung tín một khi an bình xã hội đã lung lay và đã có mầm mống hỗn loạn (Phù Lễ giả trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ, Chương 38 Đạo Đức Kinh).

Tóm lại, Lão Tử cho rằng trình tự Lập Đức như thế này, đó là cái Đức không phải là “Cái Đức của Đạo” mà là “Cái Đức của sự mất Đạo” và chính ở điểm này mà có người cho rằng Khổng Giáo và Lão Giáo đối chọi nhau.

Từ quan điểm và lập luận như trên, Lão Tử chủ trương cái “Đức của Đạo”. Đức đó là cái động hữu hình của Đạo, là cái Đức . . . “Thị vị bất tranh chi Đức, thị vị dụng nhân chi lực, thị vị Phối Thiên chi cực.”⁴ Đó là cái Đức không tranh. Do không tranh nên mới thắng (Bất tranh nhi thiện thắng) mà lý do là vì mình không tranh với ai thì nào có ai muốn tranh với mình, nói khác hơn là vì mình không muốn hơn ai nên không ai hơn thua với mình, không ai hơn mình được. Hơn như thế mới là hơn trong đạo hạnh hơn từ bản thể, cái hơn không phải do ý nghĩ, lời nói, việc làm tức hữu vi, hữu lậu mà đó là cái hơn do không tranh hơn ai, vô vi, vô lậu, nên tự bản thể cái hơn đó nó hơn tất cả. Hơn như thế mới là cái hơn có được từ Đức của Đạo, cái hơn từ cái năng lực ngấm ngầm tiềm ẩn, và nhờ cái năng lực ngấm ngầm tiềm ẩn này để lập Đức của Đạo mà nhà Phật gọi là Công đức đó vậy.

***Lập Đức theo Phật Giáo**

Trong việc Lập Đức theo giáo lý Đạo Phật có một câu chuyện như sau:

Bồ Đề Đạt Ma, vị tổ Thiền Tông thứ 28 từ Ấn Quốc đông độ sang Trung Quốc. Sau ba năm lênh đênh trên mặt biển, Ngài đến Quảng Châu và được Vua nhà Lương là Lương Võ Đế triệu thỉnh.

Lương Võ Đế là một vị vua hâm mộ Đạo Phật. Ông có xây cất nhiều chùa, độ nhiều tăng và làm nhiều việc thiện. Khi Ngài gặp Đức Bồ Đề Đạt Ma, vua Lương Võ Đế hỏi:

“Trẫm đã cất được 72 kiếng chùa, nuôi được mấy ngàn tăng sĩ, thường bố thí chẩn bần, thiết trai đàn, như vậy Trẫm có được nhiều công đức không?”

Để trả lời vua Lương Võ Đế, Đức Bồ Đề Đạt Ma lắc đầu và nói rằng: “Thật không có công đức gì cả”.

Vì câu trả lời này, cộng thêm nhiều câu kế tiếp đã làm phật lòng nhà Vua, Đức Bồ Đề Đạt Ma biết rằng mình không có duyên với nhà Vua, do đó đang đêm bỏ sang nước Ngụy ở phương Bắc, vào chùa Thiếu Lâm ngồi diệm bích 9 năm, trở thành vị Tổ Thiền Tông thứ nhất ở Trung Quốc.

Để giải đáp thắc mắc vì sao Đức Bồ Đề Đạt Ma nói vua Lương Võ Đế không có công đức chi cả, dù rằng nhà vua đã làm không biết bao nhiêu việc thiện lành, Lục Tổ Huệ Năng về sau trong Kinh Pháp Bảo Đàn, phẩm Nghi Vấn, có giải thích rõ qua câu chuyện sau:

“Một hôm có một vị Thứ Sử vì Tổ thiết đại hội trai đàn. Trai xong, Thứ Sử xin Tổ dâng toà, quan liêu sĩ tứ đều thành kính lễ bái và Thứ Sử hỏi rằng: “Đệ tử nghe Hòa Thượng thuyết pháp, thật không thể nghĩ bàn, nay có một ít nghi, cúi mong Ngài đại từ bi đặc biệt vì giải nói”.

Tổ Huệ Năng bảo: “Có nghi liền hỏi. Tôi sẽ vì các Ông mà nói.”

Thứ Sử thưa:” Hòa Thượng nói pháp, đâu không phải là tông chỉ của Tổ Đạt Ma ư ?”

Tổ bảo: “Đúng vậy”.

Thứ Sử thưa: “Đệ tử nghe Tổ Đạt Ma khi mới đến gặp Vua Lương Võ Đế, Võ Đế hỏi: “Trăm một đời cát chùa, độ tăng, bố thí, thiết trai có những công đức gì? Tổ Đạt Ma bảo: “Thật không có công đức”. Đệ tử chưa thấu được lẽ này, cúi mong Hoà Thượng vì nói.”

Tổ Huệ Năng bảo: “Thật không có Công đức, chớ nghi lời của bậc Tiên Thánh. ***Võ Đế tâm tà, không biết Chánh Pháp, cát chùa, độ tăng, bố thí, thiết trai đó gọi là cầu phước. Không thể đem phước đổi làm Công đức. Công đức là ở trong Pháp thân, không phải do tu phước mà được.***”

Như vậy theo giáo lý đạo Phật thì phước đức và Công đức khác nhau. Phước đức thuộc về hữu vi, liên quan đến tiền trần ngoại cảnh tức ngoại vi, còn công đức thuộc về nội tâm, liên quan đến năng lực ngấm ngầm được vận dụng để lìa niệm, vô nhiễm, không phân biệt, không ngổ ngã tức không có tướng ngã, tướng nhưn trái lại tất cả đều Bình đẳng, Bác ái, Từ bi.

Tóm lại, Công đức thuộc về nội tâm còn phước đức liên quan đến ngoại tướng hữu vi. Như vậy theo giáo lý đạo Phật thì việc lập đức và tạo phước khác nhau. Lập đức không phải do bố thí, cúng dường, cát chùa, độ tăng mà được.

Giáo lý công đức này của đạo Phật cũng không khác gì giáo lý “Thượng Đức nhược cốc” hay “Thượng Đức bất Đức” của đạo Lão, hay giáo lý “Minh Minh Đức” của đạo Khổng.

b- Lập Đức trong Tam giáo có khế hợp hay đối chọi nhau không?

Đến đây một câu hỏi được đặt ra, đó là cách lập Đức trong Tam giáo có khế hợp nhau không hay đối chọi nhau?

Phải nói rằng nếu nghiên cứu thấu đáo tận tường thì lập Đức trong Tam giáo khế hợp nhau. Sự khế hợp tương thuận tương tùy này càng được thấy rõ hơn qua giáo lý và sự thờ phượng của Đạo Cao Đài. Đây là lý do mà nếu trước kia Ngài Tiếp Pháp Trương Văn Tràng trong quyển Giáo Lý nói rằng Cao Đài quy nguyên Tam giáo ở chữ Tâm thì nay chữ Đức hay đạo hạnh Lập Đức của Đạo Cao Đài cũng quy nguyên Tam Giáo vậy.

Đức có hai phần, Đạo Lão gọi là thượng đức và hạ đức, Phật giáo gọi là công đức và phước đức, còn Khổng giáo gọi là tại

minh minh đức tức là cái tiềm lực ẩn tàng trong con người. Nếu Phật giáo nói “Lập Đức là công đức xuất phát từ nội tâm thì Khổng giáo cũng dùng nội lực Chánh tâm, Thành ý của mình để làm sáng cái Đức sáng mà mình sẵn có (Tại Minh Minh Đức), và Lão giáo cũng không khác, cũng dùng năng lực ngấm ngấm, ẩn tàng để “Thượng Đức nhược cốc” (Chương 41 Đạo Đức Kinh) có nghĩa là Đức cao (Thượng đức) như cái hang (Nhược cốc) tức người có Đức cao thì tâm trống không, không ngã không nhờn, không người không ta, do đó mà không đúng không sai, không cao không thấp, không phải không quấy, không tốt không xấu, không thương không ghét, chỉ thuận theo tự nhiên, tất cả đều như như, tâm không động vì thanh tịnh, trống rỗng mà đạo Phật cũng nói “Tâm không” để chỉ mục đích của công đức tức Lập Đức trong nhà Phật cũng không gì khác hơn là đạt đến “Tâm không” cũng có nghĩa là “Tánh không”.

Tóm lại, hạnh Lập Đức trong giáo lý Tam giáo không có gì khác nhau mà trái lại là khế hợp nhau.

3- Lập Đức theo giáo lý Đạo Cao Đài

Khi nhập môn vào Đạo rồi người tín đồ Cao Đài phải tu học, rèn luyện bản thân cho có đầy đủ đức độ, thương người, mến vật, mến cả chúng sanh, dọn mình cho trong sạch để bước lên ngôi vị Thiêng liêng trong buổi qui hồi cự vị. Đại cương, lập Đức trong đạo Cao Đài gồm có:

- Tu Thân
- Trì giới
- Bối thí
- Tinh Luyện

a- Tu thân.⁶

Muốn lập Đức trước nhất phải lo tu thân khắc kỷ và theo lời dạy của Đức Cao Thượng Phẩm là để: ***“Đem trật tự lại trong con người, sửa ngay ngắn lại những gì chệnh lệch, chấn chỉnh lại những gì gian tà, đổi ra thành thật những gì giả dối”***. Để hoàn thành những công việc này, bản thân phải thực hiện nghiêm

chính những lời dạy của Đức Khổng Tử là phải *Thành ý, Chính tâm, Tu thân, Tề gia, Trị quốc, Bình thiên hạ*.

Về tu thân thì có Ngũ thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

1- Nhân:

Bởi cái Đức lớn của Trời là sự sinh, thì Đạo làm người phải theo Đạo Trời mà bồi dưỡng sự sinh. Cái Đức làm cho ta yêu người, yêu vật, muốn cho vạn vật “Cát đắc kỳ sở”, đó là đức Nhân vậy. Cái Nhân đó ứng dụng vào đời sống con người thì nó gồm tất cả nghĩa vụ làm người, nên Thầy Mạnh tử nói Nhân là Đạo làm người. Thực hành chữ Nhân là đem Thiên lý vào đời sống thực tế.

Muốn làm điều Nhân, người ta phải giữ lòng ngay thẳng, chẳng cho tư dục xen vào Tâm, để cho nguồn Thiên lý ở trong Tâm ung dung phát triển rồi ta cứ theo tiếng nói Thiêng liêng mà làm cho hết sức mình. Theo tình cảm, trước tiên chúng ta phải thương những người thân cận như là cha mẹ, anh em, gia tộc; thứ nữa phải nối rộng lòng Nhân đến cả nhơn loại vì Đức Nhân là tiêu chuẩn của lòng từ ái và tánh vị tha.

Thầy Mạnh Tử có quan niệm là lòng Nhân ái ví như cái hoa của đời sống, sự sinh tồn thiết thực là tình thương tràn trề và sung mãn. Nếu lòng Nhân ái không được mở mang đầy đủ thì nó như cái hoa héo trước khi nở.

Tóm lại, người có lòng Nhân phải trang nghiêm, phải có ý chí bền bỉ, không làm cho ai những điều mà mình không muốn người khác làm cho mình, khiêm nhượng, khoan hồng, cần mẫn, quảng đại, thi ân huệ cho người, thương yêu mọi người và mong cải tạo xã hội.

2- Nghĩa

Nghĩa là cử chỉ tác động theo Đạo lý, theo lòng Nhân nâng cao giá trị con người. Giúp đỡ một người nghèo đói, cứu

vớt một kẻ té sông. chia sốt thống khổ của người già cả tật bệnh, đó là làm điều Nghĩa.

Con người ai cũng có tánh ưa điều Nghĩa, song không làm được điều Nghĩa là tại cái lợi làm hỏng vậy. Người quân tử chủ tâm lấy cái Nghĩa trọng hơn cái lợi. Theo các Nho gia nếu biết khiến lòng háo Nghĩa thắng được lòng dục lợi thì thành ra điều hay, mà để lòng dục lợi đè được lòng háo Nghĩa thì thành ra điều dở. Nghĩa thắng được lợi là đời trị, lợi đè được Nghĩa là đời loạn. (Nghĩa thắng lợi giả vi trị thế, lợi khắc Nghĩa giả vi loạn thế). Cho nên Nho học khuyên “Tiên Nghĩa nhi hậu lợi” tức là phải làm việc Nghĩa trước rồi sau sẽ cầu lợi.

3- Lễ

Lễ không phải chỉ dùng để nói về việc thờ phượng cúng tế theo Tôn giáo mà nó bao gồm cả những qui củ mà phong tục và tập quán của nhân quần xã hội đã thừa nhận như quan, hôn, tang, tế . v . v . Lễ cũng dùng để khiến hành vi của người cho có chừng mực và hợp với đạo lý, vì nếu không có Lễ thì mọi việc trên đời đều hỏng vì rối loạn. Cho nên Đức Khổng tử dạy bảo Thầy Nhan Uyên rằng: “*Không phải Lễ thì chớ trông, không phải Lễ thì chớ nghe, không phải Lễ thì chớ nói, không phải Lễ thì chớ làm*”. (Phi Lễ vật thị, phi Lễ vật thính, phi Lễ vật ngôn, phi Lễ vật động)

Ngoài ra, Lễ còn có hiệu lực định lễ phải trái, tình thân sơ và trật tự trên dưới cho phân minh. Trong xã hội có vua tôi, thầy trò, cha con, chồng vợ, có người thân, có kẻ sơ, có việc phải, có việc trái, cho nên phải có Lễ để phân biệt tôn ti, khiến người ta biết cư xử với nhau cho phải Đạo, phân ra trật tự làm cho vạn vật không có điều chi hồ đồ hỗn độn.

Lễ để ngừa sự loạn sinh ra cũng như bờ đê giữ cho nước không đến được. Người giàu sang biết Lễ thì không bạo ngược, kiêu căng; người bần tiện biết Lễ thì không nản chí, không làm bậy. Bậc vua chúa biết Lễ thì mới biết cách trị nước an dân. Bởi vậy

các đấng Đế vương đời trước sở dĩ trị được thiên hạ là vì hiểu rõ thị dục của người ta, nên mới đặt ra Lễ và Nghĩa để phân biệt cái lợi, cái hại để trị thất tình (Hỉ, nộ, ái, cụ, ố, dục) và sửa Thập Nghĩa là phụ từ, tử hiếu, huynh lương, đệ để, phu nghĩa, phụ thính, trưởng huệ, ấu thuận, quân nhân, thần trung, đem sự hoà thuận, chuộng sự nhân nhượng bỏ sự tranh cướp.

Trên thế gian, con người chỉ biết được cái đã rồi, không biết được cái sắp có, Lễ là để ngăn cản trước việc chưa xảy ra, Pháp luật là để trị việc đã có rồi.

Bởi vậy, Thánh nhân trọng Lễ chứ không trọng hình.

4- Trí

Trí là một đức tính giúp chúng ta phân biệt điều lành lẽ dở, điều chánh lẽ tà. Người trí luôn luôn theo đường đạo đức, tránh kẻ vạy tà, gần người lương thiện để nâng cao giá trị mình trên đường xử kỷ, tiếp vật.

Về cách luyện trí, Đức Khổng Tử dạy ba điều:

- Luyện trí bằng cách học hỏi người nay.
- Luyện trí bằng cách khảo cổ (Học theo gương Thánh Hiền thời xưa).
- Luyện trí bằng cách trầm tư mặc tưởng để định trí an thần, tầm cho ra chân lý.

Nhờ có học con người mới được trí mình mẫn, thấy xa hiểu rộng. Trong sự học hỏi phải có sự chí thành, cương quyết, không vì thấy khó mà bỏ dở giữa chừng. Có điều mình chẳng học, nhưng đã học mà chẳng thành công thì không thối, có điều mình chẳng hỏi, nhưng hỏi mà không thông suốt thì không bao giờ chịu, có điều mình chẳng suy nghĩ, nhưng suy nghĩ mà không vỡ lẽ thì suy nghĩ mãi. Có bền chí như vậy sự học mới có kết quả khả quan.

Trí được sáng suốt, mình mới tự biết mình và biết người. Nếu làm người mà mình không tự biết mình thì thật lấy làm thương

hại! Biết người biết ta tức là bậc trí giả, không khi nào thất bại trên đường đời cũng như đường Đạo.

Thầy Mạnh Tử nói: “Cái kết quả chánh đại của đức Trí là sự thực hành rất kiên cố đức Nhân và đức Nghĩa, vì vậy đức Trí và lòng Nhân ái là hai kho quý báu của người hoàn thiện, là hai đức tính không rời nhau, vì không thể có cái này mà không có cái kia.

5- Tín

Tín là tin tưởng.

Trong phần Tín này, lời nói phải đi đôi với việc làm. Con người phải giữ chữ Tín và phải quý trọng lời mình nói ra, đúng lời, đúng hẹn. Có câu: “Nhứt ngôn ký xuất, tứ mã nan truy”. (Nghĩa là một lời nói ra, xe tứ mã đuổi theo không kịp).

Chữ Tín rất quan trọng. Nó thể hiện phẩm chất Đạo đức con người mình. Con người mà không có chữ Tín thì không làm nên được điều gì (Nhơn vô tín bất lập).

Tóm lại, biết được tác dụng của năm đức tính này (Ngũ thường) chúng ta theo đó mà tập luyện cho hết sức mình, làm cho nhập tâm hầu áp dụng vào đời sống hằng ngày của mình. Nho giáo còn cho rằng người quân tử cần hợp đủ các đức tính này. Người nào còn thiếu kém một trong những đức tính căn bản này thì không xứng đáng là người học Đạo và biết Đạo.

b- Trì Giới

1- Ý nghĩa của Giới

Giới giữ một vai trò quan trọng trong việc trau dồi đức hạnh của người tín đồ để từ đó người tín đồ tiến bước trên con đường Đạo. Đại cương giới có những đặc tính sau:

Giới là nền tảng căn bản của Đạo để dạy tín đồ tu

hành, nghĩ thiện làm lành, quan trọng nhất là không tạo **Nghiệp**. Chính nghiệp là động cơ dẫn dắt luân hồi.

– Giới đối với người tu cũng như nền nhà đối với ngôi nhà. Muốn cho ngôi nhà càng bền càng cao thì nền nhà phải thật vững chắc. Người tu cũng vậy. Muốn tránh khỏi sinh tử luân hồi và được siêu thăng hay giải thoát, trước tiên phải giữ gìn giới, giống như trước khi muốn cất nhà phải xây nền nhà thật vững chắc vậy.

– Giới gồm những tín điều về đức hạnh, là Giáo pháp tiên khởi mà tín đồ của bất cứ tôn giáo nào cũng phải hành trì trước khi muốn tiến xa hơn nữa trên bước đường chuyển hoá tâm thức hay phổ độ.

– Giới là nấc thang đầu lập phước đức để bước lên các bậc thang công đức. Bất cứ khách trần nào, cư sĩ hay tu sĩ, thuộc bất cứ tôn giáo nào, một khi đã bước vào đường tu thì trước nhất phải lấy Giới làm căn bản. Người tu nếu không giữ Giới thì dù tu Pháp môn nào vẫn không có nền tảng vững chắc. Công tu dù có những chứng quả sẽ không, và dù có đi phổ độ nhưn sanh, có hành pháp gì thì cũng không làm sao diệu dụng được.

2-Giới của người tín đồ Cao-Đài

Đã nhập môn vào Đạo, người tín đồ Cao Đài phải học thuộc kinh, giữ Giới, tuân hành nghiêm chỉnh các Luật của Đạo cùng phải học Thánh Ngôn, Thánh giáo dạy Đạo. Kinh ở đây là kinh Thiên Đạo và kinh Thế Đạo. Giới ở đây là Ngũ Giới Cấm và Tứ Đại Điều Qui được ghi trong Tân luật. Ngũ Giới Cấm là năm điều cấm căn bản mà tín đồ Cao Đài phải tuân hành để trau dồi tánh hạnh, được quy định ở Chương V, Điều thứ hai mươi một của Tân Luật.

Năm điều đó như sau:

1- *Nhứt Bất Sát Sanh*: là chẳng nên sát hại sanh vật.

2- *Nhì Bất Du Đạo*: là cấm trộm cướp; lấy ngang; lường gạt của người, hoặc mượn vay không trả, hoặc chứa đồ gian,

hoặc lợm lấy của rơi, hoặc sanh lòng tham của quấy để ý hại người mà lợi cho mình, cờ gian bạc lận.

3-*Tam Bất Tà Dâm*: là cấm lấy vợ người, thả theo đàn điếm, xúi dục người làm loạn luân thường, hoặc thấy sắc dậy lòng tà, hoặc lấy lời gieo tình huê nguyệt (Vợ chồng không gọi là tà dâm.)

4-*Tứ Bất Tửu Nhục*: là cấm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ, rối loạn tâm thần, làm cho não động xóm làng, hoặc miệng ước rượu ngon, bụng mơ đồ mỹ vị.

5-*Ngũ Bất Vọng Ngữ* : là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người, khoe mình, bày lổ người, chuyện quấy nói phải chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng, chê bai, nói hành kẻ khác, xúi dục người hờn giận, kiện thưa xa cách, ăn nói lỗ mắng, thô tục, chửi rủa người, phỉ báng tôn-giáo, nói ra không giữ lời hứa.

Ngoài việc tuân theo Ngũ Giới Cấm, người Tín đồ Cao Đài còn phải tuân hành Tứ Đại Điều Qui được ghi ở Điều hai mươi hai của Tân Luật:

1- Phải tuân theo lời dạy của bề trên, chẳng hổ chịu cho bực thấp hơn điều độ. Lấy Lễ hòa người. Lỡ làm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.

2- Chớ khoe tài, đừng cao ngạo, quên mình mà làm nên cho người. Giúp người nên Đạo, đừng nhớ cừu riêng. Chớ che lấp người Hiền.

3- Bạc tiền xuất nhập phân minh, đừng mượn vay không trả. Đối với trên, dưới đừng lờn dễ, trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.

4- Trước mặt sau lưng cũng đồng một bực, đừng kính trước rồi khinh sau.

Đừng thấy đồng Đạo tranh đua ngời mà xem không để lời hoà giải, đừng lấy chung làm riêng, đừng vụ riêng mà bỏ việc chung. Pháp luật phải tuân, đừng lấy ý trên mà trái trên dễ dưới. Đừng cậy quyền mà yếm tài người.

Nói chung, giữ Giới là để trau dồi đạo hạnh, cũng như nghiêm túc tuân hành Tân Luật là tuân hành Luật Thiên Điều tại thế. Về

điểm này, Đức Chí Tôn có giải thích lợi ích của Tân Luật như sau:

“Thầy tỏ thật cái Luật lệ mà Thầy khiến các con chung trí mà lập thành đây, nó ảnh hưởng về Đạo đức, Tiên phong, Phật sắc của các con, nên Thầy buộc mình cam chịu vậy; chẳng Luật lệ thì trái phép, mà trái phép thì thế nào vào Bạch Ngọc Kinh cho đặng.”

Tóm lại, giữ Giới, tuân hành Luật Đạo là rèn luyện, trau dồi đức hạnh cho mình trong phạm vi lập Đức. Đức Chí Tôn có lời khuyên:

“Nơi lòng Thầy ngự động Thầy hay,
Ngặt nổi là xưa chẳng thế bày.
Đạo hạnh khuyên con gìn tánh đức
Cửa Kinh Bạch Ngọc đã gần khai.”

- Bố thí

Lập Đức lấy Bố thí làm phương tiện. Theo Phật Giáo, bố thí là hạnh đầu tiên trong lục độ bồ tát hạnh (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ.) gồm có Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí.

Theo Đức Nguyên trong Cao-Đài, Bố thí gồm có Thí tài, Thí công, Thí ngôn, Thí Pháp

Thí Tài là đem tiền của giúp khó trợ nghèo. Thí Công là đem sức lực làm những công việc giúp người. Thí Ngôn là đem lời nói mà giúp ý kiến hay cho người để giải quyết những khó khăn của người. Thí Pháp là đem lẽ Đạo để cảm hóa để giáo dục người trở nên lành.

Những cách Bố thí trên chỉ có Thí Pháp là có nhiều công đức hơn cả. Giúp người đói, giúp người hết khổ hay thoát

khỏi tai nạn cũng chỉ qua một thuở mà thôi, duy chỉ có đem Pháp ra hóa độ người dữ ra hiền, người mê muội ra giác ngộ lo tu hành để mong thoát được vòng sinh tử luân hồi thì công đức ấy đời đời chẳng mất. **Lập Đức phải đứng trên quan điểm vô ngã, tức là quên mình mà lo cho người, chẳng cầu người trả, chẳng nghĩ đó là công do ta làm.**

Muốn lập Đức trên phương diện thí pháp cần phải có quyết tâm lớn trên đường tu học. Phải học cho thông, phải hiểu cho rành, quán thông từ Nhơn Đạo đến Thiên Đạo. Phải cầu bậc cao minh mà thọ giáo, chớ nên tự mãn, mới học nhom nhem nửa câu mà cho rằng biết hết, rồi đem cái biết thô thiển đó truyền thụ cho người thì tai hại vô cùng, không Lập Đức được mà lại tổn đức.

Ngày nào học thông chánh lý, lòng thông suốt, hiểu rành, nói rành chẳng còn gì trái với chơn ý của Thánh nhân, ấy là thể theo Thánh nhân mà nói lại lời của Thánh nhân.

Nếu là kẻ mê tín thì ta lấy chánh tín mà độ họ. Nếu là kẻ tư dục thì ta đem công lý giải bày. Nếu là kẻ tham lam thì ta đem việc thí tài mà giảng giải. Nếu là kẻ sân hận thì ta đem pháp nhẫn nhục mà độ. Nếu gặp kẻ chẳng may lạc vào Tả Đạo bàng môn thì ta đem chánh Đạo mà khai hóa. Nếu là kẻ si mê thì ta đem chánh lý mà mở mang trí tuệ cho họ...

Khi Lập Đức thì phải lập từ Đức nhỏ đến Đức lớn. Đức nhỏ cảm hóa người trong nhà, Đức lớn cảm hóa nhiều người trong thiên hạ. Đức lớn là Đức của bậc Thánh nhân, Đức nhỏ là Đức của bậc sĩ, hiền.

Đức lớn sáng soi khắp Trời đất, chói lọi như ánh thái dương, nên gọi là Minh Minh Đức. Có Minh Minh Đức mới xây dựng được một thế hệ tươi đẹp, mới đào tạo được giống dân mới gọi là Tân Dân. Tân Dân còn gọi là Thân Dân là thương mọi người như thương mình, hay như thương người thân của mình.

Vua Nghiêu hằng nói với quần thần: “Các khanh hãy thương yêu dân như thương yêu Trẫm, dân đói là Trẫm đói, dân rét là Trẫm rét, như vậy đời sao không thịnh trị?”. Quần thần khi nghe được lời nói của đấng minh Quân như thế thì ai mà chẳng xúc động. Toàn thể quốc dân nghe được lời nói của vua như thế thì ai mà chẳng động lòng. Động lòng vì Đức cả, Nhân lớn, nên cả thầy đều lo tích đức tu nhân, mọi người đều no cơm ấm áo. Chẳng còn nghèo, chẳng còn đói thì đâu còn cảnh trộm cướp mà chỉ đua nhau làm nhân nghĩa, nên nhà nhà không đóng cửa, ngoài đường không ai lượm của rơi, người người thanh thoi mà an hưởng cảnh thanh bình Trời Nghiêu đất Thuấn....

-Tĩnh luyện

Theo Tân Luật, nơi đề mục Tĩnh Thất, người tín đồ muốn được vào tịnh thất để tu luyện thì phải có điều kiện là đã xử tròn nợ đạo và giữ trai giới từ sáu tháng sắp lên.

Người vào Tịnh thất phải giữ cho Chơn thần an tịnh, đừng xao xuyên lương tâm và phải tuân mạng lệnh của một tịnh chủ để hành công tu luyện.

Trong việc lập Đức, Đức Phạm Hộ Pháp đã chỉ dẫn rất rõ khi Đức Ngài dạy tín đồ nên “*Hồi quang phản chiếu*” qua hai Đàn thuyết Đạo tại Đền Thánh vào ngày 9-7 và 15-12 năm Mậu Tý 1948.

Hồi quang phản chiếu là chẳng nên phóng quang dòng ruồi bên ngoài mà trái lại phải trở về với nội tâm mình, soi rọi lại chính mình, dùng nội lực nội tâm tức năng lựa ngấm ngấm để thanh tịnh bản thân, làm cho vọng tâm trở thành chơn tâm tức tâm phàm phu trở thành tâm Thánh hiền, Tiên Phật. Đây là cách dụng công Lập Đức để trở về với Đạo mà Đạo Phật gọi là Công đức, đạo Lão gọi là Thượng đức và Đạo Khổng gọi là Minh Minh Đức và Đạo Cao Đài gọi là Lập Đức.

Nói cách khác, Đạo Cao Đài với chân lý Lập Đức là đã dung nạp Công Đức, Thượng Đức, Minh Minh Đức của Tam giáo vì lập Công đức, lập Thượng đức hay Minh Minh đức, cả ba cũng đều là Lập Đức mà thôi.

Trên đây là một số ý niệm về việc Lập Đức từ những người bình dân cho đến bậc Vua quan cao trọng đều có thể lập được tùy theo khả năng, địa vị trong xã hội...

B- LẬP CÔNG.

Lập Công là đem sức lực của mình ra làm việc để phụng sự cho Nhơn sanh.

Việc Lập Công được chia ra làm ba phần: Công phu, Công quả, Công trình. (Còn gọi là Tam Công)

a- Công phu:

Phần Công phu gồm có hai việc:

- Học tập để thông hiểu Giáo lý, Luật pháp, Kinh kệ của Đạo và cúng Đức CHÍ TÔN vào tứ thời: Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu.

*** Học tập kinh sách Đạo:**

- Kinh thì có Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo (Tân Kinh).
- Luật thì có Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Bát Đạo Nghi Định, Đạo Luật năm Mậu Dần, Luật Hội Thánh.
- Giáo lý thì có các sách: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, Giáo lý của Tiếp Pháp Trương Văn Trảng, Thiên Đạo của Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, Chánh Trị Đạo của Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, vv... .

Việc học tập kinh sách có mục đích mở mang thể Trí của tín đồ.

*** Cúng Đức Chí Tôn vào tứ thời:**

Thực hiện cúng Đức Chí Tôn nơi Thiên Bàn tại tư gia hoặc tại Thánh Thất vào Tứ thời: thời Tý lúc 12 giờ khuya, thời Ngọ lúc 6 giờ sáng, thời Dậu lúc 12 giờ trưa, thời Sửu lúc 6 giờ tối.

Việc Tứ thời công phu này rất quan trọng, vì lúc đó chơn thần chúng ta hấp thụ thanh điển của Trời.

Đức Quan Âm Bồ Tát giảng Cơ nói rằng:

“Các em phải lo cúng kiếng thường:

- Một là tập cho Chơn thần gần gũi các Đấng Thiêng Liêng cho đặng sáng lạng.

- Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.

- Ba là có tế Lễ thì tâm phải có Cảm, Cảm rồi mới Ứng là lẽ tự nhiên.

- Bốn là tâm có Cảm thì lòng Bác ái mới mở rộng, mà nhưt là khiếu lương tri lương năng của các em nhờ đó mà lần hồi thành ra mãn huệ. Các em nhớ à! “(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển)

Thất Nương Diêu Trì Cung cũng có viết:

“Lễ bái thường hành tâm Đạo khởi. “

Như vậy, việc Công phu hằng ngày giúp cho người tín đồ mở được Trí huệ, tức là cái trí càng ngày càng thêm sáng suốt.

b- Công quả

Tất cả những việc làm giúp người giúp đời, phụng sự Đạo, phụng sự nhơn sanh, dù phạm vi nhỏ hay lớn, đều gọi là Công quả, vì những công việc này tạo ra một kết quả tốt đẹp nơi cõi Thiêng liêng.

Công quả muốn được chánh danh và đúng ý nghĩa của nó thì phải là **Công quả phát xuất từ lòng tự nguyện tự giác, thiết tha với nó, xem nó là mục đích của đời mình.**

Mỗi người tùy theo khả năng chuyên môn mà làm Công quả. Trong Đạo, biết bao nhiêu công việc, đủ mọi ngành nghề, từ việc làm bằng sức lao động đến việc làm bằng trí não.

Đức Chí Tôn hằng dạy rằng: “*Vậy Thầy khuyên các con, đũa nào có trí lực bao nhiêu, khá đem ra mà thi thố, chớ đừng sụt sè theo thói nữ nhi, vậy cũng uống cái điểm Linh quang của Thầy ban cho các con lắm.*” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển)

Đức Chí Tôn cũng đã hứa: “*Bao nhiêu công quả bấy nhiêu phần*”. Đức Chí Tôn đại khai ân xá, mở Đạo kỳ ba này là lập một trường thi công quả cho nhơn sanh đắc Đạo.

“*Thầy nói cho các con biết, nếu công quả chưa đủ, nhân sự chưa xong, thì không thể nào các con luyện thành đặng đầu mà mong, Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này thì tìm cách khác mà làm âm chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao.*” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển)

Làm công quả phụng sự nhơn sanh là thể hiện đức tánh Từ Bi Bác Ái. Càng làm Công quả thì thể Bi trong mỗi người chúng ta càng phát triển, và phải tiếp tục làm cho nó phát triển mãi, để cuối cùng hòa nhập được vào khối thương yêu vô tận của Đức Chí Tôn.

c- Công trình:

Công trình là việc lập hạnh tu hành, bao gồm việc gìn giữ Giới Luật như: Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Qui, Thế Luật, việc ăn trai kỳ hay trường trai.

Việc lập hạnh đòi hỏi người tu phải có ý chí mạnh mẽ, hùng dũng mới thắng nổi những sự yếu hèn và ham muốn của thể xác, do lục dục và thất tình xúi giục gây ra. Thể xác lúc nào cũng muốn tự tung tự tác, sung sướng thoải mái, chớ đâu chịu bó mình trong giới luật.

Do đó, việc lập hạnh tu hành là thể hiện cái DŨNG của con người. Cần phải dũng cảm chiến thắng sự đòi hỏi buông lung của thể xác. Không có chiến thắng nào vẻ vang hơn chiến thắng được dục vọng của mình.

Tóm lại:

- Công quả là thể hiện đức BI,
- Công phu là thể hiện đức TRÍ,
- Công trình là thể hiện đức DŨNG.

Tam Công: Công phu, Công quả, Công trình, liên hệ mật thiết nhau, quan trọng như nhau, giống như Bi, Trí, Dũng, không thể tách rời, không thể bỏ sót phần nào được, mà phải phát triển song song nhau thì sự tiến hóa tâm linh mới nhanh chóng và mau đắc quả.

C - LAÄP NGOÂN

Lập Ngôn là nói những lời chơn thật, chánh đáng và có Đạo đức. Lời nói thốt ra từ cửa miệng gây nên khẩu nghiệp. Trong Tam nghiệp: Thân, Khẩu, Ý thì Khẩu nghiệp dễ mắc phải nhất, vì lời nói không mất tiền mua nên người ta cứ phát ngôn bừa bãi vô tội vạ. Nhưng người tu thì phải nghĩ rằng: lời nói không tốt gây ra khẩu nghiệp cũng nặng nề như Thân nghiệp và Ý nghiệp.

Cho nên khi nói ra lời nào, chúng ta cần phải suy nghĩ cho cẩn thận, xem lời nói đó có chơn thật không, có gây thiệt hại cho ai không? Tây phương có một câu cách ngôn làm lời khuyên rất quý báu: Trước khi nói phải uốn lưỡi bảy lần.

Nho giáo cũng có dạy rằng: “*Nhứt ngôn khả dĩ hưng bang, nhứt ngôn khả dĩ tán bang*”. Câu nói này là để cảnh giác các vị Vua khi nghe những lời tâu cáo của quân thần: lời nói nào trung quân ái quốc, lời nói nào sàm nịnh hại nước, hại dân.

Đức CHÍ TÔN cũng thường dạy rằng: “*Thầy dạy các con phải cẩn ngôn cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội*”

cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể”.

Người tín đồ Cao Đài muốn Lập Ngôn đứng đắn thì phải áp dụng triệt để những điều răn cấm như sau;

-Cấm vọng ngữ: tức là nói dối.

-Cấm lưỡng thiệt: tức là đem chuyện người này thuật lại với kẻ nọ làm cho hai bên xích mích nhau.

-Cấm ác khẩu: tức là lời nói hung dữ.

Cấm ý ngữ: tức dùng lời xảo trá để gạt gẫm người sai vào tội lỗi.

II- TAM LẬP ĐỐI VỚI TAM GIÁO

Tam Lập (Lập đức, Lập công, Lập ngôn) là tinh túy giáo-lý của Cao-Đài đồng thời cũng là một chân đế quy nguyên tam giáo.

Nói quy nguyên tam giáo vì Đạo Cao-Đài cũng như Nho, Thích, Lão tất cả đều có mục đích cuối cùng là siêu thoát , Phối Thiên, chỉ hiềm vì với chữ phối Thiên thì mỗi tôn-giáo dùng danh từ mỗi khác, nên nhiều khi nảy ra những ý kiến cho rằng có một hai tôn giáo nào đó có chối bỏ nhau.

Hơn thế nữa, trên 2000 năm qua tôn chỉ Phối Thiên của 2 tôn giáo Khổng và Lão hầu như đã bị bỏ qua một bên (bị quên lãng). Khổng Giáo thì đã bị nhiều nước Á-Đông làm cho biến hình đổi dạng mà lý do là vì giáo-lý của Đạo Khổng có được khả năng an bang tế thế nghĩa là mang lại được trật tự, an bình cho xã-hội, do đó tôn giáo này trở thành một đạo dùng để đào tạo các “ phụ mẫu chi dân” hay” lương y như từ mẫu”. Chính vì lý do này mà tôn-chỉ “ Phối Thiên” hay “ tại minh minh đức” đã mặc nhiên bị chìm vào quên lãng.

Đó là số phận của Khổng giáo chuyển thành Nho giáo do yêu cầu của tình thế mà Lão-Giáo cũng không khác.

Ngày nay, Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ quy nguyên tam giáo, đặt ba tôn-giáo ngang hàng nhau trong việc cúng kiếng, thờ phượng, thứ đến làm sáng tỏ tôn chỉ

“ Phối Thiên” của Đạo Khổng là “ Tư tri nhân, bất khả dĩ bất tri Thiên” (Trung Dung XX) và “ Thiên Nhân bản vô nhị” nghĩa là Trời Người không khác.

Với Đạo Lão, một tôn giáo qua quyển Đạo-Đức Kinh không hơn 5000 chữ nhưng lại chứa đựng tất cả trí khôn của nhân loại, trong đó nơi chương 68 Đức Lão-Tử có viết: “ . . .thị vị Phối Thiên chi cực” mà Hà Thượng Công trong phần chú giải Đạo-Đức kinh chỉ ghi có 4 chữ:” thị vị Phối Thiên” và giải nghĩa là Đức Phối Thiên giả tức là Đức hợp với Trời vậy.⁸

Đối với Phật Giáo, về từ ngữ Phối Thiên, Đức Phật Thích Ca có chỉ rõ “ Phật tức Tâm hay Tâm, Phật, chúng sanh tam vô phân biệt ” qua đàn cơ ngày 15 tháng 9 năm Bính Dần (24-10-1926) tại Phước Linh Tự trong đó Phật Thích Ca Mâu Ni tá danh Cao-Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giáo đạo Nam Phương có dạy:” Các con là chư Phật, chư Phật là các con “. Như vậy lời dạy của Đức Chí-Tôn tại đàn cơ ngày thứ năm 13 tháng 6 Bính Dần (22-7-1926) rằng “ Các con là Thầy, Thầy là các con” rất phù hợp với giáo-lý của Đạo Phật.

Tóm lại , dù rằng trên phương diện danh từ , đạo Cao-Đài cũng như tam giáo có dùng những từ ngữ khác nhau để quảng diễn Phối Thiên, chữ Phối Thiên vẫn luôn luôn có cùng một ý nghĩa trong giáo-lý tam giáo cũng như trong giáo-lý Cao-Đài. Do đó có thể nói Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ quy nguyên tam giáo, quy nguyên ở chỗ dù được gọi là Thượng Đức như Lão giáo, Minh Đức như Khổng giáo, Công Đức như Phật giáo và Lập Đức như Đạo Cao-Đài

III- TAM LẬP ĐỐI VỚI NGƯỜI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI.

A-Tam Lập và việc Tu Thân, Khắc Kỷ Tiếp vật.

Trong Bài giảng về “Phương Pháp Tu Thân và Thuyết Tam Lập” của Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang, có đoạn nói rõ về mối tương quan của việc Tu thân Khắc Kỷ, Tiếp Vật và Thuyết Tam Lập như sau: “ Hai chữ *Tu thân* không phải chỉ có một ý nghĩa tiêu cực là sửa trị nét xấu mà là bao hàm một chương trình rộng rãi trau dồi tài đức. Tu thân cũng không phải chỉ có một quan niệm hoàn toàn về cá nhân, vì phép tắc đối với mình tức là “*Xử kỷ*” phải luôn luôn đi kèm với phép tắc đối với người và việc tức là “*Tiếp vật*”. Muốn được hoàn hảo trong việc Xử kỷ và Tiếp vật, con người cần phải thực hành phép Tam lập, tức là Lập Đức, Lập Công và Lập Ngôn.”

Nói cách khác, trong cửa Đạo Cao Đài, Tam Lập là một Pháp môn giúp cho người tín đồ không ngừng hoàn thiện trong việc Tu Thân, Khắc Kỷ.

Nếu các Bậc Thánh Hiền Nho Giáo dạy con người “Khử Nhân Dục, Tồn Thiên Lý” thì Thuyết Tam Lập phải nói là một Pháp môn giúp con người tiến tới hoàn thiện việc Tu thân, trở về với đường Nhân nẻo Thánh.

Đó là về mặt Khắc Kỷ Tu thân, còn về mặt Tiếp Vật, thực hiện được Tam Lập là thể hiện đức Công Bình, lòng Nhân Ái bao dung, là một phương thức tuyệt vời để đạt chữ “Hòa” như Đức Chí Tôn đã dạy “có Hòa mới có Hiệp, có Hiệp mới có Thương, mà sự Thương yêu là chìa khóa mở cửa Tam Thập Lục Thiên và Cực Lạc Thế Giới” ngõ hầu dẫn con người trở về với Chân Thiện Mỹ, trở về với “ĐẠO”.

Trong Phần Thuyết Đạo ngày 19 – 4-Tân Mão tại Tòa Thánh, Đức Hộ Pháp đã dạy rõ như sau:

“Bây giờ chỉ nói tại sao có Tam Lập ấy mà thôi.

Nếu người nào không có Tam Lập thì không có ở chung với ai được hết, chính mình đối với cơ thể hữu vi của đời, tức nhiên Thể Pháp mà không có bằng cơ chi hết thì ai tin rằng có Bí pháp để đạt Pháp, đạt Đạo.

Thế Pháp mà không làm đặng, Bí Pháp vẫn khó, làm sao cho rồi, nếu mà không rồi hành tàng của họ về Bí Pháp tức nhiên mê hoặc chúng sanh mà thôi. Phải có hình mới có bóng, khi nào thấy bóng tức nhiên chúng ta quyết định có hình, bóng hình phải tương liên với nhau mới đặng.

Ấy vậy Tam Lập là: Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn. Con người khi sanh ra mặt địa cầu này không có Tam Lập thì giá trị con người không có gì hết. Tam Lập ấy quyết định cho ta, ta phải có mới sống chung với xã hội như quần đực. Nếu con người không có Đức thì làm sao xử sự trong gia đình, ngoài xã hội đặng.

Con người không có Công thì ở với ai cũng không được. , không làm gì có nghĩa với người, với đời, thì sống với ai ?

Cũng như người ta thì chơn chất thật thà, hiền lương đạo đức, còn mình xảo ngữ lường gạt, không chút dạ như từ, thì dầu cho người có tài tình đến mấy mà thiếu ba điều đó thì không thể gì sống với ai được hết, như vậy thì địa vị mình tại mặt thế này chưa rồi⁸”

B- Tam Lập và vấn đề Lập vị của người Tín đồ Cao Đài.

Đối với Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn khai Đạo Kỳ ba là nhằm mở Chân Lý ra đem Đạo đến cho mọi người để theo đó dụng công tu tập đạt Đạo (*Mang ý nghĩa của hai chữ Phổ Độ: Phổ là bày ra khắp, Độ là cứu Chúng sanh*) chứ không có nghĩa là tự hình thành một tha lực từ bên ngoài để cho Nhơn sanh nguyện cầu và dựa vào đó mà chứng đắc.

Theo lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tại Đền Thánh đêm 19-2-Mậu Tý (29-9-48) thì Đức Chí Tôn có dạy như sau: “*Của mỗi đứa con, Ông còn giữ một Đại nghiệp. Đại nghiệp ấy không phải của Ông cho mà là của tự mình chúng ta tạo dựng*”.

Đại nghiệp mà Đức Chí Tôn nói đây là Đại nghiệp giác ngộ giải thoát mà Chúng sanh phải tự mình dụng công tu tập hầu đạt Đạo. Nói rõ hơn, việc thành Đạo hay không là do nơi mỗi người chứ Đức Chí Tôn không cho ai được.

Đức Chí Tôn có dạy:

“Thầy đến độ rồi các con là thành lập một trường công đức cho các con nên Đạo. Vậy đức Đạo cùng chẳng tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn.”¹⁰

“Thầy đã nói cho các con hay trước rằng: nếu các con **không tự lập** ở cõi thế này, là cái đời tạm của các con, thì Thầy cũng không bồng ẵm các con mà đỡ lên cho dựng. Ấy vậy cái vấn đề tự lập là vấn đề các con phải lo đó.”¹⁰

Thật vậy, “**Ý nghĩa Tự lập**” đã được Đức Chí Tôn luôn nhắc nhở, bàn bạc trong các Thánh Ngôn, Thánh giáo để giáo huấn con cái của Thầy, lúc thì giản đơn bình dị, lúc thì cao siêu vi diệu: “Thầy là các con, các con là Thầy” (Đàn cơ 27-7-1926)

Và: “Thầy là Chư Phật, Chư Phật là Thầy, Các con là Chư Phật, Chư Phật là các con” (Đàn cơ 24-10-1926)

Ngoài việc chỉ dạy “**Thầy đã lập cho các con một Trường thi Công quả tại thế gian này**”, Đức Chí Tôn còn chỉ rõ ba con đường do Thầy khai sáng để cho Môn đệ noi theo mà lập vị:

Đó là:

-Lập vị qua hành Đạo tại Cửu Trùng Đài, tức là đi theo phẩm trật Cửu Thiên Khai Hóa gồm 09 phẩm cấp từ Địa Thần đến Thiên Tiên (Còn gọi là Cửu phẩm Thần Tiên).

-Lập vị qua con đường hành Đạo nơi Cơ Quan Phước Thiện đi theo Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng, (Từ phẩm thấp nhất là Minh Đức đến cao nhất là Phật Tử).

-Lập vị qua con đường vào Tịnh Thất luyện Đạo để đoạt vị tại thế.

Nhưng dù đi theo con đường nào đi nữa trong việc lập vị thì người tín đồ Cao Đài cũng phải thực hiện trọn vẹn và đầy đủ Tam Lập. Nói cách khác, Pháp môn Tam Lập là chiếc đũa Thần giúp cho Môn đệ Cao Đài đi tới hoàn thiện việc tu thân hầu làm tròn Nhơn Đạo để đắc quả thành Thánh, Hiền, Tiên, Phật.

KẾT LUẬN.

Để kết luận, chúng tôi xin trích dẫn một nhận định sau đây của tác giả Nhân Tử (Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ), một học giả uyên thâm về Tam Giáo “**Chúng ta sinh ra ở cõi đời này, sau trước cũng phải thực hiện một cuộc hành trình - Không phải là một cuộc hành trình thiên sơn vạn thủy nơi ngoại cảnh, mà chính là một cuộc hành trình nội tâm để tìm Đạo, tìm Trời**”.

11

Trong cuộc hành trình tìm Đạo, tìm Trời, người Môn đệ Cao Đài luôn tâm niệm rằng:

-Thượng Đế luôn ở trong ta.

- Làm chúng sanh hay thành Phật tất cả đều do ta chứ không phải do tha lực từ bên ngoài.

Nhưng muốn đắc quả Thánh, Hiền, Tiên, Phật, trước hết người Môn đệ Cao Đài phải tu tròn Nhơn Đạo. Thánh nhân xưa có câu rằng: “Dục tu Tiên Đạo, tiên tu Nhơn Đạo; Nhơn Đạo bất tu, Tiên Đạo viễn hỹ” (*Muốn tu Tiên Đạo, trước hết phải tu Đạo làm người, Đạo làm người mà không tu, thì Đạo Tiên khó mà đạt được*).

Đức Chí Tôn có dạy:

Buông trôi ví chẳng tròn Nhơn Đạo,

Thì có mong chi đến Đạo Trời.

Trong chặng đường thực hành Nhơn Đạo, với quan niệm rằng “mỗi người đều có Thượng Đế ở trong Tâm”, người tín đồ Cao Đài tự bản thân quyết gìn lòng sửa tánh, dụng công tu tập Pháp môn Tam Lập để trước hết hoàn thiện việc Tu thân, sửa mình ra người Thánh Thiện để phụng sự Vạn linh góp phần khơi lại đóm lửa thiên lương trong lòng nhân thế ngõ hầu xây dựng một Xã hội Thánh đức, Huynh đệ Đại Đồng tại thế này.

Mà khi Nhơn Đạo đã thành thì con đường “Phản Bản Hườn Nguyên”, tìm về Thiên Quốc sẽ không xa.

Rõ thật là “**Đạo cao thâm, Đạo cao thâm!**”

“Trường thi công quả, Phương thức lập vị và Pháp môn Tam Lập” mà Đức Chí Tôn để tại mặt thế này có thể nói: Chỉ có trong cửa Đạo Cao Đài. .

HẾT

TU THÂN THEO ĐẠO CAO-ĐÀI

Hiền Tài Lê Văn Thêm

I-DẪN NHẬP

Có một câu chuyện dân gian mà người xứ Tây Tạng hầu như ai cũng biết. Những người đứng tuổi hoặc các cụ già thường hay nhắc lại cho nhau nghe. Đó là chuyện chim bồ câu làm tổ.

Chuyện kể rằng chim bồ câu vì quá mê chỗ ở của mình mà thức mãi trắng đêm không ngủ để cố lo dọn cái tổ của nó. Đến lúc dọn chưa xong thì Trời đã sáng, thế là không làm sao ngủ được.

Câu chuyện chim bồ câu mê tổ được người Tây Tạng, nhất là các bậc Đại Sư, các vị Lạt Ma căn cứ vào đó để răn dạy người đời.

Các bậc Đại Sư bảo rằng con người cũng mê cái thân mình, giống như chim bồ câu mê tổ vậy.

Đối với chim bồ câu thì cái tổ chẳng qua là nơi tá túc tạm thời thôi, rồi trước sau gì nó cũng phải hư hoại. Đối với người đời, tấm thân con người cũng vậy. Có ai sống mãi được muôn đời. Sớm muộn gì thì tấm thân hình vóc tóc da thọ chi phụ mẫu do tứ đại hòa hợp nầy cũng sẽ rã tan. Ấy thế mà con người lại mê cái thân mình như chim bồ câu mê tổ vậy.

Vì mê tấm thân nên từ lúc được cha mẹ sinh ra rồi trải qua suốt cuộc đời ngắn ngủi, con người đã bỏ ra không biết bao nhiêu công sức và gần như hết cả thời giờ để lo vun bồi tô điểm tấm thân mình. Chỉ vì tấm thân mà con người chuẩn bị hết việc nầy rồi lại lo toan thêm bao nhiêu việc khác, có thể nói con người đã dùng trọn cuộc đời mình để lo, miễn làm sao cho tấm thân được sung sướng, ấm no, cao sang, phú quý.

Do mãi lo cho thân mà con người quên rằng thân này đối với mình có khác nào là cái tổ đối với chim bồ câu đâu. Tấm thân nầy cũng chỉ giả tạm thôi, thế rồi nó cũng theo luật tuần hoàn mà thành trụ hoại không. Nó chỉ như quán trọ đối với một

khách lữ hành , chỉ là nơi tá túc tạm thời cho một chơn linh, một tâm hồn trong một kiếp mà thôi.

Có khách lữ hành nào khi dừng chân nơi quán trọ mà lại nghĩ rằng đó là nơi cư ngụ vĩnh viễn của mình không? Có ai nghĩ như thế rồi lại bỏ công ra trang hoàng phòng trọ hay xây dựng nó càng thêm cao sang đẹp đẽ hơn, rộng rãi hơn không? Chắc chắn là không ? Họ cứ đến, tạm ở , rồi đi chẳng khác nào như một con người đã đến với cuộc đời là lúc được cha mẹ sinh ra để làm kiếp con người , rồi trước sau gì cũng phải để cho tấm thân này trở về với cát bụi . tức là phải ra đi. Biết rõ sự thật là như vậy nhưng tại sao con người lại tốn quá nhiều thời gian công sức , có thể nói cả trọn đời mình để chỉ lo tom góp , tóm thâu cho cái thân giả tạm này, rồi chỉ để thành linh phải đối diện với cuộc đời sau mà họ hoàn toàn không chuẩn bị ?

Nhằm có thể chuẩn bị phần nào cho cuộc đời mai sau- nếu con người chịu tin như vậy- điều cần thiết là con người phải cố lo ***tìm để biết đâu là sự thật, để thấy sự thật đó***. Việc thấy được sự thật sẽ làm cho con người được hoàn thiện hơn, tốt đẹp hơn, thăng hoa hơn ở cuộc đời sau và ***hoàn toàn hạnh phúc khi đang sống với cuộc đời này***.

II-TÌM SỰ THẬT

Có một sự thật mà người đời ít khi muốn biết, ít ai muốn nghe nói đến nhắc đến và hầu như trở thành cấm kỵ, đó là sự thật liên quan đến bản thân của mỗi con người.

Sự thật là một ngày nào không xa, sớm hay muộn gì thì con người cũng phải rời xa bản thân mình , dù mình có muốn hay không, cũng như mình sẽ rời xa hay bỏ lại những người thân yêu của mình , nếu không thì trước hay sau họ cũng rời bỏ mình rời xa mình vậy thôi.

Thật vậy, thử hỏi có nơi nào trên thế gian này mà con người có thể giữ mãi được sắc thân mình , cái thân tứ đại giả hợp này không? Nào có ai lột da sống đời mãi được đâu? Con

người cứ đến với cuộc đời , tung tăng nhảy múa, hát ca hưởng thụ mà không hề nghĩ rằng hễ có đến thì ắt hẳn phải có đi. Việc con người đến với cuộc đời này rồi đi là một sự thật mà một triết gia người Pháp là Montaigne từ thế kỷ thứ 17 đã khuyên người đời nên có cái nhìn thực tế đối với bản thân xác thịt của mình.

Thực tế về bản thân xác thịt đó ngày nay Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ đã nói ra rất rõ.

Theo giáo-lý Đạo Cao-Đài - cũng như Kinh nhà Phật- thì riêng xác thân này nó chỉ là một khối vật chất duyên hợp giả có mà thôi. Nó đến từ cát bụi thì cũng có một ngày nào đó nó sẽ trở về với cát bụi mà Kinh Tản Liệm phần Thiên Đạo có viết như sau:

“Khối vật chất vô hồn viết tử,
Đất biến hình tự thử qui căn.”

nghĩa là xác thân của mỗi người chỉ là một khối vật chất, do tứ đại đất, nước, gió, lửa tạo thành. Nó biến hoại theo thời gian và sẽ tan hoại hoàn toàn vào một ngày nào đó sớm hay muộn mà thôi.

Biết như vậy, nhưng tại sao người ta lại sợ ? Tại sao con người sợ mất nó, sợ xa lìa nó? Lý do là vì con người đã quen sống với nó. Nếu mất nó thì chẳng khác nào như một sự chấm dứt tàn bạo những gì mà con người đã quen thuộc. Mất nó người ta không biết sẽ như thế nào, đi đến đâu, về đâu, người ta sẽ rơi vào một cái gì hoàn toàn xa lạ, hay nếu có trở thành người nào thì người đó cũng hoàn toàn khác hẳn với xác thân hiện tại, hiện có của con người. Nói rõ hơn, người ta lo sợ mất đi cái xác thân hay cái cuộc đời mà con người quá quen thuộc ; lo sợ chia lìa với những người, hay những gì mà người ta thương yêu ; lo sợ phải bỏ lại bao nhiêu của cải tài-sản hay công việc còn dở dang. Càng lo sợ hơn là đối với những người mà trong cuộc đời đã tạo quá nhiều tội lỗi , rồi hễ càng lo sợ càng tránh né sự thật thì nỗi lo sợ đó lại càng tăng thêm lên, nên cứ lo bám víu nó, không khi nào muốn rời xa nó, ý chừng như muốn mãi mãi trường sinh, mà

thử hỏi con người có trường sinh được không? Thí dụ được thì sẽ vui hay sẽ khổ?

III-VẤN ĐỀ SỐNG LÂU

Nói đến vấn đề sống lâu hay trường sinh, có một câu chuyện dân gian Lào được kể lại như sau:

Chuyện kể rằng có một bác tiểu phu hằng ngày vào rừng đốn củi đem ra chợ bán để độ thân và nuôi sống gia đình. Cùm rừng đó bác lui tới thường xuyên và luôn luôn đi vào bằng con đường mòn quen thuộc mà bác hằng đi mỗi ngày.

Bỗng một hôm trên đường đi quen thuộc đó bác lại nghe có tiếng nhạc hòa vang cộng thêm mùi hương ngào ngạt. Bác lấy làm lạ vì con đường này hằng ngày mình qua lại có nghe thấy gì đâu mà hôm nay tại sao lại có những hiện tượng kỳ lạ như thế. Vì ngạc nhiên nên bác đi tìm nguyên nhân.

Bác lần theo mùi hương cùng tiếng nhạc đi đến một nơi và thấy có một bông hoa lạ rất đẹp mà bác chưa từng thấy bao giờ. Hoa tiết ra mùi hương êm dịu và tiếng nhạc cũng được phát ra từ chiếc hoa này.

Bác với tay định bẻ cành hoa thì bỗng nhiên xuất hiện một vị thanh niên tuấn tú trước mặt bác. Chàng thanh niên này nói với bác rằng :” Ta là Thần Trường Sinh. Cứ một trăm năm ta xuất hiện một lần với bông hoa này. Bất cứ ai gặp ta và bẻ được cái hoa thì có thể trường sinh. Nay nhà người gặp ta, vậy nhà người có muốn trường sinh hay không?

Bác tiểu phu trả lời muốn.

Thần Trường Sinh bảo nếu muốn thì nhà người cứ hái và giữ lấy bông hoa này. Nhưng có một điều là về sau nhà người không được quyền trách móc và hối hận nghe không. Ta không cho phép nhà người hối hận và oán trách ta. Ta chỉ cho phép nhà người khi nào không còn muốn sống nữa thì cứ cầm chiếc hoa này đến ngay tại đây van vái ta thì ta sẽ xuất hiện giúp cho.

Bác tiểu phu ưng ý và hái hoa, trở về nhà với ước nguyện là mình được trường sinh, trẻ mãi không già.

Với chiếc hoa và lời ước nguyện, bác tiểu phu được trẻ trở lại như chàng trai 18 tuổi.

Khi về đến nhà không ai nhận ra được bác cả. Vợ bác không biết đó là bác, còn các con bác thì lại cao tuổi hơn bác. Bác cảm thấy lạc lõng, dù vậy bác vẫn vui sống.

Bác sống và trẻ mãi, trẻ mãi để chôn hết người vợ già này đến người vợ già khác, hết chôn con rồi chôn cháu, chít, chất. Thời giờ còn lại chỉ đủ lo đám giỗ cho họ thôi, hết giỗ quảy người này đến giỗ quảy người kia, mãi riết làm cho bác chán nản quá hết muốn sống.

Ngoài ra vì trẻ mãi nên nhà nước cứ gọi bác đi lính hoài mỗi khi có giặc. Bác đánh hết trận này đến trận khác, không già và không chết vì bác được trường sinh. Rốt cuộc, vì cứ phải đi lính, và cứ làm đám ma đám giỗ mãi cho người thân khiến bác thối chí nản lòng quá. Bác thấy sống như vậy rất vô vị mà còn khổ sở nữa nên một ngày nọ bác tìm vào rừng, đến chỗ cũ với chiếc hoa trường sinh. Bác van vái và Thần Trường Sinh xuất hiện hỏi bác cần gì. Bác nói bác cần chết vì sống hoài khổ quá, bác chán lắm rồi, không còn muốn sống nữa.

Thần Trường Sinh đưa cho bác một con dao nhỏ và bảo bác cắt gân máu ở cổ tay cho chảy hết máu ra thì sẽ chết.

Sau khi máu trong người chảy hết ra bác chết và máu bác thấm vào các cây và giấy leo khiến chúng trở thành trường sinh, chẳng hạn như giấy trầu bà hiện giờ đang có, vẫn sống mãi và không bao giờ chết.

Câu chuyện bác tiểu phu cho thấy sống lâu hay trường sinh bất tử chưa hẳn là hạnh phúc mà trái lại còn gây lắm khổ đau và phiền toái. Ai cũng vậy, cũng phải lìa bỏ xác thân của mình sau một thời gian sống với nó, đó là quy luật tuần hoàn.

Xác thân này thật ra hoàn toàn giả tạm, hoàn toàn bị giới hạn bởi thời gian, chỉ là một cái gì mà ta phải để lại sau lưng, như hành lý, như căn phòng trong quán trọ mà ta là khách lữ hành. Có khách lữ hành nào định cư vĩnh viễn nơi căn phòng trong quán trọ mãi mãi đâu. Có ai trong mỗi người chúng ta mà sống mãi trên đời này với thân xác này được. Việc tất cả mọi người từ già đến trẻ, cứ tuần tự lìa bỏ xác thân mình, đó là luật

tuần hoàn của Tạo hóa. Thấy được luật tuần hoàn đó là thấy được sự thật và theo đúng luật tuần hoàn đó là theo đúng Thiên Nhiên và đó mới là hạnh phúc.

IV- ĐÂU LÀ HẠNH PHÚC

Để mô tả niềm hạnh phúc khi thấy được sự thật, thấy được lẽ tuần hoàn, cũng như để chỉ rõ luật thiên nhiên đối với sắc thân, ở Nhật Bản có một câu chuyện do Lâm Thanh Huyền viết tại Đài Bắc, Phạm Huệ dịch, qua quyển giai thoại Thiền sư, kể lại như sau:

Ở xứ Nhật có một Thiền Sư tên là Sengai. Ông là một vị cao tăng lại thêm nổi tiếng là người viết chữ tốt, vì thế nên có nhiều người đến nhờ Ông viết liền.

Một hôm, có một phú gia trong vùng đến nhờ Ông viết dùm cho một tấm hoành phi để treo giữa cái nhà cao cửa rộng của mình. Vị phú hộ hứa sẽ đền ơn trọng hậu với hy vọng là thiền sư Sengai sẽ viết vào tấm hoành phi đó những lời chúc tụng tốt đẹp nhất.

Thiền sư Sengai nhận lời, trải tấm hoành phi ra và viết lên đó sáu chữ tựa rồng bay phượng múa như sau:” Phụ tử, tử tử, tôn tử “ nghĩa là hết cha, đến lượt con, rồi tới phiên cháu, ai ai cũng đều phải tuần tự lìa bỏ xác thân này cả.

Sau khi thiền sư Sengai viết xong sáu chữ kia và nhà phú hộ nhìn thấy thì Ông muốn té xỉu ngay. Ông là một người đầy thiện tâm, giàu lòng nhân đức, suốt đời làm phước rất nhiều., tại sao hôm nay đến nhờ thiền sư mà thiền sư Sengai lại viết sáu chữ đầy âm u ảm đạm như thế. Nhà phú hộ rất giận và cất vấn vị thiền sư tại sao đùa cợt, thay vì chúc lành lại trừ ẻo gia đình Ông như vậy.

Thiền sư Sengai từ tốn giải thích : Xin Ông đừng giận dữ tôi không hề có ý định dám đùa cợt với Ông đâu. Tôi viết sáu chữ này là để chúc phúc cho gia đình, dòng họ Ông đó, mà lý do tôi xin trình bày cho Ông rõ. Ông thử nghĩ trên thế gian này có ai mà không có một ngày nào đó phải lìa bỏ xác thân của mình. Đó là luật Trời không ai tránh khỏi. Chỉ có điều là

việc đó đến sớm hay muộn mà thôi. Giả thử trong gia đình Ông con Ông một ngày nào đó lìa bỏ xác thân ra đi trước Ông, như vậy có phải Ông đau khổ lắm không, hoặc giả cháu của Ông ra đi trước Ông và con Ông thì Ông và con Ông sẽ càng khổ đau nhiều hơn nữa. Vì vậy với gia đình nào mà cha lìa bỏ xác thân ra đi trước hơn con, rồi đến lượt con trước hơn cháu, và cứ theo thứ tự này mà lưu truyền xuống thì phải chăng mọi người trong gia đình này đều được Trời ưu đãi cho tuần tự ra đi. Theo tôi thì chỉ có dòng họ nào được như vậy mới đúng là dòng họ phước phần đầy đủ của Trời ban. Đó đúng là phước phần tuần tự theo đúng Thiên Nhiên mà tôi muốn chúc gia đình Ông đó.

Nghe đến đây vị phú hộ thấy có lý, ưng ý, nguôi giận và nhận bản hoành phi với lời đa tạ.

Đây là câu chuyện mà qua đó thiền sư Sengai vừa chúc phúc nhà phú hộ và cũng vừa cho Ông thấy sự thật.

V- THẤY SỰ THẬT

Có một sự thật hiển nhiên, dù con người không muốn thấy thì nó cũng sẽ đến, đó là không sớm thì muộn, chắc chắn vào một ngày nào đó người ta cũng phải lìa bỏ cái thân của mình. Nó cũng như bao nhiêu thân xác khác mà con người rất sợ khi nhìn một người nào đó nằm trong quan tài ra đi về bên kia thế giới. Thế mà hiện giờ nó đang ở đây với ta mà ta không biết ngày nào nó sẽ như vậy, ngày nào nó từ già ta để vĩnh viễn ra đi. Nhiều bậc chân tu khi phát biểu về vấn đề này thường bảo rằng trong đêm ngủ không biết sáng ngày mai sẽ đến trước hay là cái thân xác này nó sẽ ra đi trước, đó là để chỉ những người lìa bỏ xác thân rất đột ngột bất ngờ.

Nói rõ hơn, trên cõi đời này không một ai lột da sống hoài mãi được. Nếu có được chăng thì sẽ khổ khổ vô cùng như trường hợp của bác tiểu phu chẳng hạn. Có một điều hiển nhiên không thể chối cãi mà hầu hết các tôn giáo đều cố công thuyết giảng để khuyên người đời cố gắng tu hành, đó là kiếp thác hình như lúc nào cũng chực chờ để đến và có khi nó đến rất bất

ngờ. Con người chỉ vì mê lầm, cứ lo ham mển phú quý vinh hoa cùng tài danh lợi lộc mà quên đi việc lắng nghe những lời kêu gọi của các tôn-giáo, trong đó có Đạo Cao-Đài.
Đạo Cao-Đài qua cơ bút Thánh Ngôn nói về thân xác con người có dạy như sau:

“Thiên cơ đã lộ lúc khai Trời,
Kêu khách phàm trần đã hụi hơi,
Cứ mển vinh huê cùng lợi lộc,
Chẳng lo kiếp thác đến gần nơi.

X
X X

Gần nơi tiên cảnh phải xa phàm,
Cái kiếp trần này trẻ chớ ham.
Một miếng đỉnh chung trăm giọt thảm,
Hãy toan lui gót tránh vòng tham.”

Thật vậy, con người chỉ vì lòng tham (tham tài, tham sắc, tham danh. . . v. . . v. . .) mà đã tạo ra không biết bao nhiêu là tội ác. Đó chẳng qua vì mê lầm mà ra cả.

Trước tiên , vì mê lầm sắc thân này nên con người cứ lo chấp ngã, chấp cái thân của mình là đẹp , là quý, thế rồi thương yêu nó, o bế nó, tâng tiu nó, mà hễ cứ ai nói điều không hay về nó thì oán ghét giận hờn, hoặc có ai đụng chạm đến nó thì bảo vệ nó bằng mọi cách.

Từ việc mê lầm chấp ngã trước tiên này nó lôi kéo theo không biết bao nhiêu là mê lầm khác mà không làm sao con người còn có thể nhớ được rằng kiếp thác nó sẽ đến bất cứ lúc nào, không hề hẹn trước, và ta không hề biết trước được, thấy trước được. Không thấy trước được vì con người thường quen sống với cái thấy của khách phàm trần, cái thấy bị dục tình bao phủ nên mê mờ, vì vậy cần phải được sáng soi, cần phải được xoay chiều mà các tôn-giáo đã gắng công kêu gọi, thức tỉnh người đời không ngoài mục đích là để con người thấy được sự thật.

Có thấy được sự thật- cái sự thật hiển nhiên của xác thân này- thì ở ngay kiếp hiện tại con người mới thật sự sống được an vui và hạnh phúc.

Nói sống được an vui hạnh phúc trong hiện tại do thấy được chân lý, thấy được sự thật của xác thân này là vì một khi đã biết rõ bản chất của nó, sự biến hoại hằng giờ, hằng ngày của nó, con người sẽ không còn cố chấp nó, bám víu nó, cố đem về cho nó bất cứ cái gì mà nó mong nó muốn, như thế là con người đã với bớt mệt nhọc, lo âu, mong đợi, lụy phiền trong việc tóm thâu, tom góp. . .

Rồi từ cái thấy xác thân mình không trường cửu, sẽ biến hoại với thời gian, lòng từ tâm con người sẽ dễ khai mở. Con người sẽ thương yêu đồng loại cùng tất cả chúng sanh , vì tất cả chúng sanh và đồng loại cũng mong manh , dễ biến hoại và đang trầm luân khổ hải chẳng khác chi mình.

Tình thương yêu đối với đồng loại chúng sanh , hay nói rõ hơn từ tâm đối với người khác sẽ đem đến hạnh phúc cho mọi người , mà kẻ trước tiên có hạnh phúc lại chính là mình. Đời con người trước tiên có hạnh phúc là nhờ có từ tâm, tiếp đến có thêm nhiều hạnh phúc vì không phải bám víu , tham ái, lo âu cho việc còn mất, phải quấy, hơn thua mà trái lại được an nhàn tự tại , như thế thì còn hạnh phúc nào bằng. Đó chẳng qua là thấy được sự thật của thân này nên được hạnh phúc.

VI-MỘT CÂU CHUYỆN VỀ **SỰ THẬT ĐEM LẠI HẠNH PHÚC**

Tại một địa-phương nước Nhật tên là Kumasaka có một câu chuyện liên quan đến con rắn gây bệnh như sau:

Có một người nọ được bạn thân mời đến nhà dự tiệc. Trong bữa tiệc người đến dự được chủ nhà mời uống một ly rượu.

Khi bưng ly rượu lên, người đó thấy có con rắn con trong rượu nhưng vì quá nể tình bạn nên không nói lên sợ làm kinh động mọi người và làm mất mặt người bạn chủ nhà. Người đó nhắm mắt, nín thở uống cạn ly rượu và nuốt luôn con rắn con

vào bụng.

Sau khi tiệc tan người ấy ra về. Về đến nhà người ấy thấy đau nhói ở nơi dạ dày, càng lúc càng đau dữ dội.

Mặc dù đã dùng nhiều thuốc thang nhưng bệnh không làm sao khỏi được. Người ấy cảm thấy như mình sắp chết do đó làm di chúc để trở về với gia-đình.

Người bạn chủ nhà đãi tiệc hôm trước nghe vậy vội đến thăm và được người bạn đau bệnh kể lại toàn bộ câu chuyện. Người chủ nhà đãi tiệc liền mời người bạn đau viếng thăm nhà mình một lần nữa và nhân đó sẽ cho thuốc để trị.

Khi người bệnh đến nhà, người chủ nhà mới đặt người bạn bệnh ngồi y lại chỗ cũ hôm trước đến dự tiệc, và mời người bạn bệnh uống thêm một ly rượu nữa, bảo đó là thuốc chữa.

Người bệnh nghe thế mừng quá bèn bưng ngay ly rượu lên uống, và lạ thay, lại một lần nữa thấy có con rắn con ở trong ly rượu mình đang bưng lên sắp uống.

Trong lúc người bệnh ngạc nhiên thì người chủ nhà chỉ lên trần nhà có cây cung treo dưới ánh đèn. Bấy giờ người bệnh mới vỡ lẽ ra rằng “con rắn con” trong ly rượu chẳng qua là cái bóng phản chiếu của cây cung vào ly rượu. Cả hai nhìn nhau cười to và người bệnh bỗng hết bệnh ngay không còn đau đớn gì cả.

Đây là câu chuyện được kể lại vào năm 1327 bởi thiền sư Bassui Tokusho người Nhật thuộc thiền phái Lâm Tế. Ông kể chuyện này để giúp đỡ một người bệnh từ Kusamaka viết thư đến Ông để yêu cầu Ông giúp đỡ người đó tu thiền ngay trên giường bệnh.

Câu chuyện này cho thấy người uống ly rượu bị bệnh và bệnh càng ngày càng nặng là vì tin rằng mình đã nuốt một con rắn. Vì tin như vậy nên dù có uống thuốc thang nhiều nhưng cũng vẫn vô hiệu. Chỉ đến khi người bệnh đó nhận ra sự thật- là không hề có con rắn nào cả mà đó chỉ là cái bóng thôi- tức thì người đó hết bệnh ngay mà chẳng cần phải có thuốc thang gì nữa cả.

Người tu cũng vậy. Muốn được siêu thăng hay giải thoát, và nhất là **muốn sống trong cuộc đời hiện tại được hạnh phúc**

an nhân, điều cần yếu là phải làm sao thấy được sự thật, thấy được chân lý. Có thấy được sự thật thì mới sống được với cái thật của thân và tâm mình, đó là Chơn Tánh hay Chơn Tâm. Khi đã thấy được cái thật của thân và tâm thì người tu sẽ không còn bám víu vào ngoại cảnh, vào các hình thức bên ngoài để tìm chân lý nữa, vì chân lý ở ngay trong thân và tâm này mà thôi. Cần phải thấy rõ cái thân, cái tâm, tóm lại là cái ta thật.. Có như thế mới làm cho cái ta hư vọng biến đi, có nghĩa là chân tâm sẽ thay vọng tâm mà hiển lộ, để nhận chân ra được cái thân tứ đại này nó chỉ là giả tạm thôi, nó như quán trọ bên đường mà khách lữ hành phải nhờ nó tạm dừng chân trong một khoảng thời gian nào đó để nghỉ mệt, tịnh tâm, rồi hướng đi về một tương-lai tươi sáng, đó là con đường tinh tấn tu hành, lập công, lập ngôn, lập đức, mà thực tế nhất là lo rèn luyện tâm thức bằng cách nuôi dưỡng lòng thành thật, ý nguyện từ bi, cái tâm hành nghiệp hướng thiện và phổ độ phục vụ nhơn sanh, có như vậy thì bước đường phản bổn hoàn nguyên, qui hồi cựu vị mới mong được đạt thành do thấy được sự thật về thân.

VII-THẤY SỰ THẬT VỀ THÂN để LO TU

Sự thật là cái thân mà phần lớn mọi người đều quý trọng, tâm tu, nó chỉ là giả tướng và tạm thời thôi. Nói theo Đạo Cao-Đài thì nó là đệ nhất xác thân trong tam thể sắc thân. Nó có thể rời ta bất cứ lúc nào mà ta không làm sao biết trước được. Nó hoàn toàn huyễn hóa tức không vững bền. Ta không biết lúc nào nó còn ở lại với ta và lúc nào nó sẽ ra đi luôn mà không hề báo trước, đúng như lời của Cổ Đức từng nói, đó là: “ Ngày mai hay kiếp sau không biết cái nào sẽ đến trước” nghĩa là cái xác thân này nó hoàn toàn mong manh giả tạm và cũng là nguồn gốc của mọi khổ đau. Nó không có gì bền vững cả. Đó là sự thật về nó, sự thật của nó mà Đạo Cao-Đài qua kinh, cơ, giáo-lý có trình bày.

Qua giáo-lý Đạo Cao-Đài, qua Tam Thể Sắc Thân thì cái đệ nhất thân tức thân tứ đại này nó là khổ và sự khổ do thân được nói rõ trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển như sau:

“ Có thân phải khổ, khổ vì thân,
Nào có sướng chi cái kiếp trần.
Kẻ trí phải lo phương giải khổ,
Tìm thuyền Bác Nhã lánh mê tân.

Mê tân là chốn đọa con người.
Vương, Bá, Công, Hầu lụy mấy mươi.
Ham miếng đỉnh chung mê sắc đẹp,
Hại thân tiếng xấu để muôn đời.

Tiếng xấu muôn đời mà con người phải để lại sau khi thác đi rồi đó cũng chẳng qua là vì cái thân này; cũng như lúc còn sống, phải gánh chịu bao nhiêu khổ đau phiền não thì cũng vì cái thân này mà ra cả. Nói rõ hơn, khổ đau và phiền não có nguồn gốc trước nhất từ bản thân, cái thân vốn bất tịnh của mỗi con người.

Để tránh mọi khổ đau phiền não lúc sanh tiền cũng như không phải muôn đời mang lấy tiếng xấu khi đã thác đi, điều cần yếu là con người phải thấy sự thật về thân.

Sự thật là cái thân mà mọi người đều cho là của mình, nó không phải là của mình mà là của vay mượn, nó mong manh vô thường chỉ do duyên hợp mà ra, mà có thời. Nó chẳng khác nào một cái máy tinh vi, nhỏ nhắn, tối tân dùng để sản xuất ra rác hay chất dơ, chất độc mà thôi chớ không có gì hơn cả. Nói như thế này chắc rất nhiều vị sẽ không vui, không vừa ý, có thể phản đối nữa là khác, vì cho rằng quan niệm như thế chỉ làm cho con người thêm bi quan do thấy xác thân này cũng như cuộc đời toàn là âm u ảm đạm.

Nhưng sự thật không phải như vậy. Sự thật là khi mọi người đã nhận ra được cái bản chất thật của xác thân mình thì lúc đó mọi người sẽ hạnh phúc vô cùng. Hạnh phúc do không còn cố chấp lấy thân nên sẽ không còn tham đắm, bám víu và mê lầm nữa. Đó là đối với nội tâm. Còn liên quan đến ngoại cảnh thì trong việc giao tiếp với đồng loại chúng sinh, mọi người sẽ có từ tâm mở rộng, hĩ xả, từ bi, mà đây là những đức tánh của

tứ vô lượng tâm làm cho mọi người biết thương yêu và giúp đỡ bao nhiêu người khác còn vẫn khổ đau, đó là con đường Phổ-Độ, tức giác tha sau khi tự giác được mình.

Hơn thế nữa, khi biết được bản chất thật của thân cũng như sự cần thiết phải có của nó, mọi người sẽ hiểu rõ cái xác thân này nó không phải xấu xa đê tiện, bất định, không hẳn chỉ là một cái máy làm rác, tạo ra chất dơ như khi nhìn hiện tượng mà người ta hiểu như vậy. Trái lại, mọi người có thể thấy rằng cái thân này nó quý giá vô cùng, quý ở chỗ nhờ có nó nên con người mới có thể tu mà đạo Cao-Đài, đạo Khổng, đạo Lão và đạo Phật đều có cùng chung nhận xét và lý giải như nhau.

Tóm lại, về hai vấn đề liên quan đến thân, với vấn đề thứ nhất nói rằng thân là nguồn gốc của mọi tội lỗi khổ đau, và vấn đề thứ hai cho rằng chính thân lại quý giá quan trọng theo như giáo-lý của đạo Cao-Đài và giáo-lý Tam Giáo, xin trước tiên được trình bày phần một chỉ rõ bản thân của tất cả như sanh đều là vay mượn, vô thường, duyên hợp và bất tịnh. Phần thứ hai kế tiếp sẽ nói về sự cần thiết cũng như tầm quan trọng và sự quý giá của sắc thân, không ngoài mục đích để cho tất cả mọi người được hạnh phúc tròn đầy, vui sống và an tâm trên bước đường tinh tấn tu hành, lập công, lập ngôn, lập đức để siêu thăng giải thoát thay vì vẫn còn mê mờ chấp ngôn, chấp thân, chấp tâm, chấp ngã, chấp pháp để rồi tạo nghiệp mà phải triền miên trôi lặn trong luân hồi đọa lạc.

(còn tiếp)

Tập San Thế Đạo là một Tập San của Ban Thế Đạo Hải Ngoại phát hành 3 tháng một lần. Quý đồng đạo, thân hữu muốn được Tập-San gửi đến tận nhà (miễn phí), xin liên lạc thông báo cho Ban Thế Đạo Hải Ngoại nơi điện thoại 408-238-6547 hoặc 408-262-4209 hoặc 408-924-0763. Trân trọng thông báo.

LỄ, NGHĨA, LIÊM, SỈ¹

BS. NGUYỄN VĂN THỌ

Hôm nay nhân ngày lễ khai mạc niên khóa Đại Học Nhân Văn và Nghệ Thuật, tôi rất hân hạnh được cha Khoa trưởng ủy nhiệm cho thuyết trình cùng quý vị về một đề tài rất cũ nhưng lại rất mới, đó là Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ.

Trước khi vào đề, xin quý vị hãy chia vui cùng chúng tôi khi thấy Viện Đại Học Minh Đức nói chung và phân khoa Triết học nói riêng càng ngày càng phát triển.

Riêng khoa Triết học này đã hoàn toàn thay đổi bộ diện.

Từ một phân khoa Triết học nó đã triển dương thành một Đại Học Nhân Văn và Nghệ Thuật. Từ một cơ sở khiêm tốn ở đường Chi Lăng, Đại Học Nhân Văn và Nghệ Thuật đã di chuyển về địa điểm hiện thời với những phòng ốc khang trang, với một ban giám đốc tăng cường, với một ban giáo sư chọn lựa cùng nhiều ban học mới.

Đà phát triển nay đã trực tiếp biểu dương được ý chí cương quyết và lòng tha thiết muốn vươn lên, muốn tiến tới của Cha Khoa Trưởng cũng như của Ban Giám Đốc. Nó cũng còn biểu dương được ý nguyện của trường là tích cực góp phần xây dựng quốc gia, đào tạo nhân tài cho đất nước.

Chắc quý vị cũng đã nhận được rằng với hai chữ Minh Đức, Viện Đại Học Minh Đức đã cố nói lên cái quyết tâm muốn phục hồi những giá trị tinh thần của tiền nhân, muốn hòa hài Á Đạo, lẫn Âu thuật, ngõ hầu tạo nên những con người toàn diện, những nhân tài chân chính, đích thực cho quốc gia.

Cũng vì muốn tạo nên những con người toàn diện, nên ngoài chương trình nhân văn triết học, nghệ thuật chọn lựa, Đại Học Nhân Văn và Nghệ Thuật Minh Đức sẽ còn đem võ thuật vào Đại Học đường. Chủ đích là mỗi sinh viên khi tốt nghiệp sẽ thành một võ sư thực thụ nữa.

Nhưng ngoài vấn đề trí dục, thể dục, Đại Học Nhân Văn và Nghệ Thuật chúng tôi còn tha thiết đến vấn đề đức dục, còn tha thiết đề cao đến giá trị tinh thần, đề cao tinh thần nhân loại.

Chúng tôi cố tâm đào tạo cho sinh viên trở thành những người tài đức song toàn.

Chúng tôi quan niệm rằng đại học không phải chỉ là nơi để truyền thụ văn chương, kỹ thuật, triết lý suông, mà chính còn phải là môi trường để tạo nên những con người toàn diện, biết sống xứng đáng của danh hiệu con người, biết trọng nhân cách, danh dự, biết kính trên, nhường dưới, biết xả kỷ vị tha, biết hy sinh cho đại nghĩa.

Chính vì thế trong bài thuyết trình của tôi nhưng cũng là của trường này, chúng tôi muốn chọn đề tài: Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ.

Đề cập đến Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ ngày hôm nay, trong giờ phút long trọng của buổi lễ khai trường này, tức là muốn dùng chiêu bài Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ để đặt nặng vấn đề đức dục, vấn đề giá trị tinh thần, tình tương thân, tương kính và tình đoàn kết để phục vụ cho xứ sở, phụng vụ cho tương lai.

Sở dĩ chúng tôi đề cập đến vấn đề Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ nhất là thấy từ ít lâu nay, do ảnh hưởng chiến tranh tàn phá, cũng như do ảnh hưởng nếp sống vật chất văn minh, người Việt Nam chúng ta đã mục kích nhiều cảnh băng đọa tinh thần, những nếp sống phù du sốc nổi, những thái độ buông thả quá trớn, không có đếm xỉa gì đến đạo lý cương thường.

Nay là thời hậu chiến, là thời chúng ta phải sửa sang lại tất cả những tàn phá về phương diện vật chất lẫn tinh thần đó. Những tàn phá về vật chất có thể được sửa chữa bằng tiền bạc, nhưng những tàn phá về tinh thần thì chỉ có thể sửa chữa được bằng công trình cổ súy và phục hưng lại nền đạo lý cổ truyền, khuyến khích mọi người phải tu tỉnh phải sống theo cương thường, phải tiết độ, phải cần cù lao tác.

Hầu chuyện cùng quý vị và anh em sinh viên hôm nay về Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ chúng tôi cũng còn có mục đích là tiếp tay với cụ Trọng Nghĩa, một vị thượng khách của trường, hiện có mặt nơi đây, một vị lão thành khả kính đã gần 80 tuổi đầu mà

từ nhiều năm nay đã tổn công, tổn của để hô hào trên mặt báo chương cũng như trên các đài truyền thanh, truyền hình để quảng bá sâu rộng vào trong quần chúng 4 chữ Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ ngõ hầu văn hồi nhân tâm, thế đạo. Vì thế mà mấy năm nay, chúng ta thường thấy trên mặt các báo Chính luận, Hòa bình, Sóng Thần, Tiền Tuyến, những khẩu hiệu: Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ. ; - Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ còn, Việt Nam còn v.v...

Thưa quý vị,

Chủ trương dùng bốn chữ Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ để phục hưng tinh thần đạo đức cho quốc gia dân tộc là một chủ trương cố hữu từ ngàn xưa.

Cách đây 2600 năm, Quản Trọng (-645) khi làm tướng quốc nước Tề, đã áp dụng 4 chữ Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ để làm quốc sách chấn hưng tinh thần đạo đức cho dân.

Quản Tử nói: “Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ là Tứ duy tức là bốn đầu dây của một nước. Bốn đầu dây ấy nếu không dương lên được thì nước sẽ diệt vong.”

Nguyên văn của thiên Mục dân trong sách Quản Tử như sau:

“Nước có 4 đầu dây. Một đầu dây đứt thì phải nghiêng. Hai đầu dây đứt thì nước phải nguy. Ba đầu dây đứt thì nước phải đổ. Bốn đầu dây đứt thì nước phải diệt.

“Nếu nghiêng thì còn làm cho ngay lại được; nếu nguy có thể làm cho yên được; nếu đổ có thể nâng lên được; nếu diệt vong, thì không thể nào gây dựng lại được nữa.

“Thế nào là tứ duy ?

Một là Lễ, hai là Nghĩa, ba là Liêm, bốn là Sỉ.

Lễ là không vượt quá chừng mực tiết độ.

Nghĩa là không hành động theo lối riêng tư (mà làm điều hợp lý).

Sỉ là không làm điều sằng bậy.

Bởi không vượt quá chừng mực nên người trên sẽ vững ngôi.

Bởi không hành động theo lối riêng tư, nên người dân sẽ không xảo trá.

Bởi không che dấu lỗi xấu của mình, nên hành vi tự nhiên sẽ hoàn hảo.

Bởi không làm điều xằng bậy, nên những chuyện gian tà sẽ không sinh.”²

Ngày nay, khảo lại vấn đề, xin quý vị hãy cùng tôi đào sâu hơn cân nhắc kỹ càng hơn, có như vậy chúng ta mới thưởng thức được cái hay cái đẹp của người xưa. Tôi xin lần lược bàn về từng chữ Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ.

LỄ

Lễ là một danh từ rất bao quát, hàm súc rất nhiều ý nghĩa.

1) Lễ trước hết là một danh từ chung bao quát mọi định luật thiên nhiên chi phối vạn vật quần sinh. (Ensemble des lois naturelles)

2) Lễ là nghi lễ, là tất cả các bốn phận con người đối với trời đất, tổ tiên (Cérémonies, rites religieux, rituel, céremonial).

3) Lễ là tất cả các quy luật chi phối sinh hoạt tâm thần con người. (Lois morales)

4) Lễ là tất cả các tổ chức chính trị xã hội (organisation politique et sociale) có thể đem đại hòa, đại thuận đến cho nhân quần.

5) Lễ là những cách cư xử tiếp nhân, đối vật thanh lịch, khéo léo (Bonnes manières, convenances, décence, bonne conduite, bonne tenue, courtoisie, bienséance, politesse).

6) Lễ là phong tục, tập quán hay nói đúng hơn là tất cả những gì gọi là thuần phong mỹ tục (Usages et coutumes, tradition).³

Gần đây các học giả Âu Châu, như Escarra,⁴ như Needham⁵ đã tìm hiểu sâu xa về chữ Lễ.

Các ông cho thấy rằng dân Trung Hoa cũng như các dân tộc khác, xưa nay thường sống theo hai bộ luật.

Một là theo bộ luật tự nhiên, do Hóa công đã ấn định. Bộ luật này được gắn liền vào với tính chất vạn hữu nhân quần. Bộ luật này chi phối vạn hữu từ các vì tinh tú trên trời, đến con người nơi gian thế.

Trung Hoa gọi những định luật tự nhiên là Lễ.

Hai là theo bộ luật nhân tạo, do chính quyền lập ra. Bộ luật này vì là nhân tạo, nên có khi hợp lý có khi không hợp lý và

thường có tính cách gò bó, khô khan, cứng cỏi không uyển chuyển như những định luật tự nhiên.

Trung Hoa gọi những định luật tự nhiên này là Pháp, hay Pháp luật.⁶

Từ khi đức Khổng ra đời cho đến khi các Nho gia chân chính sau này,, nhất nhất đều chủ trương dạy con theo những định luật tự nhiên, theo những định luật tâm lý, nhân sinh, tức là phải theo Lễ.

Chủ trương Lễ trị này cũng còn được gọi là Nhân trị.

Chủ trương Lễ trị hay Nhân trị có thể toát lược như sau:

Muốn sống một đời sống cá nhân, gia đình, quốc gia hay xã hội hạnh phúc, ý nghĩa, đầm ấm, hòa hợp, cần phải biết rõ định luật thiên nhiên chi phối vạn vật, chi phối sinh hoạt cá nhân và đoàn thể.

Muốn tìm cho ra những định luật thiên nhiên cần phải:

Biết quan sát ngoại cảnh.

Biết tâm lý.

Khảo lịch sử, phong tục.

Dựa theo lễ phải.⁷

Có vậy mới suy ra được hoạt động, cư xử lý tưởng. Những định luật thiên nhiên chi phối con người có thể quy kết lại thành 3 đề mục:

1) Con người sinh ra đời cần phải biết thích ứng với hoàn cảnh. Chẳng những thế lại còn phải biết lợi dụng hoàn cảnh để mà sống cho vui, cho mạnh.

2) Mặt khác, con người sinh ra đời còn có nhiệm vụ truyền giống giống.

3) Những nhiệm vụ chính yếu nhất của con người là phải tiến hóa để tiến tới chân, thiện, mỹ.

Suy ra ta sẽ có những tiêu chuẩn, những định tắc sau đây để hướng dẫn hành vi, sinh hoạt của ta.

1) Phải biết vệ sinh, phải biết hiếu sinh.

2) Phải lo cho có một dòng dõi hoàn hảo, lành mạnh.

3) Phải lo gia tăng sinh lực, trau dồi tình cảm, mở mang trí tuệ, nâng cao phẩm giá, nhân cách con người, vươn mãi lên theo hướng chân, thiện, mỹ.

Vậy cái hay là cái gì làm cho đời sống ta thêm mạnh, thêm sướng, thêm trật tự, thêm an lạc, thêm hòa hợp, thêm văn minh, thêm tiến bộ.

Cái dở là cái gì làm cho đời sống cá nhân, gia đình, xã hội, quốc gia trở nên rối loạn, bệnh hoạn, vô lý.

Nói cách khác, cái gì làm ta sống xứng đáng với danh nghĩa con người, cái gì nâng cao giá trị con người, nâng cao phẩm cách con người, khiến con người tiến về phía tinh thần, trở nên thanh cao là hay.

Cái gì làm con người trở nên cục cằn, ti tiện, gian manh, tàn ác, trở nên thoái hóa giống như muông thú là dở.⁸

Thánh quân, hiền phụ xưa khi lập ra lễ, lập ra những định tắc nhân luân đã dựa trên những tiêu chuẩn thiên nhiên hết sức chắc chắn.

1) Vì thấy trời đất liệt bày lẽ tôn ti trật tự, nên các Ngài minh định rằng xã hội này cần phải có tôn ti trật tự, mới có thể sống thái bình hoan lạc, vì thế nên các Ngài đã minh định phận vụ cho mỗi hạng người.⁹

2) Các Ngài minh định rằng con người cần phải theo định luật tự nhiên thì mới có thể có đời sống hay, đẹp; mà đã nói đến định luật thì phải nói đến tiết độ. Cho nên các Ngài suy ra rằng con người không thể sống một cuộc đời buông thả, nhưng làm gì cũng có một chừng mực, tiết độ.¹⁰

3) Các Ngài minh định rằng con người sinh ra ở đời cần phải nhân nhượng lẫn nhau, kính trọng lẫn nhau, mới có thể đi đến chỗ đại hòa, đại thuận.

Nếu phạm gặp trường hợp bất đồng ý kiến nào, người xưa cũng cố điều đình, nhân nhượng để đi đến chỗ ý hiệp tâm đầu tránh mọi chuyện đổ vỡ. Chính vì thế mà ta thường hay nói: Lễ nhượng.¹¹

4) Các Ngài cũng chủ trương rằng muốn được lòng người khác, con người ta phải luôn luôn khiêm cung, nhún mình, trọng

người. Chính vì thế mà khi nói đến Lễ, ta thường liên tưởng đến hai chữ Lễ phép, Lịch sự.¹²

5) Các Ngài cũng thường quan niệm rằng thuần phong, mỹ tục chính là kinh nghiệm của tiền nhân. Chúng gói ghém tất cả những cách thức tốt đẹp để đối phó với mọi hoàn cảnh, để giải quyết mọi công việc, vì thế cần phải bảo trọng.¹³

Tóm lại nếu mọi người trong một quốc gia xã hội:

- Sống theo những định luật tự nhiên.
- Không tự do buông thả.
- Biết lo trau dồi tâm thần cho một ngày một nên cao khiết, trang nghiêm.
- Những nhìn nhau kính trọng lẫn nhau, lịch sự tử tế với nhau.
- Sống theo điều hay lẽ phải thì sẽ đem đến cho mình một đời sống xứng đáng, sẽ tạo cho quốc gia xã hội một quang cảnh hạnh phúc, đầm ấm, hòa hợp.¹⁴

Mới hay Lễ chi phối mọi hành vi cử chỉ của con người, những cách giao tiếp của con người. “Lễ không cho phép đi quá trớn, quá giới hạn, mực thước đã qui định, không cho phép xâm phạm quyền lợi của người khác, vũ nhục, khinh khi hay sàm sỡ với người khác.”¹⁵

Mục đích của Lễ là:

- Dạy dân cho biết nhân luân, biết hiếu, biết kính.¹⁶
- Nuôi dưỡng những tính tốt.
- Ngăn chặn những tính xấu.
- Điều hòa đời sống tình cảm tâm tình.
- Xác định tôn ti, thiện ác, thị phi.
- Đem lại hòa hợp, ngăn chặn sự chia rẽ, loạn lạc.
- Đào luyện cho con người ngày một thêm thanh lịch, thêm nhân cách.¹⁷

Tử viết: ...Quân tử lễ dĩ sức tình (Lễ ký, Tăng tử vấn). Người quân tử lấy lễ làm đẹp tâm tình.

-Phù lễ, tiên vương dĩ thừa thiên đạo, dĩ trị nhân chi tình. (Lễ ký, Lễ vận IX). Lễ là tiên vương vâng theo cái đạo của trời, để trị cái tình của người.

-Lễ giả nhân chi tình nhi vi chi tiết văn, dĩ vi dân thường giả dã. (Lễ ký, Phường ký, XXX). Lễ là nhân cái thường tình của người ta mà đặt ra tiết độ, văn vẻ để làm cái ngăn giữ cho dân.

-Phù Lễ giả, sở dĩ định thân sơ, quyết hiểm nghi, biệt đồng dị minh thị phi dã (Lễ ký, Khúc lễ thượng, I). Lễ là cốt để phân ra trật tự, khiến cho vạn vật không có điều gì hồ đồ, hỗn độn.

-Phù Lễ giả, sở dĩ định thân sơ, quyết hiểm nghi, biệt đồng dị minh thị phi dã (Lễ ký, Khúc lễ I). Lễ cốt để định thân sơ, tránh hết lẫn lộn, nghi ngờ, phân biệt cái gì giống nhau, cái gì khác nhau cho thấy rõ cái nào là phải, cái nào là sai...

-Nhân hữu lễ tắc an, vô lễ tắc nguy, cố viết: lễ giả bất khả bất học dã (Lễ ký, Khúc lễ, I). Người có lễ sẽ bình an, không có lễ sẽ nguy, cho nên nói lễ cần phải được học hỏi vậy.

Hiểu Lễ là những định luật tự nhiên, là những cử chỉ, những cách đối đãi đẹp đẽ mà muôn thế hệ đã lọc lõi, lưu truyền lại trong các nếp sống hay đẹp của dân gian, ta sẽ thấy thánh hiền Đông Á xưa đã có chủ trương hoàn toàn phù hợp với chủ trương của các bậc thượng nhân, thượng trí mọi nơi, mọi đời trên thế giới.

Aristote cũng đã phân biệt hai loại lễ luật:

-Lễ luật trời hay lễ luật tự nhiên.

-Lễ luật người hay lễ luật nhân tạo.¹⁸

Cicéron cũng cho rằng: Luật tự nhiên chính là luật trời, cố sức dạy con người làm điều hay tránh điều dở.¹⁹

Âu Châu xưa cũng cho rằng: Luật nhân tạo kém vua chúa; luật thiên nhiên hơn vua chúa. Vua chúa mà dạy làm điều gì trái với luật tự nhiên thì dân chúng có quyền chống đối.²⁰

Thánh Thomas cũng cho rằng lễ luật thiên nhiên chính là thiên lý, chính là sự khôn ngoan của trời hướng dẫn mọi hoạt động mọi biến chuyển.²¹

Luật con người làm ra chỉ đúng là luật khi nào phù hợp với lẽ luật thiên nhiên, còn nếu chúng đi ngược lại với luật thiên nhiên thì không còn phải là luật nữa.²²

Hiểu Lễ là những định luật tự nhiên giúp con người sống xứng đáng với danh nghĩa con người, sống hòa hợp với mọi người, đoàn kết với mọi người, ta mới hiểu rõ ràng được những câu sau đây của Lễ ký và Tứ thư:

“Con chim anh vũ tuy biết nói nhưng vẫn là chim. Con khỉ con vượn tuy biết nói nhưng vẫn là cầm thú, nên nếu con người không biết lễ thì tuy biết nói cũng vẫn là có lòng cầm thú.

“Cầm thú, vì không biết lễ nên mới có sự loạn luân, chung chạ.

“Cho nên thánh nhân lập ra lễ để dạy dân, để con người biết theo lễ mà ăn ở khác với loài vật.”²³

Lễ là điều gì hợp lý.²⁴

Lễ nghĩa là đầu mối của con người.²⁵

Cho nên lễ phát nguyên từ trời, có tầm hoạt động lan khắp trần gian, bao quát vạn sự biến chuyển theo thời, thích ứng với mọi nghề nghiệp, hoạt động con người. Nơi tâm con người lễ giúp làm nảy nở các đức tính tự nhiên. Trong hành vi con người lễ bao quát mọi cách thức tặng dữ, trao đổi, mọi hành động, mọi phép lịch sự, xã giao, mọi vấn đề ăn uống, quan hôn, táng tế, bắn cung, đánh xe, yết triều, thăm hỏi...²⁶

“Lễ nghĩa quy định những gì hay, những gì phải cho con người, nên rất cần yếu đối với con người. Nó dạy con người biết làm sao để trở nên đức hạnh thật sự, làm sao để hòa thuận với người. Nó giúp cho xương thịt con người trở nên cứng cáp, rắn chắc, dạy con người cách nuôi người sống, chôn kẻ chết, tôn kính quỷ thần. Nhờ Lễ như là một cửa lớn, mà con người tìm ra được thiên đạo, sống thuận với nhân tình. Vì thế mà thánh nhân cho rằng cần phải biết lễ.

“Quốc phá, gia vong, nhân tâm ly tán chính là vì con người không còn biết cách sống theo những định luật của trời đất, của nhân sinh...”²⁷

Cho nên muốn trị dân có hai cách.

Thượng sách thời dùng lễ trị dân. Khi ấy người trên làm gương đáng cho người dưới, sống theo định luật thiên nhiên, theo vật lý, tâm lý, thiên lý, theo danh dự, dạy dân biết nhường nhịn lẫn nhau, biết xấu hổ mỗi khi mình làm điều gì xằng bậy. Đó là Nhân trị, đó là Vương đạo.²⁸

Hạ sách là luật pháp trị dân, dùng thủ đoạn trị dân, dùng hình phạt đe nẹt dân, lúc ấy dân sẽ tìm cách để trốn tránh lễ luật và không còn biết xấu hổ vì những hành vi bất chính của mình nữa. Đó là Pháp trị, đó là Bá đạo.²⁹

Các Pháp gia xưa như Hàn Phi Tử (chết năm 232, năm thứ 15 tần Thủy Hoàng), Thương Ưởng (chết năm 338) (làm tướng quốc đời vua Tần Hiếu Công) đã có một đời dùng luật pháp nghiêm minh để trị dân, nhưng cuối cùng đều thất bại, vì nó gò bó miễn cưỡng, vô nhân đạo không phù hợp với tâm lý con người.

Âu Châu ngày nay cũng đề cao Pháp trị, cũng dùng những lễ luật hình pháp bên ngoài để trị dân, cũng dùng những thủ đoạn để thăng thối, huyễn hoặc dân, chỉ bắt bẻ dân trên những hình thức bên ngoài, chỉ cần dân tuân theo những thể chế, qui ước bên ngoài mà thả lỏng lòng dục của dân, mặc cho các tính xấu của dân tha hồ phát triển, miễn sao là dân khéo léo tránh né được con mắt dòm hành của pháp luật, của các nhà cầm quyền, thế là đủ.

Vì thế nên thế giới ngày nay đã trở nên thác loạn. Cá nhân thác loạn vì có thể sống buông thả vô kỷ cương; gia đình thác loạn, sự tương kính tương thân trong gia đình dần dần mất đi; xã hội thác loạn, vì giá trị con người đã mất, vì lòng trọng kính thương yêu nhau cũng chẳng còn.

Cho nên ngày nay bàn về Lễ tức là muốn kêu gọi mọi người chúng ta hãy sống một cuộc đời hấn hoi, chừng mực theo lễ phải, xứng với danh nghĩa cao quý của con người, cố sù ý tình tương thân, tương nhượng, tương kính, cố gắng bảo tồn những thuần phong mỹ tục, những nề nếp đẹp đẽ của tiền nhân, để xã hội quốc gia đi đến chỗ đại hòa đại thuận.³⁰

NGHĨA

Nếu Lễ là những định luật tự nhiên, là tất cả những điều hay lẽ phải cần cân nẩy mực cho cuộc sống con người toàn diện, cả công lẫn tư, từ tinh thần đến vật chất, thì Nghĩa là những gì hay, những gì đẹp phải đem áp dụng vào đời sống xã hội, vào đời sống giao tế con người. Như vậy Lễ có phạm vi lớn hơn, còn Nghĩa có phạm vi hạn hẹp hơn, vì Nghĩa chỉ chi phối con người xã hội.

1) Cho nên Nghĩa trước hết phải được hiểu là mọi cách cư xử hẳn hoi.³¹

2) Nghĩa cũng còn là những bổn phận mà mỗi người phải tuân giữ khi đóng mỗi một vai trò trong xã hội.

Người xưa quy định mười bốn phận, gọi là thập nghĩa. Mỗi một hạng người trong xã hội lại có một bổn phận khác nhau:

- Vua phải nhân.
- Thần phải trung.
- Cha phải khoan từ.
- Con phải hiếu thảo.
- Anh phải hẳn hoi.
- Em phải kính thuận.
- Chồng phải đường hoàng.
- Vợ phải nhu thuận.
- Người lớn phải thi ân.
- Người nhỏ phải vâng phục.³²

Nếu ai cũng ăn ở cho đúng với phương vị, đúng với bổn phận mình, thì thân tu, gia tề, quốc trị, thiên hạ bình.³³

Sở dĩ ngày nay chúng ta chứng kiến những cảnh loạn lạc trong nhân quần, những cảnh băng đọa trong gia đình, ngoài xã hội, chính là vì vua chẳng ra vua, tôi chẳng ra tôi, cha chẳng ra cha, con chẳng ra con, chồng chẳng ra chồng, vợ chẳng ra vợ, anh chẳng ra anh, em chẳng ra em.³⁴

3) Nghĩa cũng là sự công chính, sự chính trực, cho nên sự bất nghĩa thường được hiểu là gian tà, bất lương, bất chính.

Tôn chỉ người xưa là phải sống cho quang minh chính đại dẫu phải nghèo hèn vì thế cũng cam, còn hơn là theo đường gian tà mà được hưởng giàu sang phú quý.

Đức Khổng nói: “Ăn cơm thô, uống nước lã, co cánh tay mà gối đầu trong cảnh đơn bạc như vậy mà nhà đạo đức vẫn lấy làm vui. Chớ do nơi những hành vi bất nghĩa mà trở nên giàu có và sang trọng, thì ta coi cảnh ấy như mây nổi.”³⁵

4) Nghĩa chính là sự công bình xã hội. Sống trong xã hội này, có ta mà cũng có người. Ta muốn sống hản hoi, thì cũng phải cho người được sống hản hoi nữa.

Cho nên người anh hùng trọng nghĩa là những người sẵn sàng chiến đấu để dẹp tan những nỗi bất bằng, luôn luôn ra tay để bảo vệ những kẻ cô đơn hèn yếu.

“Anh hùng đã gọi tiếng rằng,
Giữa đường chẳng thấy bất bằng mà tha.” (Kiều)

5) Con người sinh ra ở đời tất nhiên phải có liên lạc chặt chẽ với nhau.

Giây liên lạc thiêng liêng nhất được tạo nên bởi huyết thống hay tình cảm, yêu đương. Ví như ta nói tình phụ tử, tình bằng hữu.

Mối dây liên lạc thứ hai cũng không kém phần quan trọng. Đó là tình nhân loại, mối tình này được tạo nên do tiếp xúc với nhau, hoặc do những cách đối xử đẹp đẽ với nhau. Có tình tức phải có nghĩa, có thương tức là phải có bổn phận. Ta thường nói:

“Một ngày nên nghĩa chuyền đồ nên quen” là vì vậy. Ta cũng còn nói:

Nghĩa quân thân, nghĩa phu thê v.v...

Như vậy, chữ nghĩa còn thường gói ghém tình thương, tình yêu. Mà thật ra, Nghĩa chính là biểu dương của lòng yêu thương. Không thương nhau, không yêu nhau, thì khó mà đối đãi với nhau cho đẹp được.³⁶

6) Nghĩa là con đường hưởng thượng, con đường lý tưởng của cuộc đời.

Lẽ kỳ cho rằng nếu ta biết giữ Lễ, nghĩa là nếu ta tuân theo những định luật của trời đất, ta sẽ đạt được thiên lý, và sẽ sống thuận nhân tình.³⁷

Trong khi đó thì Mạnh Tử lại cho rằng nếu ta biết chuyên lo làm việc nghĩa, chuyên lo làm điều hay lẽ phải trong đời ta, thì

ta sẽ bồi dưỡng khí hạo nhiên của trời đất nơi mình ra. Nói cách khác, nếu ta luôn làm điều hay lẽ phải, nếu trong bất kỳ trường hợp nào ta cũng cố xử sự cho hay cho đẹp, cho hoàn toàn thì tức là ta đã thực hiện được sự hoàn thiện, đã thực hiện được tinh hoa nhân loại.³⁸

Nếu nói theo từ ngữ Đại Học, thì làm việc Nghĩa, làm theo điều hay lẽ phải, ta sẽ làm cho ánh sáng Minh Đức trong ta rãi sáng dần ra bên ngoài, và có thể làm cho ánh sáng ấy lan tỏa ra khắp năm châu.

Như vậy tức là muốn thực hiện một cuộc đời lý tưởng, ta phải làm điều nghĩa, phải sống cho lý tưởng trong bất kỳ trường hợp nào.

LIÊM

Chữ Liêm có nghĩa là thanh liêm, liêm khiết.

Một người liêm khiết luôn luôn giữ cho nhân cách mình được vẹn toàn thanh danh mình được trọn vẹn, không lợi dụng địa vị mình để chiếm công vi tư, để bóc lột những nhiều đồng loại.

Sách Chu Quan xưa đã dùng chữ Liêm để bao quát mọi đức tính của một người đứng ra đảm đương công vụ.

Theo Chu Quan, thì một công bộc quốc gia liêm chính phải: có đức, có tài, biết kính trọng nghề nghiệp, vui vẻ với mọi người, công chính vô tư, biết lễ, biết phép, biết hay dở phải trái, tóm lại một người liêm chính là một người tài đức xứng với danh vị của mình, với chức tước, phận vị của mình.³⁹

Liễu Di Trung bình về chữ Liêm như sau:

“Liêm là thấy của người, không ham được một cách phi pháp. Thế tức là biết xét nét đâu là giới hạn giữa công và tư của mỗi người không dám làm điều xấu rồi tìm cách che đậy.

Quản Tử cho rằng: *Không che đậy điều xấu, tức là đức hạnh vẹn toàn. “Thế là Liêm có mục đích bồi dưỡng và kiện toàn nhân cách vậy.”*⁴⁰

“Lễ nghĩa là đại pháp để trị người. Liêm sỉ là đại tiết để giúp con người nên người.”

“Vi nếu không liêm thì của gì cũng lấy, không sợ thì việc gì cũng làm.

“Người mà đến như thế, thì họa bại vong loạn còn cái gì mà chẳng đến.

“Phương chi kẻ làm quan mà cái gì cũng dám lấy cái gì cũng dám làm, thì làm sao mà thiên hạ không loạn, quốc gia không mất cho được.”⁴¹

Gương thanh liêm xưa nay rất nhiều, nhưng có lẽ cảm động nhất là gương Gia Cát Vũ Hầu. Gia Cát Khổng Minh suốt trong 12 năm trời giúp vua Thục, ra thời làm tướng võ, vào thời làm tướng văn, binh quyền nắm hết trong tay, mà rút cuộc bản thân cũng chẳng giàu có gì, lại còn gởi thân nơi chiến địa. Đến như con cái cũng chẳng được thừa hưởng gì công danh, lợi lộc của cha. Lúc xuất chính Gia Cát có 800 gốc dâu, 50 mảnh ruộng thì đến lúc chết cũng vẫn chỉ có 50 mảnh ruộng, 800 gốc dâu. Thực là liêm khiết hết mức.

Mao Tôn Cương bình về Khổng Minh như sau: *Tào Tháo, Tư Mã Ý làm tướng cũng nắm hết quyền binh như Khổng Minh. Ba người cùng có những thân cơ diệu toán khiến mọi người khâm phục. Nhưng một bên thì soán đoạt, một bên thì trung lương mà được. Một bên thì bụng riêng tư, bên thì lòng vô tư. Bên thì giao quyền lại cho con cháu, mưu đồ cho con cháu, bên thì không giao cho con cái, không mưu chiếm cho con cháu, chỉ trao người hiền tài, chỉ lo cho quốc gia. Tháo chết giao quyền cho Phi. Ý sắp chết giao quyền cho Sư Chiểu. Vũ Hầu thì không thế. Khi lâm chung giao việc thừa tướng cho Tưởng Uyển, Phí Vy. Việc Đại tướng quân thì giao cho Khương Duy. Còn Gia Cát Chiêm, Gia Cát Thượng không hề dự đến. Ngoài 800 gốc dâu và 50 mảnh ruộng, gia đình Gia Cát không con cháu gì riêng để làm giàu. Thế là cái ông Khổng Minh ra tướng võ vào tướng văn, với cái ông Khổng Minh ôm gói gẩy đàn...chỉ là một, chẳng có gì khác vậy. Xưa kia lúc sắp bước chân ra khỏi lều tranh, lòng đã những mong sau khi thành công sẽ chu du Ngũ Hồ như Phạm Lãi, sẽ tịch cốc như Trương Lương. Thế mà không được như sở nguyện, lại chết giữa mặt trận gió lạnh sao rơi ở Ngũ Trượng Nguyên! Than ôi! Con người như thế, dễ gì tìm thấy trong đám công danh phú quý ở đời? (Tử Vi Lang dịch thuật, Tam Quốc Chí diễn nghĩa, IV, tr.1856, 1857)*

Như vậy, người xưa khi nói đến liêm khiết, những muốn đề cao nhân cách con người khi ra giúp nước, và khuyên người cầm quyền

phải luôn luôn vì nước vì dân, không màng lợi lộc, chỉ cốt sao cho hân hoi trọn vẹn, tiết sạch giá trong.

SỈ

Sau hết người xưa thường đề cao chữ Sỉ. Sỉ là biết xấu hổ. Nhưng đối với người xưa, xấu hổ không phải là vì tiền bạc thua người, áo xống kém người, nhưng xấu hổ vì đã không làm tròn phận sự mình, xấu hổ vì những điều xằng bậy mình đã làm, xấu hổ vì đã không theo được lý tưởng mình đã vạch ra.

Trong Luận Ngữ, Đức Khổng khen Tử Lộ: “*Mặc áo dài bằng vải cũ rách, đứng chung với những người mặc áo lông hồ lông hạc mà chẳng hổ thẹn, đó là trò Do chứ!*”⁴²

Ngài cũng còn nói: “*Kẻ sĩ chuyên tâm cầu đạo, nhưng còn hổ thẹn vì nổi áo xấu, cơm thô, thì chưa đáng được nghe bàn luận đạo lý.*”⁴³

Luận Ngữ cho rằng:

*Điều đáng xấu hổ, là bên trong thời gian ác, xấu xa mà bên ngoài thời dùng lời nói hay, bộ tịch khéo léo, lịch sự để che đậy; bề trong thì oán ghét người mà bên ngoài lại giả tảng thân thiết với người.*⁴⁴

*Điều đáng xấu hổ là khi trong nước loạn ly, mà mình dùng những phương tiện bất chính để trở nên sang trọng dư dật.*⁴⁵

*Điều đáng xấu hổ là lúc nào cũng bo bo nghĩ đến lợi lộc cơm áo riêng tư, còn vận nhà, vận nước thì mặc cho gió cuốn, sóng vùi.*⁴⁶

Người xưa chỉ xấu hổ khi tài đức không xứng với chức vị khi không có tài đức mà dám cầm trọng trách, để cho cơ đồ tan hoang đổ vỡ. Chính vì thế mà trong một cuộc đối thoại với Mạnh Tử, Lương Huệ Vương tỏ ra xấu hổ vì trong khi cầm quyền đã thua trận, mất đất.⁴⁷

Người xưa chỉ xấu hổ khi mình đã ở cấp lãnh đạo mà không làm được cho đạo đức thi hành.⁴⁸

Lễ Ký cho rằng người quân tử khi cầm quyền xấu hổ 5 điều:

- 1) *Có địa vị mà lời ăn tiếng nói không xứng đáng.*
- 2) *Lời ăn tiếng nói xứng đáng mà hành động không xứng đáng.*

- 3) *Đã có đức độ rồi lại làm mất đức độ.*
4) *Trị dân mà dân bỏ ra đi.*
5) *Người khác trị dân cũng có phương tiện như mình mà lại thâu lượm được kết quả gấp đôi.⁴⁹*
Quân tử hữu ngũ sỉ: Cư kỳ vị nhi vô ngôn: quân tử sĩ chi.
Hữu kỳ ngôn vô kỳ hành, quân tử sĩ chi.

Mạnh Tử cho rằng:

“Biết xấu hổ rất hệ trọng với con người. Những người chuyên sống xảo trá, quỷ quyệt đã bỏ mất tấm lòng hổ thẹn của mình rồi. Khi đã không còn có liêm sỉ như mọi người, thì làm sao mà còn là giống người được nữa!”

Tóm lại có biết trọng danh dự thì mới xứng đáng là con người. Làm người mà bán rẻ khí tiết danh dự thì làm sao mà còn có thể gọi là con người được nữa ?

Thưa quý vị và quý bạn,

Đầu niên khóa mà trình bày cùng quý vị và quý bạn đề tài Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ tức là muốn nói lên ý nguyện của trường Đại Học Nhân Văn và Nghệ Thuật Minh Đức muốn đề cao những giá trị vĩnh cửu của con người, muốn khuyến khích các bạn sinh viên ra công trau dồi trí não, rèn luyện xác thân.

Chúng tôi thành khẩn ao ước các bạn sẽ trở thành những mẫu người xứng đáng biết trọng nhân cách, danh dự, biết sống theo những định luật tự nhiên biết tự xử tự giác, biết kính biết nhường, biết yêu chuộng lý tưởng biết tha thiết với những điều hay lẽ phải.

Chúng tôi hết sức ao ước quý bạn luôn luôn cố gắng phát huy mọi tiềm năng, tiềm lực các bạn, hãy cố gắng vạch ra cho mình con đường hướng thượng, con đường lý tưởng và luôn luôn hướng về tinh hoa cao đại.

Chúng tôi ước mong quý bạn lúc nào cũng sống cho hay, cho đẹp trong bất kỳ hoàn cảnh nào, và bất kỳ là đối với ai.

Chúng tôi ước mong các bạn sẽ là những trung tâm sống động quy tụ lại tinh hoa, tú khí của trời đất, tinh hoa của cả hai nền văn minh Âu Á.

Chúng tôi cũng xin tặng quý bạn bốn câu thơ cổ:

**“Minh kính chỉ thủy dĩ tồn tâm,
Thái sơn, kiều nhạc dĩ lập thân.
Thanh thiên, bạch nhật dĩ ứng sự,
Thanh phong minh nguyệt dĩ đãi nhân.”**

Tạm dịch:

*Lòng như nước lãng gương trong,
Thân như non Thái phong long cao vời.
Thanh thiên, bạch nhật đối đời,
Trăng trong gió mát với người ở ăn.*

Đến đây tôi xin kết thúc bằng một câu Luận Ngữ:

“Người quân tử trước học văn chương để mở mang trí thức mình, kế đó nương theo lễ giáo mà kiềm giữ lấy nét mình nhờ vậy mà khỏi trái với đạo lý.”⁵⁰

Ước mong anh em sinh viên sẽ lấy đó để làm những phương châm hướng dẫn mình trên con đường tu thân, cầu học. Ước mong anh em sẽ trọng lễ, nghĩa, liêm, sỉ như là những nấc thang để tiến tới chân, thiện, mỹ.

Cước Chú

¹ Đã đăng Tập san Minh Đức, số 8, tháng 12-1973 & 01-1974.

² Xem Trương Kỳ Quân, *Trung Hoa ngữ thiên niên sử, quyển 3, chương X, tr.127.*

³ Cf. *Séraphin Couvreur, Mémoires sur les bienséances et les cérémonies (Li Ki) Tome I. P.IX.*

⁴ Cf. *Jean Escarra, Le droit chinois, Editions Henri Vetch, Pékin, Librairie du Recueil Sirey. Paris, 1936.*

⁵ Cf. *-Joseph Needham, Science and Civilisation in China Tome 2 p.518-584.*

6-Cf. Needham, *Science and Civilisation in China Tome 2*, pp.518-538. *Human Law and the laws of nature in China and the West*.

-Jean Escarra, *Le Droit Chinois*, p.17.

⁷ Jean Escarra, *Le droit chinois*, p.59.

⁸ Cf. Nguyễn văn Thọ, *Chân dung Khổng Tử*, tr.181-182.

⁹ ...Hỗn độn nguyên khí ký phân, khinh thanh vi thiên tại thượng, trọng trọc vi địa tại hạ, nhi chế lễ giải pháp chi nhi lập tôn ti chi vị dã. (Khổng Đĩnh Đạt) 5 Couvreur, Li Ki, I, p.527, notes) Khi nguyên khí đã phân, thì khí thanh ở trên thành trời, khí trọc ở dưới thành đất, nên người lập ra lễ, phỏng theo đó mà lập ra thứ vị thấp cao:

...Phù Lễ giả sở dĩ chương nghi, biệt vi, dĩ vi dân phùng giả dã. Cố quý tiện hữu đẳng, y phục hữu biệt, triều đình hữu vị, tắc dân hữu sở nhượng. (Lễ Ký, Phương Ký, XXX) Lễ là dùng để làm cho rõ điều ngờ, biện bạch những điều vi ẩn, để làm sự phòng giữ cho dân. Cho nên người sang, người hèn có bậc, y phục có phân biệt, chỗ triều đình có ngôi thứ, thì dân mời nhường nhịn lẫn nhau.

¹⁰ Phù Lễ giả, tiên vương dĩ thừa thiên chi đạo, dĩ trị nhân chi tình. (Lễ ký, Lễ vận, IX): Lễ là tiên vương vâng theo cái đạo của trời để trị cái tình của người.

-Lễ hồ, lễ hồ, sở dĩ chế trung dã. (Lễ ký, Ai công vấn). Lễ để điều chế cho vừa đúng mức.

-Trung nhân chi tình hữu dư tắc xỉ, bất túc tắc kiếm vô cấm tắc dâm vô độ tắc thất túng dục tắc bại. Cổ ẩm thực hữu lượng y phục hữu tiết, cung thất hữu độ, súc tỵ hữu số xa khí hữu hạn dĩ phòng loạn chi nguyên dã. (Khổng Tử tập ngữ: Tế cầu vấn, XIII) (Cf. Trần Trọng Kim. Nho giáo I, 117).

¹¹ *Thị dĩ quân tử cung kính, tốn tiết, thoái thượng dĩ minh lễ. (Lễ ký, Khí lễ, I). Vì thế nên người quân tử cung kính, sống cho có chừng mực, tiết độ, nhún mình, nhường người để làm sáng tỏ chữ Lễ. L'idéal suprême du Kiun Tseu (quân tử) est, en toutes circonstances de faire preuve, d'une juste mesure, d'une modération rituelle, qui se traduit par le goût du compromis, des concessions réciproques, de la cote plus ou moins taillée. Abuser de son avantage invoquer "son droit" sont des choses mal vues en Chine.*

Le grand art est de céder sur certains points, afin de réserver une monnaie d'échange pour obtenir des avantages ailleurs. Toute la philosophie chinoise est incluse dans cette notion de Yang (Nhượng) céder, faire preuve de modération...(Jean Escarra, Le Droit chinois, pp.17, 18).

-sở dĩ trị ái nhân, Lễ vi đại; sở dĩ trị Lễ Kính vi đại. (Lễ Ký Ai công vấn, XXIV, 9). Muốn cho mọi người yêu thương nhau, cần nhất là Lễ. Muốn có Lễ cần nhất là Kính.

¹² *Phù Lễ giả, tự ti nhi tôn nhân. (Lễ ký, Khúc Lễ thượng, I, 25. Người biết lễ tự nhún mình để trọng người.*

¹³ *Quoi qu'il en soit, cet enseignement confucéen de la suprématie des rites sur la loi traduisant des notions longuement élaborées, depuis des origines dans la conscience du peuple chinois demeure vivance...(Jean Escarra, Le Droit chinois, p.19)*

...Il y a là des textes qui reflètent intensément ce qu'il y a de permanent dans la civilisation chinoise et qui à ce titre, sont un précieux complément des lois civiles récemment promulguées. (Ibid. 162)

-La conception du droit traduit fondamentalement des notions qui se sont élaborées, à l'aube d'une civilisation, dans la conscience des hommes qui ont peuplé la Chine. (Ib p.78).

¹⁴ *Tứ thể cử chính, phu cách sung doanh, nhân chi phì dã. Phụ tử đốc, huynh đệ mục, phu phụ hòa, gia chi phì dã. Đại thần pháp, tiểu thần liêm, quan chức tương tự quân thần tương chính, quốc chi phì dã.*

Thiên tử dĩ đức vi xa, dĩ nhạc vi ngự, chư hầu dĩ lễ tương dữ, đại phu dĩ pháp tương tự, sĩ dĩ tín tương khảo, bách tính dĩ mục tương thủ, thiên hạ chi phì dã. Thị vị đại tuận. (Lễ ký, Lễ vận VII)

¹⁵ *Lễ bất du tiết, bất sâm vũ bất hiếu áp. (Lễ ký, Khúc lễ, Tiết I, câu 10).*

¹⁶ *Tử viết: Chế độ tại lễ, văn vi tại lễ, hành chi ký tại nhân hồ! (Lễ ký, Trọng Ni yển cư, XXV). Lễ quy định mực thước phải giữ, hành động hay đẹp phải theo, nhưng giữ được là tùy nơi người.*

-Thị cố thánh nhân tác, vi Lễ dĩ giáo nhân, sử nhân dĩ hữu lễ, tri tự biệt ư cầm thú. (Lễ ký, Khúc lễ I).

-Lễ khí, thị cố đại bị. Đại bị thịnh đức dã. Lễ thích hồi tăng mỹ chất (Lễ ký, Lễ khí VIII). Lễ cốt là để rèn luyện con người. Lễ giúp con người đi đến chỗ thành toàn, đi đến chỗ nhân đức, hoàn thiện. Lễ giúp con người sửa nét xấu, mở mang tính tốt.

¹⁸ *Political justice is of two kinds one natural (physicon) and the other conventional (nomikon) ...(Nicomach, Eth .V, VII, tr. Rackham p.295. - Joseph Needham, Science and Civilisation in China, Vol 2 p.520.)*

¹⁹ *Cicéron (-106 te-43) of course, reflection this, saying: "Natualem legem divinam esse censet (Zeno), eamque vim obtinere recta imperantem prohibentemque contraria.". De Natura Deorum, I, 14 (tr. Brooks, p.30). -Joseph Needham Science and civilisation in China, Volume II. p. 534.*

²⁰ *Positiva lex est infra principantem sicut lex naturalis est supra. (Joseph Needham Science and civilisation in China, Volume II. P.538)*

²¹ *Lex Oeterna nihil aliud est quam summa ratio divinae sapientine secun dum quod est diectiva omnium actuum et motionum. (Summa.I.(2). Q.93 at.I.- Joseph Needham Science and civilisation in China, Volume II. p. 538)*

²² *Every law framed by man bears the nature of a law in the extent to which it is derived from the Law of Nature. But if on any point it is in conflict with the Law of Nature, it at once ceases to be a law; it is a mere corruption of law. (Joseph Needham Science and civilisation in China, Volume II. p. 538).*

²³ *Anh Vũ năng ngôn, bất ly phi điều. Tinh tin năng ngôn bất ly cầm thú. Kim nhân nhi vô lễ, tuy năng ngôn, bất diệt cầm thú chi tâm hồ ? Phù duy cầm thú vô lễ cố pụ tử tự ư. Thị cố thánh nhân tác, vì lễ dĩ giáo nhân, sử nhân dĩ hữu lễ, tri tự biệt ư cầm thú. (Lễ ký, Khúc lễ thượng).*

²⁴ *Tử viết: Lễ giả, Lý dã. (Lễ ký, Trọng Ni yển cư. XXV)*

²⁵ *Cố Lễ nghĩa dã giả nhân chi đại đoan dã. (Lễ ký, Lễ vận VII)*

²⁶ *Cố Lễ tất bản ư thiên, động nhi chi địa, liệt nhi chi sự, biên nhi tòng thời, hiệp ư phân nghệ. Kỳ cư nhân dã viết dưỡng, ký hành chi dĩ hóa lực, từ nhượng, ẩm thực, quan hôn táng tế, sạ ngự, triều sinh.*

Lễ ký, Lễ vận, VII.

²⁷ *Cố Lễ Nghĩa dã giả, nhân chi đại đoan dã. Sở dĩ giảng tín tu mục, nhi cố nhân cơ phu chi hội, cân hài chi thức dã. Sở dĩ dưỡng sinh tống tử, sự qui thân chi đại đoan dã. Sở dĩ đạt thiên đạo, thuận nhân tình chi đại đậu dã. Cố duy thánh nhân vi tri lễ*

chi bất khả dĩ dĩ dã. Cố hoại quốc táng gia, vong nhân, tất tiên khứ kỳ lễ. (Lễ ký, Lễ vận, VII).

²⁸ Tử viết: Đạo chi dĩ chính, tế chi dĩ hình, dân miễn nhi vô sử. Đạo chi dĩ đức, tế chi dĩ lễ, hữu sĩ thả cách. Luận Ngữ, Vi Chính II, 3.

²⁹ Liêm Khê tiên sinh viết: “Cổ thánh vương chế lễ pháp, tu giáo hóa, tam cương chính, cửu trù tự, bách tính đại hòa, vạn vật hàm nhuộc...hậu thế lễ pháp bất tu, chính hình hà vẫn, tóng dục bại độ, hạ dân khốn khổ...(Cận tư lục 0.9, tr.La).

³⁰ Lễ chi dụng hòa vi quý. (Luân ngữ, Học nhi I).

³¹ Nghĩa giả nghi dã. (Trung Dung chương XX, Lễ ký chương XXVIII, Trung Dung, tiết II, câu 6).

³² Hà vị nhân nghĩa: Phụ tử, tử hiếu, lương huynh, đệ đễ, phu nghĩa, phụ thính trưởng huệ, ấu thuận, quân nhân, thần trung, thập giả vị chi nhân nghĩa...Cổ thánh nhân sở dĩ trị nhân thất tình, tu thập nghĩa, giảng tín, tu mục, thượng từ nhượng, khứ tranh đoạt, xả lễ hà dĩ trị chi ? (Lễ ký, Lễ vận)

³³ Tề Cảnh Công vấn chính ư Khổng Tử. Khổng Tử đối, viết: “Quân nhân, thân thân, phụ phụ, tử tử”. Công viết: “Thiện tai! Tín như quân bất nhân, thân bất thân, phụ bất phụ, tử bất tử, tuy hữu túc, ngô đắc nhi thực chi ? (Luận ngữ, Nhan Uyên XII, II).

³⁴ Tề Cảnh Công vấn chính ư Khổng Tử. Khổng Tử đối, viết: “Quân nhân, thân thân, phụ phụ, tử tử”. Công viết: “Thiện tai! Tín như quân bất nhân, thân bất thân, phụ bất phụ, tử bất tử, tuy hữu túc, ngô đắc nhi thực chi ? (Luận ngữ, Nhan Uyên XII, II).

³⁵ Tử viết: “Phạn sơ tự, ẩm thủy, khúc quăng nhi chăm chi, lạc diệc tại kỳ trung hỹ. Bất nghĩa nhi phú tha quy, ư ngã như phù vân (Luận ngữ, Thuật nhi, VII, 15)

³⁶ /Nhân giả nghĩa chi bốn dã, (Lễ ký, Lễ vận, VII, tiết IV, II) Lý giả nghĩa dã. (Lễ tang phục tứ chế, 13)

³⁷ Cố Lễ Nghĩa dã giả...sở dĩ đạt thiên đạo, thuận nhân tình chi đại đâu cả. (Lễ ký, Lễ vận VII).

³⁸ Cảm vấn: “Hà vị hạo nhiên chi khí?”. Viết: “Nan ngôn dã. Kỳ vi khí dã chí đại chí cương; dĩ trực dưỡng chi nhi vô hại, tắc tắc hồ thiên địa chi gian. Kỳ vi khí dã, phối nghĩa giữ đạo; vô thị, nổi dã.

Thị tập nghĩa sở sinh dã. Phi nghĩa tập ni thủ chi dã.” (Mạnh Tử, Công tôn Sửu, chương cú thượng, 2)

Dám hỏi thầy: Sao gọi là khí hạo nhiên ?

-Khó giải lắm. Cái khí rộng lớn, bao la, cứng cõi vững vàng lắm. Nếu mình thuận theo lẽ thẳng mà bồi dưỡng nó, đừng làm tổn hại nó thì nó sẽ lan ra khắp trong khoảng trời đất này. Cái khí ấy phối hợp với việc nghĩa việc đạo bằng không nó sẽ hư hoại đi.

Mình cần phải làm nhiều việc hợp nghĩa, cái khí hạo nhiên ấy mới sinh ra; chẳng phải làm một việc nghĩa rời rạc, mà thâm đoạt được cái khí lực ấy. Nếu mình làm việc quấy bậy chẳng thuận với lương tâm thì cái khí ấy phải hư hoại vậy...

³⁹ Trương Kỳ Quân, Trung Hoa ngữ thiên niên sử, quyển 3, chương X tr.128.

⁴⁰ Ibid.

⁴¹ Ibid.

⁴² Tử viết: “Ý tề uẩn bào, dữ ý hồ lạc giả lập, nhi bất sử giả, kỳ Do dã dư!” (Luận ngữ IX, Tử Hãn, 25).

⁴³ Tử viết: Sĩ chí ư đạo, nhi sĩ ác y ác thực giả vị túc nghị dã.
(Luận ngữ, Lý Nhân IV, 9).

⁴⁴ Tử viết: Xảo ngôn, lệnh sắc, túc cung, Tả Khâu Minh sĩ chi, Khâu diệc sĩ chi. Nặc oán nhi hữu kỳ nhân, Tả Khâu Minh sĩ chi, Khâu diệc sĩ chi.

⁴⁵ Bang hữu đạo, bản thả tiện, sĩ dã. Bang vô đạo, phú thả quý sĩ dã. (Luận ngữ Thái Bá, VIII, 1)

⁴⁶ Hiến vấn sĩ, Tử viết: Bang hữu đạo, cốc, Bang vô đạo cốc sĩ dã. (Luận ngữ Hiến vấn, XIV, 1)

⁴⁷ Lương Huệ Vương viết: “Tấn quốc thiên hạ mạc cường yên, tẩu chi sở chi dã. Cập quả nhân chi thán, Đông bại ư Tề, trưởng tử tử yên: Tây táng địa ư Tần thất bá lý: Nam nhục ư Sở. Quả nhân sĩ chi; nguyên tí tử giả nhất tẩy ci, như chi hà tắc khả.”
(Mạnh Tử, Lương Huệ Vương chương cú thượng, 5)

⁴⁸ Lập hồ nhân chi bốn triều nhi đạo bất hành, sĩ dã.

(Mạnh Tử, Vạn Chương chương cú hạ, 5).

Ký đắc chi nhi hựu thất chi, quân tử sĩ chi.

Địa chi dư, nhi dân bất túc, quân tử sĩ chi.

Chúng quả quân nhi bội yên, quân tử sĩ chi.

(Lễ ký, Tạp ký XVIII, tiết IV, câu 20)

Mạnh Tử viết: “Sĩ chí ư nhân, đại hỹ. Vi cơ biến chí xảo giả, vô sở dụng sĩ yên. Bất sĩ bất nhược nhược nhân, hà nhược nhân hữu
(Mạnh Tử Tận Tâm Thượng, 7).

Hết

Xin Đọc và Cổ Động Tập San Thế Đạo

VƯỜN THƠ

Thi Văn Đoàn Vườn Huệ Trắng phụ trách

THI ĐIỀU

Phối Sư Thái Thế vội ly trần,
Cất bước thang mây hưởng huệ ân.
Đại nghiệp vì Thầy vung cội Đạo,
Tình thương mến luyến mọi người dân.
Trau dồi đức hạnh dìu con cháu,
Việc Đạo chu toàn chớ ngại thân.
Cảm kích đời tư nay vắng bóng,
Lời cầu nguyện vái rỗi siêu nhân.

- Hỡi ôi ! Thương thay ! Tiếc thay !

Hiển linh xin chứng.

Ngày 1-11-Quý Mùi (24-11-2003)

Phối Sư Thượng Nhã Thanh

Q. Thượng Chánh Phối Sư.

CẢN KÍNH HỌA VẬN

Thiên Phong, Tiên Vị trợ duyên trần,
Mãn nhiệm kiếp kỳ về tạ ân.
Công nghiệp “ nhờ Thầy ” cho phổ độ,
Dặm trường chí thiết giúp toàn dân.
Dìu đời hạnh hưởng hòa tâm đức,
Chỉ đạo thật hành cam khổ thân.
Thiện nguyện trọn trung cùng “ Chánh thể ”
Nay về bái mạng thọ “ Siêu Nhân ”

Cẩn bút

Lễ Sanh Thượng Xem Thanh

Thi Đoàn Vườn Huệ Trắng.

Highland- California 04-04-04

NHẮN NHỬ BẠN ĐẠO

Thuyền Đao lộng khơi buổi đảo huyền,
Chợ Đời xạo sự quá chinh nghiêng.
Lao xao sóng vỗ thời tang tóc,
Vi vút gió đùa buổi biến thiên.
Bền chí chèo xuôi qua bể khổ,
Giữ gìn buồm thuận đến bờ liền.
Lái lèo vững chắc nhờ chung sức,
Vượt khỏi trùng dương rõ phước duyên.

Phối Sư Thái Thế Thanh.

CẢN KÍNH HỌA VẬN

Bác Nhã đơn đưa tuyển dụng quyền,
Nhơn sanh hạnh hưởng vững đờng nghiêng.
Thời gian “Duy Ngã” nhiều tao loạn,
Chánh thể chi sờn bởi ân Thiên.
Lịch-sử ngược dòng bao trắc ẩn,
Bản doanh hoàn thiện chuyển đời liền.
Bền tâm quyết chí thi nhân nghĩa,
Từ Phụ “oai linh” thưởng huệ duyên.

Cản bút

Lễ Sanh Thượng Xem Thanh

Thi Đàn Vườn Huệ Trắng

Highland- California 04-04-04

TIỄN BIỆT
Cố Hiền Tài Nguyễn Văn Chính
Cựu Q. Khâm Châu Châu Đạo California.

Tiễn biệt thông gia buổi cuối đời,
Nghĩ mình ai tiễn bước chơi vơi.
Lưu vong hải ngoại cùng nhau rủ,
Dấn bước non tiên chẳng được mời.
Anh hỡi ! tầng mây cao mấy bậc,
Tôi còn trần thế sánh đua bơi.
Bồng lai luôn nhớ chờ tôi đó,
Tiên cảnh đưa đàng lướt gió khơi.

NHẬT TÂN

Thi Đàn Vườn Huệ Trắng
Fontana- California.

HỌA VẬN 1

Chú Chính ôi ! Chú Chính ôi !

Thấp nén đưa linh biệt cõi đời,
Nương thuyền siêu thoát biển chơi vơi.
Về Tiên ! Đạo hữu (1) hoa trà hiến,
Chầu Phật ! thê nhi rượu quả mời.
Chín bậc Thiêng Liêng tua trở bước,
Mười phương trí tuệ khá đua bơi.
Đoạn căn trái chủ tâm như nguyệt,
Trực chỉ đà nguyên lướt dặm khơi.

QUÁN NHẤT

(1) đạo hữu : bạn Đạo.

HỌA VẬN 2

Chẳng ai sống mãi ở trên đời,
Đừng bận lòng chi buồn sẽ với.
Thoát kiếp trầm luân nào tránh khỏi,
Cửa Thiên thượng giới sẵn chào mời.
Thông gia Thi Hữu đà đi trước,
Lần lượt chúng ta nhắm hướng bơi.
Nước nhược non bỗng xin hẹn gặp,
Nhàn du Tiên cảnh sống ngàn khơi.

Trần Hồn Xuyên

Thi Đàn Vườn Huệ Trắng
San Bernardino- California.

HỌA VẬN 3

Chia tay xuôi nghĩa cảnh lia đời,
Thương tiếc ngậm ngùi giọt lệ rơi.
Đất khách tha phương chung khẩn khích,
“Nay về Cảnh Trí” lại quên mời.
Bạn hiền hạnh hưởng bỗng lai giới,
Chít phận nhịp nhàng đến hướng bơi.
Sớm kịp trùng phùng cho phỉ dạ,
Ắt là chẳng khó dẫu nghìn khơi.

Cẩn bút.

Văn Xem

Thi Đàn Vườn Huệ Trắng
Highland- California.

Giả Từ Đồng Đạo (1)

Ba ngày cầu nguyện tại tư gia,
Đồng đạo anh em họp một nhà.
Tôi thấy ấm lòng an ủi lắm,
Nhưng không đón tiếp bệnh trầm kha.
Thứ lỗi cho tôi các bạn ơi,
Thân tôi cảm thấy mỗi mòn thôi.
Tinh thần vẫn sáng luôn luôn nhớ,
Đàm đạo bên nhau chắc hết rồi.
Số kiếp hóa công đà định sẵn,
Ngậm ngùi lưu luyến cảnh chia phôi.
Tôi đi bạn ở vui nên Đạo,
Xây dựng vun bồi thế hệ sau.
Nói tiếp cha ông gìn nghiệp cả,
Yêu thương đoàn kết hiệp cùng nhau.

Trần Long Thuận (10-12-2003)

Nhấn nhủ các cháu Đồng Nhi (2)

Hôm nay các cháu đồng nhi đến,
Bác thấy trong người khỏe hẳn lên.
Cảm động vô cùng trong tác dạ,
Gắng gượng đôi điều nhấn nhủ khuyên.
Bác thương các cháu đồng nhi lắm,
Gắng học, siêng năng cúng kiếng thường.
Đời Đạo gắng rèn chăm học hỏi,
Muôn năm tên tuổi vẫn còn vương.
Nguyện cầu Từ Phụ hồng ân rưới,
Các cháu thông minh học giỏi nào.
Song ngữ giỏi giang kinh sách Đạo,
Lào thuộc văn từ trí chẳng xao.

Trần Long Thuận (12-12-2003)

(1) + (2) : PTS Trần Long Thuận qui vị ngày 15-12-2003. Trước đó năm ba ngày, HH có làm 5 bài thơ và để tưởng nhớ HH, theo lời yêu cầu của Hiền Thê của HH, TSTD xin đăng 2 bài thơ như trên.

CHỮ HÒA

của người tín đồ Cao-Đài

HT Nguyễn Hoàng Chung trích soạn

Sống ở đời mọi người cần phải liên lạc giao tiếp với nhau hằng ngày, ngoài cái nghĩa tương thân tương ái với nhau còn là sợi dây mật thiết với nhau hầu để dìu dắt nhau, nâng đỡ nhau trên con đường Đạo và đường Đời. Anh lớn chỉ biểu cho em nhỏ, người rõ thông giáo-lý chỉ dẫn cho những người chưa rõ. Ai có lầm lỗi điều chi sẵn sàng khuyên nhủ bằng sự chân thành, khiêm tốn. Chớ đừng có âm thầm che phe, chia phái mà làm cho anh em không thuận hòa nhau, nên chung lưng đấu cật với nhau mà lo bồi đắp cơ Đạo cho được tốt đẹp, cho rõ là con chung một Cha:

“ Chẳng quản đồng tông mới một nhà,
Cùng chung một Đạo tức một cha.
Nghĩa nhân đành gửi thân trăm tuổi,
Dạy lẫn cho nhau đặt chữ Hòa.”

(TNHT- Q1-Trg 8-Đàn cơ 20-02-26)

Nếu ta là hàng Tín Đồ cần phải kính tuân chư Chức Sắc Thiên Phong vì những vị này là những vị đã thọ lãnh nơi Thượng Đế một thiên chức đặc biệt để thông truyền chánh giáo . . . đầu bậc Thiên Phong tài sơ tuổi nhỏ hơn mình đi nữa, hàng tín đồ cũng chẳng nên hổ mình từng sự hoặc là vượt bậc khinh khi, ganh gổ tức là buộc vào mình cái tội vi lệnh cùng Thượng Đế vậy. (Phương châm Hành Đạo).

Còn chư Chức Sắc đối với hàng Tín Đồ, chư Chức Sắc cần phải có cái hạnh khiêm cung từ nhượng, phải dùng lời

dịu ngọt mà dạy dỗ kẻ dưới quyền mình, phải lấy nét ôn hòa điều độ nhau. . . .đừng tự cao, tự phụ, mình may nhờ tiền căn cựa phẩm hoặc là công cả quả dày nên mới được chức Thiên Phong, biết đâu trong hàng Tín Đồ lại không có lắm người tài cao đức trọng hơn mình?

“ Dạy trẻ con toan trước dạy mình,
Cái công giáo hóa cũng đồng sinh.
Đạo đời tua biết đời rằng trọng,
Một điểm quang minh một điểm linh”
(Thi Văn Dạy Đạo).

Từ ngày khai Đạo Đức Chí Tôn không ngớt khuyên răn nhắc nhở con cái của Ngài luôn luôn thương yêu hòa ái nhau để cho cơ Đạo được tốt đẹp.

“Thầy hằng muốn cho các con hiệp chung nhau mở đường chánh giáo, phải biết tương thân, tương ái chia vui sớt nhọc cho nhau mà đìu dắt chúng sanh. Nếu vì chút phàm tâm mà chia đường phân nẽo, ghét nghịch lẫn nhau các con sẽ treo gương bất chánh cho kẻ sau, lại nên Đạo cũng vì đó mà khó mau thành đặng. Các con khá để ý đến, ấy là các con hiến dâng cho Thầy một sự thành kính trọng hậu đó.”

(TNHT-Q2-Đàn cơ ngày 05-03-27).

“Ngày nào các con còn trông thấy một điều bất bình ở đời này thì Đạo chưa thành”

(TNHT-Q1-Đàn cơ ngày 15-04-27).

Các con cũng đã biết rằng “Sự hành tàng nào về Đạo mà vừa lòng trong cả chư chức sắc và chư tín đồ ấy là hiệp Thiên Ý. Còn điều nào mà phần nhiều môn đệ của Thầy chẳng khứng chịu theo , ấy là bất hiệp thiên ý đó.”

(TNHT-Q1-Đàn cơ ngày 03-02-28).

Đức Chí-Tôn cũng đã biết trước và khuyên những kẻ nào mượn cửa Đạo để lấy uy quyền tạo cho mình một tiếng vang

oai oai tự đắc mang trước mình một chữ Ta to tướng muốn tu thì phải dẹp bỏ phàm tâm mà lo đường Đạo.”

Đời cũng vậy, mà Đạo cũng vậy hễ chác danh cao, quyền lớn bực quý phẩm Tiên thì phải dày chịu gian nguy, nặng đeo sầu thảm . Các con phải suy đó mà gìn tròn phẩm hạnh , vẹn giữ bước đường chậm rãi từ năm từ hồi thì tự nhiên được lương tâm yên tịnh. Còn những đứa choán phẩm ham quyền, cũng có lúc gặp điều hành phạt Thiên Liêng mà nêu gương cho đoàn sau soi lấy còn những kẻ phản bạn trở lòng luật Thiên Điều cũng có buổi trừng răn cách xứng đáng vậy.” (TNHT-Q2-Đàn cơ ngày 03-02-28).

“Tham chi sự thế lắm đua tranh,
Cái miếng đỉnh chung xúm giựt giành.
Bỏ hết trong cơn mê một giấc,
Trăm năm ngấn ngủi nhớ làm lành.”
(Thi Văn Dạy Đạo).

Đạo quý là ở chữ Hòa. Các con thử nghĩ mà coi tạo thiên lập địa cũng bởi âm dương hòa hiệp sanh hóa muôn loài , cũng bởi chữ Hòa , đến đổi như thân của người có tạng có phủ. Tạng phủ ấy, nếu chẳng Hòa thì con người chẳng hề sống bao giờ. Kịp đến tâm hồn bất Hòa thì lục đục thất tình phát khởi tranh ngôi với thần lương tâm , nếu kém lực thì con người ấy duy có sinh hoạt trong vòng vật đục chớ chẳng hề biết thiên ý là gì?

Các em thử nghĩ cái phẩm của kẻ ấy cao hèn là thế nào, người chẳng có Hòa là thế đó.

Còn gia đình chẳng Hòa, thì cha con mịch nhau, chồng vợ lìa nhau, anh em ly tán.

Còn trong luân lý chẳng hòa, thì dân cư bất mục, nước chẳng Hòa thì sanh ly loạn.

Còn thế giới bất Hòa, thì nơn loại đấu tranh.

Vì vậy tiếp khuyên các em “ Dĩ Hòa vi tiên”,

(TNHT-Q2-Đàn cơ ngày 17-03-Quý Dậu)

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai

“Tâm ái nhân sanh an bốn biển,
Tâm Hòa thiên hạ trị muôn năm.
Đường tâm cửa Thánh dầu chưa vẹn
Có buổi hoài công bước Đạo tâm”
(Thi Văn Dạy Đạo).

“Nâng Đồi khá gắng trau nhưn đức,
Học Đạo tua năng luyện tánh tình.
Khổ hạnh chí mong qui nẻo chánh,
Ngoài tai chớ chác miếng hư danh.”
(Thi Văn Dạy Đạo).

“Ngày nào Đạo nơi đây chưa Hòa , người nơi đây chưa đủ sức kềm chế lấy nhau và chưa đủ tinh-thần ngay chánh chỉ nẻo dẫn đường, người Đạo chưa phước được tham danh chác lợi thì ngày ấy Đạo nơi đây chưa gọi là trọn thành, thì cũng chưa một ai mong khởi công mà tầm địa vị Thiêng Liêng được.”
(TNHT-Q2-Đàn cơ ngày 18-07-28 của Chơn Cự Lão Sư)

“Đạo không phải một Hội để chôn thây, cũng chẳng phải món hàng để nhong giá mà chư đạo hữu hiện thời đã thấy Đạo có ích về hai sự ấy mà thôi.

Buồn ! Người Đạo đã bơ thờ như gái mới về nhà chồng ban sơ, ruột trống rỗng như thùng không , trí não chưa xa hơn gối. Nhóm lại nghịch lẫn nhau, dèm xiểm nhau, lo đứng trên người khác nhưng lại không tài liệu biện cho có ích chi cả.” (TNHT-Q2-18-07-28).

“Đạo hiện giờ cũng chẳng khác chi con bệnh mà lương y coi chưa ra chứng , bề ngoài coi chẳng có vẻ chi trầm trọng , nhưng một ngày kia nếu chẳng rõ mà chế cãi thì xuất tại trong mà loán ra ngoài, thế mạnh như núi đè cây , biển tràn bờ chẳng thế chi ngăn cản nổi
Người trong Đạo phần nhiều mong hiệp thế riêng cho mình mà kinh chống trở mặt với mỗi con. Ấy là tại nơi đâu?

Người hành Đạo chẳng đủ quyền chế cãi, kẻ tự cao muốn chiếm vị cầu danh, nghịch tư cách đối đãi với thế tình, gây ác cảm mà tạo thù oán . Hai con phải biết chỗ yếu nhược của Đạo nơi đó mà kiếm phương, tìm chước , lấy cộng hòa hiệp nhưn ý mà điều đình sửa cãi cho chóng, làm sao cho mỗi đạo hữu các con đều ngó về Tòa Thánh mà xưng tụng ân huệ của mỗi con có trách nhiệm xứng đáng; và làm sao cho dứt mối hiềm thù riêng của mỗi đứa, hiệp đồng trí thức mà làm cho người ngoài dòm vào nhìn nhận mỗi Đạo quý hóa và thấy điều sùng bái cử chỉ cao thượng của các con.”

(TNHT-Q2-Đàn cơ ngày 05-08-28)

19-06 Mậu Thân.

“Những kẻ nào đã vì tà tâm mà để cho nơ bợn chơn linh, cho lũ tài khuấy rối thì chẳng khi nào được trọn tinh thần ngay thật như xưa mà dịu dặt ai cho chính đáng. Phải kể như không có những kẻ ấy trong nền Đạo, và coi đó mà gìn bước đường của mình.”

(TNHT-Q2-Đàn cơ ngày 04-06 Mậu Thìn)

1928 của Tiêu Sơn Đạo Sĩ.

Tánh kiêu căng tự đại là hang thẳm chôn lấp trọn thân hình hồn phách đó, nên ghi nhớ mà lập tâm sửa mình , khá gắng nhớ bài này:

“Khuôn đời chưa để tạo nên hình,
Tóc bạc còn mờ lối nhục vinh.
Hòn ngọc khó đem trau Thánh chất
Cân vàng khôn lấy nện chày kinh.
Phước Trời gieo sẵn còn giao kết
Lợi thế chưa nên xúm giựt giành,
Thời cuộc tuần hoàn tai ách khỏi
Liệu mà xông lướt liệu đua tranh.

(TNHT-Q2-ngày 08-06-30)

12-05 Canh Ngọ.

(xin xem tiếp trang117)

CON ĐƯỜNG CỨU RỒI CỦA ĐẠO CAO-ĐÀI

QUANG THÔNG

(TIẾP THEO CÁC KỶ TRƯỚC)

3. Vậy Thầy lại dặn các con: nếu kẻ không tu, làm đủ phận người, công bình chánh trực, khi hồn xuất ra khỏi xác thì cứ theo đẳng cấp gần trên mà luân hồi lại nữa, thì biết chừng nào đặng hội hiệp cùng Thầy; nên Thầy cho một quyền rộng rãi, cho cả nhưn loại càn khôn thế giới, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng; mà...hại thay !...mắt Thầy chưa đặng hữu hạnh hoan lạc, thấy đặng kẻ ấy. Vậy Thầy dặn: Đạo là nơi các con nên quý trọng đó vậy. (TNHT, I, trg. 61)

Theo giáo lý Cao Đài thì trái địa cầu chúng ta đang sống là địa cầu thứ 68, trong Thất thập nhị địa giới . Phần đầu câu trên Thầy giả dụ rằng: mỗi kiếp sanh chúng ta đầu kiếp xuống trần sống bình thường, chúng ta không gây tội lỗi nhưng cũng chẳng lo tu hành, chỉ làm tròn bổn phận , công bình chánh trực.....thì linh hồn chúng ta sẽ tiến lên từ từ theo mỗi kiếp sanh, nghĩa là nếu kiếp này ta thuộc hạng thấp thỏi của địa cầu 68, kiếp sau ta được tăng tiến lên một nấc cao hơn ở địa cầu này, cứ như vậy tăng tiến dần dần lên địa cầu 67, 66,.....lần lần tới đệ nhất cầu, rồi qua Tam Thiên thế giới là ba ngàn trái địa cầu hữu hình nữa mới vào đặng Tứ Đại Bộ Châu... Rồi phải chuyển kiếp nữa mới vào đặng Tam Thập Lục Thiên...Qua khỏi Tam Thập Lục Thiên là ba mươi sáu cõi Trời, cũng là cõi thanh nhẹ rồi nhưng cũng chưa gọi là giải thoát mà phải chuyển kiếp tu hành mới về đến Bạch Ngọc Kinh là cõi Niết Bàn của Phật vậy...

Xem vậy nếu chúng ta hướn đãi, không chịu lo tu hành thì biết mấy ngàn năm nữa mới về cùng Thầy đặng. Đó là chưa kể

lỡ ra trong một kiếp sanh nào đó, chúng ta gây thêm tội tình nghiệt chướng thì phải thoái hóa trở lại, thì muôn muôn ngàn ngàn kiếp mới giải thoát khỏi luân hồi nghiệp chướng.....

Ồi càng nghĩ chúng ta càng thấy kinh sợ, vì trong nội một kiếp sanh chúng ta đã trải qua bao nhiêu cảnh khổ não thể xác tâm hồn rồi...Nếu chúng ta là người hiểu Đạo, hiểu thấu lẽ nhân quả luân hồi, chúng ta chắc chắn là muốn về cho mau chớ không khi nào giải đãi...

Chúng ta thường tự hào rằng rất may duyên mới sanh nhằm thời kỳ Đạo khai, Đức CHÍ-TÔN đang mở cơ Tận độ để độ rỗi cả con cái của Người. Đạo Cao Đài còn gọi là Đại Ân Xá kỳ ba.....Quả thật là kiếp sanh này hữu hạnh hữu duyên không biết ngần nào...

Chắc hẳn rằng khi nhìn lại cuộc đời khổ não, chúng ta để dấu hỏi hoặc đi tìm một con đường tắt nào đó sẽ đưa ta trở về cùng Thầy tức là giải thoát nội trong kiếp sanh này...

Thì đây trên giòng suy tư chúng ta bắt gặp lời xác quyết của Thầy:

... “Thầy cho một quyền rộng rãi, cho cả nhơn loại Càn khôn thế giới, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng; mà...hại thay !...mắt Thầy chưa đặng hữu hạnh hoan lạc, thấy đặng kẻ ấy”.

Đoạn trên Thầy đã cho biết quả thật có con đường tắt đó và Thầy còn xác nhận quyền ưu tiên đó Thầy dành cho tất cả nhơn loại trong Càn khôn Thế giới chớ không phải riêng loài người trên quả địa cầu này...Nhưng có điều con đường đó khó đi hay bí mật dữ lắm nên Thầy chưa từng thấy ai đã thành công bằng đường này...

Trong Đạo chúng ta thường nghe nói có ba con đường trở về cùng Thầy:

- Con đường thứ nhất: Lập công nơi Cửu Trùng Đài.
- Con đường thứ hai: Lập công nơi Cơ quan Phước Thiện.

- Con đường thứ ba: Là Tu chơn hay là Tịnh Luyện.

Vậy còn con đường tắt này là đường nào? Chúng ta lại để tâm tìm kiếm và cũng rất là may, chúng ta bắt gặp những lời giảng giải rất tường tận của Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa, vì những lời giảng này rất ư quan trọng nên chúng tôi xin mạn phép chép lại nguyên văn bài thuyết Đạo của Ngài như sau:

CON NGƯỜI CÓ THỂ TRẢ HẾT NỢ TRONG MỘT KIẾP SỐNG HAY KHÔNG ?

“Chúng ta đã có dịp nói qua rồi về con đường tiến hóa của Vạn linh hay là con đường Thiêng Liêng Hằng Sống, tức là con đường tiến hóa từ vật chất đến thảo mộc, thú cầm mới lên phẩm người. Giai đoạn đó phải đòi hỏi cả muôn năm, muôn kiếp trong mỗi phẩm.

Vì vậy, từ buổi mới được kết tạo nơi chốn bào thai thì mọi đơn vị nhưn loại đã phải chịu ảnh hưởng của nợ tiền khiên là công chuộc quả của các bậc tiến hóa trước từ kim thạch hỗn đố lên đã phải chịu trong vòng vận chuyển của Bát hỗn.

Hiểu vậy thì mỗi chúng ta khi mới tượng hình trong bào thai đã có nợ rất nhiều rồi trong tiền kiếp trên bước đường tiến hóa từ khi còn là kim thạch đố lên. Như vậy thì mỗi kiếp sanh đã hẳn mang nợ của Tạo Vật đầy đầy, mặc dầu là chưa làm chi nên tội.

Rồi một khi lọt lòng mẹ bước ra chào đời thì lại còn thêm nặng nợ xã hội nhưn quần, bắt đầu là nợ sanh thành dưỡng dục, mớm cơm vú sữa, rồi đến nợ áo cơm ăn học, nợ tình cảm trong gia đình, cha mẹ anh em, thân tộc rồi đến bạn tác. Một khi đến lúc trưởng thành thì lại thêm quả nghiệp tạo dựng gia đình nên chồng nên vợ, nên nhà nên cửa, nhứt nhứt mỗi nhu cầu trong sự sanh sống hằng ngày đều là cơ hội để vay thêm nợ của xã hội.

Đó là định nghiệp của một kiếp. Lấy lý mà suy nghiệm, thì cả một kiếp sanh mỗi đơn vị con người đã phải chịu ơn tấn hóa của hóa nhơn, rồi lại chịu ơn cấp dưỡng của đồng loại. Hai cái ơn ấy muốn cả mỗi đơn vị của chơn hồn con người phải đi theo đà sanh hóa, luân chuyển mãi thôi ! Trong cơ vay trả biết bao giờ mới hết ?

Đó là mới nói về nguyên quả, còn nói về nghiệp quả, thì ngoài các món nợ mà ta tự gây nên thì còn phải chịu nợ của những kẻ đã hy sinh cho kiếp sống của chúng ta ấy là sự nhờ vả lẫn nhau trên đường sanh nghiệp.

Bát cơm của chúng ta ăn hằng ngày để nuôi sống thân phàm này là do ơn của bao nhiêu người đã phải khổ cực, dầm sương giải nắng để tạo ra, từ người nông phu luôn cả con súc vật đã cực khổ cày bừa, dọn dẹp thửa đất cho sạch sẽ để rồi gieo lúa lên mạ. Khi cây mạ đứng sức rồi, phải nhờ bao nhiêu công để cấy. Khi cấy xong rồi còn phải chăm nom, săn sóc, giữ cỏ, giữ nước, giữ sâu bọ, chim chóc, đến lúc chín còn phải cắt, gặt, đập, giê, xay giã.....Ra hạt gạo rồi còn phải vo nấu cho ra hạt cơm mình ăn.

Cái áo chúng ta mặc cũng do bao nhiêu công nợ mà chúng ta phải chịu, từ kéo ra sợi chỉ, dệt lại thành bức, cắt ra rồi may ráp lại cho ra kiểu vớ một cái áo để ta mặc. Đó là chưa kể những nợ mà ta phải chịu về những người tạo ra máy móc, hoặc tạo ra cái kéo cây kim.....

Đấy là kể sơ hai thí dụ cụ thể để nhận thức những món nợ vô cùng lớn lao và đầy dẫy mà ta phải lo trả.

Một khi ta nhận thức tường tận về lý rồi, thì ta nên kiểm ra lẽ đặng trả cho xong các mối nợ thì ta sẽ nhận thấy mảnh thân phàm này chẳng phải đến mặt thế này cho một cá nhân mà sự liên đới của nhân loại.

Bởi cố, chẳng có một cá nhân nào được quyền sống cho đơn vị, tức là sống ích kỷ hay vị kỷ, cho riêng mình mà trái lại, phải đem hết kiếp sống của mình ra để phụng sự cho toàn thể,

hoặc bằng lời này, hay phương khác theo thường gọi là phải sống vị tha.

Chúng ta cũng nên nhớ là nghiệp quả ở trong sự cấp dưỡng của đồng loại về cái ăn, đồ mặc, chỗ ở thì chẳng phải lấy của mà nói rằng trừ công cho đặng, mà phải lấy thiện ý của chơn chánh để phục sự, hầu cứu an nhơn khổ, tức là ta phải lấy công mà trả công chớ không phải ỷ thế có tiền rồi lấy tiền làm trọng và xem công của đồng loại là rẻ. Đó là Đạo vậy.

Trong cửa Đạo, cũng như nơi mặt xã hội người đời thường xảy ra lắm nỗi éo le biến động. Ấy cũng bởi chưa hiểu thấy lý, và cũng không tìm ra lẽ, mà khiến xảy ra bao nhiêu cuộc xáo trộn khổ cho nhơn sanh, và cũng làm cho cơ cứu khổ của Đạo chẳng được thành hình và nền chánh giáo phải còn mờ tướng.

Lấy lý mà suy, đem lẽ đặng nghiệm, thì chúng ta thấy mỗi người chúng ta muốn sống trong xã hội phải sống liên đới với tất cả các tầng lớp nhân dân, chớ không thể sống riêng biệt mình mà trái lại phải sống bằng cách nhờ vả lẫn nhau.

Nếu lấy lý theo đó mà suy ra, thì mối nợ xã hội này chúng ta trả biết bao giờ mới hết, và như thế thì phải chịu luân chuyển cùng đà sanh hóa mãi hay sao ?

Không đâu ! Nếu chúng ta biết luật tiến hóa của Vạn linh đã định là hy sinh về kiếp sống của mọi xác thân nơi mặt thế này. Mọi xác thân nơi mặt thế này phải là vật hy sinh trên đường thế sự.

Thêm nữa, trong cửa Đạo, chúng ta vẫn biết rằng Đức CHÍ-TÔN và các Đấng Thiêng Liêng chú trọng nơi tâm thành, và chỉ lấy Tâm là quý. Vì thế, nếu chúng ta biết, thì cả món nợ hay nói cách khác, cả công ơn của xã hội chúng ta có thể trả trong một kiếp mà quyền Thiêng Liêng vô hình vẫn chấp nhận cho ta, nếu ta đem hết tâm thành hy sinh trọn vẹn mảnh thân phàm để phục vụ cho nhơn loại, hay cho những kẻ chung quanh mình mà không có một điểm gì nhỏ mọn để nghĩ đến mình, tức là phải sống một đời hoàn toàn vị tha không còn một điểm gì nhỏ nhít nào vị kỷ,

mặc dầu kết quả về mặt hữu hình không xứng đáng là bao, nhưng tấm lòng chơn thành quyết chí trọn vẹn hy sinh đã bao trùm hết, và nếu quả quyết làm đúng theo vậy, thì quyền Thiêng Liêng sẽ cho TRỪ HẾT NỢ TRONG MỘT KIẾP !

Mới nghe qua tưởng là dễ, chớ thực hành cho đúng không phải là chuyện chơi và từ trước chưa có mấy ai dám hy sinh trọn vẹn mảnh thân hình mà không có một ý nghĩ cởn con về tư lợi cho mình, dầu là một tư lợi về tinh thần hay hữu danh.

Từ xưa đến nay ta chỉ thấy có một tấm gương để ấn chứng lẽ này trong cửa Phật giáo mà ít người được hiểu rõ ý nghĩa. Đó là vị Phật thường được gọi là Ông Dám, được các chùa Phật để thờ nơi Hậu đường.

Sự tích sơ lược như sau: Ông là một người dốt nát thật thà, xin ở chùa làm công quả, lãnh phận sự nấu nước cúng Phật, và cho mọi người trong chùa dùng. Mặc dù hết sức tận tụy với nhiệm vụ, nhưng những người ở trong chùa, nhứt là mấy chú Tiểu ngỗ nghịch rầy la, mắng nhiếc, hiếp đáp đủ điều mà Ông vẫn vui vẻ âm thầm quên mình tận tụy với nhiệm vụ, không một lời oán trách hay than thở.

Thường bữa đến tối là Ông lo vùi một cục than lửa, để khuya Ông thổi lên nhen nhúm có lửa nấu nước cho Ông Sư công phu cúng Phật, vì thuở ấy không có diêm quẹt.

Một hôm có kẻ ác tâm lén tưới nước tắt mất cục than lửa. Đến khuya Ông thức dậy đun lửa, thì khổ nguy không biết lấy lửa đâu mà nhen nhúm.

Buổi ấy là nhà ở thưa thớt. Muốn đến xóm trên xin lửa phải qua một khu rừng có đầy ác thú, nhưng vì nhiệm vụ Ông không kể thân sống, quyết đi xin cho có lửa đem về nấu nước cúng Phật cho kịp giờ, nên một mình trong đêm tối Ông băng mình đi đại.

Khi đến giữa rừng, gặp một con cọp đòi ăn thịt Ông, thì Ông van lạy để Ông đi xin đặng lửa về nấu nước cúng Phật cho kịp giờ, rồi Ông sẽ trở ra nạp thịt. Cọp bằng lòng, nên Ông đi

xin đặng chút lửa than về nhen nhúm lên nấu nước cho kịp giờ cho Ông Sư cúng Phật.

Khi ấy Ông quyết giữ lời hứa, nên lén một mình trở ra rừng nấp thịt cho cọp. Hại thay, Ông lại gặp cọp già nói với Ông là rằng cọp không còn cứng bén, mà xương Ông lại cứng, ăn không nổi, nên yêu cầu Ông leo lên cây cao buông tay rớt xuống cho đập xương thịt, cọp mới ăn đặng. Ông cũng bằng lòng hy sinh trọn vẹn leo lên ngọn cây thiết cao buông tay cho rơi xuống đất.

Theo tích kể lại, lúc Ông buông tay rớt xuống thì Ông được Phật rước luôn và cọp già kia cũng là do Phật hóa hình để thử lòng Ông.

Chuyện kể nghe có vẻ thần thoại, nhưng ý nghĩa là nêu lên một gương hy sinh trọn vẹn với một tinh thần vị tha bất vụ lợi, thì được quyền Thiêng Liêng chứng cho quả Phật vị, tức là Ông đã trả hết nợ trong một kiếp. Người ta đặt tên kêu Ông là Ông Dám, vì Ông dám làm một việc mà chưa có ai dám làm.

Trong sự hy sinh thì quyền Thiêng Liêng chỉ chứng cho TÂM THÀNH CHƠN CHÁNH không vụ danh, mà cũng không vụ lợi. Nếu sự hy sinh đó càng âm thầm kín đáo chừng nào thì giá trị tinh thần lại càng cao chừng nấy, chớ quyền Thiêng Liêng không kể sự hy sinh ấy kết quả to lớn hay nhỏ mọn.

Nếu sự hy sinh có tính cách rầm rộ, quăng cáo, kích động quần chúng với mục đích vì hữu danh thì sự hy sinh ấy chẳng có giá trị gì hết đối với quyền Thiêng Liêng.

Vậy ai muốn hết nợ hay là Đắc quả trong một kiếp thì chỉ có phải dám hy sinh trọn vẹn quên mình âm thầm phục vụ cho mọi người là đặng. Nhưng thử hỏi có mấy ai dám làm ?” (**Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa**)

Qua đoạn trên, ngài Bảo Đạo đã thuyết giảng một cách rất rõ ràng con đường để trở về cùng Thầy trong nội một kiếp sanh, đó là sự hy sinh trọn vẹn không còn một chút nào vì bản thân mình, dầu là danh, lợi, hay cả mạng sống mình nữa... để lo cho Đạo, cho nhơn sanh.

Thật vậy, điều mà đáng nói về hành tàng của vị Phật Dám ở trên là cái Tâm Đạo của ông quá lớn. Ông chỉ nghĩ đến việc phụng sự cho Đạo và vui chịu bất cứ những khổ hình xảy đến cho bản thân ông. Ngoài ra ông còn thể hiện cái Tâm thật thà, một mực giữ chữ tín đối với con cọp, trong khi ông có thể nuốt lời không trở ra rừng nạp mạng cho cọp.

Trong Đạo sử thời cận đại có một tấm gương hy sinh vì Thầy vì Đạo, khả dĩ có thể so sánh với vị Phật Dám trên đây, đó là trường hợp của vị Giáo Sư Thái Cửa Thanh Khâm Trấn Đạo Kim Biên và vị Lễ Sanh Hương Sữ Q. Khâm Châu Đạo Kim Biên, nguyên văn trích từ Đặc San Thông Tin số 122, ngày 4 tháng 6 năm 1975 như sau:

“Ông Giáo Sư Thái Cửa Thanh, thế danh Phạm văn Cửa, đương kiêm Khâm Trấn Đạo Kim Biên (Cam Bốt) đã tử Đạo vào lúc 13 giờ ngày mùng 7 tháng 3 năm Ất Mão (DL. 18/4/1975) tại Thánh Thất Kim Biên Tông Đạo, vì lý do xin cùng chánh quyền Khmer cho ông được ở lại Thánh Thất để giữ liên đài Đức Hộ Pháp cùng tài sản của Đạo trong khi tất cả ngoại kiều bị lệnh tống xuất khỏi lãnh thổ Miên quốc.

Cường quyền nơi đây đã thẩm sát Ông cùng bà Lễ Sanh Hương Sữ (thế danh Trần Thị Sữ, bạn đời ông, hưởng thọ 72 tuổi) để trả lời tại chỗ việc cầu xin của nhị vị lãnh đạo tinh thần Cao Đài Giáo tại Miên quốc. Ông đã chịu lắm truân chuyên gian khổ, vui buồn trên đường truyền bá Đạo Trời, kết thúc 48 năm thọ lệnh Hội Thánh hành Đạo tại Miên quốc. Ông hưởng thọ 78 tuổi.

Được phúc trình về Hội Thánh, Ngài Hiến Pháp Chương Quản Hiệp Thiên Đài đã ký Thánh Lệnh truy thăng phẩm Phối Sư Thái Cửa Thanh và Giáo Hữu Hương Sữ và thiết lễ truy điệu hai vị một cách long trọng tại Báo Ân Từ”.

Hai vị có thể viện lý do vì thời cuộc bắt buộc mà trở về Tòa Thánh cũng không có lỗi gì nhưng hai vị đã quyết định ở lại, một lòng vì Đạo vì Thầy và không còn nghĩ đến bản thân mình nữa. Đây quả là một tấm gương trung kiên hiếm có.

Cái phương pháp này suy nghĩ cho kỹ thì chính là việc dâng Tam Bửu “hiển trọn xác thân, trí não, linh hồn cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”, bởi vì khi ta dâng trọn hồn xác cho Thầy thì chúng ta không còn cái gì là của chúng ta nữa.

Tuy nhiên, miệng chúng ta nguyện như vậy nhưng chúng ta có thực hiện đúng như vậy hay chưa ? Đúng ra, khi dâng Tam Bửu cho Thầy thì điều trước tiên là chúng ta phải trau giồi ba món báu ấy cho thật trong sạch, tinh khiết..... Và chúng ta phải sống thế nào phù hợp với ý muốn của Thầy chớ không phải sống theo phàm ngã của chúng ta.

Có một vị kia định từ giả công danh, sự nghiệp về xin Hội Thánh cầu phong và mới được Ông Trên ban cho phẩm vị Thiên phong cao trọng, nhưng đồng thời ngoài đời cũng giao cho quyền cao chức trọng rồi không nỡ từ bỏ quan trường mà trái lại xin gởi lại phẩm tước Thiên phong. Thử hỏi vị đó có thực hành đúng ý nghĩa dâng Tam Bửu hằng ngày lên Đức Chí Tôn không ?

Tóm lại ý nghĩa bí pháp dâng Tam Bửu là Đấng Chí Tôn muốn con cái của Người có thể đoạt cơ giải thoát trần ai trong một kiếp sanh mà thôi tùy theo chúng ta có thực hành một cách trọn vẹn lời nguyện ấy hay không.

4- Thầy khuyên các con nhớ hoài rằng: Thầy của các con là Ông Thầy Trời; nên biết một Ông mà thôi, thì đủ , nghe à. Ngồi vị Bạch Ngọc Kinh chẳng ưa chứa kẻ hung hăng mà lạ một điều là kẻ hung hăng đạo đức thường phá cửa lún đặng vào, địa vị phần nhiều đoạt bởi kẻ ấy.

Câu Thánh giáo này, Thầy cho khi thấy các môn đệ đi truyền Đạo cho người mà còn lòng e dè sợ sệt, tức là chưa vững đức tin nên mới nhắc lại Thầy chính là Ông Trời thì không còn ai lớn hơn nữa mà phải sợ.

Đó là nói buổi Đạo mới phôi thai, Đạo chưa nên hình tướng, còn ngày nay thử hỏi có những người còn thiếu kém đức tin như vậy không ?

Chắc hẳn là có, vì chúng ta thấy có nhiều người con nhà Đạo nhưng sang bên này cả năm chẳng hề khi nào đến Thánh Thất , chỉ trừ vào dịp Tết nguyên đán thôi.

Sang bên xứ người đời sống văn minh, môi trường vật chất cám dỗ, nếp sống tinh thần dễ bị xao lãng. Tuy nhiên có những người đến một lúc nào đó mới bắt đầu ngộ Đạo và mới có đức tin mạnh mẽ hơn trước.

Để củng cố đức tin cho các đồng môn chúng ta cứ ôn lại Thánh giáo, Thầy đã dạy đủ mọi điều nhưng vì biếng nhác ta không đọc và không suy gẫm mà thôi.

Thầy đã từng dạy:

“Chín Trời mười Phật cũng là Ta,
Truyền Đạo chia ra nhánh nhóc ba.
Hiệp một chủ quyền tay nắm giữ,
Thánh, Tiên, Phật Đạo vốn như nhà”.

Trung thành một dạ thờ Cao sắc.
Sống có Ta, thác cũng có Ta”.

Thiên cơ đã lộ lúc khai Trời,
Kêu khách phàm trần muốn huyệt hơi.
Cứ mến vinh huê cùng lợi lộc,
Chẳng lo kiếp thác đến gần nơi.

Chính ông Trời còn phải than : kêu khách phàm trần muốn huyệt hơi mà chẳng có bao nhiêu quay về nẻo Đạo, trái lại chỉ lo đi tìm kiếm vinh huê cùng lợi lộc tức là lo cho thân xác mà thôi. Tại sao vậy ? Tại vì thiếu kém đức tin .

Một khi ta có đức tin thật vững mạnh, tin tưởng vào Đức CHÍ-TÔN tin tưởng vào nền Đạo thì chúng ta mới có thể dẫn thân quyết chí trên đường hành Đạo.

Tóm lại, chúng ta nên hãnh diện được Ông Thầy Trời đến hướng dẫn dạy dỗ, bảo lãnh chúng ta trên đường lập vị. Vậy thử hỏi không về được thì thôi chớ không còn Ông Thầy nào hơn được nữa.

Hạng môn đệ có đức tin vững mạnh thì dầu hoàn cảnh nào cũng không xa rời môi trường Đạo, còn hạng thiếu đức tin thì khi Đạo thịnh hành còn tham gia sinh hoạt nhưng gặp cảnh khổ đảo thì buông xuôi không còn màng tới Đạo nữa.

Tuy nhiên còn một hạng người nữa, khi chưa gặp Đạo thì sống buông thả có khi làm việc ác tà trời như cướp của giết người không gớm tay, nhưng khi ngộ Đạo thì bỏ hết một cái mặt, và có tâm Đạo rất lớn họ có thể hy sinh bản thân vì Đạo. Hạng người này gọi là tu nhứt kiếp ngộ nhứt thời, danh từ bình dân có câu thường nói : buông dao đồ tể thì sẽ thành Phật.

Đó là ám chỉ câu chuyện Thập Bát La Hán, chúng ta thường nghe truyền tụng như sau:

“Thập Bát La Hán đầu kiếp xuống trần , lúc chưa ngộ Đạo lại rủ nhau lập đảng cướp, gồm có 18 tay hảo hán, mỗi người có gươm giáo riêng.

Ngày nọ họ định đến cướp của nhà Viên ngoại giàu có nhứt vùng, tuy giàu sang nhưng lòng từ thiện của Viên ngoại hằng bố thí cho kẻ nghèo khó, xa gần đều biết tiếng.

Nhà ông có nuôi một con ngựa, sắc lông màu hồng, vóc dáng cao ráo đẹp đẽ. Bỗng nhiên một hôm ngựa biết nói tiếng người, bảo với Viên ngoại rằng: “Đêm nay đúng giờ Tý nhà Viên ngoại sẽ bị cướp, mà bọn cướp này lấy của xong rồi, có thể giết người luôn (giết vì sợ bị các quan phát giác).

Vậy muốn trừ đại nạn này, Viên ngoại hãy cho tổ chức một bữa đại tiệc, đủ rượu thịt cho 18 người ăn uống no say, nếu chúng có hỏi gì thì bảo hỏi tôi”.

Chờ đúng giờ Tý, Viên ngoại đến ngã ba đường cách nhà một dặm nơi bọn cướp đang tụ họp tại đó . Viên ngoại khẩn khoản mời họ vào nhà dự tiệc cho bằng được.

Khi được Viên ngoại mời ăn tiệc, bọn cướp lấy làm lạ, nghĩ rằng hôm nay mình định cướp nhà của ông, mà được ông mời vào nhà dự tiệc thì còn gì hay bằng. Nghĩ thế rồi họ cùng nhau đi đến nhà Viên ngoại ăn tiệc.

Ăn uống no say rồi, vị phó đảng cướp nhắc đảng trưởng đã tới giờ hành động. Đảng trưởng suy nghĩ lý do có buổi tiệc, mới bảo rằng: “Khoan để ta hỏi lại Viên ngoại do đâu có buổi tiệc này”. Nói thế rồi biểu kêu Viên ngoại đến hỏi nguyên do nào Viên ngoại đãi chúng tôi bữa tiệc thịnh soạn thế này.

Viên ngoại đáp: “Nhà tôi có nuôi một con ngựa, không rõ nguyên nhân nào bữa nay nó lại biết nói và bảo tôi làm như vậy, quý ông muốn biết lý do thì ra chuồng ngựa mà hỏi nó, chớ tôi cũng không biết như thế nào”.

Nghe chuyện lạ, bọn cướp bảo Viên ngoại dẫn đến chuồng ngựa, thấy một con ngựa hồng đẹp đẽ. Tên đầu đảng hỏi: “Nguyên do nào ngựa nói được tiếng người và bảo Viên ngoại làm tiệc đãi chúng tôi ý nghĩa làm sao?”.

Ngựa bèn đáp: “Tôi vốn trước đây cũng được làm người như quý ông, chỉ vì vay nợ mười lạng bạc của Viên ngoại đây, vì nghèo khổ không lo trả được, đến thác phải hóa kiếp làm ngựa kéo xe để trả nợ cho chủ, tức Viên ngoại đây.

Nay biết quý ông có đến 18 người, định cướp của Viên ngoại lấy hết tài sản, thì ác nghiệp đó quý ông phải đầu kiếp đến mấy lần thú vật để đền trả cho xong nợ. Vì quả kiếp hiện sinh của tôi với số tiền nhỏ mà còn phải chịu mang kiếp lông sừng thế này, còn quý ông thì từng cướp của giết người quá nhiều rồi, nay còn định gây thêm oan nghiệt nữa. Viên ngoại đây tuy giàu có mà lòng đầy nham ái.

Nên tôi vì thương mấy ông và biết quý ông vốn có căn duyên nên mách bảo với Viên ngoại làm tiệc thết đãi, để có dịp tỏ bày căn quả nghiệp báo cho quý ông sớm giác ngộ, cải ác tùng lương hầu tránh quả báo luân hồi như tôi ngày nay.

Quả thật gieo giống nào thì sẽ gặt giống nấy, hành ác thì gặp ác, quả báo chẳng sai. Nhân bữa tiệc hôm nay, quý ông nên thực hiện phương ngôn Thực nhưn tài cứu nhưn tai, vừa giải nạn cho mình, cùng làm lành với bao người khác, ấy là thiên lương của hàng thức giả”.

Quả nhiên 18 vị này vốn là nguyên nhân, tiền thân là Thập Bát La Hán đầu kiếp nên dễ khai tâm bốn thiện, liền giác ngộ khẩn nguyện rằng: “Nếu thật có huyền linh vô hình xin cho 18 món khí giới này tan biến, chúng tôi nguyện cải tà quy chánh”.

Các vị khẩn rồi thì 18 món khí giới bay biến mất. Thấy rõ huyền linh mẫu nhiệm trước mắt, mười tám vị đồng khẩn nguyện qui y Phật pháp, tu hành chơn chánh, sau được trở về cữ vị. Ấy là tu nhưt kiếp ngộ nhưt thời.

Do sự tích này người đời sau lập đàn Lễ Bộ có 18 món khí giới để nơi đình chùa để soi gương cải tà qui chánh của 18 tướng cướp, cũng để cảnh giác người ngộ Đạo tu hành, ngộ kiếp một đời tu là đắc quả vị.

Sự tích này cho thấy ngựa vừa trả ơn cho chủ, vừa chịu cực khổ để trả nợ cho chủ tức là dứt nợ trước, đồng thời cứu rỗi nhân số được 18 người cải tà qui chánh, và cũng giúp thêm lòng háo thiện của Viên ngoại, ông để ra công của rất lớn xây cất chùa cho 18 tên cướp lo tu hành, quả công Viên ngoại rất lớn vậy.

Đó là lời nói phải tạo nên ba quả phúc: HÀNH THIÊN, TRẢ QUẢ và ĐẠT VỊ”.

Trở lại câu Thánh giáo Thầy dạy:

“Ngôi vị Bạch Ngọc Kinh chẳng ứa chứa kẻ hung hăng mà lạ một điều là kẻ hung hăng đạo đức thường phá cửa lún đặng vào, địa vị phần nhiều đạt bởi kẻ ấy.”

Kẻ hung hăng là những người chuyên dùng sức mạnh, bạo lực, vũ khí để áp chế kẻ khác, có khi cướp của giết người, ...khi họ chưa ngộ Đạo. Những hạng người này thường là người có ý chí mạnh, tuy nhiên, ý chí đó nếu họ dùng sai mục đích, tức là

ý chí đó không được hướng dẫn bởi lương tâm thì sẽ gây ra tội lỗi đáng tiếc.

Nhưng những người này một khi họ tỉnh ngộ, họ sẽ hướng về nẻo thiện và với ý chí sẵn có họ sẽ tạo được những công nghiệp phi thường và đạt Đạo nhanh hơn người bình thường...

Trong truyện Tây Du nhân vật Sa Tăng tượng trưng cho tính hung hăng, tàn ác, và Sa Tăng khi quay về đường thiện tu hành thì cũng đắc vị vậy.

Trong Đạo Cao Đài buổi sơ khai cũng có ông Nguyễn Phát Trước tự tư Mã là tay anh chị trùm du đảng, nhưng từ khi ngộ Đạo ông lo lập công quả, hiến nhà ông để làm Thánh Thất trên lầu, sau có lập đàn cơ nơi đây gọi là Trước Lý Minh Đài, và ông được Đức CHÍ-TÔN phong chức Lễ Sanh phái Thái.

Một người hung hăng mà không biết suy tư phải trái là điều xấu, nhưng nếu hung hăng vì đạo đức, nhân nghĩa lại là điều nên có. Những người hung hăng đạo đức phải có một tâm hồn dũng mãnh, một trái tim vị tha như câu trong Phật giáo thường dùng: đại hùng, đại lực, đại từ bi.

Đại hùng, đại lực là sức mạnh dũng cảm để chiến thắng những trở ngại từ bên ngoài xã hội hay bên trong nội tâm con người. Có đại hùng, đại lực người tu mới vượt qua được mọi thử thách có thể vô cùng cam go trên bước đường tu thân hay trên đường hành Đạo. Tuy nhiên, nếu chỉ có đại hùng, đại lực mà không có đại từ bi đi kèm thì con người sẽ trở nên một kẻ đại gian, đại ác.....

Bởi vậy nên trong lời di ngôn của Đức Hộ Pháp để lại cho toàn Đạo, Đức Ngài có nhấn mạnh điểm này như sau:

“Cả con cái Đức Chí Tôn thấy một trường hợp nào bất chánh thì quan sát coi trạng thái của nền chánh giáo Đức Chí Tôn đã có cho hay trước, nó có Đại hùng, Đại lực rồi nó phải đi trong con đường Đại bi, coi chừng có con đường đi qua đại ác của nó

Cả thủy đều đứng lên làm một bức tường thiên nhiên thay một bức tường huyền diệu của Đức Chí Tôn đặng ngăn cản che chở con cái của Ngài đừng để đi vào con đường đại ác”.

Cho nên giữa hai thái cực thiện và ác, nhìn bề ngoài có vẻ giống nhau, nhưng chỉ khác nhau ở chỗ cái Tâm mà thôi. Tâm từ bi là thiện, tâm hung bạo là ác. Vậy chúng ta phải kiểm soát bản tâm hằng ngày, hằng phút, hằng giây... Vì một khởi niệm dấy lên trong tâm thì có thể con đường đi đã khác, có thể từ cái thiện chuyển sang cái ác. Chúng ta cũng cần để ý một điều nữa là cái phạm tâm của chúng ta nó cũng có những lý lẽ để biện hộ cho chính nó, nên nhiều khi ta không phân biệt được đâu là đúng, đâu là sai mà lại vướng mắc trong những lý luận sai lầm ấy.

Tóm lại, lời Thánh giáo Thầy dạy rằng: ngôi vị nơi Bạch Ngọc Kinh thường đoạt được bởi những kẻ hung hăng đạo đức, mà muốn làm được người hung hăng đạo đức phải có những đức tính: đại hùng, đại lực và phải đại từ bi mới được. Nếu ta gặp người: đại hùng, đại lực mà lại đại ác thì chúng ta làm sao tìm cách thức tỉnh bản tâm của họ chuyển từ đại ác sang đại từ bi giống như con ngựa biết nói trong câu chuyện kể trên đã làm, thì đó là một công quả rất lớn. Và biết đâu một khi đã thức tỉnh, họ sẽ tu hành đoạt vị nhanh hơn những người bình thường đó vậy.

· **Quang Thông.**

(12-2003)

Tích cực vận động ” nhân tài, trí thức hải ngoại ” gia nhập vào Ban Thế Đạo là “câu Hiền giúp Đạo ” và góp phần “điều độ nguyên nhân nhập trường công quả” trong cửa Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ.

MỤC ĐÍCH - Ý NGHĨA THÀNH LẬP THẾ HỆ KẾ THỪA BAN THẾ ĐẠO (Hiền Tài Dự Phong)

***Thứ nhất:** Nhằm thực thi Đường Lối của Hội Thánh khi thành lập Ban Thế Đạo.

a)- “Đây là một phương sách mở rộng cửa Từ Bi tiếp rước Nhân Tài có Thiện tâm giúp Hội Thánh điểm tô Đại Nghiệp Đạo và cũng là phương tiện điều độ Nguyên Nhân nhập trường Công Quả”.

(Nội dung Thánh Lệnh 01/TL ngày 9-4-65 của Ngài Bảo Thế Quyền Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài gửi các Cơ Quan Hành Chánh, Phước Thiện nam nữ v/v thành lập Ban Thế Đạo)

b)- “Mở rộng cửa Ban Thế Đạo-Hiệp Thiên Đài, do theo nhã ý của Đức Hộ Pháp, ban phẩm Hiền Tài cho những Bạc hữu học để khích lệ Trí thức nhập vào Trường công quả hầu tiến đức tu thân theo chí hướng của mình”.

(Huấn Từ của Đức Thượng Sanh đọc nhân lễ Tấn phong Hiền Tài năm 1970)

***Thứ hai :** Trong hoàn cảnh Cơ Đạo hiện nay, việc tạo lập một Thế hệ Kế Thừa cho Ban Thế Đạo là nhu cầu cần thiết nhằm thu hút, huy động sự trợ lực của Nhân Tài, Trí Thức hải ngoại vào Ban Thế Đạo, góp phần Bảo Thủ Chơn Truyền và phát triển Đại Nghiệp Đạo .

***Thứ ba :** Tiếp đón Trí thức, nhân tài vào Ban Thế Đạo không phải là tuyển chọn hoặc ban phẩm vị Hiền Tài như Hội Thánh thực hiện trước đây, mà chỉ nhằm tạo điều kiện cho Quý vị này hội nhập vào Ban Thế Đạo với tư cách là Hiền Tài Dự Phong

(Chỉ là ứng viên vào phẩm vị Hiền Tài) để có cơ hội lập công bồi đức trong cửa Đạo.

Việc xin ân phong phẩm vị Hiền Tài Ban Thế Đạo do sự xét định của Hội Thánh khi Hội Thánh tái lập quyền (Theo đúng Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, các Đạo Nghị Định, v .v..).

Chủ Trương tạo lập Thế Hệ Kế Thừa do Ban Thế Đạo thực hiện đã :

1- Được sự đồng thuận của đa số Chức sắc Ban Thế Đạo (Hiền Tài) hiện sinh sống ở Hải ngoại trong đợt góp ý ngày 31-1-1995.

2- Được sự đồng thuận và khích lệ của ba Vị Giáo Hữu hiện đang sinh sống ở Hải ngoại.

(Giáo Hữu Thái Cầm Thanh, Giáo Hữu Thượng Ngọc Thanh và Giáo Hữu Thượng Màng Thanh).

3- Được sự tán thành và khích lệ của Chức sắc Đại Thiên Phong Đại Huynh Chánh Phối Sư Thái Thế Thanh. (Nội dung Bức thư gửi cho Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại Hải Ngoại đề ngày 17- 0 7- 2000 được ghi lại nguyên văn đính kèm)

4- Được sự tán đồng của các Cơ sở Đạo tại Hải ngoại như: Châu Đạo California (Gồm các Tộc Đạo Orange, Tộc Đạo San Diego và Tộc Đạo Santa Clara), Thánh Thất Seattle (Washington State) , Tộc Đạo Sydney (Australia) . . v . v . cũng như được sự cổ vũ khích lệ của Đồng đạo khắp nơi ở Hải Ngoại.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại xin ghi lại nơi đây nội dung bức thư Đại Huynh Chánh Phối Sư Thái Thế Thanh thuận ý v/v Ban Thế Đạo Hải Ngoại thực hiện chủ trương Tạo lập Thế Hệ Kế Thừa (Hiền Tài Dự Phong) cho Ban Thế Đạo.

(Nguyên văn Bức thư của
Đại Huynh Chánh Phối Sư Thái Thế Thanh)

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Thất Thập Ngũ Niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH**

PHỐI SƯ THÁI THẾ THANH

Kính gửi: BAN QUẢN NHIỆM HẢI NGOẠI

Xin góp ý Ban Quản Nhiệm Hải Ngoại tạo Thế Hệ Kế Thừa
cho Ban Thế Đạo tại Hải Ngoại.

Qua bản trình tường, tôi đã xem qua ba Điều khoản I, II và III
trong việc hội họp và tổ chức thu nộp tài vào Trường công quả.
Cũng như Ban Quản Nhiệm đã khẳng định Điều 1 và 2 trong
cuộc Hội Nghị đồng quyết định, lại có ba Vị Giáo Hữu đồng
nhìn nhận.

Xét vì Ban Quản Nhiệm Hải Ngoại hội ý lo cho tương lai thế hệ
trẻ, kế thừa cho Đạo và tùng Tân Luật, Pháp Chánh Truyền và
các Đạo Nghị Định v..v., là hợp pháp.

Nhưng xin lưu ý, trong thời gian thử thách, Hội Thánh mất quyền,
Anh em chúng ta chung lo bảo vệ Đạo Pháp và tôn trọng Pháp
Luật cho đến ngày phục quyền Hội Thánh.

Tôi thuận ý theo sự đồng thuận của ba vị Giáo Hữu,
Kính chúc Ban Quản Nhiệm tiến hành sẽ thành công.

Thánh Địa, ngày 16- 6 Canh Thìn (DL. 17-07-2000)

PHỐI SƯ

(Chữ ký)

THÁI THẾ THANH

Đại học Văn Khoa ĐS
 (Mười tháng ngi) (1968)
 Hồ Chí Minh
 Phôi bị khai chế (chánh) Ngoại
 Chính phủ Ban quản nhiều (Hải) Ngoại
 Xin gửi Ban quản nhiều Hải Ngoại
 Báo thể là kế thừa cho Ban thể đạo
 tại Hải Ngoại
 Qua các tình hình tới là xu
 hướng không thể nào tránh được
 là tập thể là chủ thể nhân tài vào
 tương ứng qua
 Cũng như Ban quản nhiều
 đã không thể nào tránh được, khi
 cuộc Hải Ngoại cũng quy tụ, khi
 đi 3 vị Giáo sư Hải Ngoại
 Xếp vị, Ban quản nhiều Hải
 Ngoại rồi lo cho tương lai thể
 là thể kế thừa cho đạo thể đạo
 Pháp luật, Pháp luật (chánh) và
 đạo thể đạo (chánh) và
 Pháp luật, xin lưu ý, trong thời
 gian thể đạo, Hải Ngoại cũng
 quy tụ, các em cũng tập thể đạo
 đạo và tập pháp đạo thể đạo
 Pháp luật, cho thể đạo pháp luật
 đạo thể đạo.
 Các thể đạo thể đạo thể đạo
 thể đạo thể đạo thể đạo thể đạo

Thước thước Bàn giáo Nhiêu
trou hank sẽ thêo Công ;
Thánh Địa Nguyễn - C. Công Nhân
DL. 17/4/2000
Phôi Ai
Đông Xuyên
Chai Cete Thau

(Tiếp theo trang 97) Chữ Hòa của người tín đồ Cao-Đài

Nhìn lại cơ Đạo tại hải ngoại này, phần nhiều đồng đạo thiếu uyển chuyển, câu chấp quá nhiều về hình thức và đả kích lẫn nhau gây nên chia rẽ bất hòa. Ai cũng dành phần phải về mình gây tình trạng phân tán, sinh hoạt riêng rẽ không muốn ngồi lại với nhau sợ mất đi quyền hạn của mình , vì vậy mà làm cho cơ Đạo yếu đi không phát triển.

Để kết luận bài viết này và rút ra những lời vàng tiếng ngọc trong Thánh Ngôn, Thánh Giáo , chúng tôi muốn nêu lên ý kiến là đồng đạo chúng ta nên dẹp bỏ hết những thù hiềm, những lỗi lầm trước mà liên lạc mật thiết lại với nhau , đồng tâm hiệp lực , hòa ái với nhau mà lo cho cơ Đạo tại hải ngoại này ngày càng thêm tươi đẹp, có như vậy thì Thiên Đạo mới chóng hồng khai. Muốn như vậy chúng ta bằng cách thực hiện câu:

“Dạy lẫn cho nhau đặng chữ Hòa .

(Hiền Tài Nguyễn Hoàng Chung trích soạn)



Việc Liên Lạc

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Để việc liên lạc với Ban Quản Nhiệm / Ban Thế Đạo Hải Ngoại, Ban Quản Nhiệm Bắc California, Ban Quản Nhiệm Nam California và Tập San Thế Đạo được dễ dàng và nhanh chóng, xin quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ liên lạc theo những cách như sau:

I- Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

1- Địa chỉ : 3076 Oakbridge Dr., San Jose , CA. 95121

2- HT. Nguyễn Ngọc Dũ, Phone & Fax: (408) 238-6547

E- mail: dutani@juno.com

3- HT. Nguyễn văn Cầu, Phone: (408) 262-4209

Fax: (408) 262-4209, E-mail: caunguyencd@yahoo.com

4- HT. Mai văn Tim, Phone: (425) 265-1095

E-mail: TIMMAI@juno.com.

II- Tập San Thế Đạo:

- **Tập San Thế Đạo :**3076 Oakbridge Dr., San Jose, CA. 95121- 1716

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bắc Cali:

Trần Đức Nhuận, Phone: (408) 929-5167

- Đại-Diện Tập San Thế Đạo tại Nam Cali:

HTDP Huỳnh Mông, Phone: (714) 544-5698

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bang Georgia:

HTDP Trần văn Tánh, Phone: (678) 422-8784

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bang Texas:

HTDP Lý Trường Thọ, Phone: (281) 988-9858

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Tiểu Bang Ontario, Canada:

HTDP Lê Đăng, Phone: (416) 598-0629

Fax: (416) 780-1829

III- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

1- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Texas:

HT. Lâm Hoàng Minh, Phone: (281) 575- 0277

2- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Miền Đông và Đông Nam Hoa Kỳ:

HT. Nguyễn Thừa Long, Phone: (504) 831-3152 .

3- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Washington:

HT. Mai Văn Tim, Phone: (425) 265-1095

4- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Úc Châu:

HT. Nguyễn Kim Triệu, Phone: (612) 9726-9684.

IV- Ban Thế Đạo Bắc California:

1- **Địa chỉ:** 932 Deer Meadow Ct , San Jose, CA. 95122

2- HT. Nguyễn Đăng Khích, Phone: (408) 924-0763

E- mail: tn_ndk@yahoo.com

V- Ban Thế Đạo Nam California:

1- **Địa chỉ:** 8791 Oranewood Ave., Garden Grove, CA.

92841, Phone & Fax: (714) 636-6622

2- HT. Bùi Văn Nho, Phone: (909) 687-3010,

Fax: (909) 687-3010.

VI- Yểm trợ tài chánh:

Yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

Chi phiếu hoặc Money Order xin gửi về:

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI

3076 Oakbridge Dr.,

San Jose, CA. 95121-1716

Nhiệm-vụ Ban Thế Đạo:



Nhiệm-vụ Ban Thế Đạo là tuân Thế Luật của Đạo, đem công sức và giáo lý hướng dẫn nhơn sanh trở về nguồn cội Đạo ,tô điểm cho nền Đạo mỗi ngày một thêm huy hoàng.

Noãi Luật Ban Thế-Đạo

**Danh Sách Đồng Đạo/Thân Hữu/
Cơ-Sở ủng hộ Tập San Thế Đạo
(từ ngày 03-02-2004 đến ngày 15-05-2004)**

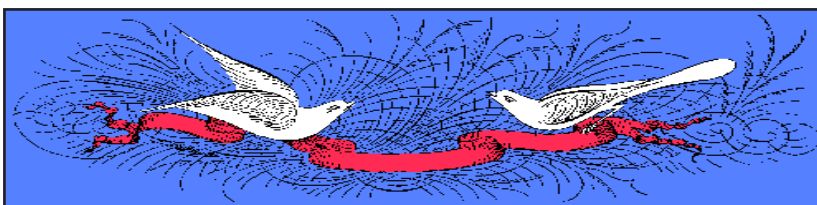
<u>STT</u>	<u>Đồng Đạo/ Thân Hữu/ Cơ-Sở</u>	<u>USD</u>
1	Nguyễn Thị Tuyết Anh, NSW, Australia (50 AUD\$)	37.52
2	HT Lê Văn Khiêm, Vancouver, BC, Canada	50.00
3	Đoàn Dũng, Vancouver, BC, Canada	50.00
4	HT Nguyễn Long Châu, San Jose, CA	20.00
5	Tri Vương, Mississauga, Ont, Canada (50 CAN\$)	36.37
6	HT Trần Văn Hữu, Vista, CA	20.00
7	Trần Văn Đất, Santa Ana, CA	50.00
8	Trần Minh Khiết, DDS, San Jose, CA	200.00
9	Tường Nguyễn, DDS & Huệ Tô, DDS, San Jose, CA	200.00
10	HTDP Nguyễn Vạn Năng, San Jose, CA	20.00
11	PTS Hà Thị Nết, Orange, CA	20.00
12	Nguyễn Mất, San Jose, CA	20.00
13	Lưu Hữu Hạnh, San Jose, CA	20.00
14	CTS Nguyễn Văn Hưởng, Stone Mountain, GA	20.00
15	PTS Đỗ Danh Dự, San Jose, CA	20.00
16	Century Collision & Service Center, San Jose, CA	100.00
17	Huỳnh Công Khanh, St Peterburg, FL	120.00
18	Đặng Thị Cư, San Diego, CA	10.00
19	CTS Đoàn Điền Trung, Antelope, CA	20.00
20	Lê Văn Minh, Riverside, CA	100.00
21	Nguyễn Văn Xuân, Houston, TX	20.00
22	Hồ Văn Nhơn, Garden Grove, CA	20.00
23	TSự Cao Hòa Thuận, San Diego, CA	20.00
24	PTS Thành Vĩnh, Houston, TX	40.00
25	Thomas Tiền Nguyễn, Garden Grove, CA	20.00
26	PTS Trần Văn An, Seattle, WA	20.00
27	CTS Bùi Thị Ngọc Xuân, Toronto, Canada (100 CAN\$)	72.77
28	HTDP Lê Đăng, Toronto, Canada (500 CAN\$)	363.85

29	HT Lê Quang Thay, Toronto, Canada (50 CAND)	36.39
30	Đoàn Phụng Cơ, San Jose, CA	20.00
31	Ẩn Danh, San Jose, CA	10.00
32	HTDP Huỳnh Long Vân, Fountain Valley, CA	100.00
33	CTS Phạm Văn Soi, Houston, TX	50.00
34	Hồ Văn Thôi, San Francisco, CA	20.00
35	HT Thượng Văn Thanh, Garden Grove, CA	20.00
36	Nguyễn Thị Đẹp. Milpitas, CA	40.00
37	Đỗ Văn Tâm, Syracuse, NY	20.00
38	HTDP Ngô V. Tú& HTDP Trần N. Thảo, WA	50.00
39	Trần Tấn Nghiệp, Westminster, CA	20.00
40	LS La Văn Lực, Seattle, WA	50.00
41	PTS Châu Văn Kính, Atlanta, GA	10.00
42	Hồ Văn Anh, Stanton, CA	20.00
43	HTDP Trần Văn Lào, Seattle, WA	30.00
44	Phạm Thị Minh, DDS, San Jose, CA	50.00
45	HTDP Lý Trường Thọ, Houston, TX	50.00
46	Lê Thành Chính, Westminster, CA	20.00
47	Lê Văn Hiệu, Pomona, CA	20.00
48	Hồ Văn Dân, Garden Grove, CA	10.00
49	Chơn Thế, Fort Collins, CO	20.00
50	Lưu Quốc Minh, Holiday, FL	20.00
51	Trần Thị Lương, San Jose, CA	20.00
52	HTDP Nguyễn Sao Đáp, Garden City, KS	100.00
53	HTDP Nguyễn Thùy Mai, San Diego, CA	20.00
54	HTDP Traần Văn Tánh, Morrow, GA	20.00
55	Gđ Cố PS Thái Thế Thanh, Everett, WA	200.00
56	Phạm Bằng Tường, San Jose, CA	50.00
57	Lê Chi Lang, Surrey, BC, Canada	50.00
58	An danh, McKee, San Jose, CA	40.00
59	Hồ Thị Đạm, Louisville, KY	30.00
60	HT Trần Quang Nghị, Marrero, LA	20.00
61	Nguyễn Thị Tuyền, Sacramento, CA	20.00
62	Hh Phi Phượng & Hg Đ. Minh, Tustin, CA	40.00
63	Thái Thành Cường, Houston, TX	50.00
64	TSự Đỗ Thị Nhỏ, Stone mountain, GA	20.00

65	HT Phan Văn Lớn, College Park, GA	100.00
66	Nguyễn Văn Nhỡ, Lawrenceville, GA	32.00
67	HT Phạm Văn Cờ, Santa Ana, CA	20.00
68	Lý Quang Tú, Sacramento, CA	20.00
69	Nguyễn Thành Cứ, Pearland, TX	20.00
70	Huỳnh Ngọc Lễ, Garden City, KS	20.00
71	Trần Thị An, Sacramento, CA	20.00
72	Nguyễn Huỳnh Hiệp, Brooklyn, NY	50.00
73	Lê Tấn Bạch, Norwalk, CA	50.00
74	Dương Thị Huỳnh, San Jose, CA	20.00
75	Huỳnh Văn Mười, Bradenton, FL	30.00
76	HTDP Võ Đông Sơ, W. Hartford, CT	20.00
77	HTDP Nguyễn Sơn & HTDP Trần N.Trang Forthworth, TX	20.00
78	HTDP Trần công Bé, Forthworth, TX	20.00
79	HT Lê Ngọc Thọ, Montreal, Canada (100 CAND)	69.77
80	Phan Phi Hùng, Calgary, Canada	20.00
81	Đặng Văn Ra, Beaumont, CA	10.00
82	Trần Mỹ Diệu, Elk Grove, CA	100.00
83	Nguyễn Văn Lợi, Anaheim, CA	20.00
84	CTS Lâm Văn Mẫn, Tacoma, WA	25.00
85	HT Mai Văn Tim, Everett, WA	20.00
86	CTS Nguyễn Văn Hai, Wichita, KS	20.00
87	GH Ngọc Sách Thanh, San Bernardino, CA	20.00
88	Phan Thị Sáu, Houston, TX	20.00
89	Thánh Thất Seattle, WA	30.00
		<u>3873.67</u>

Tổng số tiền yểm trợ Tập-San Thế Đạo trong thời gian từ ngày 03-02-2004 đến ngày 15-05-2004 là Ba ngàn tám trăm bảy mươi ba đôla sáu mươi bảy xu (3,873.67).

**San Jose, ngày 15-05-2004
Ban Thế Đạo Hải Ngoại**



CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp của HTỷ và HH HT Lê Ngọc Thọ cư ngụ tại Montreal, Canada, báo tin Lễ Thành Hôn của con là:

LÊ MINH TÂN

Thứ Nam

sánh duyên cùng con của Ông Bà Trần Phước Đức, cư ngụ tại Longueil, Canada là:

TRẦN THÚY VI

Thứ Nữ

Hôn lễ sẽ được cử hành lúc 10 giờ ngày Thứ Bảy 28-08-2004 (nhằm ngày 13-07--Giáp Thân) tại tư gia.

Xin chân thành chung vui cùng hai họ và chúc Cô Dâu Chú Rể:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập-San Thế Đạo

Ban Thế Đạo Nam California

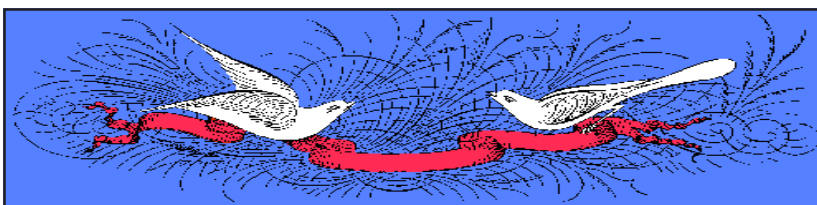
Ban Thế Đạo Bắc California

Ban Đại Diện BTĐ/HN tại WA, USA

Ban Đại Diện BTĐ/HN tại Úc Châu

Đại Diện BTĐ/HN tại TX, USA

Đại Diện BTĐ/HN tại Miền Đông và Đông Nam USA



CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp của HH và HTỷ Nguyễn Văn Hải ngụ tại Garden Grove, CA, báo tin Lễ Vu Quy của con là:

NGUYỄN THU HỒNG

Thứ Nữ

sánh duyên cùng con của Ông Bà Lê Văn Phát, ngụ tại Moorhead, MN là:

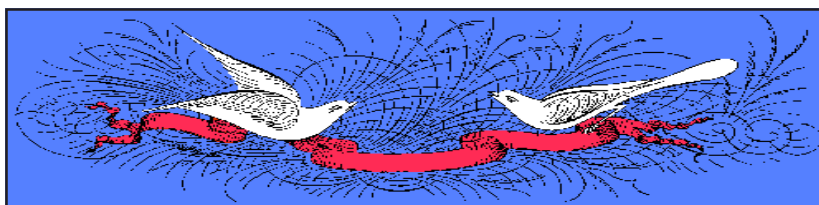
LÊ QUỐC HUY

Thứ Nam

Hôn lễ sẽ được cử hành lúc 11.30 giờ ngày Thứ Bảy 26-06--2004 (nhằm ngày 09-05-Giáp Thân) tại Châu Đạo California, đường Chestnut, Westminster, CA
Xin chân thành chung vui cùng hai họ và chúc Cô Dâu Chứ Rể:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại
& Tập-San Thế Đạo**



CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp của HH Nguyễn Văn Đông , Q. Đâu
Tộc Thánh Thất New Orleans, LA báo tin Lễ Thành Hôn
của con là :

HTDP Nguyễn Kinh Luân

Trưởng Nam

sánh duyên cùng con của HTỷ Trần Năm Em, ngụ tại
Carrollton, TX là:

Dr Huỳnh Thị Ánh Tuyết

Thứ Nữ

Hôn lễ sẽ được cử hành lúc 14.00 giờ ngày Thứ Bảy 01-
05-2003 (nhằm ngày 13-03-Giáp Thân) tại Thánh Thất
New Orleans, LA

Xin chân thành chung vui cùng hai họ và chúc Cô Dâu
Chú Rể:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập-San Thế Đạo

Ban Thế Đạo Nam California

Ban Thế Đạo Bắc California

Ban Đại Diện BTĐ/HN tại WA, USA

Ban Đại Diện BTĐ/HN tại Úc Châu

Đại Diện BTĐ/HN tại TX, USA

Đại Diện BTĐ/HN tại Miền Đông và Đông Nam USA

TIN TỨC ĐẠO SỰ

1- Thành phần Ban Quản Nhiệm/ Ban Thế Đạo Bắc California nhiệm kỳ 2004-2006.

Vào ngày 15-02-2004, Ban Thế Đạo Bắc California đã tổ chức cuộc họp trọng thể tại Thánh Thất San Jose để Ban Quản Nhiệm /Ban Thế Đạo Bắc California trình bày hoạt động trong nhiệm kỳ 3 năm vừa qua và bầu Ban Quản Nhiệm mới cho nhiệm kỳ 2004-2007.

Hiện diện trong cuộc họp này còn có Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại, HH CTS Nguyễn Văn Rài, Q. Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara và Chức việc BTS Hương Đạo San Jose, HH HT Hồ Xưa, Q. Quản Tộc nam, HTỷ HT Nguyễn Kim Linh, Q. Quản Tộc nữ cùng chức việc Bàn Cai Quán Điện Thờ Phật Mẫu San Jose.

Cuộc họp đã diễn ra theo chương trình như sau:

1-Bầu Chủ tọa.

2-Ban Quản Nhiệm/Ban Thế Đạo Bắc California tường trình hoạt động trong 3 năm vừa qua và tuyên bố mãn nhiệm kỳ.

3-Bầu Ban Quản Nhiệm mới cho nhiệm kỳ 2004-2006.

4-Phát biểu cảm tưởng của Ban Thế Đạo Hải Ngoại, Tộc Đạo Santa Clara và Điện Thờ Phật Mẫu San Jose.

Trong phần bầu cử, Hiền Tài Nguyễn Đăng Khích được toàn thể Hiền Tài hiện diện trong cuộc họp bầu làm Tổng Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Bắc California nhiệm kỳ 2004-2006 và sau khi tham khảo ý kiến các Hiền Tài tại địa phương, sau đây là thành phần Ban Quản Nhiệm/ Ban Thế Đạo Bắc California nhiệm kỳ 2004-2006:

1-Tổng Quản Nhiệm :	HT Nguyễn Đăng Khích.
2-Đệ I Phó Tổng Quản Nhiệm:	HT Nguyễn Huỳnh Giàu.
3-Đệ II Phó Tổng Quản Nhiệm:	HT Võ Lạc Quan.
4-Trưởng Nhiệm Thanh Sát:	HT Nguyễn Thị Lửa.
5-Q. Trưởng Nhiệm Giáo-Lý:	HTDP Dương Văn Ngừa.

6-Trưởng Nhiệm Kế-Hoạch và Tổ-Chức:

HTDP Sam Nguyễn.

Phó Trưởng Nhiệm: HTDP Đỗ Thanh Hải.

7-Q. Trưởng Nhiệm Văn hóa và Xã-hội:

HTDP Brian Nguyễn.

8- Thủ quỹ:

HTDP Nguyễn Thị Bích Thủy.

Buổi họp mặt và bầu cử Ban Quản Nhiệm mới cho Ban Thế Đạo Bắc California đã được bắt đầu từ 9.30 AM và chấm dứt vào lúc 11.30 AM cùng ngày.

2-Ban Quản Nhiệm/ Ban Thế Đạo Bắc California minh thệ nhận nhiệm vụ tại Thánh Thất San Jose, California.

Vào chiều ngày thứ ba 26-04-2004, sau thời cúng Dậu Thời tại Thánh Thất San Jose, Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Bắc California đã làm lễ Minh Thệ trước Thiên Bàn và Bàn Thờ Hộ Pháp dưới sự chứng lễ của CTS Nguyễn Văn Rài, Q. Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara, Hiền Tài Nguyễn Ngọc Dũ, Tổng Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại.

Hiện diện trong buổi lễ Minh Thệ còn có sự hiện diện của Hiền Tỷ Q. Nữ Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara, HH HT Hồ Xưa, Q. Quản Tộc ĐTPM San Jose, Chức Việc Bàn Trị Sự Hương Đạo San Jose và Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại.

Lễ Minh Thệ chấm dứt vào khoảng 19 giờ cùng ngày.

2- Những vị Hiền Tài Dự Phong được công nhận trong tháng 02-2004

Trong tháng 02-2004, Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã công nhận thêm 5 vị Hiền Tài Dự Phong gồm có một vị tại Pháp và 4 vị tại Úc Châu:

1-Nguyễn Chí Hiền, sinh năm 1940 tại Tây-Ninh, cư ngụ tại Thiais, Pháp.

2-Nguyễn Kim Thế Vinh sinh năm 1970 tại An Giang, Việt-Nam, hiện ngụ tại Canley Vale, New South Wales, Australia.

3Thái Nguyệt Lâm sinh năm 1969 tại Tây-Ninh,hiện ngụ tại Yagoona, New South Wales, Australia.

4-Võ Văn Phước sinh năm 1954 tại Tây-Ninh, hiện ngụ tại Cabramatta, New South Wales, Australia.

5-Nguyễn Văn Xưa sinh năm 1951 tại Tây-Ninh, hiện ngụ tại Cabramatta, New South Wales, Australia.

Như vậy tính đến ngày hôm nay Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã công nhận tất cả là 54 vị Hiền Tài Dự Phong.

3-Lễ an táng cố Hiền Tài Nguyễn Hồng Sơn tại Sacramento

Hiền Tài Nguyễn Hồng Sơn thuộc Ban Thế Đạo Bắc California đã qui vị vào ngày 25-04-2004 tại bệnh viện Sutter General Hospital, Sacramento, California.

Lễ tang đã được cử hành trọng thể vào lúc 11 giờ ngày 01-05-2004 tại nhà quàn Sacramento Memorial Lawn, đường Stockton, Sacramento, California do Bàn Trị Sự Hương Đạo Sacramento, Tộc Đạo Santa Clara phụ trách.Hiện diện trong buổi lễ có sự hiện diện của CTS Nguyễn Văn Rài, Q. Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara, Chức việc BTS Hương Đạo San Jose,HT Hồ Xưa Q. Quản Tộc Điện Thờ Phật Mẫu San Jose cùng Bàn Cai Quản Điện Thờ, HT Nguyễn Ngọc Dũ, Tổng Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại, HT Nguyễn Đăng Khích, Tổng Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Bắc California cùng đông đảo đồng đạo tại Sacramento , đồng đạo tại San Jose.

Các cơ quan Đạo sau đây đã lần lượt chia buồn cùng HTỷ Trần Mỹ Diệu, hiền thê của cố HT Nguyễn Hồng Sơn, các con của HT Sơn cùng tang quyến:

-Tộc Đạo Santa Clara thay mặt Châu Đạo California.

-Ban Thế Đạo Hải Ngoại thay mặt quý vị Hiền Tài tại hải ngoại.

-Điện Thờ Phật Mẫu San Jose.

-Hương Đạo Sacramento.

Sau đó đại diện tang gia đã đáp từ cảm ơn các cơ-quan Đạo, quan khách, bạn bè đã chia buồn , tham gia tang lễ.

Sau khi lễ xong, linh cữu đã được đưa đến nghĩa trang cách nhà
quần khoảng 20 phút lái xe và được an táng tại đây.
Việc an táng được hoàn tất vào khoảng 15 giờ cùng ngày.

4-ĐẶC SAN TÂY NINH ĐỒNG HƯƠNG HỘI

Theo thông báo ngày 20-03-2004, năm nay 2004, Tây-Ninh
Đồng Hương Hội sẽ phát hành một Đặc San vào dịp Đại Hội
Thưởng Niên của Hội.

Đặc San này sẽ là phương tiện liên lạc, nối dây thân ái với tất
cả những ai có sự quan hệ với Tây-Ninh như sanh quán, trú ngụ,
phối ngẫu, làm việc, học hành, xinh-viên và thân hữu trong đại
gia-đình Đồng Hương Tây-Ninh.

Để thực hiện Đặc San này, Tây-Ninh Đồng Hương Hội kêu gọi
đồng hương tích cực :

1-Đóng góp Bài viết :

Tùy nhã hứng và có thể diễn đạt qua nhiều thể loại: văn xuôi,
văn vần, nhạc, hình, họa . .v.. .v. ...

*-**Nội dung:** Văn-hóa, khoa-học, Xã-hội, xây dựng, vui tươi nhẹ
nhàng thanh thoát. Thương yêu và đoàn kết, nhất là về sắc thái
tỉnh nhà, kỷ-niệm quê hương và sinh hoạt đồng hương khắp
nơi.

*-**Bài viết xin gửi về** càng sớm càng tốt, chậm nhất là ngày

31-10-2004 cho : Ông Nguyễn Văn Quý
8632 E. Hermosa Dr, Rear
San Gabriel, CA 91775-3007

2-Yểm trợ Tài-chánh:

Hội rất mong được sự yểm trợ tài-chánh của quý đồng hương để
Đặc San được sớm ra mắt.

Chi phiếu hay Money Order xin đề SANG LY NGUYEN và gửi
về cho:

Trương Anh Thư-(Kế Toán)
9711 Sutherland Way
Westminster, CA 92843

Nếu muốn biết thêm chi tiết v/v thực hiện Đặc San Tây-Ninh
Đồng Hương Hội, xin liên lạc với **Ban Đặc Trách Thực Hiện
Đặc San** theo các địa-chỉ sau:

- 1- Chủ Nhiệm:** Nguyễn Lý Sáng
17261 Santa Suzanne St
Fountain Valley, CA 92708-3305
Phone: (714)843-0091 (H), (714)791-6481 (C)
Email: yensang3@juno.com
- 2-Chủ bút:** Hoàng Hồ
163 S. Westchester Dr, #2
Anaheim, CA 92804
Phone: (714)527-6828.
- 3-Tổng Thư Ký:** Nguyễn Văn Quý.
8632 E. Hermosa Dr, Rear
San Gabriel, CA 91775-3007
Phone: (626)614-5961
Email: qui-n-2000@yahoo.com

5- Xây Cất Thánh Thất- Điện Thờ Phật Mẫu
A-Xây cất tại Hoa-Kỳ

Theo Tâm Thư số 2 ngày 25-10-2003 của HH Nguyễn Thành Cứ, Trưởng Ban Vận Động và Tạo Tác , và thông báo số 16 ngày 01-01-02004 của HH Phạm Văn Soi, CTS Hương Đạo Houston, TX, Thánh Thất Houston, TX đã được dời về địa chỉ mới kể từ ngày 01-01-2004 và địa-chỉ mới như sau:

Thánh Thất Houston, Texas.
9835 Synott Rd
Houston, TX 77083.

Hiện nay Thánh Thất đang được xây cất và Ban Vận Động và Tạo Tác kêu gọi đồng đạo và thân hữu phát tâm công quả góp phần vào việc xây cất này.

Mọi sự đóng góp chi phiếu hoặc money order xin đề Caodaism và gửi về một trong hai địa-chỉ sau:

1- HT Lâm San Hà, Phó Nội Vụ
8114 Riptide Dr
Houston, TX 77072
Phone# 281-495-2756, Cell# 832-754-9879

2- HT Nguyễn Hoàng Chung

8219 Langdon Lane

Houston, TX 77036

Phone@ 713-776-3809 Cell# 281-222-5761

B-Tạo mãi cơ ngơi làm Thánh Thất tại Pháp

Vì nhu cầu đạo sự tại Pháp, Hương Đạo Villeneuve-Saint Georges do HH Q. CTS Nguyễn Văn Phé đã mua được một căn nhà trệt diện tích 85 m² trên miếng đất rộng 500m² với giá là 110,000 euros. Ngân quỹ Hương Đạo chỉ có 3,000 euros, đồng đạo cho mượn không lãi 50,000 euros, và như vậy Hương Đạo còn thiếu 57,000 euros.

Vì lý do trên, Bàn Trị-Sự Thánh Thất Cao-Đài Paris-Villeneuve-Saint Georges thiết tha kêu gọi sự quan tâm và giúp đỡ của đồng đạo ở hải ngoại.

Mọi phát tâm công quả bằng cxhi phiếu hay money orders xin liên lạc theo địa-chỉ:

CTS Nguyễn Văn Phé

14 Rue Francis Martin.

94190 Villeneuve-Saint Georges.

FRANCE

C- Xây Dựng Tại Việt Nam

1- Xây dựng Điện Thờ Phật Mẫu mẫu số 5 tại Họ Đạo Bình Trưng, Châu Thành Tiền Giang

Ngày 01-12-2003, Họ Đạo Bình Trưng , Châu Thành Tiền Giang đã làm lễ đặt viên đá đầu tiên xây dựng Điện Thờ Phật Mẫu mẫu số 5 tại Xã Bình Trưng, huyện Châu Thành Tỉnh Tiền Giang.

Hiện nay việc xây dựng đang được tiến hành và Ban Xây Dựng công trình này kêu gọi sự phát tâm

công quả của đồng đạo.

Mọi sự đóng góp xin liên lạc địa chỉ:

BCQ Họ Đạo Bình Trưng CT-TG

(PTS Trần Ngọc Ấn)

Ấp Bình Thới A- Xã Bình Trưng

Huyện Châu Thành- Tỉnh Tiền Giang

VIỆTNAM

Điện thoại# 073-833820

2- Xây dựng Thánh Thất mẫu số 4 tại Thị Trấn Chợ Mới, Huyện Chợ Mới- An Giang.

Khởi công xây dựng: Tháng giêng năm quý Mùi.

Tiến độ thi công: Đến nay xây dựng được 60%.

Trở ngại: Thiếu tài chánh, công tác xây dựng đang khựng lại.

Mọi phát tâm công quả xin liên lạc:

Giáo Thiện Lê Văn Đọt

Ban Cai Quản Họ Đạo

Điện thoại: 076-888328

3-Xây dựng Thánh Thất Long Vân tại quận Thủ Đức TP Ho Chi Minh.

Khởi công: Tháng giêng năm Giáp Thân.

Trở ngại: Thiếu tài chánh.

Kêu gọi phát tâm công quả của đồng đạo.

Mọi đóng góp xin liên lạc:

Họ Đạo Long Vân

(Ông Trần Công Tân)

1143 Kha Vạn Cân, P. Linh Trung

Q. Thủ Đức- TP Ho Chi Minh

VietNam

Điện Thoại: 7241082

* **Ghi chú:** Trần Công Tân là LS Thái Tân Thanh

TÂY NINH ĐỒNG HƯƠNG HỘI
Sinh hoạt qua hình ảnh
Họp Mặt Tân niên Giáp Thân (07-02-2004)



Đồng hương Tây-Ninh chụp hình lưu niệm



Tặng hoa và chúc thọ cho đồng hương cao niên



MC Nguyễn Văn Cười đến từ San Jose, CA



Lân múa chúc Tết trong Hội Trường

TÓM LƯỢC

Hội Tương Tế Cao Đài

(TC Thông Báo số 02/HĐQT ngày 25 tháng 12 năm 2002)

A- Mục đích, ý nghĩa thành lập:

Thể hiện và vun bồi tình “*tương thân, tương ái*” giữa người Tín Đồ Cao Đài

- Phát huy tinh thần “*Từ Bi, Công Bình, Bác Ái*” của Đạo Cao Đài trên căn bản Tinh hoa Tam Giáo.

B- Nét đặc trưng của Hội Tương tế Cao Đài:

- Không phân biệt sức khỏe, tuổi tác đối với người xin gia nhập.
- Những người điều hành quản lý Hội thực sự làm việc thiện nguyện (*công quả*) không hưởng lương hay bất cứ trợ cấp nào khác.
- Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành và Ban Giám Sát phải Minh Thệ trước Thiên Bàn Chí Tôn và Bàn Thờ Hộ Pháp.
- Dẫn đưa “Tinh thần Cao Đài” ra toàn xã hội, mời gọi cả những người chưa phải là Tín đồ Cao Đài gia nhập Hội nếu có nhu cầu và được giới thiệu.

C- Tiêu chuẩn, điều kiện gia nhập:

- Là Tín đồ Cao Đài từ 21 tuổi trở lên hiện đang sống tại Hoa Kỳ (Dưới 21 tuổi, phải có sự chấp thuận của Cha Mẹ hoặc của người Giám hộ hợp pháp). Thân hữu của Tín đồ Cao Đài nếu được giới thiệu cũng được gia nhập Hội.
- Phải hoàn tất Hồ sơ gia nhập Hội theo qui định chung.

D- Trách nhiệm, nghĩa vụ Hội viên:

- Khi gia nhập, nộp một lần tiền đóng ban đầu là (60) Mỹ kim gồm tiền Dự Trữ Phúng điếu là (40) Mỹ kim và tiền niên liễm là (20) Mỹ kim.- Định kỳ nộp niên liễm là (20) Mỹ kim / năm

- Khi có Hội viên qua đời, đóng tiền Phúng điếu là (15) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên chính thức và (07) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên Dự bị).

- Tuân thủ quy định về thời hạn nộp tiền phúng điếu, niên liễm, các qui định về nghĩa vụ của Hội viên

E- Quyền lợi Hội viên:

Khi Hội viên qua đời, người thụ hưởng hợp pháp được hưởng quyền lợi sau:

- Hưởng trọn 100% tiền phúng điếu do Hội viên đương nhiệm đóng góp theo mức do Điều lệ qui định .

(Mức đóng góp này tùy theo người quá cố là Hội viên chính thức hay Hội viên Dự bị)

- Được Ban Điều Hành Hội thực hiện phân ưu và phúng điếu.

G- Gia nhập Hội:

Hồ sơ gia nhập Hội xin gửi về: **Ban Điều Hành / Hội Tương Tế Cao Đài, số 3032 Peppermint Dr., San Jose, CA. 95148**

H- Liên lạc:

Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc:

HT. Nguyễn Văn Cầu - Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị., Phone: (408) 262-4209 - Fax: (408) 262 - 2948 - E - mail : caunguyencd@yahoo.com

-HT. Nguyễn Ngọc Dũ - Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.
Phone & Fax: (408) 238 - 6547 - E - Mail: dutani@juno.com

- HTDP. Dương Văn Ngừa - Trưởng Ban Điều Hành Địa-
chỉ : 3032 Peppermint Dr., San Jose, CA. 95148
Phone & Fax : (408) 528 - 6435 – E mail: datthong@earthlink.net

(***Chú thích:** Xin xem Hội Tương Tế Cao Đài / **Website Ban Thế Đạo**
[http://www. Banthedao.org](http://www.Banthedao.org))

HỘI TƯƠNG TẾ CAO-ĐÀI



Tõông Niễm
Cố Hiền Tazi Nguyễn Vaên Xaõ
Q. Khaâm Châu Châu-Nhãio California
(1924-2004)

Tiểu Sử

Cố Hiền Tài Nguyễn Văn Xã Q. Khâm Châu Châu Đạo California. (1824- 24/01/2004)

Cố Hiền Tài Nguyễn Văn Xã sanh ngày 24-07-1924 tại Tân Trụ, Long-An, Việt-Nam, Cha là Cố CTS Nguyễn Văn Khá, Mẹ là cố Đạo Hữu Cao Thị Lắm, Vợ là Cựu CTS Nguyễn Thị Qui.

Cố Hiền Tài Nguyễn Văn Xã có 5 người con: 01 trai và 4 gái.

Nhập môn năm 1945 tại Tân Trụ, Long-An.

Thụ phong phẩm Hiền Tài khóa

Tóm Lược Tiểu-Sử và công nghiệp

Năm 1943 :

Gia nhập Nội Ứng Nghĩa Binh tại hãng tàu Nistinan, Saigon.

Năm 1945:

Tham gia lật đổ thực dân Pháp tại Saigon.

Năm 1946:

Làm công quả tại Tòa-Thánh Tây-Ninh.

Năm 1947:

Tốt nghiệp khóa Sĩ-Quan do Quân-Đội Cao-Đài tổ-chức tại Thánh-Địa Tây-Ninh với tôn chỉ: Bảo Sanh- Nhơn Nghĩa-Đại-Đồng.

Năm 1950 :

Theo Thiếu Tướng Trình Minh Thế lập Chiến Khu, thành lập Mặt Trận Quốc-Gia Kháng Chiến và Lực Lượng Quốc-Gia Liên Minh.

Năm 1955:

Theo Thiếu Tướng Trình Minh Thế về hợp tác với Chánh Phủ

Ngô Đình Diệm.

Năm 1956:

Phò Đức Hộ-Pháp lưu vong trên đất Chùa Tháp (Campuchia).

Năm 1964: Trở về nước, được bổ sung vào Quân Lực Việt-Nam Cộng Hòa. Lần lượt cố Thiếu Tá Nguyễn Văn Xã đã đảm nhiệm các chức vụ:

-Quận Trưởng kiêm Chi Khu Trưởng Đầm Dơi.

-Quân Trấn Trưởng Thị Xã Cà-Mau.

-Phó Chủ-Tịch Hội Đồng Tỉnh Cà-Mau.

Trong thời gian này ,cố Hiền Tài Nguyễn Văn Xã đã:

-vận động đồng đạo đóng góp xây dựng hoàn thành Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu Cà-Mau, Thánh Thất Quán Long.

-tu bổ các Thánh Thất miền Tây Nam Việt.

Năm 1975:

Bị Cộng Sản cầm tù tại Vĩnh Phú,miền Bắc Việt-Nam.

Sau khi được phóng thích Hiền Huynh Nguyễn Văn Xã đã tiếp tục công quả cho Đạo:

-Hoàn thành khuôn thuyền Bát Nhã cho Thánh Thất Đô-Thành Saigon.

-Hợp tác cùng đồng đạo tu sửa nhiều Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu ở miền Nam Việt-Nam.

Năm 1997:

Định cư tại Hoa-Kỳ theo diện H.O

Ngày 06-09-1998 đến 24-01-2004:

Quyền Khâm Châu Châu Đạo California.

Ngày 24-01-2004:

Qui vị

Tang lễ đã được cử hành trọng thể tại Châu Đạo California, thành phố Westminster, California và phàm thể của Cố HT Nguyễn Văn Xã đã được an táng tại nghĩa trang Cực Lạc Thái Bình, Thánh Địa Tây-Ninh.

CẢM TẠ

Gia-đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Quý vị Lãnh Đạo Tỉnh- Thần các Tôn Giáo,
- Hội-Đồng Liên Tôn Việt-Nam tại Hoa- Kỳ.
- Châu-Đạo California Cao-Đài Tòa-Thánh Tây-Ninh.
- Giáo-Sư Nguyễn Thành Long và Phái-Đoàn.
- Ban Trị-Sự Trung Ương Phật-Giáo Hòa-Hảo Hải Ngoại.
- Phái-Đoàn Sư Bà Viện Chủ và Đạo Trànng Chùa Diệu Quang.
- Tổng Quản Nhiệm Ban Thế-Đạo Hải Ngoại.
- Ban Thế-Đạo Nam California, Ban Thế Đạo Bắc California.
- Các Tộc Đạo- Bàn Trị-Sự- Đồng Đạo các Thánh Thất - Điện Thờ Phật Mẫu Orange- Santa Clara- San Diego- Westminster- Anaheim- Little Saigon- Pomona- San Bernardino- Riverside- Garden Grove- Houston (TX)- Seattle (WA)- Mountain View Dallas-TX)- New Jersey- Atlanta (GA)
- HT Nguyễn Chánh Giáo và các Tộc-Đạo- Bàn Trị-Sự- Đồng Đạo Sydney- Perth- Melbourn (Australia)
- Các Ban Bộ Lễ- Nhạc và Đồng Nhi Nam California.
- Đại Diện Đức Ông Trần Văn Hoài.
- Cựu Dân Biểu Nguyễn Lý Tưởng và Phái Đoàn. Phong Trào Giáo Dân Hải Ngoại.
- Phái-Đoàn Bàn Trị-Sự Phật Giáo Hòa Hảo Nam California.
- Cao-Đài Giáo Hải Ngoại.
- Hội Tín Hữu Cao-Đài miền Nam California.
- Tây-Ninh Đồng Hương Hội.- Cà-Mau Đồng Hương Hội.
- Niên Trưởng Đặng Quang Dương & Hội Cựu Chiến Sĩ Cao-Đài.
- Cựu Thiếu Tướng Văn Thành Cao và cựu Chiến Hữu "Lực Lượng Quốc Gia Liên Minh".
- Cựu Đại-Tá Tạ Thành Long và quý vị Cựu Sĩ-Quan trong toán phủ Quốc Kỳ.
- Cựu Đại-Tá Lê Chí Cường và Phái Đoàn Quân Dân Cán Chính Tỉnh- Tiểu Khu Cà-Mau.
- Hội Ái Hữu Cà-Mau miền Bắc California.
- Cựu Trung Tá Phạm Đông Nhạc và Thân hữu Tiểu Khu Sadec.

-Cựu Thiếu Tá CSQG Phạm Tấn Ngưu và Tổng Hội CSQG/VNCH.

-Hội Ái Hữu Cảnh Sát Quốc-Gia Nam California.

-Hội Cổ Nhạc Miền Nam Việt-Nam- Hải Ngoại và Hội-Đồng Cổ Vần- Giám Sát Giải Phượng Hoàng.

-Ông Ngô Chí Thiêng , Cộng Đồng Việt-Nam Nam California.

-Gia-đình Giáo-Hữu Thượng Ngọc Thanh (Santa Clara).

-Hoàng Tử Bảo Ân và gia đình.

-Đại-Đạo Thanh-Niên Hội California.

Hội Cựu Sinh Đạo-Đức Học Đường và Lê Văn Trung (Tây-Ninh).

-Thông gia Ông Bà Đặng Toàn Trung.

-Chư Chức Sắc Thiên Phong, quý vị Chức Việc, đồng đạo, đồng hương, thân bằng quyến thuộc xa gần thương mến đã:

đến dự tang lễ, tụng kinh, cầu nguyện, cầu siêu, thăm viếng, gửi tràng hoa, mâm tế, phát thanh và đăng báo phân ưu, email, gọi điện thoại chia buồn cho

Chồng, Cha, Ông Nội, Ngoại của chúng tôi:

Cố Hiền Tài Nguyễn Văn Xã

Quyền Khâm Châu Châu Đạo California.

Cựu Sĩ-Quan Quân-Đội Cao-Đài.

Cựu Thiếu Tá Q.L.V.N.C.H.

Cựu Quân Trấn Trưởng Cà-Mau, Cựu Quận Trưởng/ Chi Khu Trưởng Đầm Dơi Tiểu Khu Cà Mau.

Cựu Phó Chủ- Tịch Hội Đồng tỉnh Cà-Mau.

Đã qui vị vào lúc 1.40AM ngày 24-01-2004 (nhằm ngày 03-01 năm Giáp Thân) tại Bệnh Viện West Anaheim, thành phố Anaheim, Orange County, California.

Hưởng thọ 80 tuổi.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi dơ sót kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng bái tạ.

Vợ : Nguyễn Thị Qui cùng các con, các cháu.

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng xúc động được tin phu quân của Hiền Tỷ Minh Đức Trần Kim Anh là:

Hiền Tài NGUYỄN VĂN CHÍNH

Cựu Q. Khâm Châu Châu Đạo California (1995-1997)

Cựu Thiếu Tá QLVNCH (Tiểu Khu Tây-Ninh).

Đã qui vị vào lúc 22.00 giờ ngày Thứ Năm 22-04-2004(nhằm ngày 04-03- Giáp Thân) tại Bệnh Viện South Coast Memorial Fountain Valley, Orange County, California.

Hưởng thọ 73 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng Hiền Tỷ Trần Thị Kim Anh và tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng chan rưới hồng ân cho hương linh Cố Hiền Tài Nguyễn Văn Chính sớm được về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại Châu Đạo California
& Tập San Thế Đạo. Tộc Đạo-Bàn Trị Sự-Thánh Thất

Ban Thế Đạo Nam California - Điện Thờ Phật Mẫu Orange-

Ban Thế Đạo Bắc California. San Jose- San Diego-

Đại-Đạo Thanh Niên Hội California Hương Đạo Sacramento.

Hội Cựu Chiến Sĩ Cao-Đài.

Tây Ninh Đồng Hương Hội.

Hội Cựu Sinh ĐĐHD và Lê Văn Trung.

Các Niên Trưởng Đặng Quang Dương, Tạ Thành Long, Đặng Minh Dương- Ngô Thành Tâm- Lê Thanh Tấn.

Tiểu Sử
Cố Hiền Tài Nguyễn Văn Chính
Cựu Q.Khâm Châu Châu Đạo California.
(1/1931 - 4/2004)

Tiểu Sử:

Hiền Tài Nguyễn Văn Chính sinh ngày 15-01-1931 tại làng Đa Phước Hội tỉnh Bến Tre.

Mồ côi cha mẹ từ nhỏ, Hiền Tài Chính được người Cô ruột nuôi dưỡng và lớn lên lập gia đình với Minh Đức Trần Kim Anh và có 7 con (4 nam 3 nữ).

Năm 1947 : Về định cư tại Thánh Địa Tây-Ninh và theo học Đạo-Đức Học Đường và Lê Văn Trung.

Ngày 15-01-1949 : Nhập môn tại Hương Đạo Long Định, Phân Đạo Đệ Ngũ, Châu Thành Thánh Địa Tòa Thánh Tây-Ninh.

Ngày 14-04-1972: Thọ phẩm Hiền Tài (khóa 4) Ban Thế Đạo Cao-Đài Tòa Thánh Tây-Ninh.

Sau 30-04-1975: Trưởng chay, làm công quả trong Ban Thẩm Mỹ Cao-Đài Tòa Thánh Tây-Ninh.

Năm 1990: Định cư tại Hoa-Kỳ theo diện H.O.
Trong những năm đầu, Hiền Tài Nguyễn Văn Chính tích cực tham gia công tác đạo sự tại các Thánh Thất vùng Nam California.

10-03-1996:Phế đời hành Đạo,nhận nhiệm vụ Q. Khâm Châu

Châu Đạo California, tuân thủ chơn truyền và hoàng dương Chánh Pháp nơi hải ngoại.

Trong thời gian làm Q. Khâm Châu Châu Đạo California, HT Nguyễn Văn Chính đã thực hiện các đạo sự như sau:

-Củng cố và phát-triển Hành Chánh Đạo- Châu Đạo California.

-Cải tổ và củng cố Tộc Đạo sở tại thành Tộc Đạo Orange

-Kết chặt và phát triển tình hữu nghị giữa Đạo Cao-Đài với các tôn giáo khác như Phật Giáo, Công Giáo, Tin Lành, Phật Giáo Hòa Hảo. . . .

-Kết thân với Oomoto giáo Nhật Bản và đón tiếp phái đoàn của tôn giáo này đến viếng thăm Thánh Thất Orange.

-Tổ-chức Đại-Đạo Thanh Niên Hội.

-Ổn định tài-chánh của Châu Đạo.

-Mở lạc quyền có hiệu quả tạo dựng Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu Orange chính thức, hợp pháp tại Nam California.

-Mở lạc quyền hỗ trợ các công trình sửa chữa Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu tại các Phận Đạo thuộc Châu Thành Thánh Địa và tại các tỉnh như Tiền Giang, Rạch Giá, Chợ Mới Long Xuyên . . v. . v. . .

-Cứu trợ đồng bào bão lụt tại Việt Nam.

-Mở lớp “Cùng Học Giáo-Lý” tại Châu Đạo.

06-09-1998: Vì bị bệnh trầm trọng, Hiền Tài Chính đã làm đơn từ nhiệm được đồng đạo chấp thuận để về nhà chữa bệnh và tu tập tại gia.

Dù vậy, trong thời gian trị bệnh và dưỡng bệnh Hiền Tài Chính cũng đã động viên gia-đình tân trang lại Điện Thờ Phật Mẫu Orange trong năm 2003.

22-04-2004: Lúc 22 giờ ngày 22-04-2004 (nhằm ngày 04-03-Giáp Thân) Hiền Tài Nguyễn Văn Chính đã qui vị tại Bệnh Viện South Coast Memorial, Fountain Valley, Orange County, California.

HẾT

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

-Châu Đạo California.

-Giáo-Sư Nguyễn Thanh Giàu, thành viên Hội Đồng Liên Tôn Việt-Nam tại Hoa-Kỳ, Đãi Diện Hội-Đồng Liên Tôn.

-Giáo-Sư Nguyễn Thành Long và Phái Đoàn BTS Trung Ương Giáo-Hội Phật Giáo Hòa Hảo tại Hoa-Kỳ và Nam California.

-Ban Thế-Đạo Hải Ngoại.

-Ban Thế Đạo Nam California.

-Ban Thế Đạo Bắc California.

-Chư Chức Sắc và đồng đạo thuộc các Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu Orange- Westminster- Little Saigon- Anaheim - Pomona- San Bernardino - Điện Thờ Phật Mẫu San Jose.

-Hội Cựu Chiến Sĩ Cao-Đài.

-Tây-Ninh Đồng Hương Hội .

- Đại-Đạo Thanh Niên Hội..

-Cựu sinh Đạo-Đức Học Đường và Lê Văn Trung.

-Ba ban Lễ- Nhạc & Đồng Nhi.

-Gia đình Lễ Sanh Thượng Xem Thanh.

-Gia đình Niên Trưởng Tạ Thành Long, Ngô Thành Tâm, Đặng Minh Dương .

-Gia đình Hoàng Tử Bảo Ân.

-Thông gia: Gia đình Hiền Tài Dương Quốc Dân, Lê Thanh Tân, Nguyễn Văn Dùm, Trương Văn Bổng.

-Quý Đồng Đạo, Đồng Hương, Thân Bằng Quyến Thuộc đã gọi điện thoại, đăng báo chia buồn, gửi vòng hoa phúng điếu, đến dự tang lễ, tụng kinh, cầu nguyện, cầu siêu, phân ưu, thăm viếng.

Đặc biệt các Thánh Thất : Orange, Little Saigon, Westminster,
Anaheim - Ba Ban Lễ, Nhạc , Đồng Nhi. - Đại-Đạo Thanh
Niên Hội đã tổ-chức, chung lo tang lễ cho:

Cố Hiền Tài
NGUYỄN VĂN CHÍNH
Cựu Q, Khâm Châu- Châu Đạo California.

đã qui vị lúc 22 giờ ngày Thứ Năm 22 tháng 04 năm 2004(nhằm
ngày mồng 04 tháng 03 Giáp Thân).

Hưởng thọ 73 tuổi

Trong lúc tang gia bối rối nếu có điều chi sơ sót xin quý vị niệm
tình tha thứ.

Vợ:	Trần Kim Anh
Trưởng Nam:	Nguyễn Hữu Dũng, Vợ Tô Kim Tuyền và các con (VN).
Thứ Nam:	Nguyễn Hữu Trung, vợ Trương Thị Ngọc Giao và các con (VN). Nguyễn hữu Thu, vợ Nguyễn Thị Thu Trang và con (USA). Nguyễn Hữu Thảo, vợ Lê Thu Uyển và con (USA).
Trưởng Nữ:	Nguyễn Kim Xuyên (USA).
Thứ Nữ:	Nguyễn Kim Xuân, chồng Biện Kỳ Phương và các con (VN).
Út Nữ:	Nguyễn Kim Dung, chồng Dương Quốc Tam Anh và con (USA).

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng xúc động được tin phu quân của Hiền Tỷ
Trần Mỹ Diệu là:

Hiền TÀI
NGUYỄN HỒNG SƠN

Cựu Đại Úy QLVNCH (Tiểu Khu Tây-Ninh).

Đã qui vị vào lúc 13.03 giờ ngày Chủ Nhật 25-04-2004(nhằm
ngày 07-03- Giáp Thân) tại Sutter General Hospital, Sacramento,
California.

Hưởng thọ 69 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính phâu ưu cùng Hiền Tỷ Trần Mỹ Diệu
và tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng
chan rưới hồng ân cho hương linh Cố Hiền TÀI Nguyễn Hồng
Sơn sớm được về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại Châu Đạo California
& Tập San Thế Đạo. Tộc Đạo-Bàn Trị Sự-Thánh Thất
Ban Thế Đạo Nam California Điện Thờ Phật Mẫu Orange
Ban Thế Đạo Bắc California. San Jose- San Diego.
Ban Đại Diện/ BTĐHN tại Úc Châu Hương Đạo Sacramento.
Ban Đại Diện/BTĐHN tại WA Tây-Ninh Đồng Hương Hội
Đại Diện BTĐHN tại Texas.
Đại Diện BTĐHN tại Miền Đông và Đông Nam Hoa-Kỳ.
Cựu Sinh Đạo Đức Học Đường và Lê Văn Trung.
Anh Em Thiếu Sinh Quân/ QĐCĐ

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Bà huynh của Hiền Tỷ Chánh Trị-Sự La Kim Hoa, bà huynh của hiền thê hiền huynh Phó Trị-Sự Trần Quang Sơn thuộc Tộc Đạo San Diego, Châu Đạo California là:

Đạo hữu
LA LAI HỒNG

đã qui vị ngày 21-04-2004 (nhằm ngày 03-03-Giáp Thân) tại Việt-Nam .

Hưởng thọ 73 tuổi

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng Hiền Tỷ Chánh Trị-Sự La Kim Hoa, Hiền Huynh Hiền Tỷ Phó Trị-Sự Trần Quang Sơn và tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh cố đạo hữu La Lai Hồng được sớm trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

Châu Đạo California.

Tộc Đạo và Điện Thờ Phật Mẫu Orange.

Tộc Đạo San Diego.

Tộc Đạo Santa Clara và Điện Thờ Phật Mẫu San Jose.

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại
& Tập-San Thế Đạo.**

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Bào tử của Hiền Huỳnh Hiền Tài Nguyễn Trung Đạo Quyền
Đầu Tộc Tộc Đạo San Diego, bào tử của phu quân Hiền Tỷ
Hiền Tài Lê Ngọc Tuyết là:

Đạo hữu
NGUYỄN NHƯ HẠNH

đã qui vị ngày 19-04-2004 (nhằm ngày 01-03-Giáp Thân)
tại Phú Nhuận, Việt-Nam , di quan về an táng tại Nghĩa Trang
Cực Lạc Thái Bình , Thánh Địa Tây-Ninh ngày 21-04-2004.

Hưởng thọ 76 tuổi

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng Hiền Huỳnh Hiền
Tài Nguyễn Trung Đạo, Hiền Tỷ Hiền Tài Lê Ngọc Tuyết
và tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng
Thiênng Liêng ban hồng ân cho hương linh cố đạo hữu
Nguyễn Như Hạnh được sớm trở về cõi Thiênng Liêng
Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

Châu Đạo California.

Tộc Đạo và Điện Thờ Phật Mẫu Orange.

Tộc Đạo San Diego.

Tộc Đạo Santa Clara và Điện Thờ Phật Mẫu San Jose.

Đại-Đạo Thanh Niên Hội California.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập-San Thế Đạo.

Ban Thế Đạo Nam California

Ban Thế Đạo Bắc California

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc khi được tin:

Hiền Huynh

NGUYỄN TẤN ĐẠT

**Đầu Phòng Văn Hướng Đạo East San Diego
Tộc Đạo San Diego**

Qui vị tại Huyện Hòa Thành, tỉnh Tây-Ninh, Việt-Nam
vào ngày 17-03-2004, nhằm ngày 27 tháng 02 năm Giáp
Thân

Hưởng thọ 69 tuổi.

**Tang lễ đã được cử hành tại Việt-Nam theo nghi
thức của Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ.**

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng Hiền Tỷ
Đạt và tang quyến.

Nguyện cầu Ôn Trên phù hộ cho hương linh của Hiền
Huynh Nguyễn Tấn Đạt được nhẹ nhàng siêu thoát và
sớm được trở về với hai Đấng Thánh Thành Đức Đại Từ
Phụ và Đức Đại Từ Mẫu.

Thành kính phân ưu.

Đại Diện tín hữu Cao-Đài vùng San Diego:

HT Nguyễn Trung Đạo,

Q. Đầu Tộc Tộc Đạo San Diego

CTS Nguyễn Văn Hoanh

Đầu Hướng Đạo East San Diego.

CTS Lê Quang Giai

Đầu Hướng Đạo Linda Vista.

PTS Trần Quang Sơn

XLTV Đầu Hướng Đạo Chula Vista.

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Tập-San Thế Đạo.
Cựu Sinh Đạo Đức Học Đường & Lê Văn Trung.
Anh Em Thiếu Sinh Quân/ QĐCĐ**

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc khi được tin:

Thân mẫu của Hiền Huynh Trần Quang Sang, ngụ tại Morrow, GA là :

Cụ Bà:

NGUYỄN THỊ BIỆN

Qui vị lúc 0.30 giờ ngày 15-02-2004 (nhằm ngày 25-01-Giáp Thân) tại Thánh Địa Tòa Thánh Tây-Ninh, ViệtNam

Hưởng thọ 86 tuổi.

Toàn thể Chức Việc Bàn Trị-Sự và đồng đạo tiểu bang Georgia xin thành kính phân ưu cùng gia-đình Hiền Huynh Trần Quang Sang và tang quyến .

Xin thành tâm cầu nguyện Đức Chí-Tôn, Đức Phật Mẫu và các đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh Cụ Bà Nguyễn Thị Biện được an nhàn nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

Atlanta, ngày 24-02-2004

TM. Bàn Trị-Sự và đồng đạo GA

Chánh Trị-Sự,

Nguyễn Văn Hưởng

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc, hay tin trẻ:

Đạo Trưởng:
THIỆN TRUNG
(thế danh Nguyễn Xuân Liêm)

Qui vị vào ngày 03-02-2004 (nhằm ngày 13-01- năm Giáp Thân) tại Việt-Nam

Hưởng thọ 83 tuổi.

Linh cửu được an táng tại Xã Phương Thạnh, huyện Càn Long tỉnh Trà Vinh, Việt-Nam.

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng gia-đình Đạo Trưởng và tang quyến.

Chúng tôi nguyện cầu cho hương linh của Đạo Trưởng Thiện Trung được tiêu diêu nơi miền Cúc Lạc.

Thành kính phân ưu

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại
& Tập-San Thế Đạo.**

THÔNG BÁO

v/v Đại Hội Hiền Tài kỳ 4 năm 2004

Ban Thế Đạo Hải Ngoại sẽ tổ-chức Đại-Hội Hiền Tài Hải Ngoại kỳ 4 năm 2004 tại Hội Trường Thánh Thất Orange, Châu Đạo California vào ngày Thứ Bảy 25-12-2004 để bầu lại Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại nhiệm kỳ 4 (12/2004- 12/2007). Trân trọng thông báo cùng quý Hiền Huynh Hiền Tỷ Hiền Tài, Hiền Tài Dự Phong để quý Hiền Huynh Hiền Tỷ sắp xếp thì giờ tham dự Đại Hội góp phần vào việc tham gia, yểm trợ hoạt động của Ban Thế Đạo Hải Ngoại hầu Ban Thế Đạo hoàn thành được nhiệm vụ giao phó.

Chương trình chi tiết, thư mời tham dự Đại Hội sẽ được gửi đến quý Hiền Huynh Hiền Tỷ chậm nhất là vào tháng 9-2004 và sẽ được phổ biến trên Tập-San Thế Đạo số 23 phát hành vào tháng 09-2004.

Trân trọng thông báo.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

NHẮN TIN

Tập-San Thế Đạo có nhận được :

1-Những bài thơ của HH Nhật Tân, Hồ Chánh Trực, Quang Thông, Bùi Đông Phương, Trần Ngọc Thi, Hồ Thị Giàu . .v...v.

2- Những bài viết của nhiều đồng đạo từ các nơi.

Vì có nhiều bài vở cần phải đăng trước nên những bài nào chưa được đăng trong số này, xin quý Hiền Huynh Hiền Tỷ thông cảm thứ lỗi cho.

Xin thành thật cảm ơn.

Tập-San Thế Đạo

TÌNH NGƯỜI

Truyện tình cảm xã-hội của Minh Hoàng

(Tiếp theo các kỳ trước)

Đêm dần dần khuya, vạn vật chìm vào thẫm lặng, xa xa vài tiếng chó sủa trắng nghe rờn rợn. Lần đầu tiên trong đời Quan nằm một mình trong trang trại, giữa đồng không mông quạnh. Quan cố dỗ cho an giấc nồng, nhưng hể vừa chợp mắt, lại giật mình sức tỉnh. Trăn trở, lăn qua lộn lại, thở dài. Trong trí, Quan nhất định đoạn tuyệt với quá khứ, không muốn khơi dậy đồng tro tàn, nhưng oái oăm thay, cái gì không muốn nhớ, lại càng nhớ nhiều thêm. Những gì muốn buông trôi nó càng vướng víu, dây mơ rễ má dâng trào. Thật là chặt không đứt, bứt không rời... Dòng suy tư cứ cuộn cuộn chảy xuôi về nguồn dĩ vãng xa xăm, làm sống dậy bao kỷ niệm thời niên thiếu. Mới ngày nào mình là một “cậu ấm”, sống trên nhung lụa, được nuông chiều hết mực, mặc tình làm mưa làm gió. Nhưng rồi, chỉ vì không nghe lời cha mẹ chỉ dạy, chạy theo sự cám dỗ của nhục thể và bạn bè. Để bị lôi cuốn vào con đường trụy lạc, bê tha, cờ bạc, rượu chè, ăn chơi trác táng! Tự hủy tương lai của cuộc đời mình, đến đổi thân tàn ma dại. Phải trảm mình xuống dòng sông “tuần tiết”, để may ra còn giữ được chút nào sĩ khí của một con người. Đồng thời trốn tránh tội tình mình đã gây ra...! Nhớ những lúc nhiều nhưng hiên ngang phá phách. Tưởng bao hồi cơ cực lầm than, lượm từ tàn thuốc vệ đường hút cho đỡ vả...Xấu hổ thay! những lúc châu chực xin từng chén cơm thừa cá cặn, còn bị người ta xua đuổi như đuổi tà. Thẹn thùng khi chui rúc dưới gầm cầu! Sống nhờ chén cơm hẩm của các em đánh giày. Quan đã từng thì thào:

Giang sơn bốn biển sao mà nhỏ!

Giữa thị thành, chẳng xó dung thân..!

Cho đến một ngày gặp được quới nhân. Cô Hai nâng đỡ...Cuốn film vô cùng sống động và đầy bi đát của đời mình hiển hiện trước mắt. Sự ân hận ngập tràn, lòng ăn năn ray rứt khôn nguôi, nỗi buồn da diết gặm nhấm con tim...Nhớ cha thương mẹ ngậm ngùi, giờ cha mẹ tận chôn nào? Tâm sự ngổn ngang trăm mối tơ vò, làm Quan thấm mệt, thiếp dần vào giấc điệp cô liêu..!

Từ khi nhận vừa tro dừa, vừa lúa và các khu vực ruộng đất, phân trực canh, phân tá canh. Trừ ba bữa cơm, Quan phải cặm cùi suốt ngày. Việc đầu tiên dồn nỗ lực vào sự tiếp nhận tô tức của tá điền giao nạp. Sau khi điều nghiên, Quan hiểu rõ tình hình thu hoạch của tá điền. Quan thương lượng và sắp xếp lịch giao nạp địa tô cho mỗi người, vì vậy ai ai cũng có thì giờ để chuẩn bị, nên việc nạp địa tô rất trơn tru trôi chảy. Không bị trì trệ, kẻ đợi người chờ, dồn động như mọi năm. Thời gian chẳng bao lâu, mấy trăm tá điền đều hoàn tất nghĩa vụ của mình. Đặc biệt nhờ phân tro đầy đủ, giống má tốt tươi, nước nôi phân bố hợp lý, kịp thời, nên vụ mùa năm nay ai cũng trúng. Tất cả đều vui mừng gần như mọi người đều mãn nguyện với công sức của mình. Quan cho phơi lúa vừa mới tiếp nhận cả phần lúa trực canh thật khô rồi mới cho vô bồ vừa lại.

Vụ mùa thu hoạch vừa xong, Quan cắm cúi vào sổ sách, lo tiếp nhận phân tro, từ Sài Gòn chở về tới tấp. Quan điều động nhân viên trong tình thân ái, đối lại họ tận tâm làm hết việc chẳng ngại trễ giờ, mọi người hăng hái cào xới, xúc bưng, đổ vào kho, vì vậy mới nửa tháng hai mà các kho đã đầy ắp. Sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của nông dân. Trong thời gian này, Quan dành rất nhiều thì giờ đi thăm viếng. Tìm hiểu hoàn cảnh thực tế của tá điền, đồng thời học hỏi thêm về kinh nghiệm nông nghiệp tại địa phương. Nhờ tánh tình vui vẻ, điềm đạm nên hầu hết gia đình tá điền đều mến trọng Quan. Tình cảm giữa con người và con người mỗi ngày càng thêm khấn khít. Hằng ngày, đối xử nhau trong tình thương yêu và chân thật. Lật

bật bốn thánng vật lộn với công việc rộn ràng rồi cũng trôi qua! Mỗi tuần cô Hai đều vô thăm Quan và xem xét mọi việc một đôi lần. Hôm nay là ngày Tá Điền mở đại hội để ăn mừng cho vụ mùa đạt kết quả tốt. Trẻ già bé lớn đều tập họp tại sân phơi lúa, cùng nhau ăn uống, ca hát nhảy múa suốt ngày đến đêm. Cảnh trạng thật hồn nhiên, mọi người đều say sưa thỏa thích...Bữa tiệc hầu tàn, thực khách cũng lui dần, lui dần, cường độ não nhiệt cũng sụt giảm rồi tan biến trong không gian bao la bát ngát...Chỉ năm ba người bạn bịu, quyến luyến nhau còn nán lại. Họ xúm xích ngồi quanh ngọn lửa hồng giữa sân. Củi cháy ào ào, âm vang tí tách. Ánh lửa bập bùng, ngúng nga ngúng nguẩy chập chờn giữa đêm khuya huyền ảo. Sự yên lặng, càng tĩnh mịch thêm, tự mỗi con người cũng trở nên lắng đọng, dịu hiền, thánh thiện trước cảnh thiên nhiên đầy bí ẩn của hóa công. Cô Hai ngồi bên cạnh Quan, phải chăng vì tức cảnh sinh tình, giọng Cô thật đầm ấm, lời lẽ ngọt ngào truyền cảm cuốn hút tâm can:

- Anh Quan, giữa mảnh trời thiêng liêng này, tôi muốn hỏi anh một chuyện, liên quan đến anh, anh thấy có phiền không?

Ngờ cô Hai hỏi về gia đạo, Quan nhanh nhẩu:

- Được cô Hai chiếu cố, là vinh dự vô cùng, sao tôi lại phiền! Tôi sẵn sàng nói thật, không giấu giếm nửa lời. Cô Hai cứ hỏi tự nhiên cho.

Cô Hai nhìn Quan mỉm cười, làm Quan càng hồi hộp...Để Quan lấy lại trầm tĩnh và chú ý hơn, cô cười nửa miệng rồi mới từ từ hỏi từng lời:

- Tôi muốn biết cảm nghĩ của anh về...về...

Cô Hai bỗng đứng im bật, Quan bị sốt ruột hoàn toàn, không chần chờ được, nên thôi thúc:

- Về cái gì hả cô Hai?

- Về Tôn Giáo? Anh thấy sao?

Ngoài dự liệu, Quan bị hụt hẫng hơi bối rối, nhưng cũng gắng gượng:

- Chà, về Tôn Giáo, tôi chưa từng nghiên cứu, nhưng rất lý thú, được trao đổi, để tìm hiểu học hỏi thêm với Cô Hai.

- Xin anh đừng quá khiêm nhường, tự nhiên vẫn hơn. Như anh vừa mới nói, mình chỉ trao đổi thôi mà.

- Theo thiển kiến: Tôn giáo là nơi tập trung khối Tín đồ để tu hành. Tín Đồ, đặt trọn đức tin nơi Thượng Đế, hay một Đấng Siêu Nhân Thiên Liêng nào đó. Hầu như các Chánh Giáo đều có cùng chung một Tôn Chỉ, một Mục Đích là dẫn dắt con người lên chỗ thanh, chỗ sáng, hướng dân qui thiện. Dạy con người ăn hiền ở lành, xa lánh tội ác, dùng *tình thương yêu, lòng bác ái và sự công bằng* đối xử với nhau. Ngược lại, Tín Đồ tin tưởng và tôn thờ Thượng Đế hay một Đấng Siêu Nhân nào đó là vì những vị này là bậc vượt khỏi thế giới phàm tục, có khả năng cứu độ linh hồn của con người đưa đến cõi đầy an lạc. Thượng Đế phán rằng vạn vật đều có linh hồn bất tiêu bất diệt, xác thân chỉ là cái áo của linh hồn mà thôi. Khi xác thân chết, linh hồn xuất ra đi lên cõi Thiên Liêng, hoặc đầu kiếp trở xuống cõi trần tựa nương vào xác thân khác, giống như thay một cái áo mới. Hay nói một cách khác, Tôn Giáo là một con đường dạy cho con người tiến hóa, đi dần lên, lên mãi đến nấc thang cuối cùng là Thượng Đế, là chơn lý tối thượng hằng hữu tuyệt đối. Như vậy Tôn Giáo là cái cửa mở ra một con đường tiến đến chơn lý. Tôn Giáo không phải là chơn lý mà Tôn Giáo chỉ diễn đạt được một số khía cạnh, hay một số phương diện nào đó của chơn lý mà thôi. Ví dụ như: Đức Phật Thích Ca, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử, Đức Chúa Jê-sus, Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc, (Giáo Chủ mặt thế) hay tất cả những Giáo Chủ khác, đều là những vị siêu nhân, lãnh mạng lệnh nơi Thượng Đế giáng trần, có bốn phận rao giảng những điều tốt lành. Mỗi vị Giáo Chủ có một giáo lý riêng, nhưng tựu trung cũng là thể hiện các màu sắc của chơn lý mà các Giáo Chủ ấy ngộ được. Tôn Giáo không phải là Thượng Đế, dù đó là một Tôn Giáo do Đức Thượng Đế sáng lập cũng vậy, như Tôn Giáo Cao Đài chẳng hạn, mặc dầu Thượng Đế là Giáo Chủ vô vi, nhưng cũng không phải Thượng Đế là Tôn Giáo. Bất kỳ một Tôn Giáo nào hiện hữu trên mặt đất này, đều phải bị chi phối bởi định luật: Chánh Pháp, Tượng Pháp và Mạt Pháp, rồi tự tiêu tự diệt. Có điều thời gian của các thời kỳ ấy lâu hay mau mà thôi.

Cô Hai sửng sốt và mừng vô tả:

- A! không ngờ anh am tường về Tôn Giáo một cách sâu sắc như thế. Anh có theo Tôn Giáo nào chưa?

- Thưa chưa, chỉ có cha mẹ tôi thờ Ông Bà Tổ Tiên, còn tôi chưa hề quan tâm đến Tôn Giáo. Tôi biết đôi chút chẳng qua hồi bi đát nhất của cuộc đời, sống với chú Ba bán bánh mì. Chú giảng cho nghe, tôi nhớ mang máng một ít thôi.

- Một ngày nào đó, anh nghĩ sẽ nương tựa tinh thần vào Tôn Giáo hay không?

- Hẳn nhiên là có, tôi nghĩ: Tôn Giáo sẽ giúp cho con người có một đức tin hướng thượng, có chuẩn thẳng và chín chắn hơn trong kiếp sống giữa chợ đời muôn mặt.

- Theo anh, các Tôn Giáo hiện có tại Việt Nam. Tôn Giáo nào thích hợp với anh?

- Tôn Giáo nào cũng có cái hay, cái đẹp, đáng cho ta kính trọng. Có lệch lạc chẳng chỉ do con người lạm dụng phạm tâm, áp đặt tư ý gây tác hại làm mất thanh danh của Tôn Giáo trong lúc đó mà thôi.

- Hay, hay tôi hoàn toàn đồng ý về nhận xét của anh, vậy anh có thể cho biết thêm, nếu cần phải tham gia vào một Tôn Giáo anh sẽ chọn Tôn Giáo nào?

- Thú thật, tôi không được rõ ràng ý định của cô Hai, hơn nữa tôi cũng không am tường căn cứ nội dung và hình thức tổ chức của các Tôn Giáo, nên tôi không dám so sánh. Tôi chỉ phát biểu phiến diện theo sự hiểu biết của tôi về Tôn Giáo Cao Đài, mong cô Hai và chư vị thông cảm, bỏ khuyết dùm những điều sơ sót. Cao Đài là một tôn Tôn Giáo, nhưng trên thực tế tôi thấy được những ưu điểm như sau:

* Cũng cùng thờ chung một Đấng Thượng Đế. Tức là thờ Đấng Cha Chung của vạn vật, trong Càn Khôn Vũ Trụ.

* Cao Đài đã dung nạp được tất cả cái “tinh ba” của các Tôn Giáo lớn Đông Tây.

* Một Tôn Giáo mới. Phát xuất từ lòng Dân Tộc Việt Nam lại có nét đặc thù: Hòa hòa kim cổ.

* Một Tôn Giáo cận đại, sinh ra và trưởng thành trong chiến tranh mà chẳng bao lâu đã trở thành một Tôn Giáo có tầm

cỡ quốc tế. Đã và đang phát triển khắp nơi...

* Tổ chức và điều hành của nền Tôn Giáo Cao Đài, được đặt trên *bình diện đạo đức và khoa học*. Thực hành theo chủ thuyết: *tự do dân chủ, công bằng và bác ái*.

* Tâm lý và xã hội trong Tôn Giáo Cao Đài: Tôi thấy thật thanh cao, “Tín Đồ” Cao Đài nam nữ đều bình đẳng như nhau, không phân biệt: giàu nghèo, hèn sang, quan dân ai ai cũng đồng một mực, nhất là trong việc tang tế.

Tóm lại tôi chỉ biết vài nét thô thiển, qua sự hướng dẫn và đọc một phần sách của chú Ba đưa cho, nhưng về:

* Vũ trụ quan và nhân sinh quan, đặc biệt về Triết Lý Cao Đài thậm thâm vi diệu, càng nghiên cứu thấy càng sâu xa khó lường, vì chưa lãnh hội được nên tôi còn nông cạn lắm. Có lẽ tùy trình độ và cơ duyên..!

- Anh Quan này, tôi rất ngưỡng mộ anh và cũng thật sự vui mừng, thấy anh quan tâm vấn đề đạo đức đến như vậy.

- Cô Hai quá lời, làm tôi càng thêm xấu hổ! Nghe chú Ba nói, trong khu vực thuộc Tòa Thánh Tây Ninh, còn có các Cung, Động và Tòa Thành. Xin Cô vui lòng giảng giải sơ về các cơ cấu ấy được không?

- Sự hiểu biết của tôi chẳng hơn gì anh, tuy nhiên việc kiến trúc ba Cung: Trí Huệ Cung, Trí Giác Cung và Vạn Pháp Cung. Ba Động: Thiên Hỉ Động, Địa Linh Động, Nhơn Hòa Động và đặc biệt là Tòa Thánh Tây Ninh. Tất cả đều căn cứ theo dịch lý mà tạo nên hình thể (sắc tướng). Mỗi hình thể đều có một biểu thị sâu xa hòa nhập theo sự tuần hoàn của càn khôn vũ trụ. Nhìn tổng thể Tòa Thánh Tây Ninh là một trong những kỳ quan của thế giới, mà kỳ quan gần nhất Việt Nam là Đế Thiên Đế Thích. Hơn nữa theo lời chỉ dạy của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế và Các Đấng Thiêng Liêng Tòa Thánh Tây Ninh là “Bạch Ngọc Kinh” tại thế. Có một không hai. Nếu ta đi vào chi tiết từ mỗi bông hoa, mỗi nét chạm trổ, mỗi nét chấm phá đều căn cứ vào dịch lý tùy cơ vận hành của càn khôn vũ trụ biến sanh. Vì vậy ta có thể hiểu rằng: Từ trong “Thể Pháp” có ẩn tàng “Bí Pháp”. Nói ngược lại từ trong “Bí Pháp” hiển hiện ra “Thể Pháp” và Thể Pháp này được đặt tại thế gian cho nhưn

sanh chiêm bái và khởi ngõ ngang khi lia khỏi trần gian may duyên đến được cảnh này. Từ ngoài, trước khi bước vô Tòa Thánh Tây Ninh, ta thấy bông hình hai ông Thiện Thần và ông Ác Thần. Kế đó là Tòa Hiệp Thiên Đài, Tòa này có ba tầng. Tầng trệt là “Tịnh Tâm Điện”. Tầng thứ nhì là lầu “Hiệp Thiên Đài”, nơi đây là chỗ thờ mười lăm vị Chức Sắc cao cấp nhất của Hiệp Thiên Đài. Hai bên có bông hai chữ: “NHƠN” và “NGHĨA”. Phía dưới hai đại tự này có đôi liễn:

“Hiệp nhập Cao Đài, bá tánh thập phương qui chánh quả”
“Thiên Khai Huỳnh Đạo, ngũ Chi Tam Giáo Hội Long Hoa”

Hai câu liễn này có nghĩa:

- “Hiệp vào Đạo Cao Đài, nhơn sanh khắp nơi được trở về ngôi chánh quả”.

- “Trời mở Đạo Cao Đài, các Đấng trong Ngũ Chi Đại Đạo và trong Tam Giáo tham dự Đại Hội Long Hoa”

Tầng trên hết là Phi Tượng Đài, hay còn gọi là Thông Thiên Đài. Mặt tiền có hình Thiên Nhân, trên lan can có đắp hình Cổ Pháp Tam Giáo: Bình Bát Vu (Tượng trưng Phật Giáo). Cây Phát Chủ (Tượng trưng cho Tiên Giáo). Quyển sách Xuân Thu (Tượng trưng Nho Giáo). Trên nóc Thông Thiên Đài đắp tượng Đức Phật Di Lạc (Di Lạc Vương Phật) ngự trên tòa sen, đặt trên lưng con cọp vàng. Con cọp biểu trưng cho năm Bính Dần. (1926) là năm khai Đạo Cao Đài. Hai bên Hiệp Thiên Đài có lầu chuông và lầu trống cao chót vót.

Vô đến phần chính giữa là Cửu Trùng Đài. Có chín cấp, từ thấp lên cao. Nối liền Hiệp Thiên Đài và Bát Quái Đài. Trên nóc tại cấp thứ năm là Nghinh Phong Đài. Nghinh Phong Đài, gồm có ba phần:

* Phần dưới hình vuông, tượng trưng cho Đất.

* Phần giữa hình tròn, tượng trưng cho Trời (Người xưa cho rằng: Trời thì tròn. Đất thì vuông.

* Phần trên của Nghinh Phong Đài là một bán cầu úp xuống, vẽ bản đồ lục địa và các đại dương, tượng trưng cõi trần của nhơn loại. Bên trên bán cầu này là con Long Mã phụ Hà Đồ. Cũng nên nói thêm với anh , chị:

- Long Mã là loài thú linh, mình ngựa, vẩy rồng, mình không thấm nước. Hà Đồ là bức vẽ có liên quan đến sông Hoàng Hà bên Tàu. Chuyện xưa chép lại sự xuất hiện của Long Mã như sau: “Vào thời vua Phục Hy, năm 2852 trước Tây Lịch. Trên dòng sông Hoàng Hà, thành linh có một trận cuồng phong dữ dội. Nước sông dâng cao, giữa dòng sông trỗi lên một con quái thú mình ngựa, đầu rồng, đứng khời khời trên mặt nước. Trên lưng có mang cây bửu kiếm.

Dân chúng thấy sự lạ, bèn cấp báo cho Phục Hy Hoàng Đế. Nhà vua liền xa giá đến nơi, đứng trên bờ quan sát. Vua Phục Hy là vị Thánh Đế, biết con quái ấy là một linh vật. Tên là Long Mã, rất hiếm có và ít khi xuất hiện. Ngài phán rằng: “Nếu phải như người đem vật báu đến dâng cho ta thì hãy lại gần đây.”

Con Long Mã như biết tiếng người, liền từ từ đi vào bờ, quì xuống trước mặt nhà vua. Phục Hy Hoàng Đế thấy trên lưng con Long Mã có một bức đồ gồm năm mươi lăm chấm đen trắng. Vua ghi nhớ rồi gỡ lấy báu kiếm trên lưng Long Mã. Xong rồi con Long Mã đứng dậy, trở ra giữa sông đi mất. Mặt nước sông Hoàng Hà sụt xuống như cũ. Vua Phục Hy vẽ các chấm đen, trắng (Âm, Dương) trên lưng Long Mã, tạo thành một bức đồ, gọi là Hà Đồ.

Phần cuối cùng của Tòa Thánh Tây Ninh là Bát Quái Đài. Có tháp cao hình tám cạnh đều nhau. Mỗi cạnh là một Cung của Bát Quái: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Bát Quái Đài là nơi thờ phượng Đức Chí Tôn, các đấng Giáo Chủ và Thần, Thánh, Tiên, Phật. Ngay chính giữa là quả Càn Khôn và Thiên Nhân. Quả Càn Khôn là một Thiên Cầu, tượng trưng cho Càn Khôn Vũ Trụ hữu hình của Đức Chí Tôn hay Ngọc Hoàng Thượng Đế, biểu thị rõ rệt về vũ trụ quan của Đạo Cao Đài. Quả Càn Khôn Vũ Trụ có hai phần:

Phần hữu hình: Nhìn thấy được:

* Tam Thiên Thế Giới: Tức là ba ngàn quả tinh cầu như các vì tinh tú trên bầu trời. được vẽ tượng trưng bằng ba ngàn ngôi sao trên quả Càn Khôn.

* Thất Thập Nhị Địa: Là bảy mươi hai quả Địa Cầu, cũng được thấy như các vì sao nên cũng được vẽ tượng trưng bằng bảy mươi hai ngôi sao trên quả Càn Khôn.

Phần vô hình: Không thể nhìn thấy được với mắt phàm. Chỉ người có huệ nhãn mới thấy:

* Tam Thập Lục Thiên: Ba mươi sáu tầng Trời.

* Thập Nhị Địa: Mười hai tầng Trời nối liền bên dưới Tam Thập Lục Thiên. Chia ra:

Phần trên, có ba tầng:

- Hồn Nguơn Thiên,
- Hội Nguơn Thiên,
- Hư Vô Thiên.

Phần kế phía dưới chín tầng: Gọi là Cửu Trùng Thiên và Tứ Đại Bộ Châu.

* Trên nóc Bát Quái Đài có tượng Tam Thế Phật (Tam Thanh)

1- Brahma Phật đứng trên lưng con Thiên Nga, nhìn về hướng Tây, ấy là ngôi thứ nhất, tượng trưng ngôi Thánh Đức, thuộc về cơ sanh hóa. Ấy là Đấng tự hữu, hằng hữu, hữu nguyên, hữu thủy của vạn vật.

2- Đức Phật Civa đứng trên con Giao Long, ngó qua hướng Nam, ấy là ngôi thứ nhì, tượng trưng phần Âm Dương. Cơ sanh diệt, ấy là cơ bảo tồn.

3- Đức Phật Christna đứng trên thất đầu xà, ngó về hướng Bắc. Ấy là ngôi thứ ba, tượng trưng cho cuộc tuần hoàn. Tiên tri cho nhân loại biết việc trí xảo, thuộc về cơ tranh đấu. Cũng là cuối Hạ Nguơn, khởi Thượng Nguơn Tứ Chuyển.

Phần dưới mặt đất của Bát Quái Đài là Hầm Bát Quái. Hầm này dùng làm nơi cất giữ tro thiêu hài cốt của các Chức Sắc Đại Thiên Phong. Từ hàng Tiên vị trở lên, tức là từ phẩm Đầu Sư hay tương đương trở lên.

- Vừa rồi tôi trình bày với anh và quý vị vài ý thô thiển về Thể Pháp và Bí Pháp của Đạo Cao Đài.

Cô Hai dừng để mọi người có thời gian suy gẫm. Trời càng khuya, bóng đêm càng đậm đặc, màn đen bao trùm khắp đó đây. Cảnh vật như chìm trong u tịch mênh mang. Ngọn lửa vẫn bập bùng soi rọi tận tâm can, như thôi thúc mọi người phản tỉnh, tự vấn và tự nguyện...

- Anh Quan, chẳng biết anh có cho phép hay không, nhưng từ lâu, tôi đã tự đặt mình là bạn, đứng bên cạnh anh. Tôi thấy và hiểu rõ anh có tâm sự trùng trùng. Anh cố vùng vẫy vương lên. Gắng gượng làm vui trong mọi hoàn cảnh. Nhưng anh vẫn không sao thoát khỏi ấn tượng sâu sắc về tác nghiệt của thời dĩ vãng, nó cứ mãi đeo đẳng nơi lòng. Trong giờ phút thiêng liêng cao quý này. Tôi thiết tha khuyên anh: Hãy nắm vững cái hiện tại. Rút tủa kinh nghiệm chuyện quá khứ. Bất trọn và khai sáng cái gì có thể ở tương lai. Kiên tâm trì chí làm lại cuộc đời. Khi có cơ hội đừng buông lơ. Ta chán đời, đời không bao giờ chán ta. Nhớ cái đáng nhớ, quên cái đáng quên để vơi đi nỗi sầu tư khắc khoải đêm ngày! Cuộc vui nào rồi cũng tàn. Nỗi buồn nào rồi cũng nguôi. Mọi việc ở tầm lòng thành. Thương Đế không phụ người có tâm huyết, chỉ ngại lòng mình không bền!

- Tôi vô cùng xúc động, xin ghi nhớ lời nhắc nhở khuyên lớn, vô vàn quý báu của cô Hai.

- Để trang bị tinh thần của anh thêm phần vững chắc và cũng để tình bạn chúng ta mỗi ngày một thân thiện gần gũi nhau hơn. Tôi thiết tha đề nghị anh, nếu không gì trở ngại, xin anh nhập môn vào đạo Cao Đài. Anh nghĩ sao?

Quan khẳng khái:

- Tôi thấy đây cũng là dịp may, xin Cô lo liệu, sắp xếp dùm.

- Anh nên suy nghĩ cẩn thận rồi hẳn trả lời và nhớ tôi không bao giờ miễn cưỡng anh đâu nghe.

- Cô an tâm, tôi chẳng có gì phải miễn cưỡng cả. Cha mẹ tôi ngày trước chỉ thờ Ông Bà. Phần tôi thì dòng đời trôi nổi, chưa việc gì ràng buộc, nay được cô Hai giới thiệu và tiến dẫn

nhập môn vào đạo cũng là điều tốt thôi. Tôi tin trong cửa Đạo sẽ có điều kiện và cơ hội giúp tôi trau dồi bản thân. Sửa đổi tánh tình mỗi ngày một hoàn hảo hơn. Để mai này có thể làm được điều gì đó khả dĩ giúp ích cho tôi và hữu ích cho nhân quần xã hội.

Sau ngày nhập môn, thêm một niềm tin mới, tinh thần Quan thư thái hơn nhiều. Nụ cười hồn nhiên luôn nở, mặt mày rạng rỡ. Cuộc sống giữa tá điền và bạn đạo mỗi ngày càng gần gũi thân thương khắng khít hơn. Trời vừa hừng hửng sáng, Quan đã thức dậy và ra khỏi nhà để chăm lo công việc. Sương đêm còn đọng, treo lóng lánh như những hạt kim cương trên chòm cây ngọn cỏ, trông ngoạn mục vô cùng. Xa xa tiếng bò ù trâu nghe, hòa lẫn tiếng chim muông reo ca đó đây. Tạo nên một bản nhạc bình minh nơi đồng nội, gây nguồn cảm hứng lâng lâng, vui tươi khó tả. Bầu không khí trong lành thoang thoảng hương thơm mùi rạ mới, làm cho con người thơ thới ngất ngây trước cảnh thiên nhiên tuyệt tác..!

*

- Kính chào ông chủ, mời ông ngồi.

- Cảm ơn, kính chào cô Hai. Hôm nay “quá” đến đây là để được gặp cô Hai và cũng để bàn thảo về việc thiết thời của Cô trong ba năm qua.

- Thay mặt tá điền, chúng tôi xin cảm nhận mỹ ý của ông chủ. Tuy nhiên việc này theo tôi, trên nguyên tắc, ông chủ không thể nào tái xét và bổ cứu được nữa, vì tất cả hợp đồng đã thanh toán xong rồi.

A Ngẫu thấy cô Hai có vẻ không vui, hình như cũng chẳng muốn tiếp nên hoảng hốt khẩn khoản:

- Trước hết xin cô Hai thương tình đừng gọi “quá” bằng ông chủ nữa, có được không?

- Là “ông chủ” tôi gọi “ông chủ” chứ sao?

- Thôi mà cô Hai quá đây năn nỉ mà.

Cô Hai nhìn A Ngẫu, rồi cười nụ:

- Vậy ông chủ muốn tôi gọi bằng gì nào?

- Gọi bình thường, như bạn bè trang lứa, hoặc lớn hơn chút chút càng hay.

Cô Hai vẫn cười, có vẻ trêu...

- Tôi vẫn chưa hiểu ý muốn của ông chủ. Ông có thể nói rõ hơn không?

A Ngẫu cúi đầu bẽn lễn, nói líu giọng:

- Kêu quá bằng...bằng “anh” đi.

Cô Hai nhìn A Ngẫu trân trân rồi cười ngất, khiến A Ngẫu thêm xấu hổ xốn xang...hồi lâu mới lên tiếng:

- “Ông chủ” đã muốn vậy, để ông chủ được vui lòng, tôi gọi ông chủ bằng “anh” cũng chẳng sao. Vui vẻ mà ông chủ hả!

- Đó, cái, cái cô Hai lại kêu ông chủ nữa rồi.

- Tôi chưa quen lắm, tôi sẽ sửa được mà. Yên trí đi “anh” Ngẫu ơi!

A Ngẫu nghe cô Hai gọi mình bằng “anh” sung sướng đến đờ đẫn như điên. Lòng nghe lâng lâng phơi phơi, tâm tư bay bổng tận mây ngàn, ngồi chết trân mê man trong nguồn cảm xúc vô biên...Mãi hồi lâu mới giật mình tỉnh lại mà mắt vẫn đắm đuối nhìn cô Hai thêu thào:

- Cảm ơn, cảm ơn cô Hai đã ban ân huệ cho “quá”. Bây giờ quá có cái này trao cho Cô. Đây là chi phiếu của số tiền chênh lệch trung bình mười phần trăm. Tính trên trị giá của tổng số lúa mà cô Hai cùng các Tá Điền của cô, cung cấp cho nhà máy chà chúng tôi trong ba năm qua. Quá lấy làm tiếc chuyện đã xảy ra như thế. Mong cô Hai thông cảm nhận cho.

Cô Hai cầm tờ chi phiếu thấy số tiền khá lớn, cô nhìn thẳng mặt A Ngẫu mỉm cười. Đưa chi phiếu trả lại:

- Đúng, đây là số tiền đáng lẽ chúng tôi phải có, nhưng trên nguyên tắc của thương mại: “Thuận mua vừa bán”, do đó chúng tôi không thể nào nhận số tiền này được. Xin gửi lại “anh” và chuyển lời chúng tôi cảm ơn đến quý nhà máy.

- Hà, hà vui vẻ mà cô Hai, nhận đi, nhận dùm đi, không nhận “quá” buồn lắm, “quá” nghĩ tiền của “quá” thì cũng như tiền của cô Hai mà!

- Đây là tiền cá nhân của “anh”, chẳng phải tiền của công ty có đúng không?

- Hà, tiền của ai cũng vậy mà cô Hai.
- Tiền của “anh” là của “anh”, của công ty là của công ty. Sao lại của ai cũng vậy được!

- Cô Hai à, sau khi từ nhà cô Hai trở về, “quá” đã trình bày cặn kẽ mọi việc và cương quyết giữ vững lập trường là tiếp tục giao thương với cô Hai như cũ. Nhưng nhà máy và ba của “quá” cũng có quan điểm giống như cô Hai vừa nói. Sự quyết định này làm cho “quá” đau lòng không sao tả xiết! Hơn nữa vì nhớ thương cô Hai quá đỗi, “quá” đã ngã bệnh, nằm liệt giường, mẹ “quá” phải đưa “quá” vào nhà thương Sùng Chính, hơn năm tuần lễ, “quá” mới ra khỏi nhà thương ngày hôm qua. Trong thời gian nằm nhà thương, hằng ngày, hằng đêm lúc nào hình bóng, ngôn ngữ, cử chỉ của cô Hai cũng ngự trị trong tim. “Quá” mới hiểu: trọn kiếp của “quá” không thể nào thiếu cô Hai được!. Cuộc đời của “quá” nếu không có cô Hai bên cạnh thì cầm bằng như đã chết, sống chẳng còn ý nghĩa, chẳng thú vị gì! Vì nghĩ như thế nên “quá” không ăn uống chi cả, chỉ mong chết phứt cho xong một kiếp sống thừa vô vị này. Nhưng mẹ “quá” cũng đau khổ không thua gì “quá”, sợ “quá” chết đi nên hết lời khuyên răn ngăn cản. Cuối cùng mẹ và “quá” nắm níu hy vọng ở tấm lòng thanh cao và hiểu biết của người con gái Việt Nam như cô Hai đây. Cô sẽ suy nghĩ lại, tha thứ chuyện đã qua và rồi thế nào cũng có đôi chút đoái hoài đến tấm chân tình của “quá” yêu cô Hai tha thiết. “Quá” tự nguyện dâng hiến con tim và linh hồn của mình cho cô Hai. Giờ đây “quá” có thể sống chết vì cô Hai mà không ân hận. Để thể hiện chút lòng thành, xin cô Hai hoan hỉ nhận cho tấm chi phiếu này, tuy rằng chẳng là bao, nhưng đó là tâm huyết của “quá” mà cũng là phần của cô Hai đáng phải có.

Cảnh trạng này không ngoài sự dự đoán của cô Hai, nhưng không ngờ người thanh niên gốc Hoa, mặc dù không giỏi tiếng Việt mà dám liều lĩnh bày tỏ nỗi lòng thẳng thắn như vậy. Ban đầu cô Hai tự tin lẫn tự chủ và gần như có một chút cao ngạo vốn dĩ sẵn chứa trong lòng nên có vẻ thờ ơ với nụ cười nửa miệng, chẳng ngờ trước khối chân tình và sự yêu thương tha

thiết của A Ngẫu. Cô Hai không sao tránh khỏi phần nào xúc cảm và bối rối. Cô ngồi trầm lặng ngẩn ngơ. Tình là cái chi chi làm cho người ta phải thất điên bát đảo. Yêu là gì? Sao những kẻ bước vào yêu dám chết sống với nhau. Thậm chí có người dám bỏ công danh phú quý, ngai vàng điện ngọc để chạy theo tình yêu vô oán vô hối? Để lãng tích thiên nhai, cho đôi tâm hồn hòa hợp, như cây liền cành chim liền cánh. Sống hui hút bên nhau, hai quả tim vàng trong túp lều tranh, vui hưởng cuộc đời tiêu điều tự tại...

Thật tình ta chưa hiểu, vì ta chưa một lần yêu. Làm sao ta biết được tình yêu mãnh liệt, sâu sắc cao đẹp hay tàn hại đến dường nào..!? Ta phải làm sao, làm sao trước nụ yêu đầu đời, si mê cuồng dại của A Ngẫu đây? Suy tới nghĩ lui, cô Hai vẫn không sao tìm ra giải pháp vẹn toàn. Lòng luống những băng khuâng nổi thương cho bạn, nổi sầu cho thân..!

- A Ngẫu à, chuyện này là hai việc khác nhau, đừng gom vào một, chúng ta sẽ không có lối giải quyết.

- “Quá” không cần biết cô Hai phân chia như thế nào tùy ý, có điều “quá” đã yêu cô Hai. Yêu như sóng cuồng gió xoáy, như thác đổ mưa tuôn...Dù cô Hai có cho hay không “quá” cũng yêu và tôn thờ cô mãi mãi... Không một trở lực nào có thể ngăn cản nổi...

Ngọn lửa yêu đương bùng bùng sôi sục, đốt cháy tâm can làm A Ngẫu rối ren hỗn phách, làm A Ngẫu không sao giữ được bình tĩnh trước cô Hai. Thông cảm nổi lòng kẻ hết dạ yêu mình, cô Hai nhẹ nhàng thở dài:

-Trước hết, tôi rất quý thiện chí và hành động tích cực của anh Ngẫu, trong việc nghiên cứu và đền bù cho sự thua thiệt của chúng tôi trong ba năm qua. Tuy nhiên đứng trên bình diện của một thương gia với tư cách và danh dự của một con người. Xét về lý và tình, tôi dứt khoát, không nhận số tiền mà đơn phương anh Ngẫu bồi đáp cho sự thua thiệt của chúng tôi trong ba năm qua. Mong A Ngẫu thông cảm. Dầu vậy kể từ hôm nay chúng ta có thể tiếp tục giao thương, nếu ta thấy đôi bên đều có lợi.

- Tốt, tốt lắm “quá” đây cũng chỉ mong có thể, bất cứ hoàn cảnh nào, tình huống ra sao “quá” hy vọng chúng ta vẫn giao dịch buôn bán, trao đổi hàng hóa với nhau trong tinh thần bình đẳng, gắn bó lâu dài ..

Cô Hai miên man trầm tư suy nghĩ, nét buồn rười rượi, hiển hiện trên gương mặt mỹ miều khả ái, khiến người đối diện càng hừng hực nhoi nhói con tim. Cô đưa mắt dịu dàng nhìn A Ngẫu, lời lẽ nhẹ nhàng mà cứng rắn:

- Anh A Ngẫu, tôi trang trọng cảm nhận mối chân tình của anh đã dành cho tôi,

Vừa nghe A Ngẫu mừng húm, hồn bay tận chín tầng mây, vội vã cướp lời:

- Cảm ơn Trời Phật, cảm ơn cô Hai, “quá” sẽ...

Cô Hai đưa tay, ra dấu chặn lại và tiếp lời:

- Nhưng tôi không thể đáp lại tình yêu của anh được. Như anh biết đó, nề nếp Nho Phong, Luân Thường Đạo Lý của người Á Đông chúng ta cao quý biết ngần nào. Nhất là người Hoa và Việt chúng ta càng giữ gìn kỹ lưỡng về: Công Dung Ngôn Hạnh. Tam tòng. Tứ đức. Tam cương ngũ thường. Đạo như luân là hệ trọng, tôi mong anh hiểu cho như thế, đừng làm khó dễ một người con gái đã có chồng như tôi.

Cô Hai phân giải, A Ngẫu không còn vin vào cớ gì để hy vọng nên ngồi há hốc. Hồn phi phách lạc, trái tim như vụn vỡ, tay chân rũ rệ. Trời đất quay cuồng, không gian như tối sầm lại. A Ngẫu ngồi chết trân, chẳng nói nên lời. Sự im lặng nặng nề bao trùm hai người, lâu lắm A Ngẫu thở dài thườn thượt:

Nhặt nhòa nát bấy con tim,

Tim trao ai nhận ai thềm mà trao..!

Hoàn toàn tuyệt vọng, A Ngẫu nối tiếp trong tiếng nấc nghẹn ngào:

- Chúng ta vĩnh viễn là bạn thân, “quá” đã yêu, quyết định giữ tình yêu và sẽ chờ, chờ cô Hai mãi mãi.

Chẳng khi nào thối chí nản lòng, chắc chắn sẽ có một ngày “quá” đây được toại nguyện..!

(Còn tiếp)

Cô Gái Việt và Người Chiến Binh Mỹ

Truyện dài tình cảm xã-hội của Ngành Mai

(tiếp theo các kỳ trước)

Sau một đêm an lành với không khí mát mẻ của biển Long Hải, sáng hôm nay thức dậy Quỳnh Chi thấy khỏe khoắn trong người nên nét mặt có phần tươi vui. Cô phụ giúp ni sư một số công việc rồi xin phép được đi dạo bãi biển một lần cho biết, bởi từng nghe thiên hạ nói qua nhiều về biển Long Hải, Bà Rịa như là: Đi đổi gió Long Hải! Long Hải nước ngọt v.v... nhưng chưa có lần nào được nhìn thấy tận mắt. Hôm nay sẵn dịp ra đây thăm ni sư, cô mở lời xin và được bà chấp thuận, nên khi ăn cơm trưa xong cô sửa soạn ngay.

Nhìn thấy Quỳnh Chi có một sắc đẹp mặn mà quyến rũ, Ni sư Như Liên nghĩ rằng nếu như nhan sắc này mà đi ra ngoài một mình, làm sao tránh khỏi được cảnh đưa đường đón ngõ của giới thanh thiếu niên ham mê sắc đẹp! Do đó bà nghĩ cách cho Quỳnh Chi mặc bộ đồ ni cô vào, thì dù sao cũng không đến nỗi có chuyện bọn trai trẻ đi theo chọc ghẹo rồi sanh ra phiền phức.

Bà nhìn cô nghĩ ngợi một hồi rồi nói:

- Hay là con vào trong lấy bộ đồ của các ni cô ở đây để mặc vào coi thế nào?

Quỳnh Chi cười, cô chưa trả lời thì Ni sư nói tiếp luôn:

- Mặc đồ nhà tu đi ra ngoài tiện hơn đó con!

Cô gái hiểu ý của vị ni sư nên gật đầu liền:

- Con cũng thích mặc đồ của các ni cô lắm, nhưng Ni sư không phải cho mượn vì con cũng có một bộ đồ nâu đem theo.

- Ừ! Sao con lại có bộ đồ đó, con đi tu hồi nào?

Quỳnh Chi biết ni sư rất bất ngờ, vì từ trưa hôm qua đến giờ cô không có nói gì đến chuyện đi tu cả, cô cười rồi nói:

- Trước đây có thời gian chán đời quá! Con định đi tu nên may

sẵn bộ đồ, nhưng cha mẹ cản lại và khuyên nhủ nhiều lần nên con mới bỏ ý định.

Ni sư lắc đầu:

- Đi tu rất khó khăn nhé! Ni sư thấy con lòng trần còn nặng, nghiệp chướng còn mang, mà một khi đã xuất gia đầu Phật rồi thì coi như chuyện thế gian phải bỏ tất cả. Thôi con sửa soạn đi bãi biển cho biết với người ta để rồi còn về cho sớm.

Quỳnh Chi dạ rồi vào trong thay đồ, một chút trở ra cô nói:

- Ni sư xem con có giống các ni cô không?

- Giống lắm! Con mặc áo nâu sồng vào, trông đẹp không thua gì ăn mặc bình thường bên ngoài. À, đi nhớ về sớm nghe con!

- Dạ khoảng xế chiều thì con về.

- Ồ! Đừng về muộn quá sẽ làm Ni sư trông.

Quỳnh Chi cúi đầu chào ni sư rồi bước ra cổng, cô xuống các bậc thang và đi chậm chậm dọc theo mé biển. Thấy cô đẹp nhiều người cũng ngó cũng nhìn, nhưng rõ ràng là các cậu thanh niên không dám sổ sàng, hoặc đi theo tán tỉnh, chỉ đứng đằng xa nói băng quơ: Ni cô đẹp quá! Cô vải đẹp quá! Đẹp như vậy mà đi tu uống quá! Nhưng họ chỉ nói thế rồi thôi chứ không dám làm gì hơn.

Bãi biển Long Hải trời nước mênh mông, trưa nay trời nắng chói, từng cơn gió nhẹ ngoài biển thổi vào hơi xao động cây lá mọc thưa thưa bên ven bờ bãi cát. Từng đợt sóng biển nhỏ thấp chạy vào rồi lại rút trở xuống, để lại bãi cát phẳng lì và cứ như thế triền miên không ngớt.

Quỳnh Chi đi mà tâm trí cứ nghĩ đến những nỗi đau thương trong cuộc đời, chân bước mà hồn đang thả tận nơi đâu. Khi đã đi một đỗi khá xa, cô dừng lại ngồi trên một khối đá lớn, miên man nhìn sóng biển dội vào tung bọt trắng xóa ở phía dưới.

Cô nhớ đến ông bà Ký Thân rồi nói một mình: Cha mẹ đã cực khổ vì con, hy sinh hết một đời để lo cho con, công ơn sanh thành dưỡng dục con chưa đền đáp thì mẹ cha đã qua đời! Xin Trời Phật chứng minh, con nguyện hứa với lòng rằng *“Nếu ngày nào mà con chưa thực hiện được lời trăng trối của mẹ, thì con sẽ không bao giờ lập gia đình”*

Cứ ngồi trên tảng đá suy nghĩ lẫn quần và mãi mê nhìn

mây nước, xem lại thì thấy mặt trời đã qua khỏi xế chiều. Nhớ lời ni sư căn dặn hãy về sớm kéo bà trông, Quỳnh Chi liền đứng lên để đi về chùa, cô loay hoay xoay trở thế nào đó lại vô ý làm rơi chiếc dép xuống bãi cát ở phía dưới, nên vội vã đi vòng xuống để nhặt lên.

Vì không có kinh nghiệm ở biển, lại chẳng biết rằng sóng có từng ngọn khi lớn lúc nhỏ, cô lại xuống lượm đúng vào lúc một ngọn sóng biển hơi cao, từ ngoài chạy vô đánh mạnh vào tảng đá; bọt biển cùng nước mặn văng ngược trở lại chụp lên khắp người của cô, làm ướt tất cả áo quần, kể cả chiếc khăn màu nâu đang bịt kín mái tóc.

Quỳnh Chi kinh hãi: Quần áo ướt hết phải làm sao đây? Nếu về chùa ngay thì với bộ đồ đang ướt đầm như vậy làm sao khỏi bị ni sư la rầy? Cả mấy cô vải trong chùa thấy vậy cũng xoi bói, đó là chưa kể đi dọc đường người ta nhìn thấy sẽ dị nghị rằng: Ni cô đi tắm biển! Dù cô không phải là người đi tu thật sự, nhưng với bộ đồ nâu đang mặc trong người cô phải chấp nhận mà thôi!

Quỳnh Chi ân hận phải chi khi trưa mình không mặc bộ đồ nâu này, giờ đây trên đường về nếu có ướt cũng không đến nỗi nào. Thâm trách ngọn sóng biển vô tình kia đã làm cho cô khó xử trí và lo âu chưa biết phải làm sao để về chùa, mà không tạo ra sự gì có thể gây khó chịu cho người chung quanh. Cô nhìn ngôi chùa trên ngọn đồi còn cách độ hơn hai cây số và mặt trời cũng chưa thấp lắm. Ngó quanh quần bãi biển thấy lô nhô những phiến đá, có những tảng cao hơn nửa người, cô nghĩ bụng hay là mình phơi khô xong quần áo rồi hãy về? Nghĩ đến phương cách ấy cô quyết định đi ngược trở lại cụm đá hơi cao gần sát mé biển kia, nhìn chung quanh một lúc không thấy bóng người nào, cô tuân tự cởi bộ đồ ướt đầm ra để phơi. Chiếc khăn nâu cùng những mảnh áo quần lớn nhỏ lần lượt được phơi lên trên những hòn đá cao thấp thấp, đang nằm lô nhô từng cụm bên bờ bãi cát.

Giờ đây những tảng đá lại vô tình được che bởi áo quần của người con gái, trong khi thân thể đẹp tuyệt trần của cô cũng được phơi bày giữa cảnh trời nước bao la. Quỳnh Chi chọn một tảng đá hơi bằng phẳng để ngồi, cô phủi đi những hạt cát còn

dính lại trên thân người, đồng thời vuốt lại mái tóc mây dài thướt thướt đến tận thắt lưng đã bị nước biển làm rối đi đôi chút. Buổi xế chiều trời quang gió lặng, từ hướng Tây ánh nắng vàng rực rỡ chiếu thẳng vào bộ ngực tròn trịa với đôi nhũ hoa đ đặn đầy, đã tô điểm thêm màu ửng hồng lên làn da trắng mượt của một giai nhân tuyệt thế!

Muốn cho áo quần mau khô cô xoay qua xoay lại phơi trở đều đều, nên tia nắng vàng ánh kia không chừa một nơi một chỗ nào hết trên ngà thể ngọc, mà nghệ thuật điêu khắc tuyệt vời của tạo hóa đã ban cho cô những đường cong cong ẩn hiện, để làm cân đối vóc hình vừa vạm thướt tha uyển chuyển của cô.

CUỘC VƯỢT BIÊN BẤT ĐẮC DĨ

Chờ một thời gian có hơi lâu thấy quần áo đã khô, Quỳnh Chi mặc đồ trở lại và sau khi bịt xong chiếc khăn nâu trên mái tóc, cô vội vã quay trở về thì cũng vào lúc mặt trời đã bị che khuất ở rặng cây từ đằng xa. Cô lật đật đi nhanh vì nghĩ bụng thế nào giờ này ni sư cũng đang trông đợi cô ở chùa.

Khi còn cách ngôi chùa khoảng nửa cây số thì đã chạng vạng tối, vầng thái dương sụp xuống ở chân trời, chỉ còn thấy một màu đỏ hồng trên đỉnh đầu của các tàng cây xa tít ở hướng Tây. Cô ráng đi thật nhanh hơn để về chùa cho kịp trước khi trời tối hẳn, thì ngay lúc ấy phía phía ngoài biển xuất hiện một chiếc thuyền máy gỗ, từ ngoài khơi chạy tấp vào gần bãi và bỏ neo đậu chòng chành trên các lượn sóng. Rồi liền đó phía trên đường lộ, một nhóm người đàn ông đi nhanh xuống bãi biển, thẳng đến gần nơi chiếc tàu vừa mới đậu, vô tình cô đi ngang thì hai người trong nhóm ấy chặn lại và ra lệnh:

- Cô nào giờ này lại còn ở đây? Hãy lên tàu! Mau lên!

Quỳnh Chi thất kinh hỏi lại:

- Sao tôi lại phải lên tàu? Để đi đâu? Các ông là ai?

Hai người ấy chẳng nói chẳng rằng, lập tức nắm tay cô lôi lại chiếc tàu và các người ở trên tàu đã sẵn sàng kéo lên, Quỳnh Chi chưa kịp phản ứng gì hết thì thấy mình đã ở gọn trong khoang tàu. Nhìn trở lại thấy mấy người ấy cũng đang kéo những người khác bỏ xuống giống như cô vừa rồi và cứ như thế tiếp tục mãi. Cô có ý đợi cho các người ở cửa rảnh tay sẽ kêu họ thả cô ra, nhưng họ cứ kéo hết người này rồi đến người khác bỏ xuống liên tục, gần nửa giờ đồng hồ không nghỉ tay một giây phút nào hết.

Tuy tàu đã bỏ neo nhưng nghe máy tàu vẫn “xình xịch, xình xịch” chạy đều đều, Quỳnh Chi nhìn lên cửa sổ thấy hiện giờ ngoài trời đã sẩm tối, mà ánh sáng leo lét của ngọn đèn phía sau buồng máy thì mập mờ giống như “đèn ma”, nên chỉ thấy lơ nhố nhiều người chứ chẳng rõ mặt ai cả. Cô ước lượng rất đông người đã ở trong tàu, và giờ đây không khí quá ngột ngạt, nóng nực khủng khiếp bởi hơi người ta tỏa ra. Có một điều lạ là tuy số người đông như vậy, nhưng tuyệt nhiên không ai lên tiếng nói chuyện hoặc hỏi han điều gì, và ở cửa thì những con người khác vẫn im lặng tuân theo những cái nắm tay chuyển xuống tàu của nhóm người kia. Cô muốn kêu lớn cho mấy người ấy thả cô ra, thì bỗng một tiếng ra lệnh thật lớn: Nhỏ neo! Tiếp theo là tiếng máy nổ lớn và nhanh, rồi thì con tàu bắt đầu rời khỏi bãi biển...

Quỳnh Chi la lớn:

- Xin các ông cho tôi đi lên! Xin cho tôi đi lên!

Mặc dù không thấy và không biết người mới kêu là ai, chỉ biết đó là tiếng kêu của một cô gái Việt còn trẻ, bởi trong tàu chỉ thấy dạng lơ mờ, nhưng liền đó thì có tiếng của một người đàn ông trong đám “hành khách” đáp lại:

- Sao lại “li” lên! Muốn pị pắt hay sao? Pộ khùng giời hả?

Quỳnh Chi nghe người vừa lên tiếng có giọng nói giống như là người Hoa nói tiếng Việt, nhưng cô cũng chẳng để ý gì đến lời nói nặng nhẹ kia và kêu thêm:

- Xin cho tôi đi lên các ông ơi! Ni sư đang mong đợi tôi ở chùa!

- Chờ ơi! Ở chùa mà li làm chi cho tốn tiền! Puôn Pán không

“liệt” người ta mới li chớ!

Sau tiếng phàn nàn của người hành khách thì trên tàu cũng có tiếng cười, nhưng vẫn còn tối chẳng rõ biết ai hết. Quỳnh Chi khóc sụt sụt, cô nói trong bụng tại sao cuộc đời mình lại có những chuyện bất ngờ như thế này! Ni sư chắc là đang sốt ruột trông chờ vì trời đã tối từ lâu...

Con tàu chạy khoảng nửa tiếng đồng hồ thì đèn mới được mở sáng, và bây giờ thì cô nhìn thấy rõ mình đang ngồi chung với khoảng 100 người, gồm đủ mọi giới trẻ, già, trai, gái và nam nữ gần như ngang nhau, luôn cả hơn một chục trẻ em trên dưới 10 tuổi. Họ đang rảo mắt xem mặt lẫn nhau và bắt đầu nói chuyện bằng tiếng Trung Hoa, một số ít hơn nói tiếng Việt.

Quỳnh Chi hỏi một cô thiếu nữ ngồi gần mình:

- Tàu đi đâu vậy cô?

Cô gái ngồi bên là người Hoa nhưng giọng nói y như người Việt, day ngang nhìn cô hỏi ngược lại:

- Sao cô lại hỏi kỳ vậy? Đi nước ngoài chứ đi đâu! Cô không biết đi đâu tại sao lại có trên tàu này?

- Vậy là tàu đi vượt biên?

- Chứ còn đi đâu nữa! Không lẽ đi đánh cá!

Quỳnh Chi từng nghe người ta nói đến chuyện đi vượt biên, với những từ ngữ họ thường dùng như là: Mỗi người đi tốn mấy cây! Tàu 2 lóc, 4 lóc! Nơi này đi bảo đảm! Chỗ kia đi chắc ăn! Nào là đi ngả biển Rạch Giá, ngả Bến Tre, Mỹ Tho v.v... Qua bên đó sẽ làm giàu...

Thiên hạ bàn tán chuyện vượt biên rất nhiều nhưng chẳng bao giờ cô nghĩ đến vấn đề đó cả, cũng như chưa một lần có ý định rời xa đất nước, nơi mà mồ mả cha mẹ vẫn còn đó. Cô đang suy nghĩ cách đối phó với thực tại thì thấy một người đàn ông có vẻ lực lưỡng, anh ta đang giở từng bước chân, chen đi trong đám hành khách, bước lại phía cô và nói:

- Hồi chập tối lúc tàu cập “bãi đáp” để đón khách thì cô lại xuất hiện, khi đó vì vấn đề an ninh ai có mặt chúng tôi cũng phải giữ lại hết! Nếu để đi khỏi, rủi cô báo với công an chính quyền thì sao?

Quỳnh Chi nhăn mặt:

- Tôi đi báo chuyện người khác để làm gì?
- Đâu có biết được, nên buộc lòng chúng tôi mới giữ cô trên tàu và dự định khi hành khách đã xuống hết thì sẽ bỏ cô ở lại, chứ có tiền đâu mà cho cô đi!
- Nhưng lúc họ đã lên tàu xong, sao các ông không bỏ tôi xuống?
- Hành khách lên chưa đủ, còn một cánh nữa thì bị lộ! Ánh đèn pin của du kích địa phương rọi sáng và họ đang rần rần chạy xuống. Gấp rút quá nên chúng tôi đành phải bỏ số người đó ở lại.
- Còn tôi, sao các ông lại đem tôi đi theo?
- Lúc đó đâu còn thì giờ để thả cô xuống nên mới còn ở đây.
- Vậy là các ông đem tôi đi luôn?

Người này cười:

- Tàu đã rời bến từ lâu, không lẽ bây giờ cô xuống biển à? Hay là đưa cô trở lại để bị bắt hết cả tàu?

Quỳnh Chi biết rằng mình không còn có thể chọn con đường nào khác hơn! Trong đầu óc cứ nghĩ đến chuyện trở về chùa, chứ cô chưa có một nhận định nào hết, cô nói:

- Vậy khi tới nơi tôi có thể xin trở về được chứ?

Anh ta trợn mắt nhìn ngay Quỳnh Chi rồi mỉm cười nhẹ:

- Trở về à! Cô không phải tốn một phân vàng lại được đi là may mắn lắm rồi, số cô kiếp trước có tu nên mới được như vậy đó! Ngưng lại đốt điếu thuốc xong, anh ta quơ tay qua một vòng chỉ đám hành khách đang ngồi rồi nói tiếp:

- Cô biết hôn, mỗi người ít nhất 5, 6 cây, có người cả chục cây mới được ngồi trên tàu này chứ đâu có dễ! Cô nhìn thật kỹ coi có phải toàn là “Tàu Chợ Lớn” không? Quỳnh Chi hiểu được ý anh ta muốn nói là những người buôn bán giàu có, và người kia nhìn bộ đồ cô đang mặc nghĩ là người tu nên nói:

- Chắc cô đi tu, ở chùa nào lại có mặt tại bãi đáp của chúng tôi? Mà sao đi tu cô lại còn để tóc dài như vậy?

Bây giờ Quỳnh Chi sờ lên đầu mới thấy mái tóc mây dài của mình đã bị buông rủ phía sau lưng, bởi khi bị bắt bỏ xuống tàu, chiếc khăn nâu bịt tóc đã rơi xuống ở một nơi nào đó trên tàu này.

Cô vừa quăn tóc lại vừa trả lời:

- Tôi chỉ làm công quả trong chùa thôi chứ chưa qui y thí phát, tôi đến chùa Dinh Cố, Long Hải để thăm vị ni sư trụ trì.

- Vậy cô là người ở xa đến Long Hải?

- Tôi ở Hóc Môn, chiều nay đi dạo mé biển cho biết và khi về gần tối chùa thì gặp như thế này đây!

- Như vậy là số cô phải đi nước ngoài nên mới về ngang đúng lúc, mà sao lại để tối mò mới về? Nếu về sớm một chút thì đâu có ở trên tàu này!

Nghe người này nói Quỳnh Chi nhớ lại sự việc hồi lúc ban chiều, cô nghĩ có lẽ do số mạng đã xui khiến cho cô bị ướt bộ đồ, nên gần tối mới trở về ngay bãi đáp. Cô chán nản thở dài và người ấy thấy cô không nói gì thêm, nên bỏ đi về phía buồng lái.

Quỳnh Chi ngã người dựa vào thành tàu, cô chẳng hiểu tại sao mọi chuyện xảy ra trên đời này, đối với cô đều quá bất ngờ như cuộc đời cô đã từng gặp phải. Không ngờ xin phép để đi dạo chơi một buổi lại phải đi luôn! Nhớ đến ni sư, cô ứa nước mắt, bà thương cô chẳng khác gì mẹ thương con, chắc chắn giờ này bà đang mòn mỏi trông đợi ở chùa, đêm nay làm sao ni sư có thể an giấc được!

Tàu chạy một hồi lâu cô gãi ngồi bên cạnh nhìn vào đồng hồ và hỏi chuyện nhau với các người khác:

- Mười giờ đêm rồi! Mình đã ra hải phận quốc tế chưa?

Một người trong tổ chức vượt biên trả lời:

- Khoảng 1 giờ nữa thì an toàn!

Các bà các cô trên tàu thấy Quỳnh Chi mặc áo nâu sồng, tưởng cô là người đã đi tu ở chùa nên họ nói:

- Cô niệm Phật cầu xin cho mình được thuận buồm xuôi gió đi cô!

Quỳnh Chi chấp tay khẩn vái nho nhỏ trong miệng như thường khi vãn cầu nguyện cúng kiến, cô vái van ơn trên phò độ cho cô cùng những người đồng hành được bình an may mắn. Phần lớn trên tàu là những người làm nghề thương mại, mua bán giàu có, họ chưa bao giờ chịu nhọc nhằn khổ cực như hôm nay, nên độ một giờ sau thì số đông đã mệt lã người gục lên gục xuống, tiếng nói chuyện lao xao không còn, và chẳng mấy chốc tất cả đã ngã nghiêng ngã ngửa nằm la liệt khắp khoang tàu.

Riêng Quỳnh Chi thì đây là lần đầu tiên trong đời cô đi tàu biển, nên cũng không khỏi mỗi mệt và ngủ thiếp đi, đến khi nghe tiếng ồn ào nói chuyện xí xô xí xàu của các người Hoa, cô thức dậy thì thấy trời đã sáng trắng, nhìn quanh thấy mọi người trên tàu đều vui vẻ ra mặt. Lúc này mặt trời đã lên cao khoảng một sào và buổi sáng hôm nay không có gió, mặt biển lặng trang, tàu chạy nhanh đều...

Suốt ngày hôm đó và thêm một đêm một ngày nữa thì thấy được bến bờ, và tàu đã an toàn đến được đảo Galang, thuộc nước Nam Dương. Mọi người thở phào ra nhẹ hẫng người, bởi mấy ngày qua ai cũng mệt cầm canh trên biển.

Ba đêm hai ngày trên tàu vượt biên, Quỳnh Chi lúc nào cũng nghĩ ngợi mông lung, tâm trạng cô không giống như bao nhiêu người khác có mặt trên tàu, bởi chuyến đi không có dự định gì cả. Cô tự hỏi khi tới nước ngoài rồi mình xin trở về Việt Nam hay xin tỵ nạn, vì đây là chuyến đi bất đắc dĩ? Nhưng về thì sẽ ra sao và xin đi tỵ nạn thì thế nào? Cô tự hỏi và tự trả lời luôn: Nếu về thì làm sao khỏi bị lôi thôi, ít nhất cũng phải trả lời với cơ quan an ninh chính quyền về chuyến vượt biên bất đắc dĩ này! Nhưng liệu người ta có tin lời nói của mình hay không? Dù đó là sự thật đi chăng nữa, nếu người ta không tin thì chắc chắn mình sẽ rơi vào vòng lao lý dễ như chơi!

Rồi nàng tự hỏi thêm nếu về thì có giúp ích gì được cho các trẻ mồ côi, để thực hiện lời trăng trối của người mẹ hiền không? Suy đi nghĩ lại nhiều lần, cuối cùng cô nhận thấy rằng nên xin tỵ nạn và với ý nguyện sẽ cố gắng làm việc, để một ngày mai kia trở về với phương tiện tiền bạc trong tay, thì công việc xã hội sẽ thực hiện không khó. Nghĩ thế cô quyết định: Xin tỵ nạn! Và đi nước nào cũng được! Lúc cập bến, được rất đông người vượt biên tới đảo từ trước ra tiếp đón niềm nở, trong đó có vài vị ni cô. Thấy Quỳnh Chi ăn mặc nâu sồng tuy rằng cô vẫn để tóc, các ni cô cũng đến hỏi han và sau khi xong thủ tục giấy tờ, cô được nhận vào ngôi chùa được thành lập trong trại tỵ nạn trên đảo. Thời gian ở trại tỵ nạn, hằng ngày cô có mặt trong chùa để làm các công việc Phật sự, xã hội qua hệ thống lãnh đạo của chùa, chứ không phải làm công việc thuần túy gõ mõ tụng kinh...

CHƯƠNG 8

TRỞ LẠI VIỆT NAM LẦN THỨ 3

Qua một nước khác có liên hệ ngoại giao với chính quyền Việt Nam, Bill được cấp chiếu khán cho đi du lịch “tham quan” các danh lam thắng cảnh ở Việt Nam, và đây là lần thứ ba chàng trở lại đất nước đã từng in sâu lăm kỷ niệm và nhiều lưu luyến này. Bill không thể không phập phồng lo sợ những đổi thay có thể xảy ra trong cuộc đời của người con gái mà chàng đã đem lòng yêu mến.

Trước tiên Bill nhắm vào xóm nhà lao động ở phía sau Sở Trường Tiền, Gia Định là nơi quen thuộc nhất! Xuống xe xích lô đạp ở đầu con hẻm khoảng 12 giờ trưa, cậu đi ngay vào trong xóm và nhận thấy con đường hẻm vẫn như cũ, nhà cửa hai bên cũng chẳng thay đổi bao nhiêu. Bill đi nhanh hơn và khi sắp đến cửa căn nhà từng quen mắt trước đây thì đôi chân tự nhiên chùn bước lại, bởi nhìn thấy mấy người trong nhà đều xa lạ, không quen biết bao giờ. Còn người con gái năm xưa và cha mẹ cô thì ở đâu chẳng thấy! Sự thế đã cho Bill biết Quỳnh Chi không còn ở đây, và linh tính như báo chắc có điều gì đã xảy ra cho gia đình nàng. Cậu hỏi thăm ông Sáu nhà ở bên cạnh:

- Thưa bác Sáu! Mạnh giỏi hả bác?

Một ông già khoảng tuổi ông Ký Thân, thấy cậu ông hơi ngạc nhiên:

- Ủa! Cậu Bill hả? Hôm nay cậu trở lại thăm Việt Nam à?

- Dạ! Cháu sang đây để thăm ông bà Ký Thân, cô Quỳnh Chi và luôn tiện thăm bác cùng bà con lối xóm.

Ông Sáu là bạn của ông Ký Thân, ông và Bill từng quen biết trước 1975 và thỉnh thoảng cũng có trò chuyện, do đó ông từng biết cậu nói tiếng Việt rất giỏi. Hôm nay gặp lại sau vài câu chào hỏi, nghe giọng nói của Bill không khác gì trước đây, ông

vui vẻ trả lời:

- Cám ơn cậu! Ông bà Ký Thân và cô Quỳnh Chi đi khỏi xóm này đã sáu năm nay rồi!

Câu nói của ông Sáu làm Bill lặng điếng người, cậu ráng bình tĩnh hỏi ông tiếp:

- Không còn ở đây! Vậy chứ đi đâu vậy bác?

- Sau “giải phóng” được hai ngày thì ông Ký Thân trả căn nhà này lại cho người ta và đi ở nơi khác rồi.

- Đi nơi khác rồi! Bill lập lại lời ông.

- Tôi với ổng là bạn từ lúc còn làm việc nhưng không hiểu sao từ ngày rời nơi đây, không thấy ổng trở lại thăm tôi và xóm này lần nào, mà cũng chẳng gặp ở đâu hết, hổng biết có còn mạnh giỏi hôn nữa!

- Chẳng lẽ dọn nhà đi mà không nói với bác lời nào!

- Tôi có thằng cháu ở ngoài Tam Quan, Bình Định, lúc miền Trung đi tản nó chạy vào đây trú ngụ tạm. Vừa “giải phóng” xong tôi đưa nó ra bến xe để về lại ngoài đó, chừng trở về nhà thì gia đình ông Ký Thân đã đi rồi.

- Bộ dọn nhà nhanh lắm hả bác?

- Có cái gì đâu mà không nhanh! Cô Quỳnh Chi gánh một cái gánh và ông bà Ký Thân thì mỗi người ôm vác một cái bao đồ đạc, còn bàn ghế và cái giường của chủ nhà cho mượn thì phải trả lại cho người ta.

- Rồi bác có nghe nói ông Ký Thân đi ở đâu không vậy bác?

- Thời gian sau nghe phong phanh ổng dời về Hốc Môn, vì có người gặp ổng ở trên miệt đó.

Bill hồi hộp hỏi liền:

- Về Hốc Môn à!

- Nghe họ nói như vậy thôi, chứ tôi không biết ở chỗ nào, mà cái ông này cũng tệ quá! Dời nhà rồi đi luôn không trở lại cho người ta biết ở đâu.

Ông Sáu hàng xóm nói như vậy cũng đúng, nhưng phần ông Ký Thân thì sở dĩ ông không trở lại xóm nhà cũ, vì lý do rui ai đó đâm thọc tại sao ông đang nghèo mà tự nhiên có nhà cửa đàn hoàng, mà trước đó nhà ông lại thường có người Mỹ lui tới nữa. Sau 30-4-75 không ít người bị tố vì tài sản, cũng như nhiều vấn

đề khác, nên ông lánh mặt luôn, không trở lại nơi ấy làm gì có thể bị điều tra phiền phức.

Riêng Bill nghe hai chữ Hốc Môn thì nghi có thể Quỳnh Chi đã về ở trên nhà đất do mình nhờ Sang mua lúc trước, nên trong bụng cũng hơi vui vui và sau khi biếu cho ông Sáu lảng giềng món quà nhỏ, cậu nói chuyện với ông thêm một lúc rồi từ giả đi ngay đến Hốc Môn. Đến nơi Bill không khỏi buồn trong lòng vì căn nhà giờ đây đã trở thành cửa hàng “Hợp Tác Xã”, một cơ quan của Nhà Nước, còn Quỳnh Chi cũng như ông bà Ký Thân thì chẳng thấy đâu hết!

Bill hỏi một bà đứng tuổi ở đối diện với căn nhà của mình:

- Thưa bác! Có phải cửa hàng hợp tác xã đó, trước là nhà của cô Quỳnh Chi không?

Bà này lấy làm lạ vì người ngoại quốc này biết nói tiếng Việt, nhưng bà cũng không thắc mắc và trả lời:

- Phải! Nhà đó là của cô Quỳnh Chi có chồng Mỹ, nhưng cổ không còn ở đây nữa.

- Cô Quỳnh Chi có chồng Mỹ!

Bill sững sốt kêu lên như thế và định hỏi bà Quỳnh Chi có chồng hồi nào và người Mỹ là ai? Còn đang ngơ ngác chưa hỏi được thì bà ta nói thêm liền:

- Nghe người ta nói như vậy chứ ở đây không ai thấy người chồng của cô Quỳnh Chi bao giờ!

- Vậy chứ chồng cổ ở đâu vậy bác?

- Lúc mới “giải phóng” cô Quỳnh Chi dời về đây ở độ một tháng, thì có người tố cáo cổ là phản động, từng cứu giúp một người Mỹ nào đó, nhưng trước Chính Quyền Ủy Ban cổ khai người đó là chồng, có nhân chứng đảng hoàng nên được tha.

- Có chuyện như thế à?

- Ở đây ai cũng biết chuyện đó hết và kẻ đi thưa thì bị đi cải tạo, bởi cổ khai người đó từng đi hỏi cưới nhưng cổ không chịu nên thù oán rồi đi tố cáo. Thiệt là đáng kiếp, đàn ông con trai gì mà hèn quá trời!

Bill nghe thế thì cũng rất mừng vì biết Quỳnh Chi đã khai mình là chồng, nhưng thắc mắc không hiểu ai đã làm chứng cho Quỳnh Chi có chồng Mỹ, cậu dự định hỏi nhưng rồi bà ấy cũng nói

luôn:

- Có mấy người trong cái ga ra sửa xe nào đó làm chứng, vì người ta đã từng chứng kiến việc gây gỗ của hai người, có liên quan đến việc cô Quỳnh Chi có chồng Mỹ.

Bill chăm chú nghe, bà này sẵn trốn nói luôn:

- Cô Quỳnh Chi khai như vậy và tên kia sau khi bị điều tra lại lòi ra thêm mấy tội khác nữa, nên bị đưa đi cải tạo ở xa lắm, nghe nói tới nay vẫn chưa về.

- Thì ra sự việc nó là như vậy!

- Rồi cũng nghe thiên hạ nói người chồng Mỹ của cổ bỏ rồi! Về xứ mất rồi, nên họ đem trầu rượu đi hỏi cưới nhưng cô ta không chịu.

Bill biết bà này nói thật và chàng cũng đã rõ sự việc trên, nhưng cậu cũng hỏi thử bà này một câu:

- Chồng Mỹ đã bỏ rồi, sao cổ không có chồng khác vậy bác?

- Ai mà biết được chuyện riêng của người ta, nhưng mà ở đây chẳng có cô nào đẹp như cổ đâu! Cha mẹ nào khéo sinh đứa con đẹp quá!

- Vậy hả bác? Cổ đẹp lắm à?

Bà hàng xóm nói thêm:

- Chẳng những đẹp mà tính nết nhu mì, hiền hậu lại thêm ăn nói rất dễ thương, báo hại những đứa con trai ở vùng này mê mệt “trồng cây si” hết, kể luôn thằng con trai của tôi nữa! Ủa, mà bộ cậu chưa từng thấy cổ lần nào sao lại không biết đẹp hay xấu?

- Dạ thưa, cháu biết cô ấy, nhưng mà lâu lắm rồi không có gặp. À! Sao cô Quỳnh Chi không còn ở trong nhà đó mà lại là cửa hàng hợp tác xã?

- Cổ ở đây lối 4 năm, rồi sau đó thì bỏ đi, tính đến nay đã hơn 2 năm rồi.

- Đã đi lâu như vậy mà chưa về à?

- Đúng như vậy đó! Vì bỏ đi nên nhà cửa mới thuộc về nhà nước, thiệt tiếc cho cổ hết sức, mấy chục cây cau sai trái ở vườn phía sau nhà cũng bị quản lý luôn!

- Nhà đất bị quản lý! Vậy chứ cổ đi đâu mà để như vậy và cha mẹ của cổ sao không trông nom giùm?

- Như vậy là cậu chưa biết gì hết, ông bà Ký Thân đã mất hết

rồi!

- Trời! Đã chết hết rồi!!!

- Phải, ông ấy chết trên một năm thì bà vợ cũng mất luôn, để lại nhà cửa lớn như vậy mà cô ta ở có một mình.

Bill bàng hoàng sửng sốt, cậu thần thờ một lúc không hỏi thêm gì được và đôi mắt gấn như muốn đắm lệt. Thật ra không riêng gì thương yêu Quỳnh Chi, cậu cũng rất quý mến ông bà Ký Thân như cha mẹ của mình vậy, cũng như hằng mong mỗi sẽ được nuôi dưỡng ông bà trong tuổi già.

Bill buồn rầu hỏi tiếp:

- Vậy chứ có ai biết cô ta đi đâu không vậy bác?

- Ở đây nghi cổ đi vượt biên, vì lúc này người ta bỏ nhà đi vượt biên nhiều lắm!

- Tại sao lại nghi cổ đi vượt biên? Có điểm nào để nghi như vậy?

- Sau khi bà mẹ mất mấy tháng thì cô Quỳnh Chi bỏ đi đến bây giờ chưa thấy trở về, trước khi đi cổ có gửi nhà cho tôi trông chừng giùm.

Bill hồi hộp hỏi nhanh:

- Nếu có nhờ bác trông chừng giùm, chắc thế nào cũng có nói với bác là đi đâu?

Bà hàng xóm nghe người ngoại quốc trẻ này hỏi thăm nãy giờ chỉ quanh quẩn vấn đề của Quỳnh Chi, thì nghĩ rằng chắc cậu ta cũng đã từng quen biết với gia đình cô ta. Có điều bà không rõ cậu ta là người nước nào? Liên Xô hay Mỹ mà nói tiếng Việt quá rành? Giọng nói chẳng khác chi người mình bao nhiêu, nhưng rồi bà cũng không thắc mắc làm chi và nói:

- Cậu nói tiếng Việt giỏi quá! Y như là người Việt Nam vậy, tiếp chuyện nãy giờ tôi biết ít nhiều gì cậu cũng có quen biết với gia đình cô Quỳnh Chi, thôi để tôi nói luôn cho cậu rõ.

- Cám ơn bác, cháu nghe.

- Lúc đó tôi hỏi thì cổ nói đi thăm bà ni sư nào đó ở cái chùa ngoài Long Hải, cổ còn nói rõ là chùa đó ở gần mé biển.

- Đi Long Hải! Chùa gần mé biển!

- Ồ! Mà còn nói thêm chỉ đi lối một hai tuần, vậy mà hơn hai năm nay vẫn chưa thấy về nên ai cũng nghi ngờ là cổ đi vượt biên.

- Có biết thêm gì nữa không xin bác nói hết cho cháu rõ luôn?
- Từ đó đến nay chẳng nghe ai nói có gặp cổ lằn nào, nên tôi chỉ biết bấy nhiêu đó thôi!

Bill buồn quá vì bà hàng xóm chỉ nói tổng quát sơ qua mà thôi, nhưng có còn hơn không, biết thêm được chút ít tin tức cũng là tốt rồi, chàng cảm ơn rồi chào từ giã bà để tiếp tục đi. Trên đường rời khỏi Hốc Môn, Bill hình dung đến một ngôi chùa rất đẹp ở bãi biển Long Hải, mà trước 1975 lúc trở lại Việt Nam để tìm kiếm Quỳnh Chi chàng đã đến đó một lần. Bill nóng lòng muốn đi Long Hải ngay nhưng thấy đã hơn 3 giờ chiều rồi, nếu đi kịp đến Long Hải cũng sau mặt trời lặn không thể hỏi thăm gì được, nên đành trở lại khách sạn ở Sài Gòn. Trần trọc suốt đêm chỉ ngủ được chút ít, trông cho trời mau sáng để đi Long Hải hỏi thăm tiếp. Mới 4 giờ khuya đèn đường còn sáng, cậu đã ra bến xe đi Vũng Tàu, Bà Rịa và có mặt ở bãi biển Long Hải lúc 10 giờ trưa.

Đi thẳng lên chùa Dinh Cố gặp Ni sư Như Liên, Bill chấp tay cung kính:

- Kính thưa Ni sư.

Thấy có khách ngoại quốc đến chùa, Ni sư chấp tay lại và thấy người này còn trẻ lại nói tiếng Việt nên bà gọi bằng cậu:

- Mô Phật! Thưa cậu đến viếng chùa à?

- Dạ! Xin Ni sư vui lòng cho con hỏi thăm.

- Cửa từ bi lúc nào cũng mở rộng giúp khách thập phương, cậu muốn hỏi thăm điều chi xin cứ nói.

- Thưa Ni sư! Con có người bạn gái tên Quỳnh Chi, quen biết trước năm 1975 và...

Nghe đến tên Quỳnh Chi Ni sư Như Liên quá hồi hộp nên dù Bill chưa nói dứt câu, bà hỏi liền:

- Cậu có quen với Quỳnh Chi?

Phần Bill thấy mình mới vừa nói tới tên Quỳnh Chi thì bà hỏi lại liền, cậu cũng hồi hộp không kém và nghĩ ngay có thể bà ni sư này có liên hệ với Quỳnh Chi, hay ít nhiều gì cũng có biết đến cô ta, cậu nói:

- Thưa phải! Con là người Mỹ, trước đây đã từng có quen biết với cô Quỳnh Chi một thời gian, lúc cổ ở xóm sau Sở Trường

Tiền, Gia Định. Sáu năm nay không gặp lại, hôm nay con đi du lịch sang Việt Nam đến nhà thăm cô ở Hóc Môn, thì người lối xóm nói lại cô đi Long Hải...

Bill nói đến đây vị ni sư gần như muốn khóc, thấy vậy cậu ngưng lại chờ xem thì Ni sư Như Liên gật đầu:

- Phải! Nó có đến thăm Ni sư.

Vừa nghe bà xác nhận, Bill giật mình hỏi thêm ngay:

- Quỳnh Chi có đến đây! Rồi bây giờ cô ở đâu vậy ni sư?

Câu hỏi của Bill làm ni sư xúc động, đôi mắt hiền hòa của vị tu hành không cầm được giọt lệ, khiến cậu dừng lại chưa dám nói tiếp. Riêng Ni sư Như Liên thấy người Mỹ này nói tiếng Việt quá rõ, mà lời đối đáp lại rất lễ phép, nên liền tưởng ngay đến lời kể lại của Quỳnh Chi và hơi nghi ngờ không biết người Mỹ này có liên quan gì đến câu chuyện mà cô từng kể cho bà nghe trong đêm cô ngủ tại chùa Dinh Cố này không? Bà cố dẫn cơn xúc động và gắng gượng nói:

- Quỳnh Chi nó có đến đây thăm Ni sư cách nay hơn hai năm, rồi...

- Rồi sao? Bill hỏi nhanh.

- Rồi tự nhiên mất tích luôn sau một buổi chiều...

- Mất tích luôn!

Bill điếng hồn đứng chết lặng, một lúc lâu sau mới hỏi tiếp được:

- Tại sao lại mất tích? Thưa Ni sư.

- Sau khi thân mẫu của nó mất vài tháng, vì nhớ lời trăng trối nên từ Hóc Môn nó ra đây thăm...

Rồi người sư nữ phúc hậu này kể lại cho Bill nghe tất cả sự việc, kể từ lúc Quỳnh Chi đến thăm và dự trù một hai tuần sẽ về để đi viếng một cô nhi viện nào đó, nhưng mới chỉ ở đây một ngày thì cô ta xin phép đi dạo chơi cho biết biển Long Hải. Trước khi Quỳnh Chi đi, bà cũng có căn dặn hãy về sớm, nhưng chờ đến tối không thấy về, và mãi luôn đến ngày nay vẫn chưa có một tin tức nào hết!

Nói đến đây ni sư phải ngừng lại để lau những giọt nước mắt không cầm được đã rơi xuống. Bill nghe tin trên đầu đốn trong lòng, mặt mày rũ rượi, cậu nhăn mặt hỏi:

- Cổ chỉ xin đi dạo bãi biển thôi, hay là có đi đâu nữa vậy Ni sư?
- Nghe người ta nói lại là chiều hôm bữa đó, có người thấy nó ngồi trên tảng đá gần bờ biển, đến xế chiều mặt trời xuống thấp vẫn còn ngồi.

- Không lẽ đi tắm biển rồi bị nước cuốn luôn?

- Đó cũng là một giả thuyết, nhưng hằng ngày hỏi thăm dân đi đánh cá thì họ nói suốt tuần không thấy xác ai cả, vì thông thường người chết đuối sau 3 ngày xác sẽ nổi lên.

- Vậy là thế nào! Bill tức tối.

- Cũng có nhiều người nói có thể là nó đi vượt biên.

- Đi vượt biên!

Nghe câu này trùng hợp với lời của bà hàng xóm ở Hốc Môn, Bill phập phồng trong bụng hỏi tiếp liền:

- Có điểm nào nghi ngờ là cổ đi vượt biên không vậy Ni sư?

- Họ nói như vậy vì bữa chiều tối hôm nó mất tích, có một chiếc tàu vượt biên cập bãi gần đây. Rồi người ta nói thêm chắc nó có hẹn trước nên ra đây để đi cho tiện.

Bill vỗ trán suy nghĩ rồi nói:

- Không lẽ Quỳnh Chi đi vượt biên!

- Người ta nói như vậy đó, nhưng họ nói thì nói chứ Ni sư không tin, bởi với ai thì còn giấu diếm, chứ còn đối với Ni sư thì Quỳnh Chi xem như mẹ, ngược lại Ni sư coi nó như con.

- Vậy trước khi đi, Ni sư có thấy cổ chuẩn bị gì không?

- Nó không có chuẩn bị gì hết, chỉ mặc bộ đồ cô vải trong người, ngay cả cái túi xách đựng đồ đạc cũng còn để nguyên ở đây.

- Quỳnh Chi có thân nhân hoặc quen ai ở nước ngoài không vậy Ni sư?

- Không có quen ai hết! Nhưng có một điều nó kể lại trong đêm ngủ tại chùa này là...

Ni sư Như Liên ngập ngừng chưa muốn nói, bà không biết có nên thuật lại câu chuyện mà Quỳnh Chi đã kể lại với bà trong đêm cô ngủ tại chùa, cho người Mỹ này nghe hay không, thì Bill vì quá sốt ruột cậu nói liền:

- Quỳnh Chi đã kể lại điều chi xin Ni sư vui lòng nói rõ cho con, vì con rất cần biết những gì Quỳnh Chi tiết lộ để hy vọng tìm cho ra tung tích.

Thấy Bill ăn nói thiệt tình, tư cách lễ độ và đối đáp rành rẽ tiếng Việt, hơn nữa cậu ta lại đang đi tìm Quỳnh Chi, đó cũng là điều bà mong muốn từ 2 năm nay. Biết đâu nói ra sẽ có lợi cho việc tìm kiếm, nên không còn ngần ngại, bà nói:

- Nghe nó kể lại là trong sự tình cờ nó cứu giúp một người Mỹ nào đó bị thương, và che chở cho đến khi được rời khỏi vùng bất an ninh. Rồi sau đó cậu ta đem lòng thương yêu nó, cha mẹ cũng đồng ý và sắp sửa cưới hỏi, nhưng lúc ấy chiến sự ác liệt, chưa gì hết thì cậu đó phải về Mỹ luôn.

Biết vị ni sư đang nói về mình, Bill im lặng lắng nghe, cậu rơi nước mắt và nhớ thương Quỳnh Chi vô hạn, thấy thế bà hỏi:

- Cậu có liên quan gì đến người Mỹ tôi vừa nói không, mà vừa nghe kể qua cậu lại khóc?

Bill lau nước mắt và nói trong thốn thức:

- Người Mỹ ấy chính là con đây Ni sư à!

Nãy giờ nghi ngờ nhiều, giờ đây cậu Mỹ trẻ này xác nhận chính cậu ta là người mà Quỳnh Chi từng kể, bà thở ra:

- Hèn gì! Từ lúc mới nghe cậu nói tiếng Việt, ni sư cũng nghi lắm nhưng đâu dám hỏi, như vậy thì chính cậu đây cũng không biết tin tức nào hết của con Quỳnh Chi.

Ngưng lại một chút, bà thở dài rồi nói tiếp:

- Á hà! Thật là tội nghiệp cho cả hai, đứa thì mất tích, người thì đi tìm kiếm.

Bill nghẹn ngào:

- Như vậy thì con còn biết đi tìm Quỳnh Chi ở đâu bây giờ!

Bill chán nản nói như thế, Ni sư Như Liên thốt lên lời của bậc chân tu đã từng khuyên qua nhiều người để an ủi cậu:

- Buồn nhiều cũng vậy chứ chẳng biết làm sao hơn! Thôi xin mời cậu vào chùa lạy Phật cầu nguyện, nếu sống thì sẽ có ngày gặp lại, còn như vô phước thì xin Đức Phật cứu độ cho nó được siêu thăng.

Bill đi theo ni sư vào chùa lạy Phật...

Sau đó bà dẫn Bill đến phía sau hậu điện và vào trong lấy cái túi xách tay đem ra. Bill chỉ nhìn sơ qua cũng đủ biết là của Quỳnh Chi rồi, bởi cái túi này chính là cái xách tay cậu mang từ Mỹ sang và đã tặng lại cho Quỳnh Chi, trong thời gian cậu thường

xuyên đến nhà cô, Bill nói liền:

- Thưa Ni sư cái túi này đúng là của Quỳnh Chi đó, chính do con đã tặng cho nàng và có ghi tên “Bill” ở bên trong.

Ni sư mở ra xem thử thì đúng như lời Bill nói và sẵn đó bà lấy luôn ra 3 bộ đồ ngắn, một số ít đồ dùng của phụ nữ, vài chiếc khăn màu đọt chuối và cái bóp nhỏ đựng xấp hình có hơn 10 tấm của Quỳnh Chi và cha mẹ cô. Bà đem tất cả để trên bộ ván, đồng thời kể thêm những gì mà Quỳnh Chi tiết lộ trong đêm đầu tiên, cũng là đêm cuối cùng cô ngủ tại ngôi chùa này.

Nghe kể lại sự việc cũng như nhìn thấy những vật trong túi xách của Quỳnh Chi, giọt lệ Bill tuôn dài, cậu khóc mùi mẫn và móc chiếc khăn tay màu đọt chuối đã cũ hơn trong túi của mình cho ni sư xem, cậu nói:

- Chiếc khăn này là của Quỳnh Chi băng bó vết thương cho con, lúc bị thương nằm trong bụi chuối đó!

Ni sư Như Liên thuyết giảng một câu của nhà Phật cho Bill bớt bi lụy:

- Mô Phật! Thôi cậu đừng buồn nữa, tất cả mọi người trên cõi đời này đều có căn số cả, Ni sư tin tưởng rằng con người lương thiện thì sớm muộn gì cũng qua cơn khổ ải. Khi xưa Đức Phật còn phải mang tám nạn, thì người đời đang hụp lặn trong “Biển Trầm Luân” thử hỏi làm sao khỏi đấng cay chua xót! Ni sư cầu mong sau cơn mưa trời lại sáng...

Một lúc sau dòng nước mắt đã ngưng lại, Bill nói:

- Ni sư có thể trao chiếc túi này cho con giữ, nếu ngày nào đó gặp được Quỳnh Chi, con sẽ trao lại cho nàng. Còn như vô phước không gặp được nữa thì những kỷ vật này nó cũng là nguồn an ủi của con vậy!

Bà bỏ tất cả đồ dùng của Quỳnh Chi trở lại và trao túi xách cho Bill:

- Đã đúng là cậu rồi thì Ni sư trao lại chứ giữ làm chi!

Bằng hai tay run run Bill nhận chiếc túi, Ni sư Như Liên bùi ngùi cảm động, bà nói tiếp:

- Mong rằng con nhỏ đó nó sẽ còn sống mạnh giỏi trên thế gian và sớm gặp lại cậu.

Rồi bà mời Bill chờ ăn cơm trưa, đồng thời kể lại một vài kỷ

niệm của bà và bà Ký Thân lúc hai người còn ở viện mồ côi. Bà cũng nói thêm Quỳnh Chi là con cầu tự nên phải nhận lấy nhiều gian nan khổ khổ!

Xế chiều hôm ấy Bill từ già ra về, sau khi đã cúng dường tam bảo để sửa sang tu bổ thêm ngôi chùa, mà đối với Quỳnh Chi như có gắn liền với những đổi thay của định mạng...

Đầu mỗi đi tìm người yêu bị đứt tại đây, Bill buồn rầu tìm kiếm thêm một thời gian nữa, những nơi mà chàng biết trước đây Quỳnh Chi từng có mặt như: Tân Định, Hàng Xanh, Bà Chiểu, Gò Chai, Hốc Môn v.v... nhưng không có thêm được một tin tức nào thì đã hết thời hạn chiếu khán, chàng phải rời Việt Nam. Đến phi cảng Tân Sơn Nhất, Bill nhớ lại trong một ngày cuối tháng 4-1975 chàng rời nơi đây được Quỳnh Chi tiễn đưa, nhưng lần này thì chẳng ai đưa tiễn! Hương vị của chiếc hôn Quỳnh Chi đã cho chàng như còn phảng phất đâu đây. Bill lặng lẽ cúi đầu bước lên máy bay, không dám nhìn lại cảnh cũ đã từng in sâu vào tâm não chàng trong suốt thời gian dài hơn sáu năm qua...

(còn tiếp)

(Tiếp theo từ trang 49: Tam Lập trong Đạo Cao-Đài)

Phụ Chú:

¹ Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp ngày 17-4 Tân mao (1951)

³ Lão Tử Đạo-Đức Kinh, Nguyễn Hiến Lê, nhà xuất bản Văn Hoá 1994, chương 38 Thiên Hạ, trang 221.

⁴ Lão Tử Đạo-Đức Kinh, Nguyễn Hiến Lê, Nhà Xuất Bản Văn Hoá 1994, chương 68 trang 260.

⁶ Đức Cao Thượng Sanh, trích Thông tin số 24 ngày 21-03-1971.

⁷ Theo sưu khảo của Tác giả Đức Nguyên (Cao Đài Tự Điển).

⁹ Lão Tử Đạo-Đức Kinh, quyển 2, Hạo Nhiên Nghiêm Toản, nhà xuất bản Khai Trí Sài Gòn 1972, trang 298

¹⁰ Trích lời Thuyết Đạo của Đức Hộ-Pháp ngày 19-04 Tân Mão, 1951

¹¹ Trích

“Trung Dung, con đường huyền nhiệm” của Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ.



DENTAL P.C

SANDY

1672 Mc Kee Road, San Jose, CA 95116.
(Góc Mc Kee & Mc Donald giữa 101 & đường King)

Điện thoại: (408)-272-3999.

Fax:(408)-272-2202. Email: SandyDental@aol.com

Sandy Dental P.C. hệ thống nha khoa Việt Nam hoạt động tại nhiều tiểu bang và được sự tín nhiệm của đông đảo đồng bào từ năm 1987, có nhiều Bác-Sĩ Nha Khoa Việt Nam trên 10 năm kinh -nghiệm điều hành.

Địa điểm thuận tiện trung tâm thành phố San Jose gần Fwy 101, 280, 680 tọa lạc giữa một vườn cây khu thị tứ, có đường & parking rộng rãi.

Trang thiết bị tối tân & vệ sinh tối đa.

Nước dùng thật tinh khiết.

Một **bộ dụng cụ riêng** cho mỗi bệnh nhân.

Đặc biệt:

Pokémon Game cho trẻ em & TV cable

Tẩy trắng răng thật đẹp chỉ \$75.00

Thay các trám chỉ để hợp màu với răng.

Giá cả nhẹ nhàng, uy tín, kỹ thuật cao cùng với tinh thần nghệ thuật và tình cảm.

Giếp nối ân cần, khung cảnh trang nhã .

Có vườn cây suối nước, cá vàng và nhạc êm dịu.

Nếu đã trên 6 tháng má quý vị chưa đi làm sạch răng ,
hãy đến với Sandy Dental để có một hàm răng trắng đẹp và một nụ cười thật duyên dáng.



**NHẬN MEDI-CAL
BẢO HIỂM
VISA- MASTER CARD**

Sandy Dental P.C

1672 Mc Kee Rd, San Jose, CA 95116
(408-272-3999)

COUPON

Tẩy Trắng Răng \$75
Tooth Whitening Giá bình thường \$300

Sandy Dental P.C

1672 Mc Kee Rd, San Jose, CA 95116
(408-272-3999)


COUPON \$25

**Khám Tổng Quát - X Ray
Làm Sạch Răng - Cleaning**

MUA BÁN NHÀ ĐẤT VAY MƯỢN NỢ

Trân trọng giới thiệu đồng đạo và thân hữu:
1-Vùng Bắc California

TUONG PHAM (Phạm Bằng Tường)
REALTOR & LOAN OFFICER

HILLSDALE PROPERTIES


920 Hillview Ct. Suite 180
Milpitas, CA 95035
Office: 408-263-4801
Office: 510-651-1416
Fax: 408-263-9452
Cell: 408-375-8611
Home: 408-365-0618

2-Vùng Nam California

Century 21
All Stars

8682 Beach Blvd., Suite 200
Buena Park, California 90620
Business (714) 226-9696
Fax (714) 226-9595
Cell (714) 863-5696
E-Mail thai-chuong@yahoo.com
Web Site www.c21allstarhomes.com

Each Office is Independently Owned And Operated 

Chuong Thai 
Sales Associate

 **MLS**



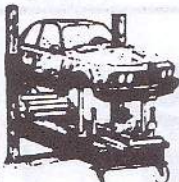
CENTURY COLLISION & SERVICE CENTER

"Your Complete Auto Body & Service Center"

60 Stockton Avenue • San Jose, CA 95126

Tel: (408) 288-8856

Fax: (408) 288-8855



**CHUYÊN SỬA CHỮA, SƠN, LÀM ĐỒNG
CÁC LOẠI XE MỸ VÀ NGOẠI QUỐC**

AUTO BODY SHOP:

- Làm đồng
- Kéo sườn
- Sơn
- Thay kiếng
- Bọc nệm, thảm

*

ĐẶC BIỆT: CÔ PHÒNG SƠN
HẤP VÀ MÁY MÓC. DÙNG CỤ
DÙNG TIÊU CHUẨN.

AUTO REPAIR:

- Rebuilt máy, Carburetor, Transmission
- Tune Up
- Làm thắng, tiện đĩa
- Hệ thống điện, máy lạnh, máy sưởi.
- Thay nhớt (máy & hộp số)
- Có bán và xe cũ, và lốp xe.
- Balance bánh xe bằng computer.

MUFFLER

(ống bô)

CÓ HÀN, THAY GẮN

Muffler (ống bô)

các loại xe Mỹ

và Ngoại Quốc

Cung Chúc



★ **ĐẶC BIỆT:** Tân Xuân

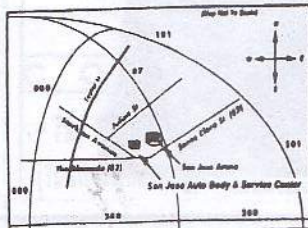
• SMOG CHECK, BRAKE + LAMP CHECK STATION

• 4 WHEEL ALIGNMENT

• NHẬN DỊP XUÂN VÉ BỐT 10%

- Bớt Deductible tùy theo job
- Kéo xe miễn phí

- Tiền công được bớt tối đa cho quý khách
- Nhận Visa - Mastercard



TIÊU CHUẨN:

- TÍN NHIỆM
- KỸ LƯỜNG
- THÀNH THẬT
- GIÁ PHẢI CHẴNG

VIỆC LÀM BẢO ĐẢM 6 THÁNG HOẶC 6,000 MILES

Mở cửa 6 ngày trong tuần

Từ 9 AM - 6 PM

Nghỉ ngày Chủ Nhật

*Chủ Nhân
Kính Mời*



NORTH JACKSON DENTAL GROUP

NGUYỄN HỮU TUỜNG, D.D.S. & TÔ MỸ HUỆ, D.D.S



Tel. 408. 923. 8272

125 N. Jackson Ave, Ste 104 San Jose, CA 95116

(Cạnh Alexian Brothers Hospital, giữa Alum Rock Ave và McKee Ave.)

- Tốt nghiệp bác sĩ Nha khoa tại University of the Pacific, San Francisco.
- Tốt nghiệp ưu hạng và được tuyển chọn vào hội danh dự Nha khoa toàn quốc.
- Được giải thưởng xuất sắc về làm răng giả các loại.
- Được giải thưởng xuất sắc về chăm sóc nha khoa toàn diện.
- Được giải thưởng về "Need, character, and scholarship"
- Tẩy trắng răng (In Office Bleaching) tại chỗ, hiệu quả nhanh chóng
- Có máy Laser trị ê răng rất hiệu quả và trám răng không cần gây tê.
- Có máy Digital X-Ray, chụp bằng computer, giảm tia quang tuyến
- Có Intra Oral, chụp hình màu trong miệng thấy rõ những gì cần phải làm
- Niềng răng bằng Invisalign trong suốt không cần đeo Braces
- Làm răng giả loại mềm (Flexible Denture) không thấy kim loại
- Có máy CEREC, làm Crown tại chỗ, chỉ trong 1 lần hẹn

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai - Thứ Bảy

9AM - 6 PM

KÍNH BIỂU



TẬP SAN THẾ ĐẠO
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Điện thoại/ hoặc Fax : 408-238-6547